



Đại tướng
VÕ NGUYỄN GIÁP

TÔNG HÀNH DINH

TRONG MÙA XUÂN TOÀN THẮNG

HỒI ỨC

PHẠM CHÍ NHÂN thể hiện



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

TỔNG HÀNH DINH
TRONG MÙA XUÂN
TOÀN THẮNG
HỒI ỨC

PHẠM CHÍ NHÂN thể hiện

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Võ Nguyên Giáp

Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng: Hồi ức / Võ Nguyên Giáp ; Phạm Chí Nhân thể hiện. - Xuất bản lần thứ 9. - H. : Chính trị quốc gia, 2021. - 368tr. ; 21cm

ISBN 9786045766941

1. Lịch sử 2. Kháng chiến chống Mỹ 3. Tổng tiến công mùa Xuân 1975 4. Việt Nam 5. Hồi ức
959.7043 - dc23

CTM0445p-CIP

Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**

TỔNG HÀNH DINH
TRONG MÙA XUÂN
TOÀN THẮNG
HỒI ỨC

PHẠM CHÍ NHÂN thể hiện

(Xuất bản lần thứ chín)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

Cảm ơn các đồng chí: Đại tá Phạm Chí Nhân, nguyên Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn đã sưu tầm tư liệu và thể hiện; Trung tướng, Phó Giáo sư Lê Hữu Đức, nguyên Cục trưởng Cục Tác chiến; Trung tướng, Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Trình, nguyên Chánh Văn phòng Quân ủy và Bộ Quốc phòng; Thiếu tướng, Phó Giáo sư Cao Pha, nguyên Phó Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam; Đại tá Nguyễn Văn Hiếu, nguyên Chánh Văn phòng Tổng Quân ủy và Bộ Quốc phòng; Đại tá, Giáo sư Ngô Vi Thiện, nguyên Trưởng ban Khoa học Tổng cục Hậu cần; Đại tá, Tiến sĩ Trần Độ, nguyên cán bộ Cục Tác chiến; Đại tá Nghiêm Xuân Hiếu, nguyên Trưởng phòng 76 Cục Quân báo; Đại tá Phan Văn Cẩn, nguyên Phó phòng Tác chiến Cục Tác chiến; Đại tá Hoàng Minh Phương, nguyên Trưởng khoa Lý luận Viện Khoa học quân sự Bộ Quốc phòng; Đại tá Nguyễn Huyền; Đại tá Nguyễn Tâm; Đại tá Trịnh Nguyên Huân và nhiều đồng chí khác đã góp ý kiến và tư liệu. Cảm ơn Viện Bảo tàng Lịch sử quân sự, Tổng cục Địa chính - Nhà xuất bản Bản đồ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã nhiệt tình giúp đỡ trong việc hoàn thành và xuất bản cuốn sách này.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Năm tháng qua đi, nhưng ký ức chiến tranh, với những chiến thắng hào hùng và sự hy sinh vô bờ bến của dân tộc chống lại kẻ thù xâm lược và bè lũ tay sai vẫn tươi rói, vẹn nguyên trong tâm khảm những người trong cuộc - vừa là nhân chứng lịch sử, vừa góp phần làm nên chiến thắng.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước suốt 21 năm ròng rã, kết thúc cuộc trường chinh 30 năm không nghỉ vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, nhiều tướng lĩnh, sĩ quan dày dạn trận mạc, rất tài năng của quân đội ta đã hồi tưởng lại những năm tháng gian khổ và oanh liệt đã qua, viết một số cuốn hồi ký đáng chú ý. Đặc biệt phải kể đến *Đại thắng mùa xuân* của Đại tướng Văn Tiến Dũng, *Những năm tháng quyết định* của Đại tướng Hoàng Văn Thái, *Chiến dịch Tây Nguyên đại thắng* của Thượng tướng Hoàng Minh Thảo... Những cuốn sách ấy đã từng được bạn đọc đón đợi, góp phần không nhỏ làm sáng tỏ một giai đoạn lịch sử hùng tráng nhất của dân tộc.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, liên tục trong một thời gian dài được Đảng và Bác Hồ phân công phụ trách quân sự, được các thế hệ tướng lĩnh,

sĩ quan và chiến sĩ triu mến gọi là *người Anh Cả của quân đội*. Sau khi thôi giữ những trọng trách của đất nước, Đại tướng dành nhiều thời gian chuyên tâm nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và viết một số cuốn hồi ức.

Sự trần trở về dân tộc vĩ đại, Đảng quang vinh, quân đội anh hùng, nhớ lại sự chỉ đạo rất nhạy bén, sáng suốt của Bộ thống soái tối cao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở giai đoạn cuối cùng, đã thôi thúc ông viết cuốn hồi tưởng: ***Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng***. Cuốn sách được khởi thảo và chuẩn bị trong nhiều năm với sự cộng tác nhiệt tâm của một số cán bộ quân sự từng công tác tại Bộ Quốc phòng.

Với mười chương sách, ông dành chín chương viết về các sự kiện lịch sử lớn và chương cuối cùng trình bày những điều tâm huyết, đúc kết cuộc đời cầm quân quang vinh của mình qua những năm tháng khốc liệt của chiến tranh.

Ở đây ông hồi tưởng lại những quyết sách chiến lược của tập thể Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh - Bộ thống soái tối cao - từ việc hoạch định chính sách đến việc chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện ở chiến trường và huy động sức mạnh của cả dân tộc nhanh chóng kết thúc chiến tranh một cách có lợi nhất. Trí tuệ của một tập thể tài năng thuộc lớp cận vệ đầu tiên chói sáng ở thời điểm lịch sử quyết định dẫn dắt dân tộc ta đi đến đích vinh quang. Với bản tính điềm đạm và đôn hậu vốn có, ông viết về các nhà lãnh đạo, các tướng lĩnh, sĩ quan từ Tổng hành dinh đến những nhà lãnh đạo các chiến trường - những người đồng chí, đồng đội - một cách thân thiết, chân thành, hết sức trân trọng.

Mọi quyết sách lớn là sản phẩm trí tuệ của một tập thể tài năng, đồng thời đó còn là tài năng của cá nhân các nhà lãnh đạo.

Các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng...; các tướng lĩnh như Văn Tiến Dũng, Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Lê Đức Anh, Chu Huy Mân, Hoàng Minh Thảo, Vương Thừa Vũ, Trần Văn Trà... luôn được ông trân trọng nhắc đến.

Mặc dù viết về mùa Xuân toàn thắng - mùa Xuân 1975 lịch sử, nhưng đây là dịp ông muốn trở lại những sự kiện từ tháng 12/1972. Đó là vì muốn thương lượng và kết thúc chiến tranh trên thế mạnh, Mỹ đã tráo trở, dùng máy bay chiến lược B52 mở chiến dịch tập kích vào Hà Nội và Hải Phòng, như một canh bạc cuối cùng, hòng khuất phục dân tộc ta. Cảnh giác cao độ, được sự chỉ đạo nhạy bén, sáng suốt của Bộ thống soái tối cao, sự chiến đấu kiên cường với bản lĩnh, trí tuệ và khí phách Việt Nam, quân và dân ta đã đập tan cuộc tập kích chiến lược này, buộc đế quốc Mỹ phải ký *Hiệp định Pari*, rút hết quân chiến đấu, kể cả quân của các nước phụ thuộc về nước. Mỹ đã cút, nguy ất phải nhào.

Sau Hiệp định Pari, hai khả năng để thống nhất đất nước có thể diễn ra. Khả năng thứ nhất, dịch tôn trọng Hiệp định, thành lập được chính phủ ba thành phần ở miền Nam Việt Nam, chúng ta sẽ thống nhất Tổ quốc trong hòa bình; thứ hai, nếu địch gây chiến, xé bỏ Hiệp định thì ta phải dùng bạo lực cách mạng để quét sạch chúng, thu giang sơn về một mối. Thực tế chiến trường chỉ diễn ra khả năng thứ hai. Từ đây những ý đồ chiến lược của Bộ thống soái tối cao và ở chiến trường được đề xuất, trở thành những quyết sách chiến lược của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Sự ra đời của Nghị quyết 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các nghị quyết của Bộ Chính trị, của Quân ủy Trung ương cùng các mệnh lệnh, chỉ thị

từ Bộ thống soái tối cao đã chỉ đạo chiến trường xốc tới, nhanh chóng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đọc những trang hồi ức hấp dẫn của người trong cuộc, ta thấy rõ bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam ở những thời điểm lịch sử quyết định: nhảy bén, sáng tạo, quyết đoán, nắm bắt thời cơ và tạo ra thời cơ lớn, nỗ lực cao độ để quét sạch quân thù.

Tháng 4/2000, nhân kỷ niệm 25 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, khi ấy bước vào tuổi 90 nhưng còn rất minh mẫn, Đại tướng cho công bố lần đầu tiên cuốn hồi ức này và từ đó đến nay cuốn sách đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản nhiều lần, đáp ứng phần nào kỳ vọng của đông đảo bạn đọc, nhất là những người trong cuộc.

Qua mỗi lần xuất bản, cuốn sách được tác giả chỉnh sửa một số sự kiện cho chuẩn xác hơn. Đặc biệt ở lần xuất bản năm 2005, nhân kỷ niệm 30 năm ngày toàn thắng (30/4/1975 – 30/4/2005), tác giả bổ sung thêm *Lời nói đầu* gồm 2 trang.

Ngày 4/10/2013, trái tim lớn của vị tướng huyền thoại của dân tộc và thời đại đã ngừng đập. Cả đất nước và bạn bè quốc tế đau buồn tiễn đưa ông về đất mẹ, về với Bác Hồ, về với đồng chí, đồng đội đã ngã xuống của ông. Nhân kỷ niệm 110 năm ngày sinh Đại tướng (25/8/1911 – 25/8/2021), đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản lần thứ chín cuốn sách ***Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng***.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một mốc son chói lọi.

Với thắng lợi vĩ đại ấy, quân và dân ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, kết thúc cuộc kháng chiến 30 năm thắng hai “đế quốc to”, giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, thống nhất nước nhà. Đây là cuộc kháng chiến lâu dài nhất, quyết liệt nhất, oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Thắng lợi ấy đã chấm dứt ách thống trị của thực dân, đế quốc hơn 100 năm trên đất nước ta. Tổ quốc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi lịch sử ấy bắt nguồn từ đường lối cách mạng, đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ tinh thần đoàn kết chiến đấu, anh dũng bất khuất của toàn dân, toàn quân, gắn liền với sự lãnh đạo và điều hành trực tiếp của Bộ thống soái tối cao: Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh trong quá trình kháng chiến.

Mùa Xuân 1975, tại Tổng hành dinh trong thành cổ Hà Nội, Bộ thống soái tối cao đã làm việc khẩn trương,

liên tục, tập trung trí tuệ, tài năng ra những quyết định, kế hoạch chiến lược, chiến dịch, những mệnh lệnh, chỉ thị cho quân và dân cả nước, biến các nghị quyết của Đảng thành sức mạnh chiến đấu và chiến thắng trên các mặt trận. Cũng tại đây, các cơ quan của Tổng hành dinh: Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật đã phát huy năng lực và kinh nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ, cùng với các cơ quan của Đảng và Nhà nước giúp Bộ thống soái tối cao, góp phần vào thắng lợi chung.

Nhân kỷ niệm 30 năm ngày toàn thắng (30/4/1975 – 30/4/2005), cuốn sách ***Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*** muốn nói lên nhãn quan chiến lược, sự sáng suốt và nhạy bén, tinh thần quyết đoán của Bộ thống soái tối cao, đặc biệt trong những thời cơ lớn, cũng như tinh thần làm việc toàn tâm, toàn ý, mưu trí, sáng tạo của các cơ quan Tổng hành dinh.

Mong rằng những trang hồi ức này sẽ làm rõ thêm vai trò chiến lược có ý nghĩa quyết định thắng lợi của Bộ thống soái tối cao trong mùa Xuân lịch sử.

TÁC GIẢ

Chương I

TRẦN "DIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG"

Hà Nội, tháng 12/1972.

Nhiệt độ xuống thấp hơn mọi năm. Cái rét mùa đông cộng vào cái vắng lặng của ba mươi sáu phố phường vừa được lệnh triệt để sơ tán, càng làm cho thời tiết thêm giá buốt.

Cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ở Pari, thủ đô nước Pháp, đang ở bước gay go. Sau những tháng ráo riết vận động bầu cử với trò “ngoại giao con thoi” và lời hứa mang lại hòa bình, Níchxơn ở lại Nhà Trắng nhiệm kỳ hai. Ở Sài Gòn, ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu run sợ trước những điều khoản bất lợi cho chúng trong thỏa thuận giữa ta và Mỹ ngày 18/10/1972, phản ứng quyết liệt với chủ Mỹ.

Các cuộc họp giữa các bên cuối tháng 11 và đầu tháng 12 không đạt kết quả nào. Trong thời gian này, Mỹ cấp tốc vận chuyển cho Thiệu một khối lượng vũ khí và phương tiện chiến tranh bằng cả một năm trước đó.

Để xoa dịu Thiệu và mặc cả với ta, Níchxơn trở mặt, ngang ngược đòi sửa đổi nhiều điều khoản trong bản dự

thảo hiệp định, lúc này tưởng chừng sắp được ký kết sau hơn ba năm đàm phán tại Trung tâm Hội nghị quốc tế trên đại lộ Klêbe.

Tất nhiên, ta không chấp nhận.

Tình hình rất khẩn trương. Đã mấy ngày liền, anh Văn Tiến Dũng và tôi thường về nhà muộn, có khi ở lại Tổng hành dinh làm việc đến tận nửa đêm.

Diễn biến trên mặt trận ngoại giao dự báo sẽ có những diễn biến mới trên mặt trận quân sự. Chúng tôi chỉ thị cho các cơ quan quân báo, tác chiến thường xuyên báo cáo tình hình địch, tình hình các chiến trường, và yêu cầu Bộ Ngoại giao thông báo kịp thời những động thái ở Hội nghị Pari. Ghi sâu lời dặn của Bác Hồ đầu năm 1968 khi Người đến thăm Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua”¹, hướng phán đoán là Mỹ có thể mang máy bay ném bom chiến lược B52, con chủ bài cuối cùng ra mặt cả với ta, đánh sâu vào hậu phương miền Bắc.

Trải qua tám năm chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, quân và dân ta đã có nhiều chiến công và kinh nghiệm. Nhưng với B52 thì còn quá ít.

Nhớ lại giữa năm 1965, Mỹ bắt đầu dùng B52 đánh phá một số căn cứ của ta ở miền Nam. Ngày 12/4/1966, lần

1. Hồ Chí Minh: *Biên niên những sự kiện và tư liệu về quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, tr.204.

đầu tiên Mỹ dùng B52 đánh ra miền Bắc ở đèo Mụ Gia (Quảng Bình), trục đường số 12, cửa khẩu Việt - Lào. Ngay khi đó, Bác Hồ đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho anh Đặng Tính, Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân, nghiên cứu cách đánh B52. Quyết tâm bắn rơi B52 được đề ra từ đây. Tháng 5/1966, Trung đoàn tên lửa 238 được điều vào Vĩnh Linh để nghiên cứu cách đánh B52. Tại đây, ngày 17/9/1967, trung đoàn này đã bắn rơi chiếc B52 đầu tiên.

Từ tháng 2/1968, Quân ủy Trung ương dự đoán Mỹ có thể dùng B52 leo thang đánh vào Hà Nội, Hải Phòng và đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân xây dựng kế hoạch tác chiến. Suốt thời gian sau đó, nhiều đoàn cán bộ Phòng không - Không quân cùng một số trung đoàn tên lửa và biên đội không quân tiêm kích được cử vào nghiên cứu cách đánh B52 trên vùng trời Quân khu IV. Đặc biệt, từ tháng 5/1972, để gây sức ép với ta trên bàn đàm phán, Níchxơn ra lệnh mở chiến dịch không quân Lainobéchơ (Tiền vệ) dùng B52 trút hàng trăm ngàn tấn bom xuống tuyến vận chuyển chiến lược Trường Sơn hòng ngăn chặn sự chi viện mạnh mẽ của miền Bắc cho miền Nam. Đây là một dịp để ta nghiên cứu cách đánh loại máy bay chiến lược này của Mỹ.

Việc nghiên cứu chuẩn bị kế hoạch đánh B52 được triển khai gấp rút và đã căn bản hoàn thành vào đầu tháng 9/1972. Dựa vào kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn chiến đấu và những hiểu biết ngày càng nhiều về vũ khí,

khí tài và thủ đoạn hoạt động của địch, tài liệu *Cách đánh B52* sau nhiều lần bổ sung, hoàn chỉnh, đã góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện chiến đấu của bộ đội. Cũng cần nói thêm rằng, mặc dù sự giúp đỡ của Liên Xô về vũ khí, kỹ thuật là quý báu và có hiệu quả, nhưng từ năm 1969, bạn không viện trợ thêm một quả đạn tên lửa nào. Các bộ khí tài tên lửa, radar cũng dần dần xuống cấp. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ ta phải ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất chiến đấu của vũ khí, khí tài có trong tay.

Ngày 22/11/1972, Trung đoàn tên lửa 263 ở tây Nghệ An bắn hạ một B52. Chiếc máy bay rơi ở phía tây Nakhomphanom, cách căn cứ Utapao (Thái Lan) 64km. Hãng thông tấn Mỹ UPI buộc phải thú nhận tin này. Tuy không bắn rơi máy bay tại chỗ, nhưng lý thuyết sáng tạo bước đầu đã được thực tiễn kiểm nghiệm.

Các báo cáo của Cục Quân báo trong giao ban hằng ngày ở Bộ Tổng tham mưu cho thấy địch đang ráo riết chuẩn bị: thành lập bộ chỉ huy hợp nhất không quân chiến lược chỉ huy cả căn cứ Utapao (Thái Lan) và căn cứ Andécxơn (Guam); tập trung quá nửa số B52 của không quân Mỹ vào hai căn cứ này; bố trí máy bay tiếp dầu KC135, máy bay trinh sát và gây nhiễu điện tử ở căn cứ Subích (Philippin).

Cục Tác chiến được lệnh trực ban 24 giờ trên 24 giờ.

Ngày 24/11, anh Văn Tiến Dũng xuống Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân duyệt phương án đánh B52

của lực lượng phòng không Hà Nội, và chỉ thị chậm nhất đến ngày 3/12 phải hoàn tất mọi công tác chuẩn bị.

Các trận địa phòng không của cả ba thứ quân khẩn trương triển khai sẵn sàng chiến đấu.

Trong buổi giao ban ngày 18/12/1972, Cục 2¹ báo cáo: Hồi 5 giờ sáng, ta bắt được tin của địch từ sân bay hỏi: “Trực thăng hôm nay cấp cứu ở đâu?”. Trưa hôm ấy một máy bay RF4C bay qua Hà Nội báo về căn cứ: “Thời tiết quanh Hà Nội hoạt động được”. Trên bầu trời Khu IV, hoạt động của không quân địch đột ngột giảm xuống, đặc biệt không có tốp B52 nào. Tất cả các đài radar của mạng cảnh giới mở máy trực ban đều không có nhiều tích cực. Đây là những dấu hiệu không bình thường, chỉ một ngày sau khi bộ đội phòng không - không quân được lệnh bước vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao.

Chiều ngày 18/12/1972, chiếc chuyên cơ BH195² đưa anh Lê Đức Thọ về nước đáp xuống sân bay Gia Lâm lúc 16 giờ 45 phút. Cũng khoảng thời gian ấy, Níchxơn gửi công hàm như một tối hậu thư, hạn trong 72 giờ ta phải trở lại bàn đàm phán theo những điều kiện của Mỹ.

19 giờ 10 phút. Trong phòng làm việc của tôi tại Tổng hành dinh, tiếng chuông điện thoại reo vang từ một trong bốn chiếc máy có chế độ ưu tiên số 1.

1. Cục Quân báo.

2. Đây là chiếc chuyên cơ trước đó dành riêng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên được mang ký hiệu BH (Bác Hồ) và ngày sinh của Người (19/5).

Tiếng nói của đồng chí trực ban tác chiến nghe rất rõ:

- Báo cáo thủ trưởng, B52 đã cất cánh từ Guam, Utapao... nhiều tốp bay dọc sông Mêkông lên phía bắc... các lực lượng Phòng không - Không quân đã sẵn sàng, vào cấp 1 xong.

Mấy phút sau, còi báo động rú từng hồi.

19 giờ 45 phút. Có tiếng bom nổ ở phía xa xa... Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân báo cáo: Máy bay địch đang đánh phá sân bay Hoà Lạc. Tiếp theo đó, nhiều tốp B52 vào đánh các sân bay Nội Bài, Gia Lâm. Tiếng ầm ì khô và nặng của động cơ máy bay B52 mỗi lúc một rõ dần. Những vầng lửa loé lên, chớp giật liên hồi. Theo sau là những tràng tiếng nổ long trời. Rừng lửa Thăng Long nổi nhau bay vút lên không trung, đan những vệt sáng màu da cam giữa màn đêm Hà Nội.

Cơ quan Tổng hành dinh làm việc hối hả.

Tôi yêu cầu Bộ Tổng tham mưu cứ 5 phút báo cáo một lần.

Cục 2 báo cáo: Níchxơn đã ra lệnh bắt đầu chiến dịch Lainobéchơ II, dùng máy bay chiến lược B52 từ các căn cứ Mỹ ở Thái Lan, Guam, Philíppin tiến công Hà Nội, trong khi các máy bay cường kích F111 tiến công các sân bay gần đó. Chiến dịch này đã được Níchxơn, Kítxinhgiơ và tướng Hây (Haig) bàn bạc, quyết định tại phòng bầu dục ở Nhà Trắng ngày 14/12. Để thực hiện kế hoạch này, Bộ chỉ huy Sư đoàn không quân chiến lược lâm thời số 57 được thành lập. Năm mươi máy bay KC135 để tiếp dầu cho B52 được điều thêm sang Philíppin. Trên vịnh Bắc Bộ, năm tàu sân bay đang hoạt động.

Cục Tác chiến khẩn trương nắm tình hình, liên tiếp chuyển lệnh cho Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân.

20 giờ 20 phút. Chuông điện thoại đổ hồi. Ở đầu dây bên kia là đồng chí Nguyễn Quang Bích, Phó Tư lệnh Phòng không - Không quân:

- Báo cáo Đại tướng, hồi 20 giờ 16 phút, Tiểu đoàn 59 Trung đoàn tên lửa 261 bộ đội phòng không Hà Nội bắn rơi tại chỗ một chiếc B52.

Tôi hỏi:

- Có đúng B52 không?

- Báo cáo, đúng là B52.

Một lát sau, đồng chí Nguyễn Quang Bích báo cáo cụ thể: Đây là chiếc B52G cất cánh từ Guam. Nó rơi xuống xã Phù Lỗ, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.

Tin chiến thắng xé toang bầu không khí căng thẳng. Tổng hành dinh náo nức trong niềm vui được thấy “con ngoáo ộp” B52 không còn là “bất khả xâm phạm” trước những con “rồng lửa Thăng Long”.

Tôi bước ra ngoài Sở chỉ huy. Trời rét đậm và mưa bụi. Nhưng lòng tôi ấm áp lạ thường...

Trong đêm 18 rạng ngày 19/12, địch sử dụng B52 cùng không quân chiến thuật liên tiếp hết đợt này đến đợt khác đánh phá Đông Anh, Yên Viên, Mỹ Trì, Gia Lâm, Hoà Mục... Thủ đô chìm trong khói lửa.

4 giờ 39 phút sáng ngày 19/12, Tiểu đoàn 77 Trung đoàn tên lửa 257 bắn rơi chiếc B52 thứ hai. Máy bay rơi tại chỗ trên cánh đồng xã Tân Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội).

Một sự trùng hợp lịch sử: Hà Nội lại nổi lửa diệt thù đúng vào ngày Thủ đô vùng lên kháng chiến, ngày 19/12/1946, hai mươi sáu năm sau.

Nhớ lại tháng 9/1971, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã nhận định: Năm 1972, hoặc là địch sẽ rút nếu đạt được giải pháp; nếu chưa, địch có thể tập trung không quân đánh phá. Ta cần có biện pháp đề phòng. Ngay ngày hôm sau, nhân danh Bí thư Quân ủy Trung ương, tôi chỉ thị cho các đảng bộ trong toàn quân: “B52 không chỉ đánh ở miền Nam. Đến mức độ nào đó, cũng có thể đánh vào Thủ đô Hà Nội. Quân chủng Phòng không - Không quân phải nghiên cứu kỹ đối tượng này”. Bộ đội cao xạ, radar, tên lửa và không quân được lệnh triển khai huấn luyện chiến đấu theo các phương án đã được kết luận. Một số trận địa tên lửa, trận địa cơ động cho pháo cao xạ và sân bay dã chiến được bí mật xây dựng. Dân quân, tự vệ Hà Nội và một số thành phố được bổ sung hỏa lực bắn máy bay. Công tác bảo đảm quan sát, thông tin được tăng cường.

Ngày 25/11/1972, trong Chỉ thị: *Tăng cường sẵn sàng chiến đấu*, Quân ủy Trung ương cũng nhắc lại: “Sắp tới, địch có thể ném bom bắn phá trở lại các mục tiêu ngoài vĩ tuyến 20 với mức độ ác liệt hơn trước. Chúng có thể liều lĩnh dùng máy bay B52 đánh phá các trọng điểm Hà Nội, Hải Phòng...”. Ngày 27/11, Bộ Tổng tư lệnh nhận định có nhiều khả năng địch dùng B52 đánh vào Hà Nội và ra lệnh cho các lực lượng vũ trang tăng cường chuẩn bị chiến đấu. Trong bức điện gửi Trung ương Cục miền Nam và Bộ

Tư lệnh B2¹, Quân ủy Trung ương cũng đã thông báo dự kiến khả năng này. Mặc dù vậy, do quán triệt quyết tâm chưa tốt, suy nghĩ lúc này vẫn nặng về khả năng địch dùng B52 đánh phá từ Thanh Hóa trở vào đến Quảng Trị, nên đầu tháng 12 đã có lệnh điều một Trung đoàn tên lửa vào Khu IV, tiếp đó lại điều thêm hàng trăm quả đạn tên lửa của phòng không Hà Nội vào theo.

Sáng 19/12, khi khói lửa còn chưa tan hết, Bộ Chính trị họp tại Tổng hành dinh nghe Bộ Tổng tham mưu báo cáo diễn biến trận đánh B52 trong đêm đầu tiên, khen ngợi chiến công của các lực lượng phòng không và chỉ thị kiên quyết đập tan hành động quân sự điên cuồng, phiêu lưu mới của đế quốc Mỹ.

Buổi chiều, tại Câu lạc bộ quốc tế ở Hà Nội, trước đông đảo phóng viên báo chí trong nước và nước ngoài, người phát ngôn của Bộ Quốc phòng công bố những hành động tội ác của địch đêm 18/12 và kết quả tiêu diệt B52 của quân và dân ta. Sáu tù binh Mỹ vừa bị bắt cúi đầu thú nhận nỗi kinh hoàng của chúng trước lưới lửa dày đặc của lực lượng phòng không Hà Nội.

Đêm 19/12, quân ta chiến đấu hiệu suất thấp, mặc dù địch đã cho xuất kích 87 lần chiếc B52, chỉ kém đêm hôm trước ba lần chiếc. Nguyên nhân do chưa thực hiện đúng

1. Nam Bộ.

hướng dẫn của Quân chủng, lại lo thiếu đạn nên chỉ bắn từng quả một.

Thủ đoạn của địch là cho B52 tập kích vào ban đêm và bay ở độ cao 11km nhằm tránh hỏa lực của các loại pháo cao xạ. Ngày cũng như đêm, địch tập trung máy bay tiêm kích và cường kích cùng với các biện pháp gây nhiễu tích cực và tiêu cực chế áp, đánh phá các sân bay và trận địa tên lửa, hy vọng sẽ loại trừ hoàn toàn sự uy hiếp của hai lực lượng chủ yếu có thể đánh được B52 là tên lửa phòng không và máy bay tiêm kích của ta.

Anh Văn Tiến Dũng xuống họp với Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, chỉ thị phải phát huy sức mạnh của các binh chủng, tích cực tạo điều kiện cho không quân ta đánh B52, phát huy hiệu suất chiến đấu của bộ đội pháo phòng không để đánh địch ở tầm thấp. Anh còn chỉ đạo cụ thể các mặt bảo đảm chiến đấu để đánh liên tục, dài ngày.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân chủng, các tiểu đoàn tên lửa kịp thời rút kinh nghiệm, tìm ra cách đánh có hiệu quả nhất theo sở trường, sở đoản từng đơn vị. Kết quả đêm 20 rạng ngày 21/12/1972, bộ đội tên lửa đã lập công xuất sắc, phóng 35 quả đạn bắn rơi bảy B52, có năm chiếc rơi tại chỗ. Các lực lượng phòng không ba thứ quân của Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Thái cũng hiệp đồng chặt chẽ, bắn rơi bảy máy bay chiến thuật và một máy bay không người lái.

Đòn tiến công trong đêm thứ ba của chiến dịch Lainobéchơ II đã bị thất bại nặng nề. Tinh thần của phi

công B52 suy sụp nghiêm trọng. Ngày 21/12, tôi chỉ thị cho Quân chủng Phòng không - Không quân: Thắng lợi của chúng ta là rất lớn, cần cố gắng phát huy chiến thắng hơn nữa. Định sẽ tập trung đánh các trận địa tên lửa. Phải tìm mọi cách bảo vệ tên lửa để tiếp tục tiêu diệt B52. Chú ý bảo đảm đạn tên lửa để đánh được liên tục. Cố gắng phát huy tác dụng của không quân nhằm B52 mà đánh. Tôi cũng trực tiếp gọi điện xuống các sư đoàn biểu dương bộ đội phòng không Hà Nội vừa qua đánh tốt. Tôi nói: “Cả nước đang hướng về Hà Nội. Toàn thế giới đang hướng về Hà Nội. Từng giờ từng phút, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương theo dõi cuộc chiến đấu của Hà Nội. Vận mệnh của Tổ quốc đang nằm trong tay các chiến sĩ phòng không bảo vệ Hà Nội”.

Sáng 21/12/1972, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố lên án mạnh mẽ hành động chiến tranh điên rồ của chính quyền Níchxơn. Sau khi nhắc lại lập trường trước sau như một của Việt Nam, bản tuyên bố viết: “Nhân dân ta rất thiết tha với hòa bình, nhưng phải là hòa bình trong độc lập tự do thật sự. Chúng ta có đầy đủ thiện chí, đồng thời có đầy đủ quyết tâm và lực lượng để bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản thiêng liêng của mình. Vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả, đồng bào và chiến sĩ cả nước hãy nêu cao khí phách anh hùng, đoàn kết một lòng, ra sức thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, kiên trì và đẩy mạnh cuộc chiến đấu trên ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao nhằm giải

phóng miền Nam, bảo vệ và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tiến tới hòa bình, thống nhất nước nhà”.

Ngay ngày hôm ấy, tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được phát đi trên Đài Phát thanh Giải phóng: “Bọn xâm lược Mỹ đụng đến miền Bắc một, thì quân và dân miền Nam quyết giáng trả chúng gấp năm, gấp mười lần!”. Đài cũng truyền đi thư của Sài Gòn gửi Hà Nội: “Lửa miền Bắc khêu lửa miền Nam, lửa Hà Nội giục lửa Sài Gòn. Từ ngoài vô trong, từ hậu phương lớn đến tiền tuyến lớn anh hùng đang vang lên tiếng trả lời đanh thép: Đánh!”.

Một màn hiệp đồng tuyệt đẹp trên các mặt trận quân sự, dư luận và ngoại giao, giữa hậu phương lớn và tiền tuyến lớn. Các mũi giáp công nhằm đúng kẻ thù trong chiến lược tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Tổng hành dinh làm việc hết sức khẩn trương. Các đồng chí cơ yếu, quân báo, tác chiến, thông tin... mất hõm sâu qua những đêm thức trắng. Đạn tên lửa thiếu nghiêm trọng. Các dây chuyền lắp ráp đạn tiến hành liên tục ngày đêm, quá sức chịu đựng của con người, mà đạn vẫn không đủ. Quả đạn vừa lắp xong đã có xe chờ sẵn chuyển ngay về trận địa. Tôi thường xuyên gọi điện cho Bộ Tư lệnh Sư đoàn phòng không Hà Nội, biểu dương thành tích bắn rơi B52 của bộ đội tên lửa, kiểm tra tình hình chiến đấu. Tôi đặc biệt nhấn mạnh phải khẩn trương lắp ráp đạn, tiết kiệm đạn, đạn tên lửa chỉ dùng để đánh B52.

Phòng Thông tấn quân sự thuộc Cục Tuyên huấn (Tổng cục Chính trị) kịp thời ra các bản tin chiến sự, nóng hổi từng giờ. Đài Tiếng nói Việt Nam nhiều lần dừng các buổi phát thanh thường lệ để phát tin chiến thắng.

Sau khi ra lệnh ném bom vào dịp Quốc hội Mỹ đang kỳ nghỉ lễ Giáng sinh, Níchxơn lánh mặt đi nghỉ ở Kibiscâyơ, bang Phlorida, tránh các nhà báo và công luận Mỹ.

Thế nhưng “chạy trời không khỏi nắng”. Búa rìu dư luận đã giáng xuống đầu bọn xâm lược, đòi chúng phải chấm dứt ngay “cuộc diệt chủng” ở Việt Nam.

Hành động tàn bạo của Níchxơn trùm bóng đen lên ngày lễ Giáng sinh, khiến lương tâm của cả loài người nổi giận. Chưa bao giờ làn sóng phản đối chiến tranh của đế quốc Mỹ lại bùng lên dữ dội như những ngày này trên khắp hành tinh và ngay tại nước Mỹ. Các nhà lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa ra tuyên bố kịch liệt lên án hành động xâm lược mới của Mỹ, khẳng định sự ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Các đảng cộng sản và công nhân phần nộ tố cáo tội ác của Mỹ, kêu gọi nhân dân các nước đấu tranh đòi hòa bình cho Việt Nam. Ở khắp nơi trên thế giới, hàng triệu người xuống đường sôi sục biểu tình lên án mạnh mẽ hành động tội ác ghê tởm của Nhà Trắng. Các nghị sĩ Quốc hội Mỹ ở cả hai viện chỉ trích gay gắt hành động leo thang mới của Níchxơn đã tiến hành mà không tham khảo ý kiến Quốc hội và nhân dân Mỹ.

Tờ *Thời báo Niu Yoóc*, ngày 20/12/1972, cảnh cáo “Mỹ có nguy cơ trở lại một kiểu dã man của thời kỳ đồ đá”. Duy nhất chỉ có bè lũ Nguyễn Văn Thiệu là hí hửng, vui mừng. Hãng AP (Mỹ) ngày 19/12 đưa tin “một quan chức cao cấp của Nam Việt Nam cho rằng cuộc tiến công trở lại vào vùng trung tâm của Hà Nội và Hải Phòng là để khuyến khích chúng tôi”, rằng “việc này chứng tỏ Mỹ không bao giờ bỏ rơi chúng tôi”, và nhắc lại lời của Thiệu tháng 8/1972 van xin Mỹ “ném bom cho tan nát miền Bắc Việt Nam(!)”. Xấu xa đến mức báo *Nhân đạo* (L’Humanité) ở Pháp đã bình luận: “Ngay như trước đây, trong hồi Chiến tranh thế giới thứ hai, những tên Pháp gian như Đôriô cũng không dám đề nghị “đồng minh” tàn phá Pari. Thế mà nay Thiệu lại mong muốn Mỹ ném bom tàn phá đất nước mình. Thiệu thật đáng xấu hổ hơn cả sự xấu hổ!”.

Nhân ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12), anh Phạm Văn Đồng cùng các anh Văn Tiến Dũng, Phùng Thế Tài đến thăm Sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân. Thủ tướng đã biểu dương chiến công của bộ đội, nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ nêu cao quyết tâm chiến đấu, kiên quyết đánh bại âm mưu đen tối, tàn bạo của Mỹ, giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Thành ủy, ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng ở Hà Nội, Hải Phòng và các địa phương cũng liên tục cử các đoàn đại biểu đến các trận địa phòng không thăm hỏi và tặng quà cho bộ đội.

Lúc này, địch tập trung tiến công các trận địa tên lửa, đối tượng chính gây nguy hiểm cho các loại máy bay Mỹ.

Thủ đoạn của chúng là dùng tên lửa Srai bắt sóng radar của ta để đánh vào trận địa.

Sáng 22/12, tôi đến trận địa Tiểu đoàn 77 tên lửa ở Chèm đang trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao. Sau khi nghe báo cáo về chiến công bắn rơi B52 đêm trước, tôi vào trong xe chỉ huy, yêu cầu Tiểu đoàn trưởng Đinh Thế Văn và kíp chiến đấu gồm sĩ quan điều khiển Nguyễn Văn Đức, các trắc thủ phương vị, góc tà, cự ly Mộc, Hà, Tân báo cáo về kỹ thuật và động tác xử trí cụ thể. Những con người dũng cảm, thông minh, kết thành một tập thể ăn ý, cùng một ý chí lập công, chỉ cần một cái nháy mắt cũng đủ hiểu ý định của nhau, đã có những nhận xét khá tinh tế. Xiết chặt tay từng đồng chí, tôi trao đổi, bàn bạc, động viên các chiến sĩ cố gắng tìm thêm cách đánh tối ưu, diệt thêm nhiều B52 của địch.

Ở một tiểu đoàn tên lửa khác, khi tôi đến thăm, anh em báo cáo là đang phải sửa chữa vũ khí, khí tài. Về sau, mới rõ vào thời điểm tôi đến, đơn vị đã có lệnh chuẩn bị chiến đấu. Vì muốn bảo vệ tôi, anh em đã nói dối. Biết vậy, nhưng không nỡ phê bình. Việc này gợi nhớ lại một ngày trước đó, đi thăm một trận địa phòng không thì gặp máy bay địch tới khi xe đang chạy trên đê sông Đáy. Chỉ kịp cho xe dừng lại, tôi và các đồng chí cùng đi nằm ép xuống mặt đường cạnh thân đê. Địch phóng mấy quả tên lửa Srai vào một trận địa tên lửa gần đấy rồi bay thẳng. Chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Sự việc chỉ có thể thôi mà mấy ngày hôm sau, vài hãng thông tấn phương Tây đưa tin tôi bị tử thương vì bom B52. Mấy nhà báo Pháp đến sứ quán ta ở

Pari xin tiểu sử của tôi. Các đồng chí Ba Lan và một số sứ quán ta ở nước ngoài, nửa tin, nửa ngờ, điện về hỏi xem hư thực. Sau này, tôi còn được biết một số đồng chí ta bị địch giam cầm, khi nghe tin ấy đã bí mật tổ chức truy điệu tôi trong nhà tù. Đài Tiếng nói Việt Nam đã phải cho thu thanh ngay trong hầm chỉ huy của Tổng hành dinh bài diễn văn của tôi nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12) và phát lên để gián tiếp cải chính.

Kẻ sát nhân vờ đội lốt con chiên.

Níchxơn ra lệnh ngừng tập kích B52 vào ngày Chúa giáng sinh, “lập lò đánh lộn con đen”, thực chất là để xả hơi, rút kinh nghiệm sau những trận đòn đau.

Cùng lúc này, nêu cao chính sách nhân đạo, cơ quan địch vận cho phép các phi công Mỹ đang bị giam trong các “Khách sạn Hinton”¹ được mừng ngày Chúa giáng sinh. Các “phi công trong bộ quần áo ngủ”² được hướng dẫn làm bích báo, liên hoan ca hát, đón ông già tuyết bên những cây thông Nôen rực rỡ sắc màu, cầu nguyện cho hòa bình và hồi hương. Buổi phát thanh tiếng Anh của Đài Tiếng nói Việt Nam dành cho binh sĩ Mỹ, quen thuộc với lính Mỹ

1. Báo chí phương Tây mỉa mai gọi các trại giam phi công Mỹ ở miền Bắc Việt Nam là “Khách sạn Hinton”, loại khách sạn năm sao nổi tiếng của Mỹ.

2. Tù binh Mỹ mặc quần áo sọc giống như quần áo ngủ. Một bộ phim của Cộng hòa dân chủ Đức về phi công Mỹ bị bắt, đã lấy tên này (Pilotes en pyjama).

qua giọng nói của “Hà Nội Hana”¹, phát đi tiếng nói của Glen Xéc-ten, đại úy hoa tiêu máy bay B52G vừa bị bắt đêm hôm trước, nhắn tin cho vợ: “Anh vẫn còn sống, được đối xử nhân đạo. Nhân dân Việt Nam không phải là kẻ thù của chúng ta. Mong cuộc chiến tranh chết tiệt này chóng kết thúc. Hôn em và con”.

Cuộc ném bom rải thảm lại tiếp tục ác liệt ngay sau lễ Giáng sinh. Tham vọng ngông cuồng của những kẻ quen ỷ lại vào sức mạnh đưa chúng lao sâu vào con đường thất bại đầy tội ác.

Đêm 26/12, địch huy động hàng trăm lần chiếc B52 đánh phá dã man các khu dân cư ở nội thành Hà Nội. Đã có lúc, căn hầm chỉ huy kiên cố của Tổng hành dinh rung chuyển như động đất. Hồi 22 giờ 47 phút, B52 ném bom rải thảm xuống khu phố Khâm Thiên, một nơi có mật độ dân số đông nhất Thủ đô, gây tổn thất rất lớn về người và của. Cùng với Khâm Thiên, B52 cũng rải bom xuống hơn 100 điểm dân cư trong thành phố, hơn 1.000 người bị thương vong.

Tranh thủ từng giờ từng phút, các chiến sĩ ta khẩn trương thay thế, sửa chữa vũ khí, khí tài, bổ sung đạn dược, sẵn sàng tiếp chiến. Dày dạn qua mấy ngày đêm chiến đấu, người dân Hà Nội thường ra ngoài hầm trú ẩn xem máy bay Mỹ cháy trong những “đêm hội pháo hoa”.

22 giờ 30 phút đêm 26/12, Tiểu đoàn 76, Trung đoàn tên lửa 257 anh hùng, bằng 13 quả đạn, phối hợp cùng với

1. Nữ phát thanh viên Thu Hương của buổi phát thanh dành cho binh sĩ Mỹ, được lính Mỹ đặt tên là Hà Nội Hana (Hanoi Hana).

trận địa phòng không biến hai máy bay B52 thành hai khối lửa khổng lồ sáng rực cả một góc trời phía nam thành phố. Một trong hai chiếc rơi ngay vào cửa hàng ăn Tương Mai thuộc quận Hai Bà Trưng, nội thành Hà Nội. Đứng giữa sân Tổng hành dinh, tôi vô cùng xúc động nhìn tận mắt cảnh tượng hào hùng ấy. Trở vào, tôi gọi điện cho Sở Chỉ huy bộ đội phòng không Hà Nội. Nghe tiếng trả lời quen thuộc của đồng chí Phó Tư lệnh, tôi hỏi:

- Trần Nhẫn đấy à? Khỏe không?

- Báo cáo Đại tướng, tôi rất khỏe. Xin chúc sức khỏe Đại tướng.

Tôi nói:

- Đêm nay đánh như thế là tốt đấy. Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh nhiệt liệt biểu dương các đồng chí! Cần chú ý rút kinh nghiệm và giữ gìn tốt lực lượng tên lửa để đánh lâu dài. Còn vấn đề đạn thì sao?

Đồng chí Trần Nhẫn báo cáo vừa nhận được một số đạn tên lửa từ Khu IV chuyển ra, không còn lo phải “bắn mớ cò”. Tôi cảm thấy nhẹ người...

Trong đêm 26 rạng ngày 27/12, quân và dân Hà Nội sôi sục căm thù, bắn rơi 18 máy bay địch, trong đó có tám B52. Đây là đêm Mỹ bị mất nhiều B52 nhất.

Hà Nội anh dũng, đau thương.

Chia sẻ nỗi đau của đồng bào. Bác Tôn và tôi đến ngay khu phố Khâm Thiên, bệnh viện Bạch Mai, ân cần thăm

hỏi bà con. Anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng đến thăm bệnh viện Bạch Mai, khu phố Gia Lâm... Giữa đồng gạch ngói hoang tàn, đồng bào xúc động đón nhận sự săn sóc của Đảng và Nhà nước. Mọi người đều hứa quyết tâm biến đau thương thành hành động, bắt quân thù phải đền nợ máu.

Dưới bom đạn Mỹ, nhân dân Việt Nam vẫn ngẩng cao đầu. Ất tiếng bom rơi, báo chí, đài phát thanh không ngừng truyền tin chiến thắng. Xã luận báo *Nhân dân* viết: “Tổ quốc kêu gọi chúng ta! Loài người kêu gọi chúng ta! Bản tuyên dương công trạng của Quốc hội thúc giục chúng ta thừa thắng xông lên. Chia lửa với miền Nam thân yêu, chia lửa với Khu IV kiên cường, Thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các tỉnh chung quanh Thủ đô quyết tâm hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ với tiền tuyến lớn trong bản đại hợp xướng chiến thắng oai hùng”¹... “Sài Gòn ơi! Hà Nội viết tiếp những trang sách lớn vào cuốn sách mà đồng bào, đồng chí Sài Gòn đã viết, những trang sách lớn về con người Việt Nam chúng ta cao quý”².

Chưa bao giờ, xã luận của báo Đảng lại hào hùng như vậy.

Câu nói bất hủ của Bác Hồ lúc sinh thời vang lên như một lời nguyện: “... Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến

1, 2. Xã luận báo *Nhân dân* ngày 25 và 26/12/1972.

ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”¹.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh, anh Phùng Thế Tài, Phó Tổng tham mưu trưởng xuống trực tiếp chỉ đạo không quân đánh B52. Đêm 27/12, lúc 22 giờ 20 phút, Phạm Tuân lái máy bay MIG21 bất ngờ cất cánh từ sân bay Yên Bái, hạ một B52 trên vùng trời Tây Bắc, làm rối loạn đội hình của địch, tạo thêm điều kiện cho lưới lửa phòng không Hà Nội diệt thêm năm B52 nữa.

Thời gian trôi đi, nặng nề, căng thẳng.

Suốt 12 ngày đêm, Mỹ huy động gần 200 máy bay chiến lược B52 và hơn 1.000 máy bay chiến thuật các loại đánh phá Hà Nội, Hải Phòng. Hơn 10 vạn tấn bom đạn trút xuống các trường học, bệnh viện, các khu phố đông dân... Tội ác chồng lên tội ác.

Quyết trừng trị quân xâm lược, trả thù cho đồng bào, chiến công của quân và dân ta cũng dày thêm.

Trong những ngày này, mặc dù bận và căng thẳng, tôi không quên chỉ thị cho Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân thu thập các thiết bị điện tử và tài liệu trên xác máy bay B52 và F111, kịp thời sử dụng nghiên cứu bổ sung cách đánh. Nhân dân các địa phương cũng có ý thức trong việc này. Một hôm, con trai út của tôi sơ tán ở Hòa Bình mang về một tập tài liệu của Bộ Tư lệnh Tập đoàn không

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.131.

quân Mỹ định vị các vị trí tên lửa và cao xạ của ta cùng các chỉ lệnh ném bom, do dân thu được và nhờ chuyển. Tôi xem kỹ tài liệu này. Trên bìa có dòng chữ: “Tài liệu mật, không được đưa ra khỏi Bộ Quốc phòng”. Trước khi chuyển tài liệu này cho Bộ Tổng tham mưu, tôi viết thêm: “Trừ Bộ Quốc phòng Việt Nam”.

8 giờ sáng ngày 28/12, tôi đến Tiểu đoàn 79, Trung đoàn tên lửa 257, tại trận địa Yên Nghĩa, Hà Tây. Các chiến sĩ đón tôi trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao, nhưng không kém phần nồng nhiệt, thân tình.

Sắp đến giờ địch hoạt động. Tôi nói ngắn, căn dặn đơn vị không được chủ quan, thỏa mãn, chú ý giữ bí mật, nguy trang đánh địch nhưng đừng quên bảo vệ mình. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, tôi nói:

- Cũng con người đó, cũng vũ khí đó, nhưng lần này các đồng chí đánh có tiến bộ vượt bậc. Đó là vì chúng ta có quyết tâm rất cao, vì chúng ta nắm vững tư tưởng quân sự của Đảng là luôn luôn chủ động tiến công địch, mưu trí, sáng tạo, bí mật, bất ngờ. Binh chủng của các đồng chí là binh chủng hiện đại, càng phải nắm cho được kỹ thuật quân sự hiện đại, có như vậy mới cải tiến được kỹ thuật, mới tổ chức hiệp đồng chiến đấu tốt. Có tổ chức chiến đấu tốt, chỉ huy tốt, phát huy tinh thần chủ động tiến công, mưu trí, sáng tạo, đánh thắng địch ban đêm, đánh thắng mọi thủ đoạn gây nhiễu và chống được tên lửa Srai... của chúng, ta càng giành thắng lợi lớn.

Giải thích cho bộ đội rõ thất bại của địch là hết sức nặng nề, tôi nói:

- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, với kỹ thuật phòng không hồi bấy giờ, không quân thường bị tổn thất 1% ở những nơi hoạt động tương đối mạnh. Trong chiến tranh phá hoại ở Việt Nam, Giônxsơn đã thú nhận tổn thất của Mỹ nói chung là 1%, riêng với Hà Nội, Hải Phòng là 2%.

Còn bây giờ bao nhiêu?

Đến hôm nay, 28/12, Mỹ đã mất 31 máy bay B52. Chúng có 200 chiếc, mất 31 chiếc là tổn thất 15%. Nếu tính riêng Hà Nội, Hải Phòng, mỗi lần chúng vào 20, 30 chiếc bị hạ bốn hoặc năm chiếc thì tỷ lệ rất cao! Không quân chiến lược mà tổn thất tỷ lệ 10% đến 15% là rất cao. Thất bại hết sức nặng nề là như vậy đó!

Mấy hôm nay, chính Mỹ phải thú nhận tổn thất là 8%. Tất nhiên chúng không dám nói hết sự thật.

Sau khi chúc tiểu đoàn giành thắng lợi lớn hơn nữa, tôi hỏi:

- Tỷ lệ sắp tới là bao nhiêu?

Có tiếng trả lời:

- 100% ạ.

Tôi nói vui:

- Nên nhớ rằng một quả tên lửa hạ một máy bay, một chiến sĩ đặc công có thể phá một lúc 15 máy bay. Nếu các đồng chí đánh tốt hơn nữa, thì cũng có khả năng đấy.

Sau đó tôi vào thăm Sở Chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân đặt trong hang đá núi Trầm.

Trong không khí phấn khởi, đồng chí Trần Hanh báo cáo thành tích của không quân ta vừa hạ được một B52 đêm trước. Nghe xong, tôi nói:

- Chúc mừng chiến công của không quân. Nhưng chắc các đồng chí không thỏa mãn đấy chứ?

- Báo cáo chưa ạ, còn phải phấn đấu hạ nhiều B52 hơn nữa ạ!

- Nhất định phải như vậy!

Tôi còn được báo cáo về mạng trinh sát của binh chủng radar vừa tối ưu vừa rất Việt Nam. Đây là một mạng lưới radar dày đặc, mạnh mẽ, được chỉ huy chặt chẽ, với các đài radar được bố trí bất ngờ, hiểm hóc, kết hợp giữa hiện đại và thô sơ, giữa radar tầm xa và hệ thống các vọng quan sát bằng mắt bao quanh Hà Nội, kiểm soát chặt chẽ cả bốn tầng không: cao, trung, thấp và thật thấp, có “đánh vỗ mặt, đánh tạt sườn, đánh tập hậu” theo chỉ thị của Tổng Tham mưu phó Vương Thừa Vũ trong buổi kiểm tra Sở Chỉ huy Phòng không - Không quân tháng 6/1972. Chính nhờ thế mà trong đêm đầu tiên và trong các ngày sau, mặc dù các đài radar ở đồng bằng bị nhiễu nặng, các đài khác ở Tây Bắc, Đông Bắc, Vĩnh Linh, Đô Lương, Diễn Châu và cả Cánh Đồng Chum vẫn phát hiện được rõ ràng những đội hình lớn của B52 cách xa Hà Nội hàng nghìn kilômét.

Nói chuyện với cán bộ tại Sở Chỉ huy, tôi kể chuyện vừa gặp một phụ nữ khi đến xem xác chiếc máy bay B52 bị bắn rơi tại làng Ngọc Hà. Chị nắm tay tôi, giọng xúc động:

- Lần đầu tiên được gặp Đại tướng... Chúng tôi không sợ chúng nó! Chúng tôi nhất định không sợ! Phải diệt cho hết chúng nó đi!

Phụ nữ Việt Nam là như thế. Dân tộc Việt Nam càng như thế!

Sau khi khen ngợi chiến công của bộ đội tên lửa, bộ đội radar, bộ đội cao xạ, bộ đội không quân, tôi phân tích để mọi người hiểu thêm ý nghĩa của thắng lợi:

- Chiến công của các đồng chí là xuất sắc. Tổn thất của địch là vô cùng nặng nề. Đây là tổn thất về không quân chiến lược. Khi mất một chiếc B52 thì các hãng tin phương Tây đã nói tới tổn thất về uy tín của không quân chiến lược Mỹ. Thế mà bây giờ chúng đã mất tới 32 chiếc. Thêm vào đó, một lô giặc lái vừa bị bắt là phi công B52, F111, là những loại mà cả nước Mỹ cũng không có nhiều... Cần thấy rõ điều đó để phấn khởi, tin tưởng, để đánh thắng to hơn.

Thay mặt toàn Quân chủng, Đại tá Tư lệnh Lê Văn Tri hứa thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, ra sức nâng cao chất lượng chiến đấu, nâng cao sức chiến đấu tổng hợp, cùng các lực lượng vũ trang khác bắn rơi nhiều máy bay, bắt sống nhiều giặc lái hơn nữa.

Quân xâm lược đã ngấm đòn.

Ngày 22/12, Mỹ gửi công hàm đề nghị ta họp lại theo nội dung đã thỏa thuận hồi tháng 10/1972.

Hãng thông tấn Mỹ AP ngày 25/12/1972, cay đắng thú nhận: “Thiệt hại của Mỹ là nặng nhất kể từ khi Mỹ bắt đầu ném bom Bắc Việt Nam tháng 9/1964”.

Đêm 30/12/1972, tôi duyệt bản thông cáo chiến thắng do Cục Tuyên huấn dự thảo. Trời về khuya, nhiệt độ xuống thấp. Nhưng trước chiến công oanh liệt với những con số đầy ý nghĩa, ai cũng thấy ấm lòng.

“... Chỉ trong 12 ngày đêm, quân và dân ta đã:

1. Bắn rơi 77 máy bay hiện đại thuộc không quân chiến lược và không quân chiến thuật Mỹ, phần lớn rơi tại chỗ, trong đó có:

- 33 máy bay chiến lược B52, phần lớn thuộc loại B52D và B52G, tức loại máy bay chiến lược có trang bị điện tử tối tân của Mỹ.

- 5 máy bay F111.

- 24 máy bay phản lực hiện đại của hải quân Mỹ.

- 3 máy bay trinh sát và 1 máy bay lên thẳng.

2. Tiêu diệt và bắt sống hàng trăm giặc lái Mỹ, trong đó có đủ sĩ quan các cấp từ cấp trung tá trở xuống.

3. Bắn cháy 8 tàu chiến Mỹ...”¹.

Phấn khởi, xúc động, tôi ghi tiếp vào bản thông cáo, nhiệt liệt khen ngợi và tuyên dương công trạng các quân chủng, binh chủng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, dân quân tự vệ và đồng bào các địa phương trên miền Bắc đã đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ,

1. Theo Thông cáo của Bộ Tổng tư lệnh, ngày 28/12/1972.

quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, đánh rất giỏi, thắng rất to. Tôi cũng không quên kêu gọi đồng bào, chiến sĩ “nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, chủ động kiên quyết tiến công địch, đem hết sức mạnh của mình giáng tiếp cho không quân và hải quân Mỹ những đòn quyết liệt hơn nữa”.

Bản thông cáo, đồng thời cũng là một lời cảnh cáo.

Mặc dù đã nửa đêm, thông cáo được chuyển ngay cho Thông tấn xã Việt Nam. Sáng hôm sau, toàn văn thông cáo chiến thắng được các báo đăng trên trang nhất và phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam ngay đầu bản tin thời sự. Xã luận báo *Quân đội nhân dân* ca ngợi chiến công vĩ đại này là “trận Điện Biên Phủ trên không”, một cái tên đầy ý nghĩa do chính báo chí phương Tây đã thừa nhận.

Cả nước nức lòng.

Uy thế không lực Hoa Kỳ sụp đổ. Hy vọng thương lượng trên thế mạnh của Mỹ cũng sụp đổ theo.

Sau này sách báo phương Tây tiết lộ: Níchxơn thúc ép Nguyễn Văn Thiệu phải ký Hiệp định bằng bất cứ giá nào. Thiệu hầu như tuyệt vọng khi đọc đi đọc lại bức thư của Níchxơn do tướng Hây¹ chuyển tới:

“... Cho tôi nhấn mạnh để kết thúc rằng tướng Hây không đến Sài Gòn để đàm phán với ngài... Tôi tin chắc sự

1. Haig.

từ chối của ngài hợp tác với chúng tôi sẽ đưa đến thảm họa, mất tất cả những gì mà chúng ta đã chiến đấu bên nhau để giành được trong thập kỷ qua. Nó sẽ là không tha thứ được vì chúng tôi sẽ mất đi một giải pháp vinh dự và công bằng”.

Ngày 17/1/1973, sáu ngày trước khi Hiệp định Pari được ký kết, Níchxon lại gửi thư cho Thiệu, lời lẽ không khác một tối hậu thư:

“... Đã nhiều lần tôi trả lời với ngài, vấn đề then chốt ở đây không phải là tính chất đặc biệt của Hiệp định và qua đó là hứa hẹn hợp tác lâu dài của hai nước và sự viện trợ từ phía chúng tôi. Rõ ràng chính sự viện trợ này mà tôi đã và đang hành động. Nếu các ngài từ chối không ký Hiệp định thì các ngài đừng trông mong gì vào khả năng giúp đỡ của chúng tôi. Ý kiến trong Quốc hội và công luận không cho phép tôi làm khác...”¹.

Vấn củ cà rốt và cái gậy. Vung cái này không được lại giở đến cái kia. Và tất nhiên là Thiệu phải đầu hàng.

Mưu sĩ Kítxinhiơ trở lại bàn hội nghị, không kiểm chác được gì hơn. Trưa ngày 23/1/1973, trong cơn mưa lất phất và cái lạnh cắt da, ông ta đành phải đến đại lộ Klêbe đặt bút ký tắt vào bản Hiệp định bằng hai chữ cái HK dính vào nhau. Bốn ngày sau đó, ngày 27/1/1973,

1. Nguyễn Tiến Hưng và Jérôld L. Schecter: *Từ tòa Bạch ốc đến dinh Độc Lập*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr.213.

Hiệp định Pari về Việt Nam được chính thức ký kết. Giôn Nêgrôpôn (John Negroponte), chuyên viên của Kítxinhgiơ về Việt Nam, cay đắng thốt lên: “Chúng ta ném bom Bắc Việt Nam để rồi chính chúng ta lại chấp nhận nhượng bộ”¹.

Đế quốc Mỹ đã thua trong ván bài cuối cùng, đúng như lời tiên đoán của Bác Hồ: “Phải dự kiến trước mọi tình huống càng sớm càng tốt. Nhớ là trước khi thua ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ đã hủy diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”².

1. Nguyễn Tiến Hưng và Jérold L. Schecter: *Từ tòa Bạch ốc đến dinh Độc Lập*, Sđd, tr.214.

2. Hồ Chí Minh: *Biên niên những sự kiện và tư liệu về quân sự*, Sđd, tr.203.

Chương II

HỘI NGHỊ LỊCH SỬ

Năm 1972 là năm nhân dân Việt Nam trên cả hai miền giành thắng lợi to lớn, toàn diện, có ý nghĩa chiến lược quan trọng cả về quân sự, chính trị, ngoại giao, sản xuất và bảo vệ sản xuất.

Trải qua một năm chiến đấu anh dũng, kiên cường, quân và dân ta trên tiền tuyến lớn đã loại khỏi vòng chiến đấu gần nửa triệu quân địch, trong đó có tám sư đoàn, 35 trung đoàn, lữ đoàn và chiến đoàn bị tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng. Ta đã phá hủy và thu một khối lượng lớn vũ khí và phương tiện chiến tranh của địch, bắn rơi và phá hủy hàng nghìn máy bay, bắn chìm hàng trăm tàu, thuyền chiến đấu...

Quân ta đã đập tan ba tuyến phòng thủ kiên cố nhất mà Mỹ - ngụy đã tập trung xây dựng trong nhiều năm ở Quảng Trị, bắc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, những hướng chiến lược sống còn của chúng ở miền Nam. Lần đầu tiên, nhiều sư đoàn, trung đoàn quân ngụy, xương sống của chiến lược “Việt Nam hóa” bị tiêu diệt và tan rã, mặc dù đã được không quân và hải quân Mỹ phối hợp tác chiến.

Cơ sở của chiến lược “Việt Nam hóa” là kế hoạch “bình định nông thôn” của địch cũng bị thất bại nghiêm trọng. Liên tục tiến công và nổi dậy, quân và dân miền Nam giáng những đòn quyết liệt vào ách kìm kẹp của địch, giải phóng nhiều quận lỵ, chi khu, quét từng mảng đồn bốt và ấp chiến lược.

Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, tuy đòn tiến công chính trị ở các thành thị diễn ra không mạnh, hàng triệu quần chúng đã giành được quyền làm chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, nối liền căn cứ địa ba nước Đông Dương thành một dải liên hoàn, tạo ra thế chiến lược rất lợi hại cho cả trước mắt và lâu dài. Chính quyền cách mạng được xây dựng và củng cố, lực lượng vũ trang phát triển và đứng chân vững chắc. Khí thế đấu tranh ở Sài Gòn và các thành thị miền Nam cũng có bước phục hồi mới.

Việc vận chuyển chiến lược chi viện chiến trường miền Nam được đẩy mạnh. Mặc dù thời tiết khắc nghiệt, địch dùng không quân đánh phá ác liệt, việc vận chuyển vẫn tiếp diễn ngày đêm với khối lượng lớn. Quân và dân ta đã đánh bại chủ trương chiến lược của địch mở lại cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân ở miền Nam và leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc. Đặc biệt, 12 ngày đêm chiến đấu tiêu diệt B52 cuối năm 1972 là một chiến công nổi bật. Lần đầu tiên, ta tổ chức và thực hiện thành công một chiến dịch phòng không quy mô lớn đánh thắng cuộc tập kích của không quân chiến lược Mỹ bằng một trận tiêu diệt chiến giòn giã, gây cho không quân Mỹ những tổn thất nặng nề nhất trong lịch sử của nó.

Miền Bắc vượt qua sự phong tỏa của Mỹ, đã giữ vững và phát triển giao thông vận tải, bảo vệ và đẩy mạnh sản xuất trong điều kiện chiến tranh ác liệt. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, hai vụ lúa được mùa liên. Nhiều tỉnh trở thành tỉnh 5-6 tấn.

Trong thử thách của chiến tranh, chế độ xã hội chủ nghĩa nêu cao tính ưu việt. Thử thách càng quyết liệt, thắng lợi càng oanh liệt, khí thế càng cao.

“Nam - Bắc hai miền đều đánh giỏi”. Thắng lợi của năm 1972 đặt cơ sở vững chắc cho cả nước tiến lên giành thắng lợi mới rực rỡ hơn. Tình hình cách mạng là không thể đảo ngược.

Ngày 12/1/1973, lễ tuyên dương danh hiệu Anh hùng cho các đơn vị và cán bộ, chiến sĩ thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân được tổ chức trọng thể tại Thủ đô Hà Nội.

Anh Trường Chinh, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thay mặt Trung ương Đảng và Nhà nước công bố lệnh tặng thưởng của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Anh nhiệt liệt khen ngợi bộ đội tên lửa, bộ đội cao xạ, bộ đội không quân và bộ đội radar đã lập chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đập tan cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Tiếp đó, tôi thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh chúc mừng 24 đơn vị và 12 cán bộ, chiến sĩ vừa được phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Phân tích nguyên nhân thắng lợi,

tôi nêu rõ: “Chiến thắng vĩ đại của quân và dân ta vừa qua đánh bại bước leo thang chiến tranh mới cực kỳ tàn bạo của chính quyền Níchxơn là thắng lợi rực rỡ của sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng ta. Đó là thắng lợi của ý chí quyết chiến quyết thắng không gì lay chuyển nổi, của sự hy sinh không bờ bến của toàn quân, toàn dân ta trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Đó là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp của các quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, tạo thành một lưới lửa các tầm, các cỡ, áp đảo và chiến thắng kẻ địch”.

Hướng về miền Nam thân yêu, tôi tỏ lòng “biết ơn đồng bào ruột thịt và các đồng chí Quân giải phóng anh hùng đã lập chiến công oanh liệt trên khắp các chiến trường, phối hợp chiến đấu với quân và dân miền Bắc, cổ vũ mạnh mẽ đồng bào và chiến sĩ ta chiến thắng kẻ thù”.

Hiệp định Pari được ký kết đúng vào dịp Tết Nguyên đán Quý Sửu. Theo Hiệp định, đúng 8 giờ sáng ngày 28/1/1973, lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Nơi ngừng tiếng súng sẽ là tuyến ranh giới giữa hai bên.

Chính trong đêm 27/1, cái đêm “bản lề” ấy, quân ngụy trắng trợn dùng toàn bộ pháo mặt đất trên hạm đội bắn vào trận địa của quân ta ở Cửa Việt (Quảng Trị). Lợi dụng hỏa lực pháo binh, chúng cho hơn 200 xe tăng, xe bọc thép và lữ đoàn thủy quân lục chiến số 147 từ Mỹ Thủy,

Gia Đẳng đánh chiếm cảng. Chỉ trong một đêm, chúng đã chiếm một vùng đất mà trong mấy tháng trước đó chúng không sao chiếm lại nổi. Trên thực tế, cảng Cửa Việt đã rơi vào tay địch.

Mất Cửa Việt, Đông Hà, Đốc Miếu, Quán Ngang bị uy hiếp trực tiếp. Tuyến đường vận chuyển chiến lược Trường Sơn bị đe dọa. Thành quả của chiến dịch Quảng Trị năm 1972 bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Anh Lê Trọng Tấn, lúc này là Tư lệnh chiến dịch, gọi điện cho đồng chí Cường, chỉ huy hướng Cửa Việt:

- Đồng chí có biết cảng Cửa Việt đã bị mất không?
- Báo cáo anh, chúng nó lấn chiếm mất một ít. Chúng tôi đã cho người gặp tên lũ trưởng để phản đối về việc này...

Anh Tấn ra lệnh giọng gay gắt:

- Chúng nó dùng cả một lũ xe tăng và một lũ lính thủy đánh bộ đánh chiếm cảng Cửa Việt không phải để nghe anh phản đối đâu. Tôi hạ lệnh cho anh phải lập tức chiếm lại cảng! Rõ chưa?

- Rõ ạ!

- Rõ rồi thì chấp hành ngay. Tại sao anh chỉ lo mình vi phạm mà không thấy phía địch đã thực sự xóa bỏ Hiệp định rồi?

Anh Tấn báo cáo ra xin ý kiến Bộ Tổng tư lệnh bằng điện thoại hữu tuyến. Tôi đồng ý và dặn:

- Anh Tấn ơi! Các anh cho đánh chiếm lại ngay. Cố gắng đưa cho được những đứa con khỏe mạnh nhất của Đào Huy Vũ sang nhé! Phải lấy lại bằng được!

- Rõ! Nhất định phải như vậy! Tôi sẽ đưa toàn bộ gia đình Huy Vũ qua liên hoan với Đào Dũng và Cường. Xin bảo đảm cuộc liên hoan sẽ rất vui. Anh cứ yên tâm¹.

Sau đó anh Tấn ra lệnh cho Lữ đoàn xe tăng 203 và pháo binh hiệp đồng tác chiến, đồng thời lệnh cho các sư đoàn tuyển chọn 9 đội súng chống tăng điều khiển bằng hữu tuyến, và phân công các anh Cao Văn Khánh, Doãn Tuế, Phó Tư lệnh trực tiếp chỉ huy.

Mờ sáng hôm sau, 28/1/1973, viện lý do cần thay quân như địch đã làm ngày hôm trước, ta đưa đội hình áp sát các cụm xe địch, rồi bất ngờ nổ súng. Tên lữ trưởng bị chết ngay từ phút đầu tiên. Trận đánh kết thúc vào gần trưa. Địch hoảng hốt tháo chạy, bỏ lại hơn 100 xe và nhiều xác chết.

Tin chiến thắng báo về.

Tôi cầm điện thoại biểu dương chiến công của quân ta và tinh thần kiên quyết, cảnh giác của Bộ Tư lệnh chiến dịch Quảng Trị.

Từ đầu năm 1973, tình hình miền Nam khá sôi động. Mỹ - ngụy ra sức phá hoại Hiệp định Pari, đẩy

1. Mật ngữ quy ước dùng trong điện thoại hữu tuyến. Ý nói phải sử dụng bộ đội tăng thiết giáp hồi đó do đồng chí Đào Huy Vũ làm Tư lệnh, “Liên hoan” là phối hợp tiến công. “Những đứa con khỏe mạnh nhất” là xe tăng T54 mà quân ngụy rất sợ. Đào Dũng là Chỉ huy trưởng lực lượng phòng thủ Cửa Việt.

mạnh bình định lấn chiếm, tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Lợi dụng điều khoản ngừng bắn, địch mở các cuộc hành quân “tràn ngập lãnh thổ”, coi lấn đất, giành dân là “keo cuối cùng”. Chúng ráo riết thực hiện kế hoạch “bình định đặc biệt” chiếm lại các căn cứ “lỗm” của ta, nống ra vùng giáp ranh, uy hiếp hành lang vận chuyển, đẩy chủ lực của ta ra xa, đồng thời thực hiện cuộc “cách mạng hành chính” củng cố bộ máy kìm kẹp áp, xã, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, xuyên tạc Hiệp định Pari, tổ chức các chiến dịch “Phượng hoàng” ráo riết hoạt động tình báo, gián điệp, biệt kích, phá hoại cơ sở của ta ở miền Nam.

Trong giao ban hằng ngày ở Bộ Tổng tham mưu, tin tức dồn dập báo về: Địch ra sức càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng, trọng điểm là các khu vực then chốt vòng ngoài như tây Trị - Thiên, tây nam Quảng Đà, Quảng Ngãi, bắc Bình Định, tây Kon Tum, khu tiếp giáp vùng giải phóng và khu trung tuyến bắc và tây bắc Sài Gòn, nam bắc đường số 4 Mỹ Tho, Vĩnh Long, Chương Thiện, vùng biên giới thuộc Kiến Tường, Châu Đốc. Chúng sử dụng 2/3 lực lượng chủ lực kết hợp với quân bảo an tổ chức những cuộc hành quân quy mô một - hai trung đoàn lấn chiếm các căn cứ “lỗm”, và quy mô cấp sư đoàn trở lên đánh vào Cửa Việt (Quảng Trị), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), bắc Kon Tum, Tây Ninh, Tân Châu, Hồng Ngự, Cai Lậy, Chương Thiện... Mật độ phi pháo so với trước tuy có giảm nhưng vẫn còn ác liệt. Địch tổ chức những cuộc hành quân

gặm dần, dũi dần, đánh phá có tính chất hủy diệt, ủi trắng nhiều nơi, tiến hành di dân, xáo trộn giữa các địa bàn để phá cơ sở của ta. Với các thủ đoạn tàn bạo, xảo quyệt, địch lấn chiếm được phần lớn vùng giáp ranh và căn cứ “lôm” ở Khu V, một số vùng sâu ở Khu VIII, cải thiện được thể phòng ngự vòng ngoài ở Trị - Thiên, Quảng Đà, Quảng Tín, tây Kon Tum và các tỉnh dọc biên giới Việt Nam - Campuchia, giành thêm đất, thêm dân, gây cho ta nhiều khó khăn. Riêng miền Tây Nam Bộ, do ta kịp thời giáng trả nên địch không lấn chiếm được mà còn bị nhiều tổn thất. Ở Cửa Việt, ta kịp thời đánh quân lấn chiếm, địch bị thất bại và thương vong nặng.

Trong bối cảnh lịch sử lúc này, không phải ai cũng dễ dàng nhận rõ âm mưu thâm độc của Mỹ - ngụy.

Sau những năm dài chiến tranh ác liệt, gian khổ, muốn có hòa bình là nguyện vọng chính đáng. Thế nhưng “cây muốn lặng, gió chẳng dừng”. Có ý kiến cho rằng trọng tâm số một lúc này là giữ vững hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc, tạo thế ổn định trong khoảng 5-10 năm. Nhiều địa phương do sơ hở, mất cảnh giác, đã để mất đất, mất dân. Có nơi chủ trương phân tuyến, phân vùng với địch, để mất thế “da báo”. Có nơi rút các sư đoàn chủ lực về giữ các căn cứ, giao cho bộ đội địa phương chống địch lấn chiếm. Có xu hướng giản đơn cho là lửa chiến tranh chỉ “riu riu”, hoặc đã “tắt lửa chiến trường”. Cũng đã có một kế hoạch sử dụng 3,5 tỷ đôla mà phía Mỹ đã hứa bồi thường chiến tranh để làm vốn tích lũy ban đầu. Ngay ở

Tổng hành dinh cũng có ý kiến không muốn đánh trả, e vi phạm Hiệp định Pari.

Nhớ mãi buổi chiều ở Đồ Sơn, khi nghe các đồng chí Lê Hữu Đức và Võ Quang Hồ, Phó Cục trưởng Cục Tác chiến báo tin đề nghị phát động chiến tranh du kích đánh địch lấn chiếm vùng giải phóng chưa được chấp nhận, tôi đã phát biểu: “Các cậu quen làm khoa học quân sự nên sinh chữ nghĩa. Sao không nói: địch càn quét chiếm lại vùng ta mới giải phóng, đóng thêm đồn bốt, vậy ta có đánh lại không hay để mất hết?”. Mọi người mới vỡ lẽ ra!

Hòa bình được lập lại.

Thắng lợi lớn nhất lúc này là ở miền Nam, ta có chính quyền, có quân đội, có đất, có dân, được pháp lý quốc tế thừa nhận. Quân Mỹ phải rút đi, còn quân ta thì ở lại.

Bộ Chính trị chủ trương nhanh chóng củng cố các vùng giải phóng. Các nhu cầu trước mắt và lâu dài, về vật chất, kỹ thuật của bộ đội ta ở miền Nam rất lớn. Tôi làm việc với anh Đinh Đức Thiện, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần.

Suy nghĩ của tôi lúc này là do Mỹ - ngụy còn ngoan cố nên có nhiều khả năng địch sẽ đánh phá các tuyến đường chi viện chiến lược Trường Sơn, hoặc chí ít cũng gây khó khăn cho ta bằng cách yêu cầu đóng các trạm kiểm soát quốc tế ở các đầu mối giao thông quan trọng trên đường vận chuyển chiến lược. Ta cần tranh thủ lúc địch tạm phải ngừng đánh phá, tăng cường vận chuyển vào Nam, ngoài vật chất cho sinh hoạt, cần đưa các loại vũ khí lớn như xe tăng,

thiết giáp, pháo cỡ lớn, pháo cao xạ và các khí tài, phương tiện bảo đảm.

Làm việc với anh Đồng Sĩ Nguyên, tôi chỉ thị phải khắc phục khó khăn mở đường Đông Trường Sơn từ Khe Gát (Quảng Bình) vào đến Bù Gia Mập (Nam Bộ) để việc vận chuyển chiến lược được nhanh chóng và thuận lợi.

Mấy ngày sau, anh Thiện trình ra Quân ủy một kế hoạch vận chuyển và bảo đảm hậu cần toàn diện cho miền Nam và đề nghị được dẫn đầu một đoàn khá đông cán bộ vào chiến trường để trực tiếp tổ chức thực hiện.

Tôi hỏi:

- Cậu định làm gì mà mang lắm quân thế?

Anh Thiện trả lời:

- Tôi cần khoảng 100 cán bộ, gồm các ngành hậu cần và cả các binh chủng. Đi đến đâu, tổ chức đến đấy, đẩy mạnh xây dựng vùng giải phóng, xây dựng các căn cứ hậu cần có đầy đủ kho tàng, trạm quân y, các cơ sở kỹ thuật, các đơn vị sản xuất...

Tôi thấy kế hoạch khá đồ sộ, mạnh dạn nhưng hợp lý và cần thiết, nên tán thành ngay.

Kế hoạch của anh Thiện được Quân ủy thông qua. Đoàn cán bộ khẩn trương, hăng hái lên đường vào Nam. Anh Tố Hữu kết hợp cùng đi. Năng động, dám nghĩ, dám làm, anh Thiện đã hoàn thành xuất sắc một nhiệm vụ đột xuất nhưng rất quan trọng, góp phần tích cực củng cố vùng giải phóng, cùng Đoàn 559 vận chuyển hàng vạn tấn vật chất, kỹ thuật gồm lương thực, quần áo, thuốc men, vũ khí, pháo cỡ lớn, pháo cao xạ, xe tăng, thiết giáp vào chiến trường,

bảo đảm cho việc xây dựng, huấn luyện, nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang và một phần cho nhân dân.

Chiến thắng của trận “Điện Biên Phủ trên không” cùng với tám năm chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của quân và dân ta nói chung và Quân chủng Phòng không - Không quân nói riêng. Tôi dành nhiều thời gian cùng với các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Quân chủng tổng kết những kinh nghiệm quý báu thu được trong những năm qua, sẵn sàng đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của địch.

Tại Đồ Sơn, tôi nghe Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân báo cáo về xây dựng và chiến đấu của từng binh chủng: tên lửa, cao xạ, radar và không quân. Các báo cáo được chuẩn bị công phu, có hệ thống, có tham khảo nhiều nguồn tin tình báo và tư liệu của các nước Anh, Đức, Nhật... Một bài nghiên cứu về chiến tranh không quân ở Đông Dương của Trường Đại học Cornell (Mỹ) đã kết luận: “Thắng lợi của người Việt Nam là một ví dụ vô song về sự toàn thắng của trí tuệ con người đối với máy móc”. Nhiều vấn đề từ tổ chức lực lượng, tác chiến, đào tạo cán bộ, trang bị kỹ thuật được đặt ra, làm sáng tỏ thêm nội dung các chủ trương mà Quân ủy đang thảo luận.

Đầu tháng 3/1973, Quân ủy Trung ương họp. Các anh Văn Tiến Dũng, Song Hào, Lê Quang Đạo, Đinh Đức Thiện, Trần Quý Hai đều có mặt.

Khai mạc hội nghị, tôi phát biểu gợi ý, nêu các vấn đề cần trao đổi, thảo luận, nhất là đánh giá cho đúng tình hình miền Nam cả về quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao để có chủ trương toàn diện, kịp thời chặn đứng âm mưu, thủ đoạn của địch đang lấn đất, giành dân, đánh phá cơ sở cách mạng.

Sau khi nghe anh Lê Trọng Tấn báo cáo tình hình, với tinh thần trách nhiệm cao, các anh trong Quân ủy phát biểu rất sôi nổi. Nghiêm túc tự phê bình và phê bình, mỗi người nói rõ những suy nghĩ, kiểm điểm ưu điểm, khuyết điểm trong nhận thức, tư tưởng và sự chỉ đạo công tác trong phạm vi chức trách của mình, phê bình sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh.

Kết thúc cuộc họp, Quân ủy quyết nghị: trong khi địch dùng biện pháp quân sự để đánh ta, ta cần kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, với pháp lý của Hiệp định Pari, từng bước chuyển sang tiến công chủ yếu bằng chính trị có lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn, nhằm thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên thế có lợi cho ta.

Tình hình chiến sự ở miền Nam diễn biến phức tạp, có nhiều điểm cần được xem xét tại chỗ. Tôi tranh thủ vào làm việc trực tiếp với các chiến trường B5 (Quảng Trị), B4 (Trị - Thiên), Bộ Tư lệnh 559 và Quân khu IV.

Thực tiễn nơi tuyến lửa càng cho thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của địch phá hoại Hiệp định Pari, đặt ra nhiều

vấn đề phải khẩn trương giải quyết. Làm việc với các anh Lê Trọng Tấn, Song Hào, Cao Văn Khánh, Vũ Xuân Chiêm, Đồng Sĩ Nguyên, Hoàng Thế Thiện, Đàm Quang Trung, Nguyễn Văn Thanh, Phan Văn Đường¹, với Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình, chúng tôi bàn cụ thể kế hoạch củng cố thể bố trí lực lượng của quân ta, cách đánh quân nguy lấn chiếm, các biện pháp tăng cường lực lượng cho B4, B5, việc làm đường cơ động cho các phương tiện cơ giới, mở đường Đông Trường Sơn, đẩy mạnh vận chuyển chiến lược, kể cả bằng đường hàng không, việc xây dựng căn cứ địa, hậu cần, chuyển thương binh từ chiến trường ra. Chuyển đi thị sát đường Trường Sơn để lại trong tôi nhiều ấn tượng sâu sắc về tinh thần anh dũng chiến đấu, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn của cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559, gọi mở khả năng to lớn của con đường chiến lược mang tên Bác cả trong xây dựng đất nước sau này.

Nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559, tôi căn dặn: Muốn đạt được đỉnh cao của toàn thắng, chúng ta cần phải dũng cảm hơn đã dũng cảm, mưu trí sáng tạo hơn đã mưu trí sáng tạo. Con đường Trường Sơn rồi đây không dừng

1. Lúc này, anh Tấn là Tư lệnh chiến dịch Quảng Trị, anh Song Hào là Chính ủy, anh Khánh là Phó Tư lệnh. Anh Đồng Sĩ Nguyên là Tư lệnh, anh Hoàng Thế Thiện là Chính ủy Đoàn 559. Anh Vũ Xuân Chiêm là Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần. Anh Quang Trung và Phan Văn Đường là Tư lệnh và Phó Chính ủy Quân khu IV. Anh Thanh (tức Thanh Quảng) là Phó Chính ủy mặt trận Trị - Thiên.

lại như mức hiện nay mà phải mở rộng để xe có thể đi lại hai chiều không giảm tốc độ, đi được cả những tháng đầu mùa mưa lũ...

Hiệp định Pari đã có hiệu lực được 60 ngày. Sáng 27/3/1973, Bộ Chính trị họp mở rộng. Sau khi nghe anh Lê Quang Đạo báo cáo tình hình, anh Nguyễn Duy Trinh nêu ý kiến cần tranh thủ tạo thế mạnh cho ta, có đối sách cụ thể với Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt dính líu, buộc ngụy phải chấm dứt chiến sự. Anh cũng phản ánh dư luận thế giới ca ngợi thắng lợi của ta.

Tiếp đó, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đề ra nội dung thảo luận, gồm việc phân công giữa Bộ Chính trị và Trung ương Cục miền Nam trong việc chỉ đạo các phái đoàn của ta ở các hội nghị bốn bên và hai bên, xem xét đối sách của ta với Mỹ, tổng kết 60 ngày thi hành Hiệp định và ra tuyên bố của Chính phủ. Các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ... phát biểu đánh giá tình hình, đề nghị phương hướng chính sách đối với Mỹ, cách làm việc và phân công cụ thể giữa Bộ Chính trị và Trung ương Cục.

Kết luận hội nghị, anh Ba đồng ý để Trung ương Cục trực tiếp chỉ đạo các Ban liên hiệp quân sự, Quân ủy Trung ương chỉ đạo các vấn đề quân sự. Anh khẳng định: Mỹ đã thực sự rút quân, nhưng chưa chấm dứt dính líu, ngụy còn ngoan cố phá hoại Hiệp định. Ta cần tranh thủ

xây dựng lực lượng mọi mặt ở miền Nam, miền Bắc, quy trách nhiệm của Mỹ, buộc đối phương phải thi hành Hiệp định Pari.

Ngày hôm sau, 28/3, triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương thảo luận chủ trương tác chiến. Cuộc họp đi đến kết luận: Tuy quân Mỹ đã rút, nhưng lực lượng quân sự Mỹ vẫn có mặt trong khu vực: Đông bắc Thái Lan, Guam, Philippin và trên Hạm đội 7. Mỹ lại đang chi viện ồ ạt để cho quân nguy mạnh lên, hòng đẩy lùi cách mạng, thực hiện miền Nam trở thành một nước phụ thuộc Mỹ, ở đó chỉ có một quân đội, một chính quyền. Đối tượng tác chiến lúc này là quân nguy. Phương châm tác chiến ở miền Nam là kết hợp đánh chính quy và đánh du kích, tác chiến với binh vận, chiến đấu với xây dựng lực lượng, tiêu diệt địch gắn với giành dân, xây dựng cơ sở. Hội nghị cũng nêu ra nhiệm vụ quân sự của miền Bắc, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tăng cường chi viện miền Nam, và các vấn đề quân sự ở Lào và Campuchia.

Ngay sau cuộc họp, Quân ủy Trung ương điện cho các chiến trường. Trong bức điện, tôi giải thích rõ tiến công quân sự bằng phản công của ta là chủ động tiến công, chủ động phản công, không phòng ngự đơn thuần. Không những phản công ở địa bàn địch tiến công ta, mà còn hiệp đồng với các lực lượng chính trị, quân sự, binh vận phản công ở các địa bàn khác, nơi ta có chủ lực mạnh. Không những phản công bằng bộ binh, bằng hỏa lực, mà hết sức chú ý dùng bộ đội đặc công tinh nhuệ đánh vào cơ quan

chỉ huy, kho tàng, sân bay, căn cứ, bên sườn và sau lưng địch, đánh vào những nơi chúng sơ hở.

Ngày 29/3/1973, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Trên đất nước thân yêu, quân xâm lược nước ngoài về cơ bản đã bị quét sạch.

Sau Hiệp định Pari, việc liên lạc giữa hai miền có thêm điều kiện mới khá thuận lợi. Lượng thông tin tăng lên, nhanh hơn, đủ hơn, phong phú hơn, qua các nguồn cung cấp từ chiến trường, từ Ban Liên hiệp quân sự, từ báo chí công khai... Đi lại cũng dễ dàng hơn, kể cả bằng máy bay đến tận sân bay Tân Sơn Nhất.

Tin tức báo về Tổng hành dinh được chọn lọc, phân tích kỹ càng. Cán bộ từ miền Nam ra họp, góp nhiều tình hình và ý kiến xác đáng.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương rất quan tâm đến tình hình địch phá hoại Hiệp định Pari. Với trách nhiệm và chức trách của mình, tôi dành nhiều thời gian suy nghĩ, tranh thủ trao đổi thêm với nhiều đồng chí.

Với các anh từ miền Nam ra, tôi thường mời đến nhà dùng cơm thân mật. Những buổi gặp gỡ trao đổi như vậy thật bổ ích. Tôi trao đổi ý kiến với đồng chí Bí thư thứ nhất. Qua nhiều lần trao đổi, anh Ba hoàn toàn nhất trí với chủ trương kiên quyết tấn công, phản công đánh trả địch. Trong các bức điện gửi Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Khu V, Khu ủy Trị - Thiên và Đảng ủy Tây Nguyên, tư tưởng cách

mạng tiến công được truyền đi, bước đầu tạo nên những biến chuyển ở chiến trường.

Tôi cũng dành trọn một ngày nghe anh Tố Hữu nói chuyện về tình hình miền Nam sau chuyến đi “nước non ngàn dặm”. Vừa là nhà chính trị, vừa là nhà thơ, anh thuật lại những điều tai nghe mắt thấy trên các nẻo đường Trường Sơn “đông nắng tây mưa”, nói lên khát vọng của đồng bào và chiến sĩ miền Nam:

*“... Đang tay một với xa gì
Sài Gòn ơi lại phải đi bao ngày...”*

Tôi thâm nghĩ, với tinh thần cách mạng tiến công của Đảng ta, đường tới Sài Gòn nhất định sẽ được cơ ngắn lại.

Đặc biệt bổ ích là những buổi làm việc trong tháng 4/1973 với các anh lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng triệu tập ra Bắc họp. Đoàn cán bộ B2¹ do anh Mười Cúc², Phó Bí thư Trung ương Cục dẫn đầu, gồm các anh Hoàng Văn Thái, Tư lệnh B2, Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy Khu IX, Trần Nam Trung, phụ trách các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Nguyễn Minh Đường, Bí thư Khu ủy Khu VIII. Đoàn Khu V, Tây Nguyên có các anh Võ Chí Công, Chu Huy Mân. Ngay sau khi ra tới Hà Nội, ngày 19/4, tại nhà nghỉ Hồ Tây, Đoàn đã sơ bộ báo cáo với Bộ Chính trị về tình

1. Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ.

2. Đồng chí Nguyễn Văn Linh.

hình cách mạng miền Nam từ năm 1972, đặc biệt sau ngày ký Hiệp định Pari.

Ngày 3/5/1973, Thường vụ Quân ủy Trung ương làm việc với các đồng chí Quân ủy Miền: Hoàng Văn Thái, Trần Văn Trà, Trần Lương, Nguyễn Minh Đường, Võ Văn Kiệt. Ngôi nhà quét vôi màu hồng số 28 phố Cửa Đông hôm ấy sôi động khác thường. Thời Pháp, nơi đây là tư dinh của viên tướng thực dân, tổng chỉ huy quân đội Pháp miền Bắc Đông Dương, nay là nhà khách Bộ Quốc phòng.

Các anh Văn Tiến Dũng, Song Hào, Lê Quang Đạo, Trần Quý Hai cùng tôi đón tiếp các anh hết sức nồng nhiệt. Tình cảm đồng chí, đồng đội, tình cảm hậu phương đón bạn chiến đấu từ tiền tuyến trở về thật đậm đà, thân thiết.

Chúng tôi vui mừng thấy các anh khỏe mạnh. Chúng tôi hỏi thăm sức khỏe các anh đang ở lại lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu ở miền Nam.

Sau những phút tâm tình, đại bộ phận thời gian dành cho việc trao đổi tình hình Nam Bộ.

Thay mặt Đoàn, anh Hoàng Văn Thái báo cáo về những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược trên chiến trường B2. Bản báo cáo đã được các anh trong đoàn bàn bạc thống nhất. Về nguyên nhân thắng lợi, anh Thái khẳng định một trong những yếu tố tạo nên thắng lợi là Trung ương, Quân ủy Trung ương đã hạ quyết tâm sớm, xác định phương hướng tác chiến đúng, nhất là chỉ đạo phương châm, phương thức đánh phá “bình định” của địch.

Tuy nhiên, do tương quan lực lượng giữa địch và ta, những thắng lợi đó còn hạn chế. Địch còn có những mặt

mạnh nhất định. Ta cũng còn có những khuyết điểm, nhược điểm chưa khắc phục được ngay. “Kế hoạch thời cơ”¹ của ta tuy bước đầu thu thắng lợi, nhưng chưa vững chắc, địch cũng đã có đề phòng, dân bị kìm kẹp không bung ra được. Địch còn hơn ta cả về quân số và trang bị. Riêng ở B2, so sánh quân số là ta 1, địch 2,5.

Bản chất phản động và ngoan cố của địch lộ rõ. Do đó, khả năng thành lập chính phủ liên hiệp ba thành phần, thực hiện hòa bình, hòa hợp dân tộc là không dễ dàng. Địch đang ra sức thực hiện một kế hoạch “bình định” mang số hiệu AB148 hết sức tàn bạo, thâm độc dưới chiêu bài “tái thiết nông thôn”. Thực chất là nhằm tiêu diệt cơ sở cách mạng, khống chế quần chúng, lấn chiếm vùng giải phóng, “lấp” vùng tranh chấp, phá thế “da báo”, khủng bố các gia đình kháng chiến. Một chiến dịch chiến tranh tâm lý được phát động rầm rộ, nói xấu cách mạng, xuyên tạc Hiệp định Pari, phục vụ mưu đồ trên.

Anh Sáu Dân (Võ Văn Kiệt), người lãnh đạo chiến trường Khu IX, tiếp lời anh Thái. Anh nêu rõ sự cần thiết và khả năng có thể giữ vững thế làm chủ mạnh tại những địa bàn trọng điểm của miền Tây Nam Bộ, về những biện pháp và khả năng của Khu IX mở rộng vùng giải phóng theo chỉ tiêu 1,8 triệu dân mà Khu ủy đã quyết nghị.

1. Cuối năm 1972 sang đầu năm 1973, Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo các chiến trường miền Nam đánh mạnh, tiêu diệt, bức hàng bức rút hàng trăm đồn bốt, mở thêm nhiều mảng, nhiều vùng, giành quyền làm chủ trên nhiều địa bàn quan trọng. Kế hoạch được gọi là “Kế hoạch thời cơ”.

Anh Sáu Đường (Nguyễn Minh Đường), báo cáo rõ tình hình Khu VIII và mối quan hệ giữa hai chiến trường Khu IX và Khu VIII trong các hoạt động quân sự, chính trị, binh vận, đánh trả địch, giữ đất, giành dân, phát triển lực lượng cách mạng.

Anh Hoàng Văn Thái cũng báo cáo lại với Quân ủy nội dung làm việc những ngày vừa qua với đồng chí Bí thư thứ nhất và những ý kiến bước đầu của anh Ba, nhất là dự kiến về những khả năng có thể diễn ra trên chiến trường miền Nam sắp tới. Rõ ràng, từ sau Hiệp định Pari, ở miền Nam chiến tranh không diễn ra như trước, nhưng cũng chưa phải đã có hòa bình. Bởi vậy, phải luôn luôn nắm vững quan điểm cách mạng bạo lực và tư tưởng chiến lược tiến công, tích cực xây dựng thực lực cách mạng, đẩy mạnh tiến công cả về quân sự, chính trị và pháp lý ngoại giao. Lại phải căn cứ vào đặc điểm và tính chất của từng địa phương mà vận dụng hình thức tiến công nào là chủ yếu, làm thất bại kế hoạch bình định, lấn chiếm của địch, giữ đất, giành dân, mở rộng quyền làm chủ.

Kết thúc cuộc trao đổi, tôi phát biểu gợi ý một số vấn đề để các anh suy nghĩ, chuẩn bị cho hội nghị Bộ Chính trị sẽ họp vào tháng 5. Vấn đề lớn nhất là so sánh lực lượng giữa ta và địch sau khi quân Mỹ rút đi. Nếu như hồi năm 1963-1964, địch 5 ta 1, 1967-1968, địch 4 ta 1, thì hiện nay tương quan ấy là như thế nào? Về vấn đề này nên nghiên cứu cả các mặt số lượng, chất lượng, vật chất, tinh thần, trong nước và quốc tế... Phải chăng hiện giờ ta đã mạnh hơn địch?

Về phương châm, biện pháp đấu tranh, nên phát triển hai chân, ba mũi trong tình hình mới như thế nào? Khi đã có thêm pháp lý của Hiệp định Pari, thì đấu tranh làm sao để đạt kết quả tối ưu? Về xây dựng lực lượng, ngoài sự chi viện của hậu phương lớn, khả năng tại chỗ của B2 phát triển lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích, cần được động viên để đáp ứng yêu cầu đối phó với mọi tình huống. Trong tình thế giằng co không thể kéo dài, phải có biện pháp mới thích hợp để đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở cả nông thôn và thành thị.

Các cuộc làm việc, trao đổi đều nhằm làm sáng tỏ tình hình, gợi ý về phương hướng chủ trương mà chưa có kết luận. Nhưng về đại thể, đã có sự nhất trí trên nhiều vấn đề thảo luận.

Lúc này, lại có thêm những tình hình sốt dẻo. Gặp anh Trần Văn Trà, Trưởng đoàn đại biểu quân sự Cộng hòa miền Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên vừa ra Hà Nội, tôi được biết thêm về âm mưu, thái độ, thủ đoạn của đối phương ở chiến trường và trên bàn đàm phán ở Trại Đavít trong sân bay Tân Sơn Nhất. Anh còn cho biết ngay sau ngày ký Hiệp định Pari, chúng đã tráo trở ném bom vào sân bay Thiệt Ngôn, đúng vào giờ và địa điểm chúng hẹn đưa trực thăng đến đón đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào Sài Gòn làm việc. Nhờ khôn ngoan, cảnh giác, đoàn ta vẫn an toàn. Có thể coi đây là một trận thắng đầu tiên của ta trước sự phản trắc dê hèn của Mỹ - ngụy.

Mặt giáp mặt với kẻ thù, anh đã có những nhận định sâu sắc về so sánh lực lượng giữa ta và địch. Không thể chỉ thấy một số triệu chứng bề ngoài cùng với những hành động quân sự hung hăng, những âm mưu đen tối của Mỹ - ngụy mà cho là chúng mạnh hơn trước khi quân Mỹ rút đi.

Với vũ khí, phương tiện chiến tranh Mỹ vừa đổ vào, hỏa lực của quân ngụy được tăng lên. Chúng có thêm xe tăng M48, pháo tầm xa 175mm, máy bay cường kích F5E. Chúng thành lập thêm các liên đoàn bảo an cơ động chiến đấu, nhiều tiểu đoàn cảnh sát dã chiến. Quân bảo an và phòng vệ dân sự cũng tăng nhiều.

Chúng tận lực củng cố ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, ra sức kìm kẹp nhân dân, đánh phá cơ sở cách mạng, lấn chiếm vùng giải phóng.

Đứng sau lưng chúng là lực lượng quân sự cơ động của Mỹ đóng tại Thái Lan và Philíppin, với 4 hàng không mẫu hạm, 855 máy bay chiến thuật và 173 máy bay chiến lược B52.

Về phía ta, lúc này cũng có không ít khó khăn. Sau đợt hoạt động liên tục dài ngày, từ tháng 4/1972 đến đầu năm 1973, đơn vị nào cũng thiếu quân số vì không kịp bổ sung. Lương thực, đạn dược cũng rất thiếu. Sức khỏe giảm sút. Khó khăn chủ quan có ảnh hưởng không ít đến tư tưởng muốn nghỉ ngơi, ảo tưởng ở thiện chí của địch. Thậm chí có nơi sợ đánh trả địch là vi phạm Hiệp định, đề ra năm cấm: cấm tiến công địch, cấm đánh quân địch lấn chiếm, cấm vây đồn, cấm pháo kích, cấm xây dựng xã chiến đấu.

Mọi biểu hiện hữu khuynh, ảo tưởng đều phải trả giá đắt.

Tình hình ngày càng sáng.

Ngày 24/5/1973, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp mở rộng bàn vấn đề miền Nam. Tham dự hội nghị, còn có các anh Mười Cúc, Mười Khang¹, Năm Công², Hai Mạnh³, Trần Lương, Sáu Dân⁴, Sáu Đường⁵, Trần Hữu Dực, Song Hào, Trần Quý Hai, Lê Trọng Tấn, Hoàng Minh Thảo. Cuộc họp đã được chuẩn bị kỹ từ tháng trước. Báo cáo do Quân ủy Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng soạn thảo được gửi đến từng đại biểu.

Mở đầu cuộc họp, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn nhắc lại quá trình phát triển của cách mạng miền Nam 18 năm qua, phân tích âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ đối với miền Nam trong chiến lược toàn cầu của chúng, vạch rõ hiện nay, mâu thuẫn chủ yếu của thời đại tập trung ở Việt Nam. Nước ta đang ở vị trí tuyến đầu của phong trào giải phóng dân tộc. Linh hoạt, sôi nổi, đồng chí nêu bật thắng lợi to lớn của Hiệp định Pari về Việt Nam, biểu dương chiến công oanh liệt của quân và dân ta ở cả hai miền, khẳng định sự đúng đắn của đường lối cách mạng sáng tạo, độc lập, tự chủ của Đảng trong tình

-
1. Đồng chí Hoàng Văn Thái.
 2. Đồng chí Võ Chí Công.
 3. Đồng chí Chu Huy Mân.
 4. Đồng chí Võ Văn Kiệt.
 5. Đồng chí Nguyễn Minh Đường.

hình kẻ địch rất xảo quyệt và tình hình quốc tế phức tạp. Đồng chí nêu lên các khả năng diễn biến tình hình miền Nam, đề ra các nhiệm vụ công tác cần triển khai ngay bao gồm tác chiến chống địch lấn chiếm, giành dân, công tác binh vận, công tác mặt trận, công tác ngoại giao, xây dựng chính quyền, căn cứ địa, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng... Đồng chí gợi ý hội nghị đi sâu nghiên cứu so sánh lực lượng, chỗ mạnh, chỗ yếu, thế đi lên của ta, thế thất bại, thế đi xuống của địch và khẳng định: “Ta đã có thêm nhiều điều kiện mới rất thuận lợi. Cách mạng nhất thiết phải tiến lên bằng con đường bạo lực. Nhất định ta sẽ thắng”.

Các anh Mười Cúc, Trần Văn Trà phát biểu về tình hình B2, nơi sào huyệt của Mỹ - ngụy. Anh Năm Công báo cáo về chiến trường Nam Trung Bộ. Các anh Sáu Dân, Sáu Đường nêu rõ tình hình đấu tranh các mặt của Khu IX, Khu VIII... Bức tranh toàn cảnh của chiến trường miền Nam hiện lên đầy đủ, chân thực, với những nét chấm phá tinh tế hướng sự chú ý của lãnh đạo vào những góc cạnh cốt tử. Qua phát biểu, các anh ở chiến trường đều biểu thị sự nhất trí cao với những nhận định và chủ trương của Bộ Chính trị. Sự gặp gỡ giữa Bộ thống soái tối cao với lãnh đạo, chỉ huy các mặt trận tạo thêm niềm phấn khởi, tin tưởng trong hội nghị, thấp sáng thêm ngọn đuốc trí tuệ của cơ quan lãnh đạo, soi tỏ con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam.

Các đồng chí trong Bộ Chính trị phát biểu. Anh Trường Chinh nhấn mạnh thắng lợi to lớn và những hạn

chế của cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt hồi Tết Mậu Thân (1968). Liên hệ với tình hình hiện nay, cần phải rút kinh nghiệm cũ, phải thật linh hoạt trong chỉ đạo đấu tranh, không cứng nhắc, nhất là khi chiến tranh vẫn còn tiếp diễn phức tạp và gay gắt.

Các anh Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh khẳng định ta đã thắng to, nhưng mới thắng đến chừng đó, phân tích thêm về chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, về âm mưu của Mỹ - ngụy, khẳng định Mỹ đã yếu hơn trước. Muốn thắng, ta phải dùng sức mạnh, dùng bạo lực. Nói quân sự, chính trị song song là đúng, nhưng lúc này phải biết lấy quân sự làm trụ cột, làm chỗ dựa cho đấu tranh chính trị.

Sôi nổi nhất trong các ý kiến thảo luận là vấn đề so sánh lực lượng giữa địch và ta. Lúc này ta mạnh hay địch mạnh? Nói chung thì dễ thống nhất, nhưng đi vào cụ thể từng vùng, từng mặt, so sánh cả về thế và lực, cả số lượng và chất lượng thì ngay cả một số đồng chí trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy ở chiến trường cũng có ý kiến khác nhau.

Tôi nhớ rõ báo cáo của anh Trần Hữu Dục về tình hình chiến trường Trị - Thiên, nơi đầu sóng ngọn gió. Anh vừa được Trung ương phái vào B4 để nghiên cứu, nắm tình hình. Anh cho biết ở đây đã phân vùng xong, từ đường xe lửa trở ra đến biển là vùng địch, từ đường xe lửa về phía tây là vùng ta. Bộ đội đã rút về vùng ta để củng cố. Tình hình đã ổn định. Trong cuộc họp, nhiều đồng chí không đồng ý với cách làm nguy hiểm như vậy. Rõ ràng, đánh giá cho đúng tình hình không phải là đơn giản. Sai một ly, đi

một dặm. Tuy nhận thức chân lý phải là một quá trình, nhưng đánh giá sai thực chất tình hình sẽ đưa đến những chủ trương sai lầm, nguy hiểm.

Tôi phát biểu ý kiến, nói thêm về những điểm chủ yếu trong bản báo cáo do Quân ủy Trung ương và Văn phòng Trung ương soạn thảo, đặc biệt đi sâu vào những âm mưu, thủ đoạn mới của Mỹ - ngụy về Việt Nam hóa chiến tranh. Căn cứ vào những tài liệu nguyên bản do Cục 2 Tiền phương thu được của địch như kế hoạch bình định cấp tốc từ tháng 3 đến tháng 8/1973, kế hoạch bình định 3 năm (1975-1977), kế hoạch 5 năm xây dựng quân ngụy (1974-1979), kế hoạch kinh tế 8 năm (1973-1980) nhằm tái thiết miền Nam, tôi nêu rõ: Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, chúng buộc phải dùng ngụy quân, ngụy quyền làm chỗ dựa. Ngụy mạnh hay yếu sẽ tác động có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ cục diện chiến tranh. Vì vậy, chúng đang cố vực ngụy quân, ngụy quyền dậy, ra sức phá hoại Hiệp định, giành thế có lợi cho chúng. Tuy nhiên, đối mặt với quân và dân ta, chúng có những mâu thuẫn, khó khăn không thể khắc phục được. Trong thời kỳ đầu của học thuyết Níchxơn về Việt Nam hóa chiến tranh, quân ngụy còn có thể chống đỡ nhờ vào hỏa lực của Mỹ. Nhưng sau thời kỳ này, một khi quân Mỹ rút hết, nếu bị đánh mạnh, chúng sẽ sa sút, tan rã nhanh chóng. Vấn đề là phải chống ảo tưởng, phải đấu tranh mạnh, phản công mạnh theo kinh nghiệm của Quân khu IX, phá các kế hoạch thâm độc của chúng, không để cho chúng củng cố lực lượng.

Qua một tuần lễ làm việc, đạt tới sự nhất trí cao, hội nghị đã giải đáp vì sao từ đầu năm 1973 địch vẫn giành được quyền chủ động tiến công, ta phải bị động đối phó, có những nơi mất đất, mất dân?

Đó là do ta có khuyết điểm chứ không phải do địch mạnh, do lúc đầu ta không đánh giá hết âm mưu của địch và khả năng của chúng thực hiện âm mưu ấy. Chúng ta đã không có chủ trương kịp thời, nhất quán từ đầu về vị trí, nội dung của tiến công quân sự. Địch cứ tiến công, lấn chiếm, mà ta thì ngồi im, có nơi còn rút lui. Nếu cứ tiếp tục như vậy thì tình hình sẽ rất bất lợi.

Trên cơ sở nhận định “tình hình miền Nam còn trải qua một thời gian không ổn định, có thể tương đối dài, thực sự chưa có ngừng bắn, hành động chiến tranh còn tiếp diễn, chưa có hòa bình thực sự nhưng không phải là chiến tranh toàn diện, miền Nam còn ở trong tình trạng vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh”, Hội nghị Bộ Chính trị chủ trương: “Trong khi địch dùng hành động quân sự đánh ta, ta vẫn cần phải chủ động tiến công địch, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và pháp lý... Tiến công quân sự bằng phản công của ta là chủ động, chỉ có qua đó mà từng bước đánh bại mọi hành động vi phạm của địch”.

Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tháng 5/1973 tạo bước chuyển biến mới.

Không ai còn nghĩ đến nghỉ ngơi, hòa hoãn. Cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Kẻ địch còn “bình định” lấn chiếm, phá hoại hòa bình, ta không thể làm ngơ. Phải bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được bằng biết bao xương máu.

Hơn thế nữa, phải phát huy thế mạnh, thế thắng, huy động sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong điều kiện thuận lợi mới, đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Không thể dừng lại nửa chừng.

Tôi bàn với anh Văn Tiến Dũng cùng chỉ đạo chuẩn bị kế hoạch chiến lược quân sự trong giai đoạn mới.

Từ tháng 4/1973, một tổ chức mang tên *Tổ trung tâm* được lập ra để giúp Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh trong việc này, gồm các anh Vũ Lăng, Cục trưởng, Võ Quang Hồ, Lê Hữu Đức, Phó Cục trưởng Cục Tác chiến, do anh Lê Trọng Tấn, Phó Tổng tham mưu trưởng trực tiếp chỉ đạo¹. Ngoài công việc thường xuyên, mỗi tuần *Tổ tập trung* hai ngày tại phòng làm việc của anh Tấn. Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, ngày 5/6/1973, *Tổ trung tâm* hoàn thành bản dự thảo *Đề cương kế hoạch chiến lược* mang số 305 TG1.

Tư tưởng chiến lược của Đảng tỏa khắp các chiến trường.

Nghị quyết của Bộ thống soái tối cao đã biến thành hành động cách mạng. Sau nửa năm đấu tranh gay go quyết liệt, các cuộc hành quân lấn chiếm, “bình định” của địch bước đầu bị chặn lại. Quân ta hoạt động mạnh. Thương vong của quân ngụy đã vượt khỏi con số 100.000. Một số vũ khí Mỹ vừa đổ vào, lọt vào tay Quân giải phóng.

1. Từ đầu năm 1974, có anh Hoàng Văn Thái, Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất trực tiếp chỉ đạo.

Địch vừa ăn cướp vừa la làng.

Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao ta công bố cuốn sách trắng đề ngày 7/5/1973 tố cáo Mỹ và chính quyền Sài Gòn vi phạm có hệ thống Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, vạch rõ Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tình hình nghiêm trọng này.

Hiệp định Pari bị đe dọa.

Anh Lê Đức Thọ lên đường trở lại bàn đàm phán.

Cái thế của ta ở chiến trường cũng là cái thế của các nhà ngoại giao Việt Nam trước đối phương. Trước khi đi, anh Thọ nhiều lần trao đổi với tôi và anh Dũng. Qua đồng chí Hồ Quang Hóa, Phó Cục trưởng Cục Tác chiến và là trợ lý giúp anh Thọ về quân sự, Bộ Tổng tham mưu cung cấp đều đặn tình hình quân sự và những nhận định chiến lược để các nhà ngoại giao của ta tham khảo.

Với trò “ngoại giao con thoi”, Kítxinhgiơ bay đi bay lại giữa Oasinhtơn và Pari, giữa Pari và Sài Gòn tìm cách cứu vãn tình thế. Níchxơn bị ám ảnh bởi vụ bê bối Oatoghết lúc này đã phơi ra ánh sáng. Hình ảnh năm tay chân đặc lực của Đảng Cộng hòa chui vào đặt máy nghe trộm tại trụ sở của ủy ban toàn quốc Đảng Dân chủ đóng ở khu nhà Oatoghết bị bắt quả tang tháng 6/1972 làm tắt ngấm hào quang của chiếc ghế Tổng thống Hoa Kỳ. Ông ta không còn đầu óc nào mà nghĩ nhiều đến Việt Nam, nhất là khi quân Mỹ đã rút đi, tù binh Mỹ đã về nước. Tuy vậy, ông ta vẫn phải đe nẹt Thiệu, vì y lại phản ứng không chịu chấp nhận bản thông cáo chung đã được phác thảo.

Thư và thông điệp lại bay tới Sài Gòn. Theo các tài liệu tiết lộ năm 1989, lần này, Níchxơn thẳng thừng đe dọa Thiệu: ... Tôi muốn lặp lại rằng mong muốn duy nhất của chúng tôi là tăng cường sự đoàn kết của tôi đối với ngài. Tôi không thể tin được rằng ngài sẽ đặt tôi vào một vị trí buộc tôi phải giải thích với nhân dân Mỹ một lý do của việc sụp đổ các cuộc đàm phán, điều sẽ dẫn đến tức thời việc cắt đứt các ngân sách cho Lào, Campuchia và sau cùng cho Việt Nam...

Đặc phái viên của Tổng thống Sácơ Oaitohaoxơ mỗi lần bay tới Sài Gòn, lại mang theo những bức thư với lời lẽ cứng rắn hơn:

... Điều ngài phải quyết định là chỉ thị cho đại diện của ngài ở Pari tham gia với tiến sĩ Kítxinhgiơ trong việc ký kết bản thông cáo với nội dung như hiện nay, bất chấp những nghi ngại thứ yếu mà ngài đã trình bày; bằng ngược lại, nếu ngài từ chối việc ký kết, từ bỏ hiệp ước, ngài sẽ chịu những hậu quả tai hại khôn lường đối với sự ủng hộ của Quốc hội Mỹ.

Trong bức thư cuối cùng, không còn giữ ý bằng ngôn ngữ ngoại giao, Níchxơn xẵng giọng:

... Đây không còn là vấn đề bàn cãi giữa những người tham gia đàm phán, hoặc giữa các luật sư, các chuyên gia. Bây giờ đây là vấn đề trực diện giữa hai chúng ta. Sự lựa chọn của ngài tùy thuộc ở ngài... Tiến sĩ Kítxinhgiơ đã được chỉ thị trở về Oasinhtơn vào chiều mai. Bất cứ sự trì hoãn hoặc né tránh nào với bất kỳ lý do gì đều không được chấp nhận...

Không cần đến củ cà rốt, chỉ cái gậy cũng mang lại kết quả.

Cuối cùng, hai bản thông cáo chung về những biện pháp cần thiết để thi hành triệt để và nghiêm chỉnh Hiệp định Pari về Việt Nam đã được ký kết tại lâu đài La Xen Xanhcolu trong sự cay đắng của Nguyễn Văn Thiệu.

Đã đến thời điểm cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương phải quyết định những vấn đề đường lối chiến lược cơ bản.

Tình hình đã sáng tỏ thêm nhiều.

Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 vào tháng 6/1973, nhằm khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. Quân ủy Trung ương được giao chuẩn bị nội dung của hội nghị.

Nhận lãnh trách nhiệm trước Bộ Chính trị, tập thể Quân ủy Trung ương dành nhiều tâm lực suy nghĩ, nghiên cứu, đề xuất, trao đổi ý kiến. Một số cán bộ cơ quan Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần cũng được huy động, trong điều kiện tuyệt đối bí mật. Tôi tập trung suy nghĩ về các vấn đề chiến lược trong giai đoạn cuối của chiến tranh. Trực tiếp giúp tôi là các đồng chí Tổng tham mưu phó Lê Trọng Tấn và Cao Văn Khánh, hai đồng chí từng chỉ huy đánh lớn, hai đồng đội gắn bó lâu năm trong nhiều chiến dịch, hai người bạn chiến đấu trung thực, chân thành.

Việc đầu tiên tôi nghĩ tới là mời các đồng chí trong đoàn cán bộ B2 đến trao đổi, làm việc.

Cuộc họp được tổ chức ngày 11/6/1973 tại “Nhà con rồng”, nơi làm việc của Quân ủy Trung ương, trên nền cũ của điện Kính Thiên thời Lê, nguyên là hành cung của các vua nhà Nguyễn khi ra kinh lý Bắc Hà với chín bậc thêm cao và bốn con rồng đá tạo khắc tinh vi còn nguyên vẹn.

Các đồng chí có trách nhiệm trong Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh đến dự đông đủ. Mọi người thảo luận hăng say, quên cả cái nắng đầu mùa.

Với thực tiễn chiến đấu và bề dày kinh nghiệm chiến trường, các anh ở B2 dự đoán sắp tới, trọng điểm bình định của địch sẽ là đồng bằng sông Cửu Long. Nhiệm vụ hàng đầu ở B2 là kiên quyết đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, giữ vững vùng giải phóng, vùng tranh chấp và các căn cứ “lõm” trong vùng sâu, mở rộng diện tranh chấp, giành lại dân, mở thêm diện làm chủ, từng bước mở thêm diện giải phóng ở những nơi có điều kiện.

Muốn vậy, phải xây dựng lực lượng mạnh, tăng lực lượng địa phương lên gấp đôi, bảo đảm quân số chiến đấu của bộ đội chủ lực, tăng khả năng cơ động và sức đột phá của bộ đội trong chiến đấu tiến công. Mục tiêu đề ra là đột phá hệ thống phòng ngự của địch cỡ trung đoàn, tiêu diệt chiến đoàn hoặc sư đoàn địch trong tác chiến vận động.

Tôi chăm chú lắng nghe tất cả các ý kiến. Trong đầu đã lóe lên những gì cần suy nghĩ để đề xuất với Trung ương. Cùng với Bộ Tổng tham mưu và Tổng cục Hậu cần, tôi giải quyết các yêu cầu của chiến trường B2, trước mắt

bổ sung ngay 17.000 quân chiến đấu. Đây là một cố gắng rất lớn của hậu phương miền Bắc, của các đảng bộ, chính quyền và cơ quan tổ chức động viên các cấp, vì tôi biết rất rõ, từ năm 1964 đến năm 1973, hậu phương lớn đã chi viện hết mình. Chỉ riêng các tỉnh thuộc Quân khu Tây nam sông Hồng, đã chi viện cho các chiến trường miền Nam 560.000 quân. Tuy vậy, trước thời cơ lớn đang xuất hiện, vẫn phải kiên quyết chi viện chiến trường.

Tôi gợi ý nên phổ biến rộng rãi kinh nghiệm của Quân khu IX, tích cực làm công tác tư tưởng chống hòa bình chủ nghĩa, chống ảo tưởng, mơ hồ, nâng cao tinh thần cảnh giác đối với âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù. Cũng phải dần dần huy động lực lượng tại chỗ để bổ sung cho bộ đội chủ lực và ra sức phát triển dân quân du kích. Về cách đánh, ngoài tiến công tiêu diệt cứ điểm, chi khu, quận lỵ, nên chú trọng dùng đặc công đánh vào các sở chỉ huy, sân bay, bến cảng, các căn cứ hậu cần...

Sau cuộc họp, tôi tranh thủ nghe báo cáo của các cục thuộc Bộ Tổng tham mưu, Tổ trung tâm, các đồng chí ở Bộ Ngoại giao, các đồng chí trong Ban liên hợp quân sự bốn bên ra Bắc họp.

Các nguồn tin cho biết: Qua cuộc viếng thăm Sài Gòn của Phó Tổng thống Mỹ Ácni cuối tháng 1/1973, Mỹ cố xoa dịu Thiệu cho đỡ cơn hốt hoảng. Điều đáng chú ý là Mỹ không hề công khai hoặc úp mở hứa hẹn gì với Thiệu, ngoài hai kế hoạch “Tăng cường” và “Tăng cường cộng” đổ

vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Sau cuộc viếng thăm Mỹ tháng 3/1973, Thiệu cũng không hy vọng được gì thêm ngoài một lời hứa suông tại Xan Klaimân: “Ngài có thể trông cậy vào chúng tôi”.

Lúc này, vụ Oatơghết đã rõ lên. Níchxơn ở vào thế bị động, lúng túng. Nước Mỹ muốn quên đi cuộc chiến tranh Việt Nam, muốn quên luôn cả ngụỵ quyền Nguyễn Văn Thiệu. Đã có những rạn nứt giữa Kítxinhgiơ và Thiệu, giữa Níchxơn và Thiệu, giữa Quốc hội Mỹ và chế độ Sài Gòn. Thiệu lo lắng thực sự về khả năng sẽ bị Mỹ bỏ rơi.

Tâm trạng người dân Sài Gòn cũng khá phức tạp. Ngụỵ quân, ngụỵ quyền và gia đình họ lo lắng, hoang mang khi các sĩ quan và chiến sĩ “Việt cộng” xuất hiện trên đường phố. Có người phỏng đoán “Việt cộng” sẽ đến tiếp quản Sài Gòn một khi người Mỹ đã ra đi!

Quân Mỹ đã rút hết. Phố xá không còn cảnh náo loạn như trước. Sân bay Tân Sơn Nhất bớt âm ào, không còn mấy phi vụ của máy bay quân sự Mỹ. Giới buôn bán nuối tiếc thời làm ăn “hốt bạc” hồi quân Mỹ còn ở đây. Vợ lính ngụỵ không còn đi làm cho Mỹ, đánh giày hoặc bán thuốc lá rong quanh các trại lính Mỹ. Gạo ở lục tỉnh không về Sài Gòn nhiều như trước. Hàng nhập khẩu bị cắt giảm. Nạn thất nghiệp lan tràn. Đồng tiền phá giá rất nhanh. Giá cả tăng vọt. Nạn tham nhũng không trừ ở một cấp nào. Trong quân đội, đó là nạn “lính ma”, “lính kiếng”. Bất cứ ai có chức, có quyền đều tranh thủ vợ vét “chụp giật” để tính chuyện mai sau.

Để tồn tại, ngụỵ quyền ra sức bắt lính, đôn quân. Tình hình ấy càng làm cho người dân hoang mang, lo lắng.

Càng đẩy quân đi lấn chiếm, giải tỏa các đường giao thông, số thương vong của quân ngụy lại càng cao. Cái “đa báo” trên bản đồ miền Nam Việt Nam là mối đe dọa ngày đêm đối với Nguyễn Văn Thiệu.

Tình hình trên các chiến trường bước đầu có chuyển biến tích cực. Nhiều nơi đã kiên quyết đánh trả địch, tìm ra cách đánh thích hợp, từng bước giành lại thế chủ động. Tuy vậy, chuyển biến còn chưa đều khắp. Những nhận thức, tư tưởng lệch lạc và hành động tiêu cực không dễ khắc phục trong một sớm một chiều.

Về xây dựng lực lượng ở miền Nam, ta còn phải nhanh chóng giải quyết tình trạng mất cân đối giữa bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, giữa lực lượng vũ trang tập trung và dân quân du kích. Số lượng của lực lượng vũ trang quần chúng bị tiêu hao, nhất là ở vùng đồng bằng. Sức chiến đấu của bộ đội chủ lực chưa nâng lên được như đầu năm 1972. Việc triển khai xây dựng cơ sở, xây dựng thế đứng của các vùng còn rất chậm; việc xây dựng kinh tế, tăng gia sản xuất chưa giải quyết được khó khăn về lương thực, nhất là ở miền Đông Nam Bộ và đồng bằng Khu V.

Đánh giá tình hình quân ngụy, có thể thấy chỗ mạnh của chúng là quân số còn đông, lại được Mỹ tiếp tục viện trợ về quân sự, kinh tế; lực lượng địa phương và lực lượng hậu bị được chúng ra sức củng cố, hệ thống phòng ngự và kìm kẹp ở cơ sở gây cho ta tổn thất; chúng còn kiểm soát được những thành thị và địa bàn đông dân, nhiều cửa, có thể khai thác được nhân tài, vật lực tại chỗ, còn kiểm soát được nhiều trục đường giao thông quan trọng.

Ngược lại, nguy quân, nguy quyền Sài Gòn có những chỗ yếu rất nghiêm trọng. Nội bộ chúng đầy mâu thuẫn. Phong trào đấu tranh của nhân dân chống Mỹ - nguy tăng lên. Sau khi nửa triệu quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc Mỹ đã rút đi, tinh thần nguy quân, nguy quyền sa sút, rệu rã. Sức chiến đấu của quân nguy về thực chất giảm đi rõ rệt. Nếu năm 1971, khi lần chiếm vùng U Minh, địch chỉ dùng 30 tiểu đoàn đã làm cho ta phải đối phó vất vả, thì năm nay, khi đánh vào tám xã thuộc Chương Thiện (Khu IX), địch tập trung 25 tiểu đoàn, tăng lên 50 tiểu đoàn, rồi 75 tiểu đoàn mà vẫn thất bại.

Nhìn tổng quát, toàn diện, từ sau Hiệp định Pari, ngoại trừ những tổn thất lúc đầu, ta đã mạnh lên nhiều cả về thế và lực. Vấn đề cơ bản đặt ra là phải kiên quyết kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, pháp lý, ngoại giao, binh vận, từng bước đánh bại mọi hành động phá hoại Hiệp định Pari, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, buộc địch phải chấp nhận hòa bình và thắng chúng trong hòa bình, đồng thời sẵn sàng đánh thắng chúng nếu chúng gây lại chiến tranh.

Trong quá trình chuẩn bị Hội nghị Trung ương, chúng tôi thảo luận các vấn đề xây dựng lực lượng ở miền Bắc, miền Nam, cách đánh tiêu diệt sinh lực quân nguy để làm chuyển biến cục diện chiến trường. Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu khẩn trương lập các quân đoàn, những “quả đấm chủ lực” sẵn sàng sử dụng ở thời điểm quyết định, nghiên cứu phương thức tác chiến theo hướng tiêu diệt chi khu, quận lỵ, chiến đoàn, lữ đoàn địch đi ứng cứu, tiêu diệt sư đoàn địch.

Về chống phá “bình định”, kinh nghiệm của đồng bằng sông Cửu Long, nhất là kinh nghiệm của Khu IX, chứng tỏ quân và dân ta hoàn toàn có khả năng làm thất bại âm mưu chiến lược này của địch. Tôi yêu cầu Bộ Tổng tham mưu tích cực nghiên cứu vấn đề này, đặc biệt chú ý phương châm, phương thức đánh địch, bám đất, bám dân, phối hợp các lực lượng chủ động kiên quyết đánh trả địch. Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tham mưu đã nghe anh Lê Đức Anh từ chiến trường ra báo cáo tình hình Khu IX và Khu VIII. Lập trường kiên quyết, cảnh giác của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Khu IX đã mang lại thắng lợi ngay từ đầu. Kinh qua đấu tranh, càng linh hoạt, sáng tạo, thắng lợi càng lớn. Các anh Văn Tiến Dũng, Lê Trọng Tấn trực tiếp chỉ đạo Cục Tác chiến và Cục Dân quân phối hợp chuẩn bị một hội nghị chuyên đề sẽ triệu tập vào cuối năm.

Sự chuẩn bị công phu của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh tiến hành khẩn trương, bí mật suốt hai tháng trời. Một bản báo cáo được hoàn thành. Đây là nội dung ý kiến trung tâm trong Hội nghị Trung ương lần thứ 21 khai mạc vào cuối tháng 6/1973.

Hội nghị họp đột đầu trong một tuần lễ.

Các đồng chí ủy viên Trung ương về dự khá đông đủ. Báo cáo của Quân ủy Trung ương phân tích kỹ tình hình địch, ta ở miền Nam, tình hình chiến trường sáu tháng sau khi có Hiệp định Pari, bối cảnh quốc tế phức tạp hồi bấy giờ, âm mưu, thủ đoạn của chính quyền Níchxơn và

ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu, đánh giá so sánh lực lượng trên chiến trường và trong cả nước, chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, của ta, khả năng của Mỹ - ngụy, và những tình huống chiến lược có thể xảy ra. Bản báo cáo cũng đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương những kiến nghị về phương hướng, chủ trương và kế hoạch hoạt động ở miền Nam trong thời gian tới nhằm đẩy mạnh đấu tranh ở vùng tạm bị chiếm và vùng tranh chấp, xây dựng lực lượng, củng cố vùng giải phóng.

Sau khi nghe báo cáo, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn phát biểu ý kiến, nêu rõ quyết định của Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần này nhằm đánh giá tình hình từ sau Hiệp định Pari, đánh giá so sánh lực lượng, chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và địch, làm cơ sở xác định phương châm, phương thức đấu tranh, đưa cách mạng đến thắng lợi mới. Với nhãn quan chiến lược sắc sảo, anh Ba điểm lại tình hình cuộc đấu tranh của đồng bào và chiến sĩ miền Nam từ khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959) đến lúc này, khẳng định thắng lợi của ta có ý nghĩa rất to lớn.

Giọng nói miền Trung của anh thật nhiệt tình, sôi nổi. Anh nêu rõ: Sau Hiệp định Pari, tuy Mỹ vẫn còn dính líu, địch còn có những chỗ mạnh, nhưng những chỗ mạnh đó nằm trong thế thất bại, thế đi xuống. Trước âm mưu của Mỹ - ngụy công khai, trắng trợn phá hoại Hiệp định, tiếp tục chiến tranh thì cách mạng miền Nam nhất định phải tiến lên bằng con đường bạo lực. Chiến lược của ta là chiến lược tiến công. Vấn đề quân sự phải đặt lên hàng đầu. Đấu tranh chính trị lúc này phải kết hợp với đấu tranh quân sự,

binh vận và pháp lý để giành dân, giành quyền làm chủ. Anh Ba gợi ý một số vấn đề thảo luận và yêu cầu các ủy viên Trung ương đề cao trách nhiệm đóng góp ý kiến và quyết nghị.

Tôi phát biểu nhấn mạnh sự chuyển biến về so sánh lực lượng ta - địch, kinh nghiệm của trận đánh chiếm lại cảng Cửa Việt (Quảng Trị) và của Quân khu IX, kiên quyết đánh trả địch, kiên quyết chống phá “bình định”, chống ảo tưởng hòa bình. Đi sâu vào bản chất cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, tôi nêu rõ việc Mỹ “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc phải dùng ngụy quân, ngụy quyền làm chỗ dựa. Đây là một sai lầm lớn của Mỹ. Ngụy mạnh hay yếu sẽ tác động có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ cục diện chiến tranh ở Việt Nam, nhất là sau khi Mỹ đã rút quân. Trong thời kỳ đầu, quân ngụy còn có thể chống đỡ nhờ vào hỏa lực của Mỹ. Nhưng càng về sau, bị ta đánh mạnh, chúng sẽ bộc lộ nhiều nhược điểm, khó khăn không thể khắc phục được và sẽ tan rã nhanh chóng.

Các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Hoàng Quốc Việt, Văn Tiến Dũng, Lê Thanh Nghị, Lê Văn Lương, Tố Hữu,... nêu lên những vấn đề có tầm chiến lược về chính trị, quân sự, ngoại giao, trong nước và trên thế giới. Các anh lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường: Anh Mười Cúc, anh Trà, anh Năm Công, anh Trần Hữu Dục, anh Sáu Dân, anh Sáu Đường,... đóng góp nhiều kinh nghiệm thực tiễn, đề xuất nhiều sáng kiến về phương thức và biện pháp đấu tranh.

Hội nghị Trung ương diễn ra trong nhiều ngày. Tinh thần dân chủ được nêu cao. Các đồng chí ủy viên Trung ương

phát huy tinh thần trách nhiệm, thảo luận kỹ tất cả mọi vấn đề đường lối, chiến lược của cách mạng miền Nam, nhiệm vụ của hậu phương lớn miền Bắc, đường lối quốc tế, vấn đề đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia, công tác xây dựng lực lượng, đấu tranh giành dân, giành quyền làm chủ, công tác binh vận, công tác đô thị, công tác vùng giải phóng, công tác mặt trận, công tác ngoại giao, công tác xây dựng Đảng... Các ý kiến đều được trình bày đầy đủ, có hệ thống, tranh luận, phát biểu nhiều lần, không hạn chế thời gian.

Về đánh giá so sánh lực lượng, Hội nghị nhất trí với ý kiến chuẩn bị của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh là thế và lực của cách mạng miền Nam lúc này mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào từ năm 1954 đến nay. Khi Mỹ đã rút đi, ta càng mạnh. Từ chỗ đánh giá như vậy, Hội nghị chỉ rõ *thời cơ chiến lược sẽ đến*.

Về các khả năng phát triển của tình hình, Hội nghị dự kiến có thể phát triển theo hai khả năng:

Một là, ta đấu tranh tích cực, buộc địch phải từng bước thi hành Hiệp định Pari, tình hình miền Nam ổn định, hòa bình được thật sự lập lại. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta tuy còn lâu dài, gian khổ, nhưng sẽ tiến lên mạnh mẽ.

Hai là, Mỹ - ngụy ngoan cố phá hoại Hiệp định, xung đột quân sự có thể tăng cường độ, chiến tranh quy mô ngày càng lớn. Ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng gay go quyết liệt để giành thắng lợi hoàn toàn.

Khả năng thứ nhất có ít, nhưng cần tranh thủ thực hiện, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó với khả năng thứ hai.

Qua thảo luận, mọi người đều nhất trí: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là đoàn kết toàn dân, tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Dù tình hình phát triển theo khả năng nào, *cách mạng chỉ có thể thắng lợi bằng con đường bạo lực cách mạng*. Bất kỳ trong tình huống nào ta cũng phải *nắm vững thời cơ, giữ vững chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để giành thắng lợi*. Trước mắt, phải nắm vững lực lượng vũ trang, củng cố, phát triển và tăng cường ba thứ quân thật mạnh, khắc phục tình trạng mất cân đối. Bố trí lực lượng phải tạo thế căng kéo địch, không để cho chúng lấn chiếm ở từng khu vực. Phải coi vấn đề giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới.

Ngày 6/7/1973, đồng chí Bí thư thứ nhất kết luận hội nghị. Đồng chí nêu rõ sự nhất trí cao của Ban Chấp hành Trung ương về quyết tâm giải phóng miền Nam. Việt Nam sẽ không như Triều Tiên, Đông Đức. Đây là một quyết tâm rất lớn, có ý nghĩa lịch sử và quốc tế. Với đường lối cách mạng đúng đắn, với phương pháp cách mạng kết hợp quân sự, chính trị, ngoại giao, động viên cả nước vì miền Nam ruột thịt, nhất định chúng ta sẽ thực hiện được. Tinh thần cốt lõi của Hội nghị Trung ương lần này là cách mạng miền Nam phải tiếp tục tiến lên bằng con đường bạo lực cách mạng. Chúng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ hòa bình, chính nghĩa, đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định Pari để thắng địch. Nhưng nếu địch ngoan cố tiếp tục chiến tranh thì ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà.

Hướng đi lên của cách mạng miền Nam đã rõ ràng.

Nội dung Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 hình thành từ Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tháng 5/1973, tiếp đó từng bước hoàn chỉnh qua nhiều lần thảo luận và khảo nghiệm. Tôi cùng anh Vũ Tuân, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng tổng hợp, chỉnh lý, làm việc suốt mấy tuần liền, cân nhắc từng câu từng chữ. Cuối cùng, Nghị quyết được Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất trí thông qua ngày 4/10/1973, khẳng định: *“Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công”*.

Trong thời gian này, theo chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh, *Tổ trung tâm* khẩn trương nghiên cứu, chỉnh lý, bổ sung bản dự thảo *“Đề cương kế hoạch chiến lược”* đầu tiên. Còn biết bao vấn đề đặt ra để suy nghĩ, tìm phương án tối ưu để giành thắng lợi. Dựa vào ý kiến của đồng chí Bí thư thứ nhất trong những ngày chuẩn bị Hội nghị Trung ương lần thứ 21, thường nhấn mạnh khả năng phát động tổng khởi nghĩa kết hợp với tổng công kích, lấy địa bàn chủ yếu là thành thị để giải phóng miền Nam, ngày 16/7/1973, bản dự thảo lần thứ hai với đầu đề *“Đề cương nghiên cứu kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở miền Nam”* đã được trình lên. Tuy cụ thể hơn, nhưng đề cương lần này vẫn còn nhiều điểm lớn phải tiếp tục nghiên cứu trao đổi. *Tổ trung tâm* lại phải tiếp tục

làm việc và một tháng sau, ngày 15/8/1973, đã hoàn tất bản dự thảo lần thứ ba nêu lên những đặc điểm của cuộc tổng khởi nghĩa sắp diễn ra, dự kiến tình huống dẫn đến tổng khởi nghĩa và thời cơ tổng khởi nghĩa, đề ra các biện pháp phát huy sức mạnh tổng hợp chính trị - quân sự của ta để tiến hành tổng khởi nghĩa, tổng công kích, lấy phát động quần chúng tổng khởi nghĩa làm khâu chủ yếu nhất, trọng điểm số 1 là Sài Gòn.

Thời cơ đã đến gần. Nhưng giành thắng lợi bằng cách nào, đó là điều không đơn giản.

Tôi chỉ thị *Tổ trung tâm* sưu tầm, báo cáo kinh nghiệm kết thúc cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô, cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Trung Quốc, và giai đoạn cuối cùng của một số cuộc chiến tranh khác. Tại Quân khu bộ Quân khu III, tôi trực tiếp nghe anh Hoàng Minh Thảo báo cáo về kinh nghiệm Liên Xô. Do quy mô chiến tranh hiện đại, nên từ sau cuộc phản công ở Xtalingrát và trận quyết chiến ở vòng cung Cuốcxơ, quân đội Xôviết cùng quân đội các nước Đồng minh mở những chiến dịch rộng lớn, nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Tôi cũng nghe đồng chí Hoàng Minh Phương báo cáo về cách đánh của quân đội Trung Quốc trong giai đoạn cuối cùng. Ở đây, Quân giải phóng ít đánh thành phố, thiên về vây thành diệt viện, đánh ở các khu vực xung quanh. Tuy vậy, cũng như ở Liên Xô, Trung Quốc vẫn phải đánh những trận tiêu diệt chiến lớn và đánh vào thành phố. Liên hệ với tình hình miền Nam nước ta, tôi thấy không thể đặt tổng khởi nghĩa lên đầu, mà tất yếu

phải có những trận tiến công lớn, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, tạo điều kiện đánh vào thành phố, vào sào huyệt chủ yếu của địch kết hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng để kết thúc chiến tranh, giành toàn thắng. Nhiều lần, tôi trao đổi vấn đề này với đồng chí Bí thư thứ nhất. Cuối cùng, anh Ba đồng ý phải phát huy, phối hợp cả ba quả đấm mạnh là nông thôn, thành thị và chủ lực, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi.

Tôi yêu cầu *Tổ trung tâm* tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh đề cương kế hoạch chiến lược theo phương hướng đó. Một lần nữa, những bộ óc tham mưu dạn dày kinh nghiệm lại phải làm việc không kể ngày đêm.

Ngày 12/9/1973, nhân dân ta nồng nhiệt đón đồng chí Phiden Caxtrô, Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa Cuba sang thăm Việt Nam. Bộ Tổng tham mưu tổ chức đưa Phiden vào thăm Quảng Bình, Vĩnh Linh và vùng giải phóng Quảng Trị.

Tôi đã hai lần đến tuyến lửa này đầu năm 1973 trong hai chuyến đi thị sát vùng Cửa Việt, Khe Sanh, Bản Đông, đến Lùm Bùm, sông Tà Lê, qua dốc Phulanhích..., đi dự Hội nghị tổng kết chiến dịch Đường số 9 - Nam Lào và đặt kế hoạch củng cố vùng giải phóng. Cảnh tàn phá do bom đạn Mỹ gây ra, cảnh xơ xác, hoang tàn của Cồn Tiên, Dốc Miếu, Quán Ngang, đồi 241,... khiến Phiden hết sức xúc động và cảm phục. Nơi đây biết bao cán bộ, chiến sĩ và

nhân dân đã ngã xuống trong các đợt tiến công và phản công chiến lược năm 1971-1972, làm nên những chiến công bất tử diệt Mỹ, diệt ngụy, tạo thế, tạo lực đưa kháng chiến cứu nước đến thắng lợi.

Lúc này, bóng tối của quân xâm lược đã bị đẩy lùi. Dưới ánh sáng của cách mạng, mầm mống của cuộc sống mới bắt đầu nảy nở. Trụ sở Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đặt gần Đông Hà, cạnh Đường số 9 với những ngôi nhà gỗ lắp ghép, mái tôn, trần ván, nhưng không kém vẻ khang trang. Lá cờ nửa đỏ, nửa xanh với năm cánh sao vàng bay hiên ngang trước gió.

Tình hình chưa ổn định. Với tác phong khẩn trương, bí mật như khi xung trận Môngcađa năm xưa, vị nguyên thủ quốc gia đầu tiên đến thăm vùng giải phóng miền Nam với khẩu súng ngắn bên mình. Thoát ẩn thoát hiện, Phiden say sưa thăm hết nơi này đến nơi khác, vượt lên mọi nghi thức ngoại giao; có khi một đêm đổi chỗ ở tới mấy lần, chỉ chợp mắt vài mươi phút trên những chiếc giường dài quá cỡ.

Khi đến thăm thị trấn Đông Hà, con người cách mạng tiêu biểu của châu Mỹ Latinh đã nói lên suy nghĩ của mình: “Tập đoàn cứ điểm này bị đánh trong một thời gian có mấy ngày. Làm được như vậy trong hoàn cảnh phải chịu đựng những cuộc ném bom và sự khống chế trên không của lực lượng không quân Mỹ, thật là một chiến công khó có thể tưởng tượng được”.

Thực tiễn chiến trường chinh phục bao trái tim bầu bạn.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng và nghệ thuật quân sự Việt Nam nhất định sẽ biến nghị quyết của Đảng thành thắng lợi huy hoàng.

Sau Hội nghị Trung ương, biết bao vấn đề được đặt ra. Quân ủy Trung ương làm việc liên tục nhiều ngày bàn việc xây dựng các quân đoàn chủ lực, công tác cán bộ, kế hoạch nâng cao toàn diện chất lượng của lực lượng vũ trang đáp ứng kịp với tình hình. Thấy trước khả năng tác chiến quy mô lớn trong tương lai gần, Quân ủy quyết định cử một đoàn cán bộ quân sự sang học một lớp bổ túc về tác chiến binh chủng hợp thành tại Học viện Vôrôsilốp ở Mátxcova. Trưởng đoàn là Thiếu tướng Nguyễn Hữu An, phó đoàn là Đại tá Lê Hữu Đức.

Tôi tranh thủ gặp anh Nguyễn Côn, anh Đỗ Mười trao đổi về kết hợp kinh tế với quốc phòng, huy động lực lượng, tuyển quân, về quân đội tham gia xây dựng kinh tế ở miền Bắc và ở vùng giải phóng miền Nam. Hội đồng Chính phủ phê chuẩn kế hoạch của Bộ Quốc phòng xây dựng thêm và mở rộng đường Trường Sơn, bao gồm việc củng cố tuyến Tây Trường Sơn và xây dựng mới tuyến Đông Trường Sơn. Lực lượng công binh Đoàn 559 và cả ngành giao thông vận tải của miền Bắc được huy động để làm đường chiến lược.

Ngày 15/11/1973, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn gửi thư cho Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Khu V, Khu ủy Trị - Thiên, đồng gửi Đảng ủy Tây Nguyên. Bức thư

nêu rõ hai khả năng phát triển của tình hình miền Nam, và nhấn mạnh: “Tình hình phát triển theo khả năng nào đều tùy thuộc vào thực lực và sự đối phó của ta, và điều quyết định trước hết là ta phải nhận rõ *cách mạng miền Nam chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường cách mạng không ngừng, bằng bạo lực*, dựa vào sức mạnh chính trị và sức mạnh vũ trang của nhân dân, tận dụng và phát huy những nhân tố mới, thuận lợi mới do Hiệp định Pari đưa lại. Đó là tinh thần cơ bản của Nghị quyết 21”¹.

Theo chỉ thị của Ban Bí thư và Thường trực Quân ủy Trung ương, Tổng cục Chính trị triển khai quán triệt Nghị quyết 21 trong toàn quân. Một hội nghị cán bộ cấp cao từ Quân khu IV trở ra được triệu tập tại hội trường Tổng cục Chính trị ngay giữa thành Hà Nội.

Tôi dành trọn một ngày để phổ biến tinh thần của bản Nghị quyết lịch sử.

Khái quát tình hình từ lúc bắt đầu đánh Mỹ cho đến lúc ký Hiệp định Pari, tôi nêu rõ thắng lợi to lớn của quân và dân ta lần lượt đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Bằng một đòn sấm sét bất ngờ giáng trúng phần lớn các trung tâm đầu não chiến tranh của Mỹ - ngay giữa Tết Mậu Thân (1968), chúng ta đã đẩy quân thù vào thế khủng hoảng chiến lược hết sức trầm trọng. Chúng không thể tiếp tục leo thang nữa mà bắt đầu phải từng bước xuống thang chiến tranh và phải ngồi vào bàn đàm phán. Chúng phải bị động thay

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.333-334.

đổi chiến lược, “phi Mỹ hóa chiến tranh” rồi “Việt Nam hóa chiến tranh”, một chiến lược mà ngay từ khi mới xuất hiện đã bộc lộ những yếu tố thất bại, phá sản không thể tránh khỏi.

Những nỗ lực phi thường đầy sự tích anh hùng, sáng tạo của quân và dân cả nước ta đã đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ, buộc chúng phải ký Hiệp định Pari. Sau 18 năm chống Mỹ, cứu nước, ta đã giành được thắng lợi vĩ đại: mấy chục vạn quân Mỹ và quân chư hầu phải rút khỏi miền Nam, còn lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của ta ở miền Nam vẫn tiếp tục duy trì và phát triển. Do đó, so sánh lực lượng địch - ta trên chiến trường thay đổi lớn có lợi cho ta. Nhìn chung trong cả nước, ta đã mạnh hẳn lên cả thế và lực. Đây là nhân tố chủ yếu khẳng định thời cơ lịch sử đã tới gần.

Lần này, Hội nghị Trung ương đã ra nghị quyết khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, tư tưởng chiến lược vẫn là tư tưởng tiến công, tuyệt đối không thể mơ hồ, ảo tưởng. Phương hướng hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải ra sức nhanh chóng tạo thế mới, lực mới, quyết tiến lên giành thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Kết thúc bài nói, tôi yêu cầu Bộ Tổng tham mưu khẩn trương nghiên cứu phương án tác chiến tiêu diệt sư đoàn quân nguy, phương án tiến công tiêu diệt tiểu đoàn địch trong công sự kết hợp với lực lượng đoàn địch chi viện ở đồng bằng, khẩn trương tổ chức huấn luyện ngay các binh đoàn

chiến lược, các binh chủng kỹ thuật theo phương án tác chiến mới. Tôi cũng yêu cầu Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật nhanh chóng xây dựng, hoàn chỉnh kế hoạch công tác chuẩn bị và công tác bảo đảm các mặt, đáp ứng kịp thời yêu cầu của chiến tranh.

Như một luồng gió mới, Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 đến với các chiến trường. Đồng bào, chiến sĩ cả nước sôi nổi hưởng ứng. Lãnh đạo và quần chúng chung một ý chí tiến công. Lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng đúc lại thành ánh sáng soi đường, biến thành hành động cách mạng sôi nổi, khẩn trương khắp từ tiền tuyến đến hậu phương, thành sức mạnh vô địch.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta chống trả địch quyết liệt, chặn đứng được phần lớn các cuộc “bình định”, lấn chiếm của chúng. Ở Trị - Thiên, ta khôi phục lại thế đứng trước ngày ký Hiệp định Pari. Ở Khu V, ta giành lại các vùng địch lấn chiếm. Ở Tây Nguyên, ta mở thêm được nhiều khu vực ở Trung Nghĩa (Kon Tum) và Chư Nghé (Plâyku). Ở miền Đông Nam Bộ, ta đánh mạnh, giải phóng thêm vùng Kiến Đức - Bù Bông, giải phóng hành lang nối liền Nam Bộ với Tây Nguyên. Ở Khu VIII, ta làm chủ một số vùng ở nam, bắc đường số 4. Ở Khu IX, ngay từ đầu ta đã kịp thời tiến công và phản công, nên không những giữ vững được hình thái địch - ta trước ngày 27/1/1973, mà còn giải phóng thêm nhiều địa bàn quan trọng.

Hậu phương lớn dốc sức người, sức của ra tiền tuyến. Quân số các đơn vị Quân giải phóng được bổ sung. Nhiều

binh chủng kỹ thuật đã tới chiến trường. Đường vận chuyển chiến lược Trường Sơn được mở rộng, nối dài. Hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, xăng dầu tới tấp vào chiến trường. Sức mạnh của chiến tranh nhân dân ở miền Nam tăng gấp bội. Thời gian đang ủng hộ chúng ta.

Trên mỗi chặng đường của cuộc đấu tranh, tài thao lược của Đảng ta luôn luôn là nhân tố quyết định thắng lợi. Nhờ đánh giá đúng tình hình, dự kiến đúng thời cơ, chủ động và kiên quyết hành động, Đảng đã huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tạo nên thế và lực mới, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nếu như Nghị quyết 15 (khoá II) năm 1959 vạch ra đường lối cho cách mạng miền Nam, Nghị quyết 12 (khoá III) năm 1966 đã nêu lên phương hướng cơ bản để thực hiện nhiệm vụ lịch sử: “Đánh cho Mỹ cút”, thì Nghị quyết 21 (khoá III) năm 1973 đã chỉ ra con đường đi tới hoàn thành nhiệm vụ lịch sử tiếp theo: “Đánh cho ngụy nhào”, như Bác Hồ đã sớm chỉ ra một cách hết sức thần tình từ mùa xuân 1969.

Một chặng đường lịch sử đã mở ra. Ánh hào quang chiến thắng lấp lánh ở chân trời. Tương lai huy hoàng của dân tộc đang ở phía trước.

Chương III

KẾ HOẠCH CƠ BẢN VÀ KẾ HOẠCH THỜI CƠ

Gần đến Tết Giáp Dần (1974), tình hình miền Nam sôi động. Nghị quyết Trung ương đã thấm dần đến cơ sở.

Tôi làm việc với các đồng chí Lê Ngọc Hiền, Phó Tổng tham mưu trưởng, Vũ Lăng, Võ Quang Hồ, Cục trưởng và Phó Cục trưởng Cục Tác chiến. Lúc này, anh Lê Trọng Tấn được cử vào Khu V giúp quân khu triển khai thực hiện Nghị quyết 21 về mặt quân sự. Tình hình chiến sự ở miền Nam từ Trị - Thiên, Khu V, Tây Nguyên đến đồng bằng sông Cửu Long đang chuyển biến có lợi cho ta. Chúng tôi trao đổi về phương hướng tác chiến hai năm 1974, 1975 với tốc độ phát triển ngày càng nhanh của chiến trường, chuẩn bị tăng cho Khu VIII và Khu IX thêm một vạn quân và 3.000 tấn vũ khí, huấn luyện nâng cao chất lượng chiến đấu của bộ đội và năng lực chỉ huy của cán bộ các cấp, tích cực vận chuyển chiến lược cho miền Nam, dự kiến kế hoạch thời cơ.

Ngày 30/1/1974, Bộ Chính trị họp mở rộng bàn kế hoạch nắm bắt thời cơ đẩy mạnh cách mạng miền Nam.

Tham dự hội nghị còn có các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, các đồng chí lãnh đạo B2, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Hoàng Minh Thảo.

Thay mặt Quân ủy, tôi báo cáo tình hình quân sự, chính trị, đánh giá sự chuyển biến ngày càng có lợi trên các chiến trường, đề nghị chủ trương phối hợp đấu tranh toàn diện và phương hướng tác chiến cho đến năm 1975. Tiếp đó anh Năm Công trình bày cụ thể tình hình Khu V, nêu những vấn đề cần giải quyết như chống địch đóng chốt, lấn dũi, đánh rã và đánh tiêu diệt, phát động quần chúng, đồng bào Công giáo, Phật giáo cùng lực lượng thứ ba đấu tranh làm suy yếu bộ máy kìm kẹp của địch. Anh Trần Độ báo cáo tình hình chiến trường Nam Bộ, sự chuyển biến rõ nhưng còn chậm từ tháng 8/1973 đến lúc này, nhận xét có khả năng Mỹ phải chịu thua. Anh Phạm Văn Đồng nêu ý kiến cần tìm ra những “points critiques”¹ để tạo chuyển biến nhanh hơn. Anh Hoàng Văn Thái cho rằng tình hình chiến trường đang có bước đi lên, cách đánh quân nguy cần tạo bất ngờ, diệt đồn bốt, quận lỵ, chi khu, kết hợp quân sự, chính trị, binh vận để chống phá bình định.

Các anh trong Bộ Chính trị phát biểu, thống nhất ý kiến về đánh giá tình hình, đề ra nhiều biện pháp đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao...

Kết luận hội nghị, anh Ba nêu rõ thế cân bằng trong tình hình thế giới, khi không ai có thể giữ vị trí bá quyền thì Mỹ muốn quay trở lại miền Nam cũng không phải dễ.

1. Điểm xung yếu.

Nhưng Mỹ có vào lại hay không, chủ yếu là do sự nỗ lực của ta. Nếu ta đánh mạnh, phá được “équilibre” (thế cân bằng) thì Mỹ khó lòng vào được. Vấn đề bây giờ là phải đẩy mạnh đấu tranh toàn diện, làm cho có nghệ thuật hơn, tạo thời cơ, và khi đã có thời cơ thì phải nắm được ngay để giành thắng lợi.

Sau những ngày làm việc căng thẳng, tập trung cao độ, sức khỏe của tôi giảm sút nhanh chóng. Nhiều lần bác sĩ khuyên nên nghỉ ngơi dưỡng sức, nhưng công việc không cho phép.

Một buổi sáng, trên đường công tác, bỗng nhiên bụng đau dữ dội. Cơn đau đột ngột làm cho đầu óc choáng váng, hơi thở gấp. Trong khoảnh khắc, tôi bị ngất xỉu. Khi tỉnh lại đã thấy mình nằm trong máy bay lên thẳng cấp cứu về Hà Nội.

Các giáo sư, bác sĩ Viện Quân y 108 làm việc hết sức khẩn trương, nhưng chưa chẩn đoán được căn bệnh. Người tôi mệt lả, bụng đau quặn quại từng cơn...

Thấy bệnh tình nguy kịch, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định đưa tôi sang Liên Xô điều trị bằng một chuyến chuyên cơ. Đi cùng tôi đề phòng tai biến có Giáo sư, Viện trưởng Nguyễn Thế Khánh, các bác sĩ Trần Văn Hiến, Phạm Văn Ngà.

Đồng chí, bạn hữu ra tiễn rất đông.

Trước khi lên máy bay, tôi xúc động cảm ơn anh Lê Đức Thọ, anh Lê Thanh Nghị, thay mặt Bộ Chính trị,

cùng các anh ở Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quân ủy, Bộ Quốc phòng và bà con, bầu bạn. Đã tưởng là khó có ngày về!

Tại Liên Xô, Trung ương Đảng bạn hết sức quan tâm. Các giáo sư, bác sĩ Bệnh viện Trung ương Mátxcơva dành cho tôi sự chăm sóc hết lòng. Tuy vậy, những cơn đau kéo đến ngày một mau hơn, dữ dội hơn. Đã một lần, khi tiêm thuốc để chẩn đoán bệnh, tim ngừng đập trong mấy giây! Hội chẩn tiếp theo hội chẩn. Vẫn chưa biết được nguyên nhân.

Nhớ mãi tấm gương tận tụy vì người bệnh của các giáo sư, tiến sĩ Xmaghin, Krapivin, nữ bác sĩ Irina, những người thầy thuốc đầy tinh thần trách nhiệm, cuối cùng đã tìm ra căn bệnh quái ác. Đó là bệnh sỏi mật, nhưng ở dạng sỏi mềm, rất khó phát hiện. Tôi mắc bệnh này đã nhiều năm mà không hề hay biết!

Lúc này túi mật đã viêm rất to. Cần phải mổ ngay. Để chậm sẽ vỡ, nguy hiểm đến tính mạng. Ca mổ vào loại đại phẫu thuật. Tỷ lệ tử vong khoảng 50%. Bác sĩ mổ cho tôi vào “thì chính” là Giáo sư Maiác, 71 tuổi, Anh hùng lao động, chuyên viên cao cấp Bộ Y tế, thầy thuốc chuyên khoa về mật giỏi nhất của Liên Xô.

Nghĩ mình khó lòng qua khỏi, tôi đã viết mấy điều để lại. Ngoài việc riêng, tôi dặn dò về công tác cán bộ, về những chủ trương, biện pháp thúc đẩy cách mạng miền Nam tiến nhanh đến cao trào.

May mắn thay, mọi việc đều tốt đẹp. Ca mổ rất thành công. Tôi phải nằm bất động trên giường bệnh mười một

ngày, sút mất hơn chục kilôgam. Qua một cái Tết bệnh viện xa quê hương, lòng nóng như lửa đốt.

Hiểu rõ tâm trạng ấy, ngay khi ra viện, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô bố trí một máy bay đưa tôi từ Mátxcơva về thẳng Hà Nội.

Mặc dù còn rất yếu, mệt, chỉ mấy ngày sau khi về nước, tôi vào ngay Văn phòng Bộ Quốc phòng thăm anh em và nắm tiếp tình hình. Mọi người hết sức vui mừng thấy tôi đã tai qua nạn khỏi. Đồng chí Bùi Đình Kế xúc động đọc một bài thơ sáng tác bằng cả tấm lòng:

*...Ôi mừng vui, ta lại đón xuân sang
Trong cảnh sắc, trong lòng người mong đợi
Hong hào, tươi vui, nụ cười trẻ lại
Gân thêm săn và nhựa sống thêm căng
Trên đường dài lại cất bước băng băng...*

Tháng 4/1974. Nguy hiểm đã qua.

Trong thời gian được các giáo sư, bác sĩ kiểm tra theo dõi tại khoa A11, Viện Quân y 108, tôi dành thời gian nghe báo cáo, thông qua nghị quyết về công tác quân sự địa phương và nghị quyết về chống phá “bình định” ở miền Nam của Quân ủy Trung ương.

Lúc này Mỹ - ngụy ráo riết đẩy mạnh kế hoạch “bình định nông thôn”. Đây là cái “nút” của học thuyết Níchxơn, một học thuyết mà đặc trưng nổi bật là coi trọng việc xây dựng lực lượng phản động bản xứ thành công cụ thực hiện chiến lược toàn cầu của Mỹ. Hơn 28 vạn cuộc hành quân “bình định” của ngụy trong một năm qua đã chứng tỏ

chúng cho đây là “cơ hội thích hợp để sống sót”. Bằng hệ thống đồn bốt, các lực lượng bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự, các tổ chức tế, điệp, cảnh sát, các tổ chức chính trị phản động, chúng ra sức giành dân, đánh vào vùng đông dân, nhằm mục đích nắm dân, khống chế dân, xây dựng cơ sở vật chất - xã hội cho ngụy quyền, hòng làm cho các cuộc nổi dậy của đồng bào ta mất cơ sở quần chúng. Dịch đang thực hiện “phương châm” của mưu sĩ Kítxinhgiơ: Tốt hơn hết là chúng ta hãy kiểm soát lấy 100% của 60% lãnh thổ nước này (chỉ miền Nam Việt Nam), hơn là kiểm soát 60% của 100% lãnh thổ. Nguyễn Văn Thiệu công khai tuyên bố: Hiện nay “bình định” là biện pháp chiến lược hàng đầu, là keo sống mái cuối cùng. Sống là đây và chết cũng là đây!

Trong năm 1973, ngụy quyền Sài Gòn ở thế đi xuống, gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, chúng có những nỗ lực lớn và đã đạt được kết quả nhất định.

Số các “lõm giải phóng” của ta gồm 400 ấp bị địch lấn chiếm. Chúng còn đóng thêm được 700 đồn bốt. Tuy bị thương vong nặng, quân ngụy vẫn không tan rã, trái lại, quân số có tăng lên. Riêng quân địa phương tăng gấp ba lần. Chúng vẫn kìm kẹp, khống chế được quần chúng. Ở đồng bằng Khu V, địch củng cố được một số vùng do chúng kiểm soát và lấn thêm một số vùng khác.

Tuy nhiên, nhìn chung toàn chiến trường miền Nam, trước sức phản công và tiến công của quân và dân ta, các hoạt động của địch dần dần chững lại và lâm vào thế chống đỡ bị động. Chúng không xóa được thế “da báo” ở miền Nam.

Ngày 4/1/1974, Nguyễn Văn Thiệu hò hét: Chiến tranh đã lại bắt đầu. Giọng lưỡi có vẻ hung hăng, nhưng

thực chất là một lời kêu cứu. Đã có những dấu hiệu quan thầy Mỹ quay lưng lại với Thiệu. Sự cô lập về chính trị của Thiệu đã lên tới đỉnh cao. Đảng Dân chủ, cái phương tiện để Thiệu tập trung phe cánh và huy động quần chúng chống cộng sản, rệu rã không khác gì Đảng Cần lao nhân vị của Diệm - Nhu trước đây. Thực ra, cũng chưa bao giờ nó được phát triển thành một tổ chức rộng rãi, mà chẳng qua là một tập đoàn cơ hội, xôi thịt, tranh giành quyền lợi lẫn nhau. Tai hại hơn, lúc này nó đang là môi trường dung dưỡng, đỡ đầu cho tham nhũng và hối lộ, nơi sắp đặt những chức vụ béo bở trong bộ máy ngục quyền.

Về kinh tế, do quân Mỹ rút đi, viện trợ Mỹ bị cắt giảm, Thiệu gặp khó khăn ghê gớm. Nạn thất nghiệp lan tràn. Giá cả tăng vọt, đồng tiền liên tục phá giá. Thuế nhập khẩu giảm nhiều, dẫn tới ngân khố ngục quyền suy sút trầm trọng. Quân ngục không thể giảm, mặc dù lương quan, lương lính không đủ ăn. Các kế hoạch “Tăng cường” và “Tăng cường cộng” càng làm cho Thiệu phụ thuộc thêm vào Mỹ. Thiết bị trị giá khoảng 750 triệu đôla đưa vào miền Nam thay thế cho những thiệt hại của quân ngục, nay lại trở thành con dao hai lưỡi, một gánh nặng bất kham. Các máy bay F5A và C123 đều đã cũ, lỗi thời và xuống cấp, không thể hoạt động nếu không được Mỹ cung cấp phụ tùng thay thế. Tình hình tương tự cũng xảy ra đối với nhiều loại vũ khí và phương tiện chiến tranh khác. Các công hàm gửi đi xin Mỹ viện trợ linh kiện bảo trì đều không có hồi âm. Sức chiến đấu của quân ngục sút kém rõ rệt. Thế bố trí chiến lược bị phân tán, căng kéo. Địch khó lòng đối phó với một cuộc tiến công lớn của quân ta.

Cuộc đấu tranh của quân và dân miền Nam diễn ra quyết liệt, nhất là ở đồng bằng Khu V và Khu VIII. Từ những tháng cuối năm 1973, ta chặn đứng phần lớn các hoạt động “bình định”, lấn chiếm của địch. Chiến tranh nhân dân ở địa phương được duy trì và đẩy mạnh. Ta giành lại khoảng bốn triệu dân, trong đó có một triệu 20 vạn dân vùng giải phóng. Với gần 10 vạn chiến sĩ từ hậu phương lớn bổ sung vào, quân số bộ đội chủ lực ở miền Nam tăng lên; trang bị kỹ thuật cũng nhanh chóng cải tiến. Các lực lượng vũ trang địa phương tăng chưa nhiều, nhưng đã có tiến bộ mới trong tác chiến. Công cuộc xây dựng vùng giải phóng được xúc tiến mạnh mẽ, toàn diện. Vai trò và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời ngày càng được nâng cao.

Trên miền Bắc, tình hình chính trị - kinh tế ổn định. Gió hòa mưa thuận, sản xuất nông nghiệp liên tiếp được mùa. Tháng 10/1973, Quân đoàn I mang tên Quyết Thắng, binh đoàn chủ lực cơ động chiến lược đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, được thành lập. Quân đoàn tập hợp trong đội ngũ của mình các sư đoàn chủ lực thiện chiến: 308, 312, 320, mở đầu quá trình tổ chức các binh đoàn chiến lược khác ngay tại chiến trường miền Nam, đáp ứng yêu cầu của chiến tranh trong thời kỳ mới.

Tháng 3/1974, trong thời gian tôi còn dưỡng bệnh tại Liên Xô, Quân ủy Trung ương đã mở một hội nghị quan

trọng bàn thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 21 về mặt quân sự.

Hội nghị do các đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái¹ và Lê Trọng Tấn chuẩn bị. Đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh Quân khu IX vừa mới ra Hà Nội trong tháng 2/1974 để báo cáo tình hình với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, cùng tham gia công việc này.

Sau khi nghe anh Lê Trọng Tấn trình bày bản đề án quân sự, hội nghị đã đánh giá tổng quát tình hình miền Nam từ khi có Hiệp định Pari, đề ra phương hướng, biện pháp tạo thế mới, lực mới cho các hoạt động quân sự mùa khô 1974-1975. Cụ thể là đẩy nhanh công tác chuẩn bị chiến lược để có thể tác chiến vào cuối mùa khô 1973-1974 và cả trong mùa mưa 1974; hoàn thành đợt một và bắt đầu đợt hai kế hoạch vận chuyển chi viện chiến trường; đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương; hoàn chỉnh mạng đường chiến lược, chiến dịch; phát triển đường ống dẫn dầu sâu xuống phía nam; xây dựng cơ sở hậu cần tại chỗ dọc Đường 559 và trong các vùng giải phóng; hoàn thành kế hoạch tuyển quân năm 1974 và đợt một năm 1975; củng cố bộ đội chủ lực, nhất là khối chủ lực cơ động chiến lược ở miền Bắc.

Anh Văn Tiến Dũng đi vắng, không dự họp. Khi về anh tán thành nội dung hội nghị và góp thêm một số ý

1. Đầu năm 1974, anh Hoàng Văn Thái sau khi chữa bệnh tại Cộng hòa Dân chủ Đức, vì lý do sức khỏe, đã ở lại miền Bắc và nhận nhiệm vụ Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Anh Trần Văn Trà lên thay làm Tư lệnh B2.

kiến quan trọng. Sau khi được Bộ Chính trị thông qua, anh đã thay mặt Quân ủy Trung ương ký nghị quyết này.

Đây là một bản nghị quyết đúng đắn, kịp thời. Về tương quan lực lượng giữa ta và địch, Quân ủy Trung ương nhận định: Nhìn chung lại, so sánh lực lượng địch, ta qua năm 1973 càng cho thấy rõ thế và lực cách mạng miền Nam đã tạo nên những chỗ mạnh rất cơ bản, đang trên đà phát triển, có đầy đủ điều kiện và khả năng đưa cách mạng tiến lên từng bước vững chắc. Mỹ - ngụy ngày càng khó khăn hơn và đang trên đà đi xuống, xu thế phát triển của tình hình ngày càng có lợi cho ta hơn.

Trong vài ba năm tới, nhiệm vụ trung tâm số một vẫn là đánh phá kế hoạch “bình định”, lấn chiếm của địch; từng bước đưa phong trào đấu tranh chính trị ở thành thị tiến lên, chuẩn bị điều kiện và thời cơ đẩy tới cao trào cách mạng; xây dựng và rèn luyện bộ đội chủ lực, nâng dần quy mô đánh tiêu diệt quân ngụy; xây dựng căn cứ địa ở miền Nam; xây dựng miền Bắc về kinh tế và quốc phòng, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu mới của địch. Tất cả đều nhằm làm thay đổi so sánh lực lượng toàn diện có lợi cho ta, nắm vững thời cơ, sẵn sàng chủ động phối hợp ba quả đấm mạnh: chủ lực, nông thôn và thành thị, làm chuyển biến cục diện một cách bất ngờ và nhanh chóng, giành thắng lợi cao nhất.

Yêu cầu bức thiết là giành dân, giành quyền làm chủ ở đồng bằng, giải phóng và làm chủ vững chắc ở miền núi, từng bước giành quyền làm chủ ở thành thị, phát triển thế và lực của cách mạng miền Nam. Quân ủy Trung ương

nhấn mạnh yêu cầu phải nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, kiên quyết, chủ động tiến công và phản công địch ở đồng bằng, miền núi cũng như ở vùng sau lưng địch.

Về phương thức hoạt động, cần giữ vững và phát triển chiến tranh nhân dân địa phương, đồng thời đẩy mạnh tác chiến quy mô vừa và lớn của bộ đội chủ lực, vừa tác chiến vừa xây dựng, sẵn sàng đánh tiêu diệt lớn khi có thời cơ, khẩn trương thúc đẩy phong trào thành thị phát triển, nhất là ở Sài Gòn.

Tôi rất hoan nghênh bản nghị quyết này. Trước khi đi chữa bệnh ở Liên Xô, tôi đã nhiều lần nhấn mạnh cần phát triển mạnh mẽ chiến tranh nhân dân địa phương. Dân quân du kích là lực lượng tại chỗ chống phá bình định có hiệu quả nhất. Về tác chiến, tôi cho rằng bộ đội địa phương cần phấn đấu đánh tiêu diệt đến mức tiểu đoàn, còn bộ đội chủ lực phải tiêu diệt cho được lữ đoàn, sư đoàn địch. Quyết không cho chúng xóa thế “da báo” ở miền Nam. Ngoài ra còn phải có những đòn chủ lực đánh mạnh vào các thành phố và các cơ quan đầu não của địch để tạo chuyển biến nhanh chóng trên chiến trường.

Đầu tháng 4/1974, Quân ủy Trung ương triệu tập Hội nghị cán bộ cấp cao, chủ yếu ở các quân khu phía Bắc, để quán triệt nghị quyết và triển khai thực hiện. Quân ủy cũng điện hỏa tốc phổ biến nghị quyết cho các chiến trường miền Nam. Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật chỉ đạo cụ thể những nội dung công tác lớn, đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác tư tưởng, công tác binh vận, rà soát sắp xếp cán

bộ, khẩn trương xây dựng khối chủ lực cơ động chiến lược, thành lập thêm những quân đoàn mạnh được tổ chức, huấn luyện theo phương hướng tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn. Bộ Quốc phòng phối hợp cùng các bộ, các ngành hữu quan tổ chức động viên, tuyển quân bổ sung lực lượng cho chiến trường, tăng cường công tác phòng không nhân dân ở miền Bắc, củng cố các tuyến đường chiến lược Trường Sơn, xây dựng hệ thống kho tàng, bảo đảm thông tin liên lạc và hậu cần, kỹ thuật...

Vừa làm việc vừa tranh thủ nghỉ ngơi, tôi dành thời gian rèn luyện thân thể. Theo lời khuyên của anh Tôn Thất Tùng, tôi đi bộ mỗi buổi sáng, cự ly từ ngắn đến dài, từ đi chậm dần dần đi theo tốc độ bình thường. Sức khỏe hồi phục nhanh. Quả là một hạnh phúc lớn.

Trong thời gian tôi đi chữa bệnh, đề cương kế hoạch chiến lược đã được dự thảo đến lần thứ tư. Đọc bản dự thảo lần này, tôi chưa thật yên tâm. Đánh giá tình hình địch, đề cương vẫn cho rằng nguy quyền Sài Gòn “buộc phải thi hành từng phần Hiệp định để chặn bước tiến của ta, cứu vãn sự sụp đổ của chúng rồi tiếp tục phá hoại, vẫn tiếp tục chiến tranh”. Về khả năng can thiệp của Mỹ, vẫn phán đoán khả năng Mỹ dùng lực quân can thiệp có ít mà chỉ dùng không quân, hải quân ở miền Nam rồi đánh lan ra miền Bắc hoặc đồng thời trên cả hai miền. Về biện pháp chiến lược, dự thảo đề cao quy luật kết hợp quân sự và chính trị, tiến công và nổi dậy phát triển lên đỉnh cao là

tổng tiến công, tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi khi có thời cơ. Đáng chú ý là dự thảo lần này vẫn nhắc lại, nếu chiến tranh phát triển lên quy mô lớn thì hướng chính để tiêu diệt chủ lực địch là Tây Nguyên, thứ đến miền Đông Nam Bộ và Trị - Thiên.

Còn có biết bao vấn đề lớn về địch, về ta, về thời cơ, về cách đánh. Tiến công vào thời điểm nào? Sử dụng lực lượng ra sao? Nếu mở những cuộc tiến công tiêu diệt lớn thì hướng chính nên ở đâu? Có thể chọn Tây Nguyên, nơi hiểm yếu, ở đấy địch không mạnh, hay chọn đồng bằng Nam Bộ là nơi đông dân nhiều của? Kết hợp quân sự và chính trị, tiến công và nổi dậy, nhưng phát triển lên tổng khởi nghĩa có được không, và trong những tình huống nào?

Tôi lắng nghe ý kiến của nhiều đồng chí trong Quân ủy và các đồng chí trong *Tổ trung tâm*. Một số ý kiến cho rằng đánh Tây Nguyên sẽ động, địch sẽ ra sức đối phó ở Sài Gòn và đồng bằng Nam Bộ, sau này ta đánh sẽ khó khăn. Vì vậy, nên chọn Nam Bộ làm hướng chính, phía Tây Nguyên chỉ đánh Đức Lập để mở đường vào đồng bằng Nam Bộ. Tôi và một số anh em khác thiên về chọn Tây Nguyên làm hướng chính, nơi đây ta có nhiều thuận lợi để thực hiện ý đồ đánh tiêu diệt lớn.

Cuộc trao đổi chưa ngã ngũ.

Tôi gợi ý các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn cùng *Tổ trung tâm* cần phân tích, đánh giá cho kỹ thế và lực của ta, làm cơ sở cho việc hạ quyết tâm. Nên chọn một trong hai hướng chiến lược Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, nhưng chỉ có thể tiến công khi ta có điều kiện

dứt điểm. Cần nắm vững yêu cầu nâng cao chất lượng của bộ đội một cách toàn diện, huấn luyện nâng cao trình độ tác chiến của bộ đội chủ lực đánh hiệp đồng binh chủng quy mô lớn. Cần chú ý chỉ thị của Quân ủy Trung ương: “Dù thời cơ chính trị tạo ra có thuận lợi bao nhiêu, thì cũng phải đánh sục nguy quân nguy quyền. Đòn công kích phải đi trước một bước. Cho nên, bất kể trong trường hợp nào, cũng phải nắm trong tay một lực lượng tập trung tương đối mạnh, và trong sử dụng, trong xây dựng, đều phải chăm lo giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự để luôn luôn là một vũ khí sắc bén của cách mạng. Bất luận trong tình huống nào, cũng phải xây dựng lực lượng ở miền Nam cho thật mạnh”.

Cuối tháng 5/1974, Bộ Tổng tư lệnh triệu tập hội nghị trao đổi kinh nghiệm về chống phá “bình định” của địch, có hầu hết đại biểu các chiến trường miền Nam ra dự. Khi thông qua bản báo cáo của Bộ Tổng tham mưu, tôi khen ngợi Cục Tác chiến và Cục Dân quân đã chuẩn bị nội dung khá công phu, dưới sự chỉ đạo của anh Trần Văn Quang, Phó Tổng tham mưu trưởng. Những kinh nghiệm rút ra từ hội nghị này là quan điểm cách mạng bạo lực, tư tưởng cách mạng tiến công, đánh giá đúng và kịp thời âm mưu, thủ đoạn của địch, là bảo đảm thường xuyên cho các lực lượng vũ trang luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng phải được củng cố ở cơ sở, từ đó mà phát triển lực lượng chính trị, lực lượng

vũ trang địa phương, biết vận dụng phương châm, phương thức đấu tranh thích hợp, phát huy sức mạnh của ba mũi giáp công, chủ động tiến công và phản công địch. Thực tiễn chiến trường được soi sáng bằng lý luận cách mạng, bằng tư tưởng quân sự Việt Nam, đúc kết thành những bài học sinh động, thiết thực, có tác dụng lớn đẩy mạnh công cuộc chống phá âm mưu “bình định”, lấn chiếm của địch ở chiến trường.

Trong khí thế tiến công, đồng bào và chiến sĩ cả nước mừng kỷ niệm lần thứ 20 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954 – 7/5/1974).

Tối 6/5, đông đảo các tầng lớp nhân dân Thủ đô họp mít tinh trọng thể tại Hội trường Ba Đình Hà Nội. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới dự đông đủ.

Sau lời khai mạc của anh Nguyễn Duy Trinh, tôi đọc diễn văn nêu rõ ý nghĩa vĩ đại của chiến thắng Đông - Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, phân tích nguyên nhân thắng lợi và những bài học mang tính thời đại sâu sắc.

Liên hệ với tình hình miền Nam, lúc này là vấn đề thời sự nóng hổi trong mọi quả tim, tôi nêu cao thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ về nước. Đó là thắng lợi của chiến tranh nhân dân Việt Nam, của sự chỉ đạo sắc bén, tài giỏi của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, của trí tuệ và xương máu của quân và dân ta trong cả nước.

Hướng về miền Nam ruột thịt, tôi khẳng định: “Trong 20 năm qua, với những cố gắng cực kỳ to lớn, đế quốc Mỹ đã không thể nào ngăn nổi ngọn trào cách mạng cuộn cuộn dâng cao trên dải đất này; vậy thì trong bối cảnh lịch sử ngày nay, đế quốc Mỹ đã bị thất bại phải rút khỏi nước ta, bọn tay sai đang gặp những khó khăn chồng chất, chúng không thể nào xoay ngược lại bánh xe lịch sử”.

Cuối cùng, tôi kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: Phát huy truyền thống quyết chiến quyết thắng của Điện Biên Phủ, phát huy tinh thần anh dũng quật cường của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, toàn quân và toàn dân ta đoàn kết triệu người như một, phấn khởi, tin tưởng, hăng hái tiến lên! Chúng ta quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, ra sức xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Cuộc mít tinh kết thúc trong tiếng nhạc hùng tráng của ca khúc “Chiến thắng Điện Biên”, như hứa hẹn một mùa xuân chiến thắng mới, một Điện Biên Phủ mới.

Mùa hè năm 1974, anh Văn Tiến Dũng và tôi đều không được khỏe. Anh Dũng ốm phải đi nghỉ ở nước ngoài. Tôi vẫn còn trong kỳ dưỡng bệnh thường ra nghỉ ở Đồ Sơn.

Tình hình chuyển biến rất nhanh. Không một ai có thể ngồi yên. Tôi tranh thủ làm việc với đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn hồi này cũng thường nghỉ ở đấy.

Anh Ba bàn với tôi về một loạt vấn đề chiến lược. Chúng tôi trao đổi cùng tìm đáp án cho những câu hỏi nóng bỏng: Cuộc chiến tranh ở miền Nam đã đến giai đoạn nào? Thời cơ lớn đã xuất hiện chưa? Đã có điều kiện chín muồi cho một cuộc tổng tiến công chưa? Nếu có, tiến công và nổi dậy như thế nào? Phương hướng chiến lược ra sao?... Thấy sức khỏe của tôi đã dần dần hồi phục, một hôm anh Ba bảo: “Công việc rất quan trọng, khẩn trương. Anh nắm lấy mà làm”. Từ Hội nghị Trung ương lần thứ 21 đến lúc này, gần một năm đã trôi qua. Trước sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, đối phương đã bị đẩy lùi với tốc độ ngày càng nhanh trong thế đi xuống không thể cưỡng lại nổi. Âm mưu “bình định”, lấn chiếm của chúng thất bại rõ rệt. Hệ thống đồn bốt bị phá vỡ từng mảng. Cái “da báo” không những không thu hẹp mà còn loang rộng. Quân nguy lui dần vào thế phòng ngự trên các chiến trường. Việc Quốc hội Mỹ cắt hẳn ngân sách viện trợ quân sự cho Đông Dương trong sáu tháng còn lại của năm tài chính 1974 kết thúc vào ngày 30/6 năm ấy càng làm cho nguy quân, nguy quyền khốn đốn. Danh mục các loại nhu cầu thiết yếu bị thiếu hụt tăng lên, bao gồm đạn dược, dược phẩm và tiền. Các quân y viện không đủ thuốc dùng. Nhiều trường hợp băng phải giắt đi dùng lại. Cái thân tâm gửi cảm thấy hoang mang, nhục nhã một khi quan thầy ở bên kia đại dương tỏ ra chán ngán cuộc chiến tranh ở nơi này.

Ở Mỹ, vụ bê bối Oatơghết đã đến lúc bùng nổ. Chiến dịch đả kích Níchxơn nổi lên khắp nơi. Nước Mỹ sống

trong một bầu không khí chính trị ngột ngạt. Níchxơn lúng túng đương đầu với quân chúng và lực lượng đối lập Quốc hội Mỹ không còn bụng dạ nào nghĩ đến việc hà hơi tiếp sức cho chế độ Sài Gòn.

Tôi nêu vấn đề này với anh Ba, cho đây là một yếu tố quan trọng tạo nên thời cơ thuận lợi cho ta. Cần tranh thủ giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trước kỳ bầu cử ở Mỹ tháng 11/1976. Qua trao đổi, anh Ba và tôi đều thấy đã đến lúc có thể kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng ở miền Nam trong vài ba năm tới.

Tình hình chiến trường trên đà chuyển biến nhanh.

Bộ Chính trị quyết định họp vào tháng 9/1974 để đánh giá tình hình và xác định quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng. Các vấn đề chiến lược chủ yếu, như tiến công đánh tiêu diệt lớn quân nguy, hướng tiến công chủ yếu, thời cơ chiến lược, khả năng can thiệp hoặc quay trở lại của Mỹ... chiếm hầu hết tâm trí tôi. Một mặt, tôi yêu cầu Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu sâu sắc các vấn đề trên, mặt khác tự mình suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến trình bày trong cuộc họp Bộ Chính trị sắp tới.

Lúc này, đồng bằng sông Cửu Long có vị trí rất quan trọng. Tướng nguy Dương Văn Minh có lần đã nói: “Ai nắm được đồng bằng sông Cửu Long là nắm được Nam Bộ”. Đây cũng là chỗ mạnh của địch, nơi dự trữ nhân lực, vật lực lớn nhất của miền Nam. Kế hoạch “bình định” của địch đang bị đẩy lùi. Ta có khả năng và cần phải đập tan

âm mưu của chúng, giành quyền làm chủ vùng này để cắt nguồn bổ sung quân nguy, đưa Sài Gòn vào thế bị bao vây.

Làm thế nào để nhanh chóng tạo thời cơ? Cần làm gì để “chớp” thời cơ, không được để lỡ? Hướng chiến lược là đâu? Đánh như thế nào để tiêu diệt chiến đoàn và sư đoàn quân nguy? Những câu hỏi ấy thường trực trong đầu. Tôi mang theo chúng ngay cả vào trong giấc ngủ.

Lúc này, bản dự thảo kế hoạch chiến lược đã được chỉnh lý đến lần thứ năm. Dự thảo mang số 133/TG1 ngày 16/5/1974 với nhan đề “*Kế hoạch giành thắng lợi ở miền Nam sau vài ba năm làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam*”.

Quân ủy chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu hoàn chỉnh để trình Bộ Chính trị thông qua, và nêu một số ý kiến cơ bản:

1. Cần nắm lại toàn bộ tình hình phát triển của chiến trường từ cuối năm 1973 đến nay. Do chiến trường hoạt động tốt, kiên quyết tiến công và phản công địch, hậu phương miền Bắc lại tăng cường chi viện, nên thế và lực mới đã hình thành ngày càng rõ nét. Cần đi sâu nghiên cứu, phân tích, đánh giá những nhân tố mới vừa được tạo ra, làm cơ sở cho quyết tâm chiến lược.

2. Việc xây dựng kế hoạch chiến lược, nên tiến hành theo hai bước. Mục tiêu của bước một là giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Ta mạnh hơn địch cả về quân sự và chính trị, làm chủ phần lớn vùng nông thôn và rừng núi. So sánh lực lượng trên chiến trường đã thay đổi hẳn. Sang bước thứ hai, dựa trên cơ sở thắng lợi của bước một,

phát triển đánh lớn, tiến công và nổi dậy, giành thắng lợi hoàn toàn.

3. Về hướng chiến lược, trong bước một, nên nghiên cứu chọn nam Tây Nguyên hoặc miền Đông Nam Bộ, cần chú ý nam Tây Nguyên là nơi địch sơ hở, ta có điều kiện tập trung lực lượng lớn, nơi có khả năng tiêu diệt lớn quân địch, tạo được bước ngoặt quy định. Cần tích cực làm đường cơ động, nguy trang khéo, giữ bí mật, có nhiều biện pháp nghi binh, tạo yếu tố bất ngờ, không để lộ ý định, không để lộ lực lượng, làm cho địch chú ý đề phòng. Trước mắt, chủ lực nên hoạt động ở mức độ vừa phải.

4. Cần có kế hoạch riêng cho miền Bắc, tập trung vào công tác động viên lực lượng, chi viện miền Nam cả về người và vật chất, kỹ thuật, đồng thời phải có phương án tác chiến phòng địch tiến hành trở lại chiến tranh phá hoại hoặc đổ bộ vào vùng bờ biển nam Khu IV.

5. Về xây dựng lực lượng, hết sức chú trọng nâng cao chất lượng chiến đấu. Biên chế tổ chức phải hợp lý, tỷ lệ giữa các quân chủng, binh chủng phải cân đối, phù hợp với yêu cầu và khả năng thực tế. Đặc biệt quan tâm bố trí, sắp xếp, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng kịp thời yêu cầu chiến lược.

6. Về cách đánh, cần phát triển kinh nghiệm đánh phá “bình định”, đồng thời tổ chức nghiên cứu cách đánh của bộ đội chủ lực tiêu diệt chi khu, quận lỵ, thị xã và các thành phố lớn, tiêu diệt chiến đoàn địch, nâng cao trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, tiêu diệt sư đoàn địch.

7. Nghiên cứu kế hoạch kết hợp quốc phòng với kinh tế, trong đó có việc quân đội tham gia xây dựng kinh tế và chuẩn bị phục hồi đường sắt ở nam Khu IV.

Mấy hôm sau, đồng chí Bí thư thứ nhất cho mời các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn xuống Đồ Sơn, báo cáo tình hình và trao đổi ý kiến, chuẩn bị cho cuộc họp sắp tới của Bộ Chính trị.

Trước khi lên đường, anh Thái và anh Tấn cùng đến gặp tôi. Là những người lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu, có nhiều kinh nghiệm về công tác tham mưu và kinh nghiệm tác chiến, các anh đã chuẩn bị kỹ tình hình mọi mặt, dự kiến các chủ trương chiến lược quân sự và tác chiến chiến dịch. Sau khi nghe hai anh trình bày các vấn đề sẽ báo cáo và đề cập với anh Ba, tôi đã nói hết những điều nghi ngờ từ sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21, nhất là về quan điểm bạo lực cách mạng, về kế hoạch giành thắng lợi, về quá trình tổng tiến công và nổi dậy sẽ diễn ra khi thời cơ xuất hiện.

Tối 22/7, vừa từ Đồ Sơn về, hai anh đến gặp tôi ngay tại nhà riêng. Trời oi bức. Mọi người đều mặc áo sơ mi ngắn tay màu sáng. Tôi tiếp các anh trong vườn, dưới ánh trăng, trong không khí gia đình. Anh Hoàng Văn Thái vốn là người bạn chiến đấu thân thiết từ những ngày đầu thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Anh Lê Trọng Tấn là một cán bộ đánh nhiều, đánh giỏi mà tôi rất quý mến qua nhiều chiến dịch. Tôi không ngờ

cả hai anh, tuy ít tuổi hơn tôi, lại ra đi vĩnh viễn, để lại cho gia đình, bạn bè và quân đội ta biết bao thương tiếc.

Đêm hôm ấy, các anh báo cáo tỉ mỉ với tôi về cuộc gặp và làm việc với anh Ba.

Vào cuộc họp, anh Ba nêu ba vấn đề lớn:

- Đánh giá tình hình địch - ta.

- Phương hướng chiến lược của ta năm 1975 và vài năm sau ở miền Nam.

- Xây dựng và bảo vệ miền Bắc.

Trọn buổi sáng ngày 20/7, anh Thái và anh Tấn báo cáo tóm tắt bản dự thảo kế hoạch chiến lược, tình hình quân sự, chính trị ở miền Nam có chỉ dẫn trên bản đồ, những công việc lớn đã và đang tiến hành, trong đó có việc chuẩn bị đánh Thượng Đức ở Khu V và đợt hai vận chuyển chiến lược của Đoàn 559, việc làm đường chiến lược, chiến dịch, xây dựng căn cứ hậu cần ở Trị - Thiên, Khu V, Tây Nguyên và Nam Bộ, kết quả tuyển quân, xây dựng lực lượng, huấn luyện chiến đấu cho bộ đội và việc chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Các anh cũng báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 21 của Trung ương và Nghị quyết tháng 3/1974 của Quân ủy Trung ương được Bộ Chính trị thông qua.

Đồng chí Bí thư thứ nhất hỏi kỹ về tình hình Quảng Trị, tình hình miền Đông Nam Bộ, tình hình Quân khu IX, Quân khu V, về sức chiến đấu của quân ngụy sau khi quân Mỹ rút. Anh Tấn báo cáo: Khi hỏi tên Nguyễn Văn Thọ, đại tá lữ trưởng ngụy bị bắt trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, hấn nói: “Nếu không có hậu cần và vũ khí Mỹ,

kế hoạch gì rồi cũng rách!”. Khi hỏi không có Mỹ thì quân nguy chịu được bao lâu, Thọ trả lời: “Chỉ được hai năm”.

Anh Thái trình bày thêm về sự cần thiết phải có những đòn quyết định tiêu diệt những tập đoàn chủ lực lớn của địch để nhanh chóng làm thay đổi cục diện chiến trường, tạo bước nhảy vọt. Muốn thế, phải có lực lượng, cơ sở vật chất, phải bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm hậu cần, phải tạo thế, tạo thời cơ...

Chiều 20 và ngày 21/7, anh Ba phát biểu suy nghĩ của anh về những vấn đề của kế hoạch chiến lược, về thời cơ chiến lược. Anh dành nhiều thời gian phân tích tình hình thế giới có liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Với cách nhìn toàn cục, anh Ba nêu rõ vấn đề Việt Nam và Đông Dương đang là sự kiện nổi bật ở khu vực Đông Nam Á, một vùng chiến lược mà nhiều cường quốc, kể cả một số nước lớn ở châu Á đều có tham vọng tranh giành ảnh hưởng. Cuộc chiến tranh Việt Nam đã làm cho Mỹ yếu đi rõ rệt. Một khi Mỹ thua, phải rút quân, nhiều nước sợ Việt Nam thắng và mạnh lên. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế gặp nhau ở điểm này.

Tuy nhiên, các nước ấy đều chưa sẵn sàng và chưa đủ mạnh. Vì vậy, việc khẩn trương tạo thời cơ và “chớp” thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn càng trở nên cấp thiết.

Về cách đánh, ý kiến của anh Ba là cần nghiên cứu cách đánh như thế nào để thắng to, thắng nhanh, khiến Mỹ không kịp trở tay, các nước khác khó lòng can thiệp. Muốn đánh lớn, thắng lớn, về chiến lược, chiến dịch, phải

có bộ đội chủ lực mạnh, sử dụng từng quân đoàn tiêu diệt sư đoàn địch. Phải phát huy sức mạnh tổng hợp. Đây là một bài toán khó, phải có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn mới tìm ra đáp số. Cần chuẩn bị như thế nào để sang năm 1975 có thể đánh được quy mô vừa, cũng có thể đánh được quy mô lớn, tiêu diệt từng sư đoàn địch, phải vừa tiêu diệt địch, vừa làm tan rã hàng ngũ chúng. Phải giành cho được bất ngờ. Nên chia cắt địch, mở rộng vùng giải phóng sau lưng địch, tạo thế trận có lợi. Cần đưa thêm lực lượng ở miền Bắc vào. Chú ý đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, phong trào này đang được các yếu tố khác thúc đẩy, nhất là mâu thuẫn sâu sắc trong nội bộ địch. Sắp tới, Níchxơn có thể đổ, Pho sẽ lên thay. Ta cần đưa phong trào lên mạnh để có thêm thế mới và lực mới. Anh Ba nói: “Giành được thắng lợi quyết định trong vài ba năm tới là giỏi, giỏi lắm”.

Sau khi làm việc với đồng chí Bí thư thứ nhất, trên đường về Hà Nội, các anh suy nghĩ nhiều về thời cơ chiến lược. Rõ ràng tình hình đòi hỏi cần phải khẩn trương hơn.

Được thêm ý kiến của anh Ba, Bộ Tổng tham mưu chỉ đạo *Tổ trung tâm* tiếp tục nghiên cứu, bàn bạc nhằm nhanh chóng hoàn chỉnh bản đề cương về kế hoạch chiến lược, chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị.

Tình hình tiếp tục chuyển nhanh. Trước áp lực không thể cưỡng lại từ nhiều phía, ngày 9/8/1974, Níchxơn buộc phải từ chức Tổng thống Mỹ. Tin này đến với Thiệu như

một đòn sét đánh. Giêrôn Pho, Phó Tổng thống kể từ ngày Ácniu từ chức lên tạm thay cho đến khi bầu tổng thống mới vào năm 1976. Nước Mỹ đứng trước bao khó khăn. Quốc hội Mỹ lại tiếp tục cắt giảm viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn, chỉ còn 701 triệu đôla cho tài khoá 1974-1975, không bằng một nửa số viện trợ trong tài khóa 1972-1973. Để xoa dịu, Pho đã cho Thiệu một liều thuốc an thần: “Tôi biết rằng bước đầu tiên trong năm tài chính hiện nay được Quốc hội phê chuẩn để giúp cho Việt Nam cộng hòa, cả về quân sự lẫn kinh tế, đã làm cho ngài phải lo lắng. Quá trình lập pháp của chúng tôi thì phức tạp và chưa hoàn chỉnh. Mặc dù cần có thêm một thời gian để thuyết phục Quốc hội, tôi cam kết lần nữa để ngài tin tưởng ở tôi rằng cuối cùng sự ủng hộ của chúng tôi sẽ đầy đủ cho cả quân viện lẫn kinh viện”.

Trên chiến trường, hoạt động của quân ngụy giảm đi trông thấy. Rõ nhất là các hoạt động của không quân, pháo binh và phương tiện cơ động. Tuy vẫn lớn tiếng hô hét chiến tranh, Nguyễn Văn Thiệu đã phải kêu gọi binh lính ngụy “đánh theo kiểu con nhà nghèo”!

Ở B2 (Nam Bộ và Khu VI), địch bị đẩy lùi. Ở Khu V, chúng bị chặn lại. Phát huy thắng lợi, quân ta chủ động chọc thủng tuyến phòng thủ Sài Gòn của ngụy ở cửa ngõ phía bắc (đường 7, Rạch Bắp, Bến Cát). Mặc dù địch thường xuyên lấn chiếm, quân ta vẫn kiên cường giữ vững khu giải phóng Lộc Ninh bằng mọi giá, theo yêu cầu của Quân ủy Trung ương. Địch thất bại trong kế hoạch “bình định” các vùng đông dân. Vùng địch kiểm

soát ngày càng thu hẹp. Lực lượng địch bị co kéo khắp nơi. Quân ta không những đã giành lại tất cả các vùng giải phóng như trước ngày 28/1/1973, mà còn giải phóng thêm hàng chục xã ở đồng bằng sông Cửu Long. Căn cứ kháng chiến được mở rộng và củng cố khá vững vàng. B2 đã có những nỗ lực rất lớn cả về tác chiến lẫn chuẩn bị chiến trường cho mùa khô tới.

Nổi bật lên lúc này là trận quân ta tiêu diệt chi khu quân sự Thượng Đức ở Khu V từ ngày 29/7/1974 đến ngày 7/8/1974, giải phóng quận lỵ Thượng Đức và bốn xã gồm 13.000 dân, sau đó đánh bại các đợt phản kích của sư đoàn dù thuộc lực lượng tổng dự bị chiến lược của quân ngụy. Đây là một trận then chốt trong chiến dịch mùa thu 1974 của Khu V. Thượng Đức là vị trí án ngữ của ngõ cửa căn cứ liên hợp Đà Nẵng. Trong trận này, quân ngụy phản ứng chậm, lực lượng cơ động phải điều động chấp vá vì thiếu quân và không đủ phương tiện để chở quân. Tinh thần quân chủ lực và quân địa phương ngụy đều sa sút. Lần đầu tiên một sư đoàn chủ lực của ta cùng quân và dân địa phương đánh bại một sư đoàn dự bị chiến lược của quân ngụy.

Cùng với thắng lợi ở Nông Sơn, Tiên Phước, Minh Long (Khu V), Tấn Linh (Khu VI), Nha Bích, Tống Lê Chân (Đông Nam Bộ), trận Thượng Đức cho phép rút ra nhận định: quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn quân chủ lực cơ động của ngụy. Một hình thái mới bắt đầu xuất hiện: địch không còn khả năng chiếm lại các vị trí đã mất. Quân ta có đủ khả năng tiến công tiêu diệt quân địch

trong công sự kiên cố, tiêu diệt cụm cứ điểm, chi khu, quận lỵ, giữ được mục tiêu, chiếm đất, giải phóng dân ngay ở vùng giáp ranh.

Đối với cấp chiến lược, nhận định đầy sức thuyết phục này có liên quan rất lớn đến việc hạ quyết tâm chiến lược.

Tại Tổng hành dinh, hằng ngày theo dõi chặt chẽ chuyển biến của chiến trường, tôi thấy tình hình phát triển với nhịp độ ngày càng tăng, có khả năng đột biến. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta suốt 20 năm qua đã chuẩn bị tiền đề cho những bước nhảy vọt sẽ diễn ra. Tình hình chiến trường miền Nam và sự rối loạn trong nội tình nước Mỹ, xét cho cùng cũng do sức mạnh đấu tranh, trí tuệ và xương máu của ta tạo nên. Nhân tố chủ quan, nhất là sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng, đối với chiến trường, sự điều hành chiến tranh giải phóng và chỉ đạo chiến lược trong từng thời kỳ của Bộ thống soái tối cao là vô cùng quan trọng.

Vì sao đầu năm 1973, ta đang ở thế thắng, thế áp đảo, địch phải chịu lùi bước, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu, thế mà sau Hiệp định Pari, tình hình bỗng trở nên khó khăn, thậm chí có nguy cơ đảo ngược? Vì sao một khi lãnh đạo, chỉ huy kiểm điểm, vạch rõ được sai lầm, nêu được chủ trương, phương hướng hành động đúng đắn thì chẳng bao lâu, ta lại giành thế chủ động và tiến mạnh, tiến nhanh.

Trách nhiệm của người lãnh đạo, của cơ quan đầu não nặng nề biết bao trước vận mệnh của Tổ quốc. Một sự lãnh đạo, chỉ huy chiến lược đúng chỉ có thể có được khi lãnh đạo biết nắm vững phương pháp luận biện chứng, biết

nhìn thẳng vào sự thật, biết tự phê bình và phê bình nghiêm túc, kết hợp lý luận với thực tiễn rút ra những bài học kịp thời.

Ra nghỉ ở Đồ Sơn, tôi thường ở tại biệt thự số 2, cũng có lần tại nhà khách gần Pagốtđông (Pagodon), trong khu trung tâm, hồi ấy chưa mở cho khách du lịch. Trong thời gian này, đồng chí Võ Quang Hồ, Cục phó Cục Tác chiến làm thư ký giúp tôi làm kế hoạch chiến lược. Đôi khi còn có đồng chí Phó Giám đốc Học viện Quân sự cấp cao giúp viết bài theo yêu cầu của các báo, đồng chí Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn giúp thảo bài diễn văn quan trọng kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam tháng 12 năm ấy.

Kế hoạch chiến lược được giữ tuyệt đối bí mật. Đồng chí Võ Quang Hồ được bố trí ở riêng. Hằng ngày làm việc, mọi tài liệu đều phải tuân thủ nghiêm túc các quy định bảo mật.

Theo hướng dẫn của anh Tôn Thất Tùng, sáng sáng tôi đi bộ quanh bán đảo Đồ Sơn, leo lên các mỏm đồi, đi dọc theo đường mòn nối liền các điểm cao có rừng thông bao phủ, đến 9 giờ sáng mới trở về. Vừa đi vừa suy nghĩ, khi dừng lại ở dọc đường, tôi thường trao đổi công việc với các đồng chí cùng đi. Cũng là “nhất cử lưỡng tiện”, vừa rèn luyện sức khỏe vừa nghĩ ra được ý kiến hay.

Trong những ngày hè ở Đồ Sơn, công việc chủ yếu là chuẩn bị kế hoạch chiến lược giành thắng lợi ở miền Nam.

Tôi đã đọc cho đồng chí Võ Quang Hồ ghi từng phần của bản kế hoạch, từ nhận định tình hình địch - ta, tình hình quốc tế đến ý định chiến lược và các bước đi cụ thể. Đây là lần dự thảo thứ sáu.

Tình hình Mỹ và thế giới lúc này rất có lợi cho ta. Vấn đề phải cân nhắc kỹ là khả năng Mỹ lại vào cứu nguy cho ngụy. Đọc các tài liệu của Bộ Ngoại giao và nghe báo cáo của Cục Quân báo, tôi đi đến nhận định nếu ta chuẩn bị chu đáo, nắm chắc thời cơ, đánh đổ ngụy quyền nhanh, gọn, thì có thể Mỹ không dám vào. Nếu ngụy đứng trước nguy cơ sụp đổ lớn, nhưng tình hình còn nhùng nhằng, Mỹ thấy vào có thể cứu được ngụy, thì cũng có thể Mỹ dùng không quân, hải quân can thiệp ở miền Nam rồi mở rộng ra miền Bắc, hoặc đồng thời đánh phá, phong tỏa cả miền Bắc và miền Nam. Khả năng Mỹ dùng lực quân có ít. Tuy vậy, ta cũng phải vừa đánh vừa theo dõi phản ứng của Mỹ, hạn chế khả năng can thiệp của chúng.

Các chiến trường đang phát triển tiến công, nhất là từ tháng 4/1974. Với lực lượng hiện có ở miền Nam, ta có khả năng giành lại phần lớn đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Khu V, thực hiện các chỉ tiêu giành dân, giành đất, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hoàn chỉnh vùng giải phóng và căn cứ địa miền núi, chia cắt địch ra từng khu vực, xây dựng, củng cố thêm một bước hậu phương ở miền Nam. Phong trào thành thị trước mắt còn yếu nhưng đã có tiền đề cách mạng to lớn và ngày càng chín muồi, nên có khả năng phát triển và phát triển nhảy vọt khi ngụy quân, ngụy quyền lâm vào thế khủng hoảng toàn diện. Về khả

năng khởi nghĩa lớn ở thành thị còn phải tiếp tục theo dõi chặt chẽ và thúc đẩy phong trào phát triển nhanh.

Mục đích trước mắt của ta là đánh đổ nguy quyền địa phương, giải phóng nông thôn, buộc địch phải thi hành Hiệp định Pari, tạo điều kiện phát triển mạnh phong trào thành thị, tiến lên đánh đổ nguy quyền trung ương. Phương pháp là tiến công và nổi dậy, phát triển lên đỉnh cao là tổng tiến công - tổng khởi nghĩa khi có thời cơ.

Căn cứ vào những ý kiến đã thảo luận trong Bộ Chính trị, tôi phác thảo ra ý định chiến lược là động viên nỗ lực cao nhất, chuẩn bị khẩn trương, đầy đủ nhất cả ba đòn chiến lược: chủ lực, nông thôn, thành thị nhằm giành thắng lợi cao nhất. Sẽ tùy tình hình cụ thể về địch, về ta, về quốc tế, tùy mức độ của thời cơ chủ yếu do chủ quan tạo nên mà quyết định mức độ giành thắng lợi, mức độ sử dụng lực lượng cơ động của miền Bắc, hoặc giành thắng lợi triệt để, hoặc giành thắng lợi cơ bản, lập chính phủ liên hiệp quá độ ba thành phần, thi hành Hiệp định Pari, tạo điều kiện tiến lên giành thắng lợi triệt để.

Về hướng tiến công chủ yếu, trên cơ sở các phương án tác chiến do *Tổ trung tâm* đề xuất, dự thảo kế hoạch đề ra tiến hành ba đòn chiến lược trên cả ba vùng, trong đó đô thị có tầm quan trọng quyết định, đặc biệt là Sài Gòn và Đà Nẵng. Hướng tiến công chiến lược chủ yếu là Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

Trong bước một, kế hoạch đề ra trong các năm 1974, 1975, 1976, với lực lượng của miền Nam, ta giành phần lớn nông thôn miền Nam, hoàn chỉnh vùng giải phóng,

hình thành thế bao vây áp sát các thành phố, thị xã, tạo nên sự uy hiếp ngày càng lớn, đồng thời phát triển nhanh lực lượng chính trị, đẩy mạnh phong trào công khai, hợp pháp của lực lượng thứ ba và phong trào đấu tranh chính trị quần chúng cơ bản ở thành thị. Phát động toàn dân làm công tác binh vận. Chủ lực tác chiến tiêu diệt từng sư đoàn ngụy. Bộ đội đặc biệt tinh nhuệ triển khai bám sát các mục tiêu không quân, hậu cần, cơ quan đầu não. Hoàn thành kế hoạch làm đường chiến lược, chiến dịch, bảo đảm vận chuyển vật chất, cơ động nhanh chóng bộ đội, chuẩn bị đánh lớn. Tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Sang bước hai, sẽ đẩy nhanh điều kiện chín muồi, nắm vững thời cơ tổng tiến công - tổng khởi nghĩa với điều kiện ta đã giành phần lớn nông thôn, bao vây áp sát thành phố, thị xã, chủ lực ta tiêu diệt được sư đoàn ngụy trong thời gian ngắn. Quân ngụy liên tiếp thất bại về chiến lược; ngụy quyền mâu thuẫn, khủng hoảng nghiêm trọng, bị cô lập cao độ, nội bộ chia rẽ, phân hoá, ta tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế.

Dự thảo kế hoạch dự kiến các điều kiện khách quan, chủ quan có thể chín muồi vào đầu năm 1977, xác định kế hoạch năm 1976, nêu rõ các mặt công tác chuẩn bị, các chỉ tiêu phát triển lực lượng, giải phóng đất đai, chú ý nghi binh, giữ bí mật, bất ngờ.

Tháng 8/1974, anh Văn Tiến Dũng đi chữa bệnh ở nước ngoài về. Cùng trao đổi với nhau, anh Dũng và tôi đều nhất trí trên tất cả các vấn đề. Ngay sau khi làm xong, bản kế hoạch dự thảo được gửi đến các đồng chí

trong Bộ Chính trị và các đồng chí chủ chốt trong Quân ủy Trung ương. Bộ thống soái tối cao đã nhìn thấy thời cơ chiến lược đang tới gần. Vấn đề bây giờ là quyết tâm và phương pháp cách mạng.

Việc xây dựng các “quả đấm thép” trong giai đoạn cuối của chiến tranh, một vấn đề mà tôi nhiều lần đề xuất sau ngày ký Hiệp định Pari, được xúc tiến mạnh mẽ. Được Bộ Chính trị đồng ý, ngay sau khi hội đủ các điều kiện cần thiết, Bộ Tổng tư lệnh khẩn trương xây dựng ba quân đoàn chủ lực cơ động: Quân đoàn I mang tên Quyết Thắng thành lập ngày 24/10/1973, tiếp đó, ngày 17/5/1974, Quân đoàn II (Quân đoàn Hương Giang) và ngày 20/7/1974, Quân đoàn IV (Quân đoàn Cửu Long) lần lượt ra đời.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 ngày truyền thống của Đại đoàn 308, sau này là Sư đoàn 308 (28/8/1949 – 28/8/1974), tôi mời Chủ tịch Tôn Đức Thắng đến thăm binh đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đại đoàn 308 trước đây có vinh dự được Mặt trận Việt Minh - Liên Việt (nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) tặng thanh kiếm mang dòng chữ “Mã đáo thành công”, ý nghĩa là đánh đâu thắng đó.

Trong đội hình của Quân đoàn Quyết Thắng, với tư thế sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng nhận lệnh xuất quân, các chiến sĩ Quân tiên phong tổ chức kỷ niệm trọng thể ngày truyền thống vẻ vang của mình theo đúng nghi thức chính quy. Bộ đội vui mừng đón Bác Tôn kính mến như

được đón hình ảnh của miền Nam ruột thịt. Sau khi cùng Bác Tôn đi duyệt đội danh dự, tham dự lễ diễu binh, tôi thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh giao nhiệm vụ cho bộ đội: "... Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đã giành được những thắng lợi vĩ đại. Miền Bắc đang tiến những bước vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào và chiến sĩ miền Nam chưa bao giờ thuận lợi như hiện nay. Nhưng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai còn ngoan cố tiếp tục cuộc chiến tranh thực dân mới. Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta còn lâu dài, gian khổ, quyết liệt, nhưng thắng lợi cuối cùng nhất định về tay chúng ta. Chúng ta nhất định thắng!

... Các đồng chí cán bộ các cấp phải gương mẫu, sư đoàn phải ra sức học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, nhất là trình độ quản lý bộ đội, quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật. Trong thời điểm quan trọng này, các đồng chí hãy khẩn trương xây dựng sư đoàn chính quy, hiện đại, dũng cảm, thiện chiến, sẵn sàng chiến đấu cao, hễ ra quân là đánh thắng và thắng to, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trên giao, xứng đáng với danh hiệu Sư đoàn Quân tiên phong, góp phần cống hiến lớn nhất vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm tròn nghĩa vụ đối với miền Nam ruột thịt và nghĩa vụ quốc tế".

Suốt dọc đường về, ngồi cạnh Bác Tôn, những kinh nghiệm và ký ức về xây dựng và sử dụng bộ đội chủ lực trong kháng chiến chống Pháp, nhất là ở Điện Biên Phủ, lại hiện ra trong đầu óc tôi, cùng với hình ảnh lá cờ

“*Chiến thắng*”, thanh kiếm “*Mã đáo thành công*” và những gương mặt trẻ, khỏe của các chiến sĩ Sư đoàn 308.

Cuối tháng 8/1974, Bộ Tổng tham mưu tập trung nắm chắc tình hình, xác minh tin tức, chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Tôi tranh thủ làm việc với *Tổ trung tâm*. Để có một cái nhìn tổng quát, trong một lần làm việc ở Hà Đông với đồng chí Nguyễn Đông, Chánh văn phòng Quân ủy và các đồng chí Vũ Lăng, Võ Quang Hồ, Cục trưởng và Phó Cục trưởng Cục Tác chiến, chúng tôi sơ bộ trao đổi ý kiến về quy luật chiến tranh nhân dân Việt Nam qua các thời kỳ, trên cơ sở đó tìm phương hướng hành động ở chiến trường miền Nam trong tình hình mới. Điềm lại từ Cách mạng Tháng Tám cho đến lúc này, phải chăng quy luật ấy là sử dụng bạo lực cách mạng, tiến hành khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh toàn dân, phát động cao trào cách mạng vừa kháng chiến vừa kiến quốc, đánh địch toàn diện cả quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, đấu tranh trên cả ba vùng chiến lược bằng các chiến dịch tổng hợp, các cách đánh sáng tạo có hiệu suất cao, nhằm đúng mục tiêu chiến lược, tạo thời cơ thực hiện những trận quyết chiến chiến lược có ý nghĩa quyết định để làm chuyển biến tình hình và giành thắng lợi. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam khi quân Mỹ đã rút đi cũng không ngoài quy luật ấy. Trước mắt, cần tổng kết cách đánh quân nguy binh định, lấn chiếm, tăng thêm người và hỏa lực, bảo đảm quân số

tiểu đoàn địa phương có đủ 300, tiểu đoàn chủ lực 400, miền Bắc khẩn trương tổ chức từng tiểu đoàn, đại đội hỏa lực mạnh đưa vào chiến trường, tiến tới trung đoàn phải diệt được quận lỵ, chi khu quân sự, tiểu đoàn diệt đại đội địch. Khu VIII và Khu IX chưa có sự chỉ huy thống nhất, nên chẳng thành lập một bộ chỉ huy chung.

Về hướng tiến công chiến lược là nam Tây Nguyên, mở đầu bằng đánh Buôn Ma Thuột, tôi dựa vào những suy nghĩ đã có từ những ngày kháng chiến chống Pháp, về tầm quan trọng và vị trí chiến lược quân sự của Tây Nguyên kết hợp với thực tiễn chiến trường lúc này và những chỗ mạnh, chỗ yếu trong thế bố trí chiến lược của Mỹ - ngụy. Nhiều nhà quân sự, cả ta và địch, đều nói nắm được Tây Nguyên là khống chế được toàn bộ chiến trường miền Nam Đông Dương. Đây là cái mái nhà của địa bàn miền Nam bán đảo này. Thế bố trí chiến lược “mạnh hai đầu” của Mỹ - ngụy nhằm đối phó với ta ở phía Bắc (Trị - Thiên) và ở phía Nam (Quân khu III và IV ngụy) càng lộ rõ nam Tây Nguyên là địa bàn vừa hiểm yếu, vừa yếu lại vừa sơ hở.

Trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ Tổng tham mưu đã phát hiện rất sớm những nhược điểm của địch ở nam Tây Nguyên. Trong khi bố trí lực lượng rất mạnh ở Vùng I chiến thuật (từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi) để giữ địa bàn giáp giới với miền Bắc, thì ở Vùng II chiến thuật (bao gồm cả Tây Nguyên), địch chỉ bố trí một lực lượng vừa phải. Riêng ở Tây Nguyên, địch đề phòng ta ở phía Bắc (Plâyku - Kon Tum) nhiều hơn là ở phía Nam (Buôn Ma Thuột).

Ngay từ giữa năm 1973, trong bản “*Đề cương kế hoạch chiến lược*” dự thảo lần đầu tiên, *Tổ trung tâm* đã đề nghị: “... Hướng chủ yếu của các đòn chủ lực: Tây Nguyên, Miền Đông, Trị - Thiên, Quảng Đà. Chủ yếu là Tây Nguyên, vì: địa hình tốt, bảo đảm phát huy được binh khí kỹ thuật; kết hợp được đòn chủ lực với tiến công, nổi dậy ở đồng bằng Khu V; bảo đảm được liên tục tiến công; có điều kiện bảo đảm cơ sở vật chất; địch hiện nay tương đối yếu...”.

Anh Dũng và tôi đã xem và cho ý kiến để *Tổ trung tâm* tiếp tục nghiên cứu, lấy ý kiến, bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch.

Trong một buổi làm việc, anh Hoàng Minh Thảo, với nhân quan một nhà nghiên cứu khoa học quân sự, đã nêu ý kiến: khi đã chọn hướng chiến lược là Tây Nguyên thì trước hết nên đánh Buôn Ma Thuột, vì đây là thị xã lớn nhất, là nơi hiểm yếu và cũng là nơi địch sơ hở nhất. Khó khăn phải vượt qua để tiến công trên hướng này là thiếu đường hành quân và thiếu nước. Tôi rất tán thành.

Mấy hôm sau, tôi mời cơm anh Võ Chí Công và anh Chu Huy Mân tại gia đình. Lúc đó, trong cán bộ ta có hai ý kiến tranh luận chưa ngã ngũ: một số đồng chí chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu, một số khác chọn đồng bằng Nam Bộ. Trong lúc chuyện trò thân mật, tôi đã nói với hai anh: “Thế nào ta cũng đánh Tây Nguyên trước”.

Việc chọn Tây Nguyên làm chiến trường chính còn là suy nghĩ của nhiều đồng chí khác. Tháng 7/1974, khi gặp tôi cũng như khi gặp các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn ở Đồ Sơn, anh Ba có nhắc đến Tây Nguyên. Đồng chí Lê Trọng Tấn đã có lần ra tình huống tập bài cho học viên

trường bổ túc quân sự cấp cao: “Nếu chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chiến lược chủ yếu thì mục tiêu đầu tiên là ở đâu?”. Tuyệt đại đa số đáp án của học viên đều thống nhất chọn hướng nam, đánh vào Buôn Ma Thuột.

Sau này, anh Lê Hữu Đức kể lại: Một buổi sáng mùa hè năm 1973, đồng chí Bí thư thứ nhất gọi anh lên báo cáo tình hình chiến sự ở miền Nam. Khi chuẩn bị ra về, anh Ba hỏi:

- Bộ Tổng tham mưu đang làm gì?
- Dạ, đang dự thảo kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam.

- Thế à! Đồng chí có thể báo cáo cho tôi nghe được không? Liên tục trong vòng hai tiếng đồng hồ, anh Đức báo cáo bản *Đề cương dự thảo*. Anh Ba nghe rất chăm chú. Cuối cùng anh chỉ thị:

- Chiều nay, mời cả tổ sang làm việc với tôi.
- Buổi chiều, các anh Lê Trọng Tấn, Vũ Lăng, Lê Hữu Đức sang nhà riêng của anh Ba. Sau khi nghe anh Tấn báo cáo, nội dung gần như anh Đức báo cáo buổi sáng, anh Ba nói:
- Tôi đang suy nghĩ như vậy. Hôm nay nghe xong, *Tổ trung tâm* lại củng cố suy nghĩ đó của tôi. Tôi sẽ báo cáo với Bộ Chính trị.

Trên đường về, anh Tấn dặn anh Lăng và anh Đức:

- Vấn đề tuyệt mật, để tôi trực tiếp báo cáo anh Dũng và anh Văn.

Sáng thứ ba tuần sau, trước khi thảo luận, anh Tấn nói lại ý của anh Dũng và anh Văn cho toàn tổ:

- “Anh Dũng chỉ thị đánh đúng vào Buôn Ma Thuột là chỗ yếu chí tử của địch. Đánh được vào đấy mới thắng to.

Làm đường là rất hợp “khẩu vị” của anh Văn, vì có đường mới sử dụng được pháo lớn, xe tăng, mới đánh lớn được. Anh Văn bảo mình bàn kỹ với anh em công binh, cố gắng làm đường để đánh vào Buôn Ma Thuột. Anh còn nhắc kinh nghiệm Điện Biên Phủ, bắc Quảng Trị. Đường quan trọng lắm”.

Rõ ràng, việc chọn hướng chiến lược Tây Nguyên, chủ yếu là nam Tây Nguyên và chọn Buôn Ma Thuột làm mục tiêu tiến công đầu tiên không phải mới được đặt ra trong những ngày này.

Ngày 27/9, trong buổi hội ý công tác của Bộ Chính trị, anh Ba nêu ra năm nội dung để chuẩn bị thảo luận. Đó là chủ trương kế hoạch của cách mạng miền Nam năm 1975 và những năm sau, nhiệm vụ của quân đội, tổ chức bộ máy nhà nước, công tác cán bộ và một số công việc khác. Anh gợi ý: Điểm nổi bật trong so sánh lực lượng là ta chủ động, địch bị động, thế và lực của Mỹ - ngụy đã khác trước và có thể còn khác nữa. Ta phải có cách đánh khiến Mỹ phải chịu, cần đẩy lực lượng địa phương lên giải quyết cho được chi khu, quận lỵ, chủ lực đánh cỡ tiểu đoàn, trung đoàn, diệt sinh lực của địch từ ngoài vào trong, tiến lên diệt sư đoàn, thị xã. Cần chú ý đặc công. Nhắm vào các cơ quan đầu não, cơ sở vật chất, sân bay, bến cảng, đường giao thông. Trong mấy năm, làm thay đổi so sánh lực lượng, tạo thời cơ, chuẩn bị đòn quyết định bằng tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Yêu cầu tập trung làm kế hoạch, tổ

chức lực lượng, tổng kết cách đánh, với tinh thần tích cực, chủ động, kiên quyết, linh hoạt.

Căn cứ vào tinh thần chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tổng tham mưu bổ sung kế hoạch chiến lược. Một bản đề cương mới: “*Kế hoạch giành thắng lợi ở miền Nam*” mang số 172/TG1 đã làm xong ngày 26/8/1974.

Cũng trong thời gian này, Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy B2 gửi ra Trung ương và Quân ủy Trung ương một kế hoạch hoạt động mùa khô 1974-1975 với quyết tâm giành thắng lợi quyết định, hoàn thành sự nghiệp cách mạng miền Nam trong hai năm 1975-1976. Như vậy là cả phía trước và phía sau, từ Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đến các chiến trường đã gặp nhau trong quyết tâm giành thắng lợi quyết định trong vài ba năm tới. Vấn đề còn lại là phương án hành động tối ưu để giành thắng lợi sớm nhất, gọn nhất, tiết kiệm xương máu nhất.

Ngày 30/9/1974, Hội nghị Bộ Chính trị khai mạc tại Tổng hành dinh. Các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, anh Võ Chí Công lúc này đang có mặt ở Thủ đô cũng được mời đến dự.

Trên các bức tường quanh phòng họp, Cục Tác chiến treo sẵn những tấm bản đồ quân sự lớn tỷ lệ 1/500.000, với các ký hiệu thể hiện tình hình chiến sự mới nhất. Đáng chú ý là bản đồ trận tiến công của quân ta tiêu diệt cứ điểm Nông Sơn, quận lỵ Thượng Đức và các đợt phản kích của các lữ đoàn địch đã bị ta đánh bại ở Khu V.

Hội nghị dành hẳn hai ngày để nghe báo cáo:

Anh Hoàng Văn Thái trình bày tình hình quân sự - chính trị của miền Nam chín tháng qua. Với những dẫn chứng cụ thể, bản báo cáo cho thấy đối phương đã bị thất bại một bước nghiêm trọng trong âm mưu “bình định”, lấn chiếm, bộc lộ những suy yếu và những khó khăn mới. Số cuộc hành quân lấn chiếm giảm dần. Các cuộc hành quân giải tỏa tăng lên. Địch đang ở thế đi xuống rõ rệt. Tuy vậy, quân địch còn đông, hỏa lực, phi pháo tuy đã rất hạn chế nhưng vẫn còn hoạt động, bộ máy kìm kẹp còn khống chế được nhân dân trong vùng địch kiểm soát.

Từ tháng 4 trở đi, tình hình chuyển biến nhanh hơn. Địch không còn đủ sức đối phó với các cuộc tiến công và phản công của ta. Vùng giải phóng được mở rộng. Đối với một số vùng ở Tây Nguyên, Khu V và miền Đông Nam Bộ, địch đã phải bỏ hẳn. Tinh thần quân ngụy rệu rã, số đào ngũ tăng gấp ba lần năm 1973. Địch không còn đủ sức đánh vào tuyến đường vận chuyển chiến lược của ta. Nếu Mỹ tiếp tục cắt giảm viện trợ, ngụy sẽ còn suy yếu nhanh hơn nữa. Mỹ không còn khả năng đưa quân bộ vào miền Nam. Nếu dùng không quân và hải quân can thiệp, Mỹ cũng không thể cứu ngụy khỏi sụp đổ.

Về phía ta, phong trào chống đối Mỹ - Thiệu của các tầng lớp nhân dân ở đô thị lên mạnh. Vùng giải phóng được củng cố. Bộ đội chủ lực có nhiều tiến bộ, nhưng còn phải nâng cao hơn nữa trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng, đánh địch trong công sự, đánh tiêu diệt lớn. Trong trận Thượng Đức, tuy diệt được địch, nhưng quân ta đánh

chưa thật gọn. Việc chi viện chiến trường đang xúc tiến, nhưng còn phải đẩy mạnh hơn nữa trong mấy năm tới, nhất là trong năm 1975. Báo cáo đề nghị cho tuyển thêm 15 vạn chiến sĩ mới vào cuối năm 1974 và 6 vạn nữa vào đầu năm 1975 để có đủ lực lượng thực hiện kế hoạch giành thắng lợi. Đây là một số lượng rất cao so với tỷ lệ dân số, nhưng không thể làm khác được.

Tiếp đó, anh Lê Trọng Tấn báo cáo đề án kế hoạch, chiến lược hai năm và riêng năm 1975, với quyết tâm hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.

Kế hoạch chiến lược gồm hai bước:

Bước 1 (1975): Tranh thủ bất ngờ, tiến công lớn và rộng khắp nhằm:

1. Đánh bại về cơ bản kế hoạch “bình định” của địch, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng quân nguy, giải phóng và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, vùng ven Sài Gòn, đồng bằng Khu V và Trị - Thiên.

2. Mở thông hành lang chiến lược từ nam Tây Nguyên xuống miền Đông Nam Bộ và ba tỉnh phía nam Khu V, từ Tây Ninh xuống bắc Sài Gòn, từ Tây Ninh xuống Long An, xuống tây nam Sài Gòn, từ Kiến Phong, Kiến Tường đến Mỹ Tho. Mở các căn cứ bàn đạp, áp sát các đô thị và căn cứ trọng yếu của địch.

3. Phá hủy một bộ phận quan trọng phương tiện chiến tranh, tiềm lực kinh tế, cắt giao thông địch.

4. Thúc đẩy phong trào đô thị phát triển.

5. Xây dựng lực lượng, củng cố vùng giải phóng, chuẩn bị chiến trường, tạo điều kiện cho bước hai.

Kế hoạch chiến lược năm 1975 chia làm ba đợt:

Đợt 1: Từ tháng 12/1974 đến tháng 2/1975, là đợt tiến công có mức độ. Hoạt động chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ.

Đợt 2: Là đợt chủ yếu. Từ tháng 3 đến tháng 6/1975, mở chiến dịch tiến công quy mô lớn trên chiến trường nam Tây Nguyên và các chiến dịch phối hợp ở miền Đông Nam Bộ, bắc Khu V và Trị - Thiên. Ở đồng bằng sông Cửu Long, tiếp tục tiến công và nổi dậy, mở mảng, mở vùng, đánh phá “bình định”.

Đợt 3: Từ tháng 8 đến tháng 10/1975 là đợt phát triển thắng lợi bằng đẩy mạnh hoạt động ở Trị - Thiên và Khu V, đồng thời chuẩn bị lực lượng sẵn sàng thực hiện phương án thời cơ.

Bước 2 (1976): Thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Về hướng chiến lược và nhiệm vụ của từng chiến trường, Bộ Tổng tham mưu đề nghị:

- Trị - Thiên, Quảng Đà là chiến trường đánh phá “bình định”, tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng đại bộ phận nông thôn, chia cắt chiến lược.

- Tây Nguyên (trọng điểm là nam Tây Nguyên) là chiến trường chủ yếu của chủ lực tiêu diệt lực lượng địch.

- Nam Bộ: Đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven Sài Gòn là chiến trường chủ yếu đánh phá “bình định” nhằm hoàn thành thế bao vây và cô lập Sài Gòn.

- Miền Đông là chiến trường của chủ lực, tiêu diệt lực lượng địch, mở mả, mở vùng, mở hành lang Tây Ninh và phối hợp với Khu VIII mở hành lang Kiến Phong - Kiến Tường, tạo bàn đạp áp sát Sài Gòn, Mỹ Tho.

Về thời cơ chiến lược, Bộ Tổng tham mưu dự kiến thời cơ có thể xuất hiện trong ba tình huống:

1. Khi ta đánh mạnh nhất vào đợt 2 năm 1975.
2. Ngay trong mùa mưa ở Nam Bộ.
3. Những tháng cuối năm 1975, khi nguy cơ tổ chức bầu tổng thống.

Phương hướng là: “Kiềm chế Mỹ, đánh đổ nguy, hạn chế chiến tranh ở phạm vi miền Nam, đồng thời sẵn sàng đối phó phản ứng quyết liệt của Mỹ bằng không quân, hải quân và quân cứu hỏa”.

Trong bản báo cáo, Bộ Tổng tham mưu cũng trình bày cụ thể kế hoạch hậu cần chiến lược làm cơ sở cho việc đặt kế hoạch tác chiến chiến lược và những mục tiêu cần đạt tới, nhất là trong năm 1975, về khả năng can thiệp trở lại của Mỹ khi ta đánh lớn, khả năng vật chất kỹ thuật của ta để đánh lớn, về khả năng nổi dậy của quần chúng ở các đô thị, nhất là ở Sài Gòn.

Tôi phát biểu ý kiến bổ sung, nêu rõ lúc này thế và lực của ta đang phát triển nhanh chóng theo chiều hướng có lợi. Tình hình đó cho phép ta chuẩn bị ngay kế hoạch tiến tới tổng công kích, mở đầu là tổ chức các đợt tiến công tiêu diệt lớn quân địch, sau đó đánh vào các thành phố. Địch còn có những chỗ mạnh. Xương sống của địch là quân đội nguy, được coi là mạnh nhất trong các đội quân tay sai

của đế quốc. Bên cạnh chúng, vẫn còn cố vấn và nhân viên quân sự Mỹ. Đầu não của chúng đang ở các đô thị, nhất là ở Sài Gòn. Kế hoạch bình định được chúng coi là cơ sở, tạo nguồn dự trữ để thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”. Tuy nhiên, địch đang trên đà đi xuống. Viện trợ Mỹ không ngừng bị cắt giảm. Tinh thần quân nguy rệu rã, binh sĩ phần lớn bị bắt buộc đi lính, sức chiến đấu sút kém rõ rệt. Ngụy quyền cũng suy yếu trầm trọng. Mâu thuẫn giữa chúng với chủ Mỹ ngày càng tăng. Ngụy quyền Sài Gòn đang đứng trước những khó khăn về kinh tế - xã hội vô phương cứu vãn. Đế quốc Mỹ đang lúng túng. Phong trào phản chiến từ sau Hiệp định Pari càng lên cao. Nạn lạm phát xuất hiện. Đảng Cộng hòa bị vụ bê bối Oatoghết trói chặt chân tay. Mỹ rất khó đưa quân trở lại miền Nam. Đây là hoàn cảnh khách quan hết sức thuận lợi, ta cần tận dụng, không được bỏ lỡ.

Khó khăn của địch là thuận lợi của ta. Cách mạng miền Nam đang chuyển mạnh theo hướng đi lên. Chiến trường Nam Bộ bước vào một mùa mưa chưa từng có. Bất chấp thời tiết khó khăn, quân và dân ta đẩy mạnh mọi mặt hoạt động tạo thế mới và lực mới, cả vật chất và tinh thần. Ta tiêu diệt một bộ phận khá lớn sinh lực của địch, giữ vững các “lõm giải phóng” ở đồng bằng sông Cửu Long, xung quanh Sài Gòn, giữ vững vùng giải phóng và căn cứ địa rộng lớn, duy trì được thế uy hiếp địch về mặt chiến lược. Việc chuẩn bị cơ sở vật chất, dự trữ cho chiến đấu cũng rất khả quan. Ngành hậu cần, Đoàn Trường Sơn đã vận chuyển với khối lượng lớn, “lót ổ” hàng vạn tấn đạn dược, lương thực, xăng dầu...,

tạo thêm thế mạnh, chuẩn bị đủ cho bộ đội chiến đấu trong một năm rưỡi, xây dựng lực lượng, nhất là xây dựng những “quả đấm chủ lực”, thu được nhiều kết quả. Bộ đội chủ lực đã triển khai hầu hết ở miền Nam.

Tôi đặc biệt lưu ý hội nghị về trận Thượng Đức, qua đó thấy rõ khi không dựa được vào sự chi viện lớn của không quân Mỹ, khi không còn nhiều đạn pháo để sử dụng thì sức chiến đấu của quân nguy rất yếu cả trong tiến công cũng như trong phòng ngự. Cuối cùng, tôi khẳng định *thời cơ chiến lược đã đến*, cần khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, đi đôi với đẩy mạnh đấu tranh chính trị, cần có những trận quyết chiến chiến lược tiêu diệt lớn quân địch để giành toàn thắng.

Các đồng chí trong Bộ Chính trị phát biểu ý kiến rất sôi nổi. Thận trọng, khúc chiết, rạch ròi từng ý, anh Trường Chinh nêu rõ Mỹ đang đứng trước hai sự lựa chọn: hoặc là thay ngựa giữa dòng như đã thay Ngô Đình Diệm trước kia, hoặc là can thiệp có mức độ để cứu vãn tình thế. Ta cần lợi dụng thời cơ Mỹ đang bê bối về nhiều mặt, tranh thủ giành thắng lợi quyết định.

Anh Phạm Văn Đồng nhắc lại lần gặp Kítxinhgiơ năm ngoái. Trả lời câu hỏi: Dân tộc Việt Nam đã ba lần thắng quân Nguyên... Còn các ông, liệu các ông đánh chúng tôi mấy lần? Nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã giơ lên một ngón tay. Rồi anh khẳng định: Nước Mỹ đang bê bối lắm! Cho kẹ, quân Mỹ cũng không dám trở lại Việt Nam.

Anh Nguyễn Duy Trinh cũng đồng ý như vậy, và nói tiếp: Tuy nhiên, ta vẫn cần phải đề phòng...

Mọi người đều nhất trí một khi Mỹ đã rút quân ra thì khó lòng trở vào lại miền Nam. Vào bằng lục quân đã khó, còn nếu vào bằng không quân thì không quyết định được chiến trường, làm sao cứu được ngụy? Mỹ gặp nhiều khó khăn ở trong và ngoài nước, khả năng viện trợ cho ngụy ngày càng giảm. Dù chúng có can thiệp thế nào đi chăng nữa thì cũng không thể cứu vãn được sự sụp đổ của ngụy. Ta đã giành quyền chủ động trên chiến trường, tạo được thế chiến lược vững chắc từ Bắc đến Nam. Lực lượng quân sự, dự trữ vật chất được tăng cường. Hệ thống đường chiến lược, chiến dịch đang tiếp tục hoàn chỉnh. Ở đô thị miền Nam, phong trào đấu tranh đòi hòa bình, dân sinh, dân chủ, đòi độc lập dân tộc, đòi lật đổ Thiệu đang phát triển. Vai trò của Mặt trận dân tộc giải phóng, của Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình ngày càng được nâng cao. Rõ ràng, ngụy đã suy yếu nghiêm trọng toàn diện. *Ở miền Nam, ta đã mạnh hơn địch.*

Về kế hoạch chiến lược, hội nghị thấy rằng hai năm 1975 và 1976 đều có vị trí quan trọng, nhưng năm 1975 là năm bản lề, tạo điều kiện mọi mặt để trong năm 1976 giành thắng lợi cuối cùng. Năm 1975, ta bắt đầu đòn tiến công nam Tây Nguyên, kết hợp với mở vùng, mở mảng ở đồng bằng sông Cửu Long, nối liền Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ. Phải thực hiện tốt kế hoạch năm 1975 để đón năm 1976. Phải tạo cho được yếu tố bất ngờ có thể dẫn đến những bước phát triển nhảy vọt.

Đối với Mỹ, cần kết hợp với đấu tranh ngoại giao để loại trừ khả năng can thiệp, đồng thời phải có kế hoạch cụ

thể đề phòng chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân, nhất là khi nguy đứng trước nguy cơ sụp đổ.

Tình thế cách mạng đang chín muồi. Một cuộc đọ sức cuối cùng giữa ta và địch tất yếu sẽ diễn ra và sự sụp đổ hoàn toàn của nguy quân, nguy quyền miền Nam là không thể tránh khỏi.

Hội nghị nhất trí phê duyệt kế hoạch chiến lược cơ bản dự thảo lần thứ bảy do Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị. Hội nghị nhấn mạnh yêu cầu phải có *kế hoạch tạo thời cơ và đón thời cơ*, nhất là khi Thiệu đổ. Trong bất kỳ tình huống nào cũng không được để lỡ thời cơ khi thời cơ chiến lược xuất hiện. “*Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*”.

Về hướng chiến lược, Hội nghị đề ra bộ đội chủ lực phải chuẩn bị trên cả hai hướng:

- Tây Nguyên, trọng điểm là nam Tây Nguyên, là hướng chiến lược rất quan trọng.

- Miền Đông Nam Bộ là hướng quyết định cuối cùng.

Tây Nguyên được chọn làm chiến trường chủ yếu trong cuộc tiến công lớn và rộng khắp năm 1975.

Về cách đánh chiến lược, chiến dịch, cần kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, kết hợp ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận), đánh địch trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng, thành thị). Bộ đội chủ lực phải đánh những trận quyết chiến, đánh tiêu diệt lớn trên chiến trường rừng núi, phối hợp với các chiến dịch tổng hợp ở đồng bằng sông Cửu Long và Khu V. Chú ý chia cắt chiến lược, cắt giao thông, tạo điều kiện nổ ra ly khai, binh biến.

Công tác tư tưởng phải lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quán triệt quyết tâm chiến lược của Đảng, tổ chức, động viên mọi lực lượng, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân giành thắng lợi to lớn, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Sáng 8/10/1974, đồng chí Bí thư thứ nhất kết luận hội nghị. Đồng chí nêu rõ sau bảy ngày thảo luận, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương và các đồng chí lãnh đạo chiến trường đã có sự nhất trí quan trọng là đã đến lúc hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Từ 30 năm nay, cuộc kháng chiến của ta đã đi vào một điểm của thời đại. Đánh cho Mỹ ra đã là vĩ đại. Nay hoàn thành được cách mạng dân tộc dân chủ, mở ra kỷ nguyên Việt Nam thì lại càng vĩ đại.

Đồng chí phân tích thế đi xuống của ngụy, thế thua của Mỹ, thế thắng, thế đi lên của cách mạng. Về thời cơ chiến lược, đồng chí nói: “Do sự phát triển của tình hình, *Bộ Chính trị hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam...* Lúc này, chúng ta đang có thời cơ. Hai mươi năm chiến đấu mới tạo được thời cơ này, chúng ta phải biết nắm lấy để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn... Ngoài thời cơ này, không có thời cơ nào khác. Nếu để chậm mười lăm năm nữa, bọn ngụy gượng dậy được, các thế lực xâm lược hồi phục, mạnh lên, thì tình hình sẽ phức tạp vô cùng. Thời cơ này đòi hỏi phải làm nhanh, làm gọn, làm triệt để, nhưng phải khôn khéo”.

... “Để thực hiện quyết tâm chiến lược ấy, phải có chiến lược tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Kết hợp quân sự,

chính trị, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, đánh địch ở nông thôn, đồng bằng, đô thị, căng địch ra mà đánh, bao vây và tiêu diệt, với một đội quân chính trị rất mạnh, một đội quân quân sự rất mạnh.

Quyết tâm là quân đội. Đây là lực lượng quyết định. Cần có kế hoạch xây dựng, tác chiến, rất cấp bách với tinh thần khẩn trương, quyết thắng”.

Cuối cùng đồng chí khẳng định:

“Quyết tâm của ta là động viên nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ nguy quyền trung ương và các cấp, giành toàn bộ miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà. Ngay từ bây giờ, phải tiến hành mọi công việc chuẩn bị thật khẩn trương, tạo điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất, để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để trong thời gian hai năm 1975-1976. Thời cơ này không cho phép lừng chừng, do dự”.

Hội nghị vang dội tiếng vỗ tay dài.

Trong không khí phấn khởi, quyết tâm, tôi đứng lên hứa trước Đảng: “Toàn quân sẽ kiên quyết thực hiện bằng được nhiệm vụ lịch sử mà đồng chí Bí thư thứ nhất đã thay mặt Đảng trao cho quân đội”.

Các đại biểu là cán bộ quân sự họp ngày hôm ấy đều cảm thấy một trách nhiệm lớn lao đè nặng lên đôi vai của

mình trong bước ngoặt quyết định của cách mạng. Lật trang đầu cuốn sổ công tác còn để trống, tôi ghi bằng nét lớn: “Quyết tâm chiến lược, quyết chiến lịch sử”, một quyết tâm lớn trong tháng 9/1974 đáng ghi nhớ.

Mười ngày họp của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình Bộ thống soái tối cao chỉ đạo giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. Sau một năm triển khai phương hướng chiến lược do Nghị quyết Trung ương 21 đề ra, chiến trường chuyển biến nhanh theo hướng có lợi. Đây là thời điểm mà lãnh đạo khởi đầu bàn tới quyết tâm chiến lược và một số vấn đề cơ bản có liên quan đến việc hạ quyết tâm.

Giành thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam là một việc hết sức trọng đại, hết sức khó khăn, phức tạp. Nghệ thuật quân sự là nghệ thuật của các khả năng. Nhận thức là một quá trình. Khởi đầu chiến tranh cũng như kết thúc chiến tranh có liên quan mật thiết đến vận mệnh của đất nước, của dân tộc. Một quyết tâm chiến lược chỉ có thể đúng khi đã có đủ các yếu tố chủ quan và khách quan cần thiết. Từ những bước chuẩn bị cụ thể, tạo thế, tạo lực, đến lúc tình hình chín muồi, sẽ tạo ra bước nhảy vọt cách mạng, có khi vượt mọi dự kiến ban đầu.

Ở thời điểm nóng bỏng này, trí tuệ của lãnh đạo tập trung soi sáng con đường đi tới toàn thắng của dân tộc, vạch rõ phương hướng và biện pháp giáng đòn quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Các chuyển biến trên chiến trường miền Nam cung cấp cho ta nhiều dữ liệu quan trọng. Trận Thượng Đức là thước đo sức chiến đấu của quân ta và quân ngụy. Cuộc

rút chạy khỏi Tổng Lê Chân là tiếng kèn lui quân bạc nhược của địch. Níchxơn buộc phải rời ghế Tổng thống Mỹ là biểu hiện thể trạng bệnh hoạn của một tên xâm lược khổng lồ bất lực.

Tất cả cho phép Bộ thống soái tối cao rút ra những kết luận đanh thép. Đó là:

- Trên chiến trường miền Nam, ta đang phát triển thế chủ động chiến lược, đẩy địch vào thế bị động phòng ngự.

- Sức chiến đấu của ta đã hơn hẳn quân chủ lực cơ động của ngụy.

- Mỹ không thể đưa quân trở lại, cũng khó lòng cứu ngụy khỏi sụp đổ.

- Thời cơ chiến lược đang phát triển nhanh chóng đến độ chín muồi.

Ngay sau hội nghị, tôi chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu bổ sung kế hoạch, đồng thời truyền đạt ngay nhiệm vụ và kế hoạch quân sự bước đầu đã được Bộ Chính trị thông qua đến các chiến trường. Về tuyển quân, thực tế đã có những khó khăn gay gắt. Tổng quân số lúc này đã chiếm hơn 50% số trai từ 18 đến 25 tuổi hiện có trong cả nước. Trong khi đó, yêu cầu tuyển thêm 17 vạn quân trong năm 1975 (tăng 50% so với năm 1973 và năm 1974) là cao nhưng rất cần thiết. Tôi yêu cầu bất kỳ tình huống nào cũng phải có đủ lực lượng chiến đấu cho miền Nam giành thắng lợi, dù có phải tuyển thêm ở độ tuổi từ 26 đến 30 và một phần ở khu vực học sinh, sinh viên và cán bộ, công nhân viên nhà nước. Riêng về hậu cần, tôi nhấn mạnh đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Phải chuẩn bị

cho hai năm 1975 và 1976, ít nhất cũng phải đủ cho một năm rưỡi, vì một lẽ giản đơn là nếu không có gạo, đạn, nhiên liệu thì bộ đội không đánh lớn được. Cần hoàn chỉnh trục đường chiến lược trước mùa khô để có thể vận chuyển cả hai mùa vào tới Lộc Ninh, đồng thời gấp rút phát triển mạng đường chiến dịch đến các mục tiêu tiến công theo dự kiến. Hệ thống kho, trạm cũng như kế hoạch vận chuyển phải được triển khai hoàn chỉnh.

Tôi cũng yêu cầu Tổng cục Chính trị tiến hành tốt công tác tư tưởng, công tác động viên chính trị, cổ động chiến trường. Qua kinh nghiệm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, công tác này đã phát huy tác dụng, cổ vũ mạnh mẽ khí thế tiến công của quân và dân miền Nam, thông tin, cổ động hậu phương miền Bắc hướng về tiền tuyến lớn, phối hợp cùng miền Nam đánh giặc. Cùng với tin thắng trận và các bản thông cáo chiến thắng, những bài bình luận quân sự của Quyết Thắng, của Cửu Long, của Chiến Trường thông qua các cơ quan thông tin đại chúng, một thời đã làm nức lòng cả nước, hướng mọi trái tim theo cùng một ý chí tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, quyết chiến và quyết thắng.

Các cơ quan Tổng hành dinh làm việc không kể ngày đêm. Ai cũng muốn góp phần công sức, trí tuệ của mình, phát huy cao độ chức năng tham mưu của cơ quan chiến lược đối với chiến trường, chuẩn bị cho mùa thi đua lập công hăng mong đợi.

Chương IV

HẠ QUYẾT TÂM CHIẾN LƯỢC

Sau cuộc họp tháng 10/1974, Bộ Chính trị thấy cần có thêm thời gian đánh giá tình hình kỹ hơn, thảo luận sâu hơn, xây dựng kế hoạch đầy đủ hơn, để đi tới hạ quyết tâm chiến lược có cơ sở khoa học, bảo đảm chắc thắng. Bộ Chính trị quyết định triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng từ ngày 18/12/1974 thông qua quyết tâm lần cuối cùng.

Đầu tháng 12, các anh Phạm Hùng, Trần Văn Trà, Phan Văn Đáng (Nam Bộ), Võ Chí Công, Chu Huy Mân (Khu V) đã có mặt ở Hà Nội. Tôi và Bộ Tổng tham mưu đã gặp và làm việc với các anh, tranh thủ thêm ý kiến của chiến trường về kế hoạch chiến lược, về hướng tiến công chiến lược, về mục tiêu tiến công. Các anh cũng đã tiếp xúc, trao đổi ý kiến với một số đồng chí trong Bộ Chính trị, chuẩn bị cho cuộc họp quan trọng sắp tới.

Về kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976, mọi người đều cơ bản nhất trí. Về hướng chiến trường chính, đã có hai ý kiến: một là chọn Tây Nguyên; hai là chọn miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên chỉ đánh Đức Lập để mở đường vào Đông Nam Bộ. Về mục tiêu tiến công, đã có một cuộc tranh

luận sôi nổi giữa Bộ Tổng tham mưu với đoàn cán bộ B2 xung quanh kế hoạch tác chiến mở đầu mùa khô 1974-1975 của Bộ Tư lệnh Miền. Các đồng chí ở B2, với thực tiễn và kinh nghiệm chiến đấu, nắm tình hình địch tại chỗ, chủ trương trước hết đánh Đồng Xoài, chi khu quận lỵ và là vị trí then chốt của tỉnh Phước Long. Tiếp đó tiến đánh Phước Long, giành một chiến thắng mở đầu vang dội. Các đồng chí Bộ Tổng tham mưu, trước tình hình ta rất thiếu đạn, nhất là đạn súng lớn, chủ trương đánh Bù Đăng, Bù Na là những vị trí quan trọng hơn ở phía bắc Đồng Xoài để có thêm đạn pháo chiến lợi phẩm đánh Đồng Xoài. Cuối cùng mọi người thống nhất ý kiến về kế hoạch tiến công và mục tiêu tiến công là Bù Đăng, Bù Na, Đồng Xoài và cả Phước Long, mặc dù lúc đầu Bộ Tổng tham mưu không đặt ra nhiệm vụ đánh mục tiêu này.

Các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh cũng chấp nhận kế hoạch và mục tiêu tiến công như vậy. Kế hoạch mùa khô của B2 vì thế cũng không bị đảo lộn.

Theo tôi nghĩ, trong chỉ đạo chiến tranh, có ý kiến khác nhau là rất bình thường, miễn sao cùng có chung mục đích tìm ra phương án tối ưu để giành thắng lợi.

Những cuộc tranh luận như vậy là cần thiết để đi đến thống nhất, và là biểu hiện tốt của mối quan hệ giữa cơ quan tham mưu chiến lược với các đồng chí có trách nhiệm ở chiến trường. Vấn đề quan trọng là ở chỗ biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhau, bình tĩnh, sáng suốt thảo luận trên tình đồng chí với tinh thần trách nhiệm cao, không chủ quan, áp đặt.

Còn nhớ rõ, trong những ngày này, tôi đưa anh Trần Văn Trà lên Sơn Tây thăm một đơn vị pháo binh. Hôm ấy, trời mưa rét, xe phải vượt qua nhiều quãng đường lầy lội, đầy những ổ gà. Các chiến sĩ “chân đồng vai sắt” đón chúng tôi rất trang nghiêm mà cũng rất thân tình.

Biết anh Trà đang cần sử dụng pháo ở B2, tôi đưa anh đi xem các khẩu pháo 76,2 mm, ĐKZ 57 mm... và nói:

- Chúng tôi chuẩn bị cho anh những cái này.

Anh Trà hỏi lại:

- Khẩu này nặng bao nhiêu?

- Hai tạ. Nhưng khỏi lo! Đưa đến chỗ anh, nó sẽ được tháo rời ra, cho xuống xuống đuôi tôm rồi vác vào...

Anh Trà vui vẻ ngắm các khẩu pháo. Tôi thông cảm với đồng chí Tư lệnh B2. Anh là người hăng hái nêu ý kiến đánh Phước Long. Anh đã nhiều lần đề nghị được sử dụng pháo trong mùa khô 1974-1975. Do nhiệt tình của anh và đề nghị của đoàn B2, trong một lần gặp riêng, anh Ba và Quân ủy đã đồng ý để B2 được sử dụng một đại đội pháo 130 mm vào trận đánh Phước Long.

Tôi tranh thủ nói thêm với anh về chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cần giữ kín ý đồ chiến lược, chưa cho xuất hiện xe tăng và pháo lớn ở miền Đông Nam Bộ để tận dụng yếu tố bất ngờ. Nếu dùng, phải xin ý kiến của Bộ Tổng tư lệnh. Hơn nữa, cần sử dụng tiết kiệm pháo và xe tăng, vì từ sau khi Hiệp định Pari được ký kết, Liên Xô, Trung Quốc đều chấm dứt viện trợ các loại này cho ta. Đạn pháo 105 mm và 130 mm, bắn xong, ta phải đem vỏ về nạp lại để tiếp tục sử dụng.

Đây cũng là vấn đề mà các chiến trường đều thấy rõ, đặc biệt là Quân khu V. Từ tháng 8/1974, anh Trà cũng đã báo cáo bằng điện về tình hình đạn súng lớn của B2. Dự kiến đến cuối năm, trong các đơn vị chủ lực và kho của Miền chỉ còn 4.800 viên đạn cối 120 mm, 1.190 viên đạn cối 160 mm, 6.500 viên đạn pháo 130 mm, 300 viên đạn lựu pháo 105 mm. Anh cũng đề nghị Bộ Tổng tư lệnh đẩy mạnh vận chuyển đạn lớn vào đầu mùa khô cho B2.

Cuộc đi thăm đơn vị pháo để lại một ấn tượng tốt. Trên đường về, tôi suy nghĩ vấn đề sử dụng pháo binh trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. Những trang sử quân sự về vai trò của pháo binh, từ Napôlêông đến Xtalin, Giucốp, Bành Đức Hoài... trở lại trong đầu. Tôi nghĩ đến bài học kinh nghiệm sử dụng pháo binh trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Không một ai phủ nhận vai trò của pháo binh trong thời điểm quyết định. Vấn đề là khi nào sử dụng, làm sao pháo binh cơ động được vào chiến trường, và nhất là có đủ cơ số đạn cần thiết.

Từ Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10/1974 đến lúc này, thế và lực của cách mạng miền Nam mạnh thêm nhiều. Cùng với sự ra đời của các quân đoàn, khối chủ lực của các quân khu phát triển nhanh chóng. Bộ đội địa phương và dân quân du kích cũng được xây dựng mạnh hơn. Từ tháng 7/1974, ta mở các cuộc tiến công vào phòng tuyến vành ngoài của địch suốt từ Trị - Thiên đến Nam Bộ.

Trong vòng sáu tháng, các lực lượng vũ trang của Quân khu Trị - Thiên, Quân khu V và Quân đoàn II ba

lần giành thắng lợi liên tiếp trên chiến trường Trị - Thiên - Huế và Quảng Nam - Đà Nẵng. Với thắng lợi của chiến dịch Thượng Đức, quân ta đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng Quảng Đà, tạo nên một bàn đạp tiến công quan trọng uy hiếp Đà Nẵng từ hướng tây nam. Với chiến thắng La Sơn, Mỏ Tàu, ta đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 1 ngụy, sư đoàn mạnh nhất của địch ở Quân khu I, mở rộng vùng giải phóng nam Thừa Thiên, tạo một bàn đạp tiến công thứ hai, uy hiếp mạnh mẽ giao thông chiến lược của địch giữa Huế và Đà Nẵng. Với bốn tháng bảo vệ Thượng Đức, ta giữ vững khu vực bàn đạp quan trọng này, đánh tan sư đoàn dù ngụy, “con chủ bài” của lực lượng tổng dự bị chiến lược của chúng.

Ở Tây Nguyên, quân ta đánh chiếm chi khu quân sự, quận lỵ Măng Đen và Măng Bút (Kon Tum), tiêu diệt quân chủ lực ngụy ở Chư Nghe, Đăk Pét.

Tại miền Đông Nam Bộ, ta giải phóng một vùng rộng lớn ở phía nam đường số 7, uy hiếp thị xã Bình Dương, căn cứ Đồng Dù và Sở chỉ huy Quân đoàn III ngụy ở Biên Hòa. Ở đồng bằng sông Cửu Long, Quân khu IX đẩy mạnh tiến công địch nhằm tạo thế cho cuộc tiến công lớn trên toàn miền vào đầu năm 1975, diệt và bức rút hàng trăm đồn địch, giải phóng 4.000 ấp với 80 vạn dân. Quân khu VIII, sau một thời gian khó khăn, đã vươn lên đánh địch, giành lại Vùng IV Kiến Tường, mở rộng vùng giải phóng Đồng Tháp Mười, diệt nhiều đồn địch, giải phóng hơn 200 ấp.

Chấp hành Nghị quyết Hội nghị Quân ủy Trung ương ngày 18/12/1972, hậu cần chiến lược cùng với hậu cần các

chiến trường triển khai mạnh công việc chuẩn bị theo kế hoạch ba năm (1973-1975) bảo đảm cho các tình huống chiến tranh. Vùng giải phóng được xây dựng và củng cố, bước đầu thực hiện hậu cần tại chỗ. Các tuyến giao thông vận tải chiến lược được xây dựng, phát triển và hoàn thiện. Các căn cứ hậu cần chiến lược, chiến dịch được điều chỉnh bố trí. Ta đã tiêu diệt, bức rút các vị trí địch khổng chế hành lang đông Trường Sơn, mở thông tuyến vận tải chiến lược qua chiến trường Trị - Thiên, Khu V, Tây Nguyên vào tới Lộc Ninh, đưa tổng số chiều dài mạng đường vận tải quân sự chiến lược lên 16.790 km với 6 trục dọc, cả ở đông và tây dải Trường Sơn, tạo thuận lợi cho việc chi viện chiến trường, cơ động lực lượng. Hệ thống đường ống dẫn dầu được lắp đặt hoàn chỉnh từ miền Bắc vào tới miền Đông Nam Bộ.

Thắng lợi của quân và dân ta đã làm chuyển biến thêm một bước so sánh lực lượng trên chiến trường. Bộ Tổng tham mưu báo cáo với Quân ủy Trung ương một nhận định chiến lược: “Khả năng chiến đấu của bộ đội chủ lực cơ động của ta đã hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch. Chiến tranh đã bước vào giai đoạn cuối, so sánh lực lượng đã thay đổi, ta mạnh lên, địch yếu đi. Do đó ta có thể và cần phải chuyển từ đánh nhằm tiêu diệt sinh lực địch là chính sang đánh chẳng những tiêu diệt sinh lực địch mà còn nhằm giải phóng nhân dân và giữ đất; từ chỗ quân chủ lực ta lấy tiêu diệt quân chủ lực địch trên chiến trường rừng núi là chủ yếu sang tiêu diệt địch và giải phóng nhân dân, giải phóng đất ở cả vùng giáp ranh, đồng bằng và thành phố”.

Ở miền Bắc, thực hiện kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế hai năm 1974-1975, nhân dân ta thu được kết quả đáng kể. Công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải có nhiều cố gắng. Đời sống nhân dân ổn định. Hậu phương lớn chi viện 264.000 quân và một khối lượng lớn vật tư chiến tranh gần 50 vạn tấn gồm vũ khí, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men cho chiến trường. Bộ đội chủ lực khẩn trương huấn luyện chiến đấu, luôn ở tư thế sẵn sàng xuất quân.

Sáng ngày 10/12, tôi cho gọi Cục Quân báo đến Sở Chỉ huy báo cáo thêm tình hình mới nhất ở Tây Nguyên, có anh Lê Ngọc Hiền, Tổng Tham mưu phó cùng dự.

Bắt đầu làm việc, tôi dặn anh Phan Bình, Cục trưởng Cục Quân báo:

- Các anh báo cáo ngắn gọn, vì Quân ủy không có nhiều thời gian để nghe dài. Thời gian bây giờ là lực lượng đấy.

Anh Phan Bình giới thiệu đồng chí Nguyễn Thanh, Trưởng phòng 70¹ báo cáo. Sau khi dẫn chứng những biện pháp mà Nguyễn Văn Thiệu vừa đề ra trong cuộc họp khẩn cấp với các tư lệnh quân đoàn, quân khu hồi đầu tháng hồng đối phó với các hoạt động Đông Xuân 1975 của ta, đồng chí Trưởng phòng 70 báo cáo cụ thể trên bản đồ lực lượng địch bố trí ở Tây Nguyên theo

1. Phòng 70 là cơ quan tập trung mọi nguồn tin của Cục Quân báo để chọn lọc, phân tích, tổng hợp, báo cáo lên cấp trên.

nguồn tin mới nhất: ở bắc Tây Nguyên, chúng điều Trung đoàn 47 ở đồng bằng Khu V và Liên đoàn 4 biệt động quân ở Sài Gòn tăng cường cho Plâyku, lập bộ chỉ huy chiến trường Kon Tum trực tiếp chỉ huy bốn liên đoàn biệt động quân số 6, 21, 22, 23, lập bộ chỉ huy Plâyku - Quảng Đức trực tiếp chỉ huy ba trung đoàn của Sư đoàn 23 và ba liên đoàn biệt động quân số 4, 24, 25. Sư đoàn 23 có nhiệm vụ giữ Plâyku là chủ yếu. Ở nam Tây Nguyên, địch chỉ để Trung đoàn 53 thuộc Sư đoàn 23 đóng ở Buôn Ma Thuật và Liên đoàn 24 biệt động quân ở Quảng Đức, do Sở Chỉ huy Sư đoàn 23 chỉ huy. Thiệu đang cho gấp rút thành lập ba lữ đoàn tổng trừ bị ở Sài Gòn và tập trung toàn bộ sư dù ở Đà Nẵng, hình thành hai khối cơ động chiến lược quy mô sư đoàn trên hai hướng, sẵn sàng cơ động đối phó với ta.

Vừa nghe báo cáo, tôi vừa xem kỹ bản đồ bố trí binh lực của địch, hỏi thêm một vài điều, rồi kết luận:

- Thế là rõ. Địch bố trí binh lực rất phân tán, dàn mỏng. Lực lượng cơ động chiến lược đang gặp khó khăn vì các sư đoàn tổng trừ bị đều phải gắn vào các chiến trường, mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung rất căng thẳng. Tinh thần quân nguy bắt đầu suy yếu, mất ổn định. Đặc biệt tình hình nội bộ Mỹ khủng hoảng và viện trợ Mỹ giảm nhiều đã tác động sâu sắc đến nguy quân, nguy quyền. Những nhân tố trên là lò lửa đang âm ỷ cháy trong lòng địch. Nó sẽ bùng lên thiêu cháy chúng khi thời cơ đến.

Quay sang anh Lê Ngọc Hiền, tôi nói tiếp:

- Các anh chú ý hướng Tây Nguyên rất yếu, song lại hiểm yếu. Địch tập trung nhiều ở bắc Tây Nguyên, còn nam Tây Nguyên rất yếu và sơ hở. Còn ở Mỹ thì thế lực chống chiến tranh chiếm ưu thế cả trong Quốc hội. Mỹ không dễ gì đã rút đi lại quay trở lại. Nhưng Cục 2 vẫn phải hết sức chú ý, theo dõi hoạt động của không quân và hải quân Mỹ.

Đã có thêm nhiều dữ kiện và tham số giúp cho Bộ thống soái tối cao hạ quyết tâm chiến lược.

Ngày 18/12/1974, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp tại Tổng hành dinh. Ngồi nhà mái bằng ẩn kín dưới những tán lá cây dày đặc, với những căn hầm làm việc kiên cố, nơi đã từng diễn ra nhiều cuộc họp cơ mật của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, hôm nay lại chứng kiến một sự kiện lịch sử có ý nghĩa quyết định. Lần cuối cùng, ý chí và trí tuệ của Đảng tập trung cao độ, lập kế bày mưu, hạ quyết tâm giành toàn thắng.

Dự họp, ngoài các ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, có các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường, các Phó Tổng tham mưu trưởng phụ trách tác chiến.

Hội nghị được chuẩn bị khá công phu. Các cơ quan chiến lược của Đảng, của quân đội và của Nhà nước làm việc ngày đêm, phát huy hết chức năng tham mưu chiến lược, dự thảo kế hoạch, cung cấp thông tin... Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tập trung suy nghĩ về các vấn đề đặt ra trong cuộc họp tháng 10/1974 và những vấn đề mới nảy sinh. Đại biểu các chiến trường ra họp, mang

theo nhiều tình hình, nhận định, nhiều kiến nghị và yêu cầu mới.

Đồng chí Bí thư thứ nhất khai mạc hội nghị. Về vui tươi lộ rõ trên nét mặt, anh Ba nêu rõ mục đích hội nghị lần này là thảo luận để đi đến hạ quyết tâm chiến lược lần cuối cùng. Anh yêu cầu mọi người báo cáo kỹ tình hình, cùng nhau bàn cho ra lẽ, để rồi về mà thực hiện cho đúng, cho tốt, không sợ mất thời gian.

Thay mặt Bộ Tổng tham mưu, anh Lê Ngọc Hiền trình bày dự kiến kế hoạch hoạt động quân sự năm 1975. Đây là bản dự thảo lần thứ tám, trên cơ sở bản kế hoạch đã được Bộ Chính trị thông qua hồi tháng 10, có bổ sung một số điểm và điều chỉnh một số chỉ tiêu, sau khi trao đổi thống nhất với các chiến trường.

Bản báo cáo tuy đã được chuẩn bị nhiều lần, nhưng chưa thỏa mãn yêu cầu của lãnh đạo. Anh Hoàng Văn Thái phát biểu bổ sung, cũng vẫn chưa đáp ứng. Các vấn đề trình bày chưa chặt. Phần tình hình còn nặng về quân sự, chưa nắm chắc được các diễn biến về chính trị, kinh tế, xã hội. Tình hình các đô thị miền Nam nắm không được kỹ. Phần kế hoạch quân sự năm 1976 chưa hình thành rõ nét. Các anh ở B2 vẫn vướng mắc vì chưa thấy nói đến việc đánh Đồng Xoài. Về hướng tiến công chiến lược, cũng có ý kiến muốn đánh Đức Lập để mở đường vào miền Đông Nam Bộ.

Thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi đề xuất một số ý kiến:

- Lần này bàn kế hoạch 1975-1976, chúng ta cần nắm vững yêu cầu của quyết tâm chiến lược. Tinh thần

là phải thật kiên quyết, thật tập trung... Năm 1972, trên chiến trường Quảng Trị, ta đã tạo được thời cơ rất tốt. Lúc đó, thành phố Huế hỗn loạn, thế trận của địch ở Quân khu I rung động rất dữ. Thế nhưng chúng ta chỉ đưa một lực lượng không lớn lắm vượt qua sông Quảng Trị, cũng vì đường sá chưa thông, công tác bảo đảm không theo kịp. Vì thế mà địch gượng lại được, chúng đưa sư đoàn dù và sư đoàn thủy quân lục chiến ra phản kích chiếm lại Thành cổ...

Thời cơ lúc đầu có thể đến với mức bình thường. Nhưng nếu ta lợi dụng tốt, sẽ tạo nên thời cơ mới cao hơn và từ đó phát triển thành thời cơ đột biến. Khi nói đến lợi dụng triệt để thời cơ chiến lược là phải nói đến việc chuẩn bị sẵn lực lượng dự bị chiến lược thật mạnh, có kế hoạch tác chiến và kế hoạch bảo đảm thật đầy đủ thì mới có thể thực hiện được.

Trong kế hoạch quân sự 1975-1976, cần ghi rõ: Phải có trận tiêu diệt lớn ở nam Tây Nguyên bằng cách đánh địch đang vận động. Yêu cầu là phải diệt từ ba đến năm sư đoàn địch trong một đợt hoạt động mạnh và gọn, chứ không được kéo dài lê thê. Kế hoạch phải nêu rõ diệt địch ở Tây Nguyên, mở đầu bằng đánh Buôn Ma Thuột. Có thể sau khi ta tiêu diệt Buôn Ma Thuột, địch sẽ dao động, rối loạn, lúc đó ta phải chớp lấy thời cơ giải phóng Huế. Nếu lúc đó ta chậm chân, mỗi một, để mùa mưa đến thì lỡ mất thời cơ. Cho nên phải có kế hoạch bao vây chia cắt ngay từ bây giờ, không để cho địch co cụm chiến lược, rút về miền Đông Nam Bộ hay rút về phía đông dọc theo bờ biển

Trung Bộ. Trong năm 1975 này, ta không nhất thiết phải cơ động Quân đoàn I. Phải tập trung nó lại mà huấn luyện cho tốt, bảo đảm luôn luôn sẵn sàng. Phải hết sức khẩn trương, hết sức tập trung. Nếu có thời cơ thì sử dụng Quân đoàn I. Nếu thời cơ chưa xuất hiện, thì ta cũng mạnh lên để đón thời cơ mới.

Chúng ta phải chủ động tạo ra thời cơ, chứ không thể bị động ngồi chờ. Khi thời cơ đến thì phải kiên quyết, kịp thời chớp lấy thời cơ. Phải tích cực phát triển cái đúng, cái hay của ta, khoét sâu cái nhược điểm, cái sai lầm của địch thì tất yếu thời cơ sẽ xuất hiện... Hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong hai năm 1975-1976 là đúng. Nhưng kế hoạch cần đề phòng tình huống sớm hơn, trong năm 1975, và cả tình huống kéo dài qua năm 1977. Như vậy mới chủ động, vững vàng.

Trong phần thảo luận, hội nghị nghe anh Văn Tiến Dũng phát biểu về vấn đề sử dụng binh lực, nêu rõ việc vận dụng cách đánh phải thể hiện ngay trong bước xây dựng kế hoạch và phát triển kế hoạch. Hiện nay, trọng tâm của ta là giành thắng lợi ở đồng bằng. Để cho được vững chắc hơn, để có điều kiện xây dựng lực lượng ở đồng bằng, tác chiến quy mô lớn, nhất thiết phải có hành lang nối liền đồng bằng với căn cứ. Chủ lực miền Đông phải phối hợp thực hiện nhiệm vụ này.

Trong kế hoạch đợt hai, phải nghiên cứu cách đánh cho địch vỡ ra, mà không phải sử dụng nhiều lực lượng.

Cần phải tính đến phản ứng của Mỹ. Cũng không loại trừ khả năng nguy suy sụp nhanh chóng. Khi ta đánh mạnh, phong trào đô thị lên, thời cơ sẽ xuất hiện. Chính lúc ấy lại càng phải cảnh giác...

Rành rọt từng lời, từng ý, anh Phạm Văn Đồng phân tích về phương pháp tác chiến chiến lược trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh. Anh nhấn mạnh cần vận dụng chiến lược tổng hợp, phải chuẩn bị kỹ cơ sở vật chất, kỹ thuật, và cả vấn đề huấn luyện chiến sĩ mới. Anh nói: “Về ta, quan trọng nhất là một cao trào cách mạng miền Nam xảy ra. Rất mới, cả quân sự và chính trị. Bạo lực quân sự đến mức cao nhất đi đôi với bạo lực chính trị...”. Anh đứng lên, bước từng bước một, đi lại trong phòng rồi dừng lại phát biểu: “Lúc nào là thời điểm sụp đổ của ngụy? Không phải chờ đến năm 1976 đâu! Có thể nhanh không phải dần dần đâu!”.

Anh Trường Chinh nêu rõ đặc điểm tình hình nhiệm vụ của hai miền, phân tích cách đánh chiến lược, đồng ý với phương án của Thường trực Quân ủy Trung ương đồng ý chọn hướng chính là Tây Nguyên, chọn mục tiêu đầu tiên là Buôn Ma Thuột. Anh nhấn mạnh: “... Địch bị suy yếu nhanh chóng, không gỡ được mâu thuẫn giữa giữ đất, giữ dân và cơ động tác chiến... còn ta thì mạnh lên về mọi mặt. Ta giành được quyền chủ động trên chiến trường. Năm 1974, ta đã đạt được kế hoạch. Nếu Phước Long ta diệt được nữa thì ta mạnh lên rất nhiều. Ta phải tạo điều kiện thực hiện đòn tiêu diệt chiến lược. Và không hạn chế chỉ một đòn...”.

Anh Lê Đức Thọ phân tích về ý đồ chiến lược của Mỹ, về thời cơ, về tương quan lực lượng giữa ta và địch, về đánh phá bình định, tiêu diệt quân chủ lực ngụy, về xây dựng địa phương, về công tác binh vận, về cơ sở để hạ quyết tâm dứt điểm trong hai năm.

Tiếp đó, các anh Trần Quốc Hoàn, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh phát biểu ý kiến xoay quanh các vấn đề biện pháp chiến lược, yêu cầu kết hợp các mặt đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao...

Ngày 22/12, hội nghị nghỉ họp để tham dự một sự kiện chính trị quan trọng. Nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 – 22/12/1974), Đảng, Nhà nước, Quốc hội quyết định tặng thưởng các lực lượng vũ trang nhân dân phần thưởng cao quý nhất: Huân chương Sao Vàng.

Một cuộc mít tinh và biểu dương lực lượng lớn được tổ chức tại sân vận động Hà Nội, ngay giữa ban ngày. Hơn ba vạn nhân dân Thủ đô cùng đại biểu các đơn vị trong toàn quân ngồi kín các bậc, trong một rừng cờ, hoa và những chùm bóng màu rực rỡ.

Đúng 8 giờ. Quốc thiều Việt Nam nổi lên giữa 21 phát đại bác nổ rền, mở đầu cuộc lễ.

Sau lời khai mạc của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường Chinh đọc lời tuyên dương công trạng: “... 30 năm qua, lớp lớp cán bộ và chiến sĩ kế tiếp nhau đánh giặc cứu nước, góp phần xây

dựng nước nhà, nêu những tấm gương sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam”.

Chủ tịch nêu rõ tám Huân chương Sao Vàng là phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta dành cho các lực lượng vũ trang và mong rằng các lực lượng vũ trang luôn luôn xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Trong không khí phấn khởi, trang nghiêm, Chủ tịch Tôn Đức Thắng trân trọng gắn Huân chương Sao Vàng lên quân kỳ Quyết thắng. Thay mặt toàn quân, tôi cùng các đồng chí Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng, Song Hào, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Đinh Đức Thiện, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần vinh dự nhận phần thưởng cao quý. Trong lời phát biểu, tôi xúc động nói: “Dưới ngọn cờ trăm trận trăm thắng của Đảng và Hồ Chủ tịch, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, trải qua 30 năm xây dựng, 30 năm chiến đấu liên tục, 30 năm thắng lợi vẻ vang, toàn thể cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam ghi lòng tạc dạ: mỗi một chiến công, mỗi một thành tích của các lực lượng vũ trang đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo vô cùng đúng đắn và sáng suốt của Đảng và Hồ Chủ tịch, từ sự thương yêu đùm bọc không bờ bến của đồng bào ta trong cả nước”. Bài phát biểu kết thúc bằng lời hứa quyết tâm: “Các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam kiên quyết giương cao lá cờ Quyết thắng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho trong giai đoạn mới, xứng đáng với phần thưởng cao quý của Quốc hội và Chính phủ, xứng đáng với lòng tin cậy của toàn Đảng, toàn dân, xứng đáng

với lời biểu dương của Bác Hồ: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng””.

Tiếp theo đó, trong diễn văn kỷ niệm 30 năm trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta, tôi đã ôn lại lịch sử vẻ vang của các lực lượng vũ trang anh hùng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tôi dành phần lớn bài diễn văn quan trọng này đề cập tới tình hình và nhiệm vụ trước mắt.

Về thắng lợi to lớn của nhân dân ta “đánh cho Mỹ cút”, tôi nói: “Quân và dân cả nước ta đã chiến thắng quân đội xâm lược khổng lồ của tên đế quốc đầu sỏ, giáng một đòn nặng vào vai trò sen đầm quốc tế của Mỹ, bác bỏ câu chuyện hoang đường về sức mạnh vô địch của đế quốc Mỹ, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân ta vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”.

Về tình hình cách mạng miền Nam từ khi có Hiệp định Pari, tôi khẳng định:

“Thực tế ở miền Nam trong hai năm qua chứng tỏ sức mạnh chính nghĩa của nhân dân ta là vô địch, thắng lợi của cách mạng miền Nam là tất yếu... Chúng ta nhiệt liệt chào mừng thắng lợi to lớn của đồng bào và chiến sĩ miền Nam và tin tưởng sắt đá rằng sự nghiệp cách mạng của nhân dân miền Nam tuy còn lâu dài, gian khổ, quyết liệt, nhưng nhất định thắng lợi. Miền Nam nhất định sẽ hoàn toàn giải phóng; Tổ quốc Việt Nam nhất định sẽ thống nhất; đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

Đại biểu các quân chủng, binh chủng quân đội nhân dân và dân quân tự vệ, hàng ngũ chính tề, bước chân rầm rập diễu qua lễ đài kết thúc buổi lễ. Phó Tổng tham mưu trưởng Phùng Thế Tài được vinh dự giương cao lá quân kỳ Quyết thắng lấp lánh Huân chương Sao Vàng, thay mặt các chiến sĩ đã làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, dẫn đầu cuộc diễu binh trong tiếng nhạc hùng tráng, trong niềm tin yêu vô hạn của hàng vạn trái tim.

Bước chân hùng dũng, tự hào của các chiến sĩ ngày hôm ấy cũng chính là nhịp bước vững vàng chắc thắng của đồng bào và chiến sĩ cả nước trên chặng đường tiến tới ngày toàn thắng, dưới bàn tay vẫy gọi của Bác Hồ.

Ngày hôm sau, 23/12/1974, Hội nghị Bộ Chính trị (mở rộng) tiếp tục làm việc.

Lúc này, thực tiễn chiến trường phát triển có phần nhanh hơn dự kiến của kế hoạch tác chiến chiến lược mà Bộ Tổng tham mưu trình bày ở Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10/1974.

Trong đợt tiến công mùa khô 1974-1975, quân ta giành nhiều thắng lợi ở miền Đông Nam Bộ và Khu IX. Tin chiến thắng dồn dập bay về, khẳng định thế đi lên của ta, thế đi xuống của địch.

Ngày 13/12/1974, quân ta tiến công chi khu quân sự Bù Đăng, yếu khu Bù Na, hệ thống đồn bốt trên đường 14, mở đầu chiến dịch đường 14 - Phước Long. Sau 5 ngày chiến đấu ác liệt, ta chiếm được Bù Đăng, diệt 50 đồn bốt, giải phóng 14.000 dân, làm chủ 80 km đường 14.

Ngày 20/12, Bộ Tổng tư lệnh nhận điện báo cáo của anh Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh Miền: "... Trên đường 14, ta giải phóng hoàn toàn đoạn từ cầu 11 gần Đồng Xoài, đến khỏi Bù Đăng giáp ranh giới chi khu Kiến Đức... Ở Bù Đăng, Vĩnh Thiện, Bù Na, ta thu được 4 pháo và 7.000 đạn pháo, trên 3.000 súng các loại, bắt trên 300 tù binh. Sẽ tiếp tục truy lùng..."

Nỗi lo thiếu đạn pháo từ lâu đè nặng trong đầu tôi đã vơi đi được một phần.

Chiến trường trên đà thừa thắng xông lên khuếch trương chiến quả. Ngày 27/12, Bộ Tổng tư lệnh lại nhận điện của Bộ Tư lệnh Quân đoàn IV: "... Tiến công chi khu Đồng Xoài lúc 5 giờ 35 phút ngày 26/12. Đến 8 giờ 30 phút, ta làm chủ hoàn toàn chi khu Đồng Xoài. Ký tên: Năm Thạch".

Năm Thạch là bí danh của đồng chí Hoàng Cầm, Tư lệnh Quân đoàn IV. Trong niềm vui chiến thắng, tôi nhớ rất rõ hình ảnh người cán bộ quân sự đã tỏ rõ phẩm chất và tài năng của mình ngay từ chiến dịch Trần Hưng Đạo (1951). Lúc đó, với cương vị Tiểu đoàn trưởng của Đại đoàn 312, anh đã được Bộ Tổng tư lệnh khen tặng danh hiệu "Cán bộ gương mẫu" cùng với Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Hùng Sinh của Đại đoàn 308. Trong công tác cán bộ, đây là một phát hiện chính xác, đi đôi với bồi dưỡng thành công.

Với chiến công diệt gọn chi khu Đồng Xoài, quân ta đã hình thành thế bao vây cô lập thị xã Phước Long. Phản ứng của địch yếu ớt. Máy bay địch lên ném bom, bắn phá không có hiệu quả. Quân địch ở Phước Long hoang mang cực độ.

Trong hội nghị, các anh Phạm Hùng và Trần Văn Trà kịp thời xin ý kiến của đồng chí Bí thư thứ nhất và Quân ủy Trung ương cho phép giải phóng luôn Phước Long, có sử dụng một đại đội xe tăng và một đại đội pháo 130 mm. Anh Ba chấp nhận. Tôi cũng đồng ý.

Ngày 31/12, Quân đoàn IV được tăng cường Trung đoàn 16 bộ binh, hai tiểu đoàn pháo cao xạ, do Tư lệnh Hoàng Cầm trực tiếp chỉ huy, mở cuộc tiến công vào thị xã Phước Long.

Bộ đội ta xung phong đánh chiếm hệ thống công sự bảo vệ vành ngoài, diệt, chi khu Phước Bình, chiếm núi Bà Rá. Địch tập trung lực lượng, ngoan cố chặn các đường tiến vào thị xã. Máy bay địch ném bom, bắn phá vào đội hình của quân ta. Quân đoàn quyết định dùng pháo bắn mạnh vào các mục tiêu trong thị xã, đồng thời dùng hỏa lực phòng không đánh trả máy bay địch. Bỏ qua các ổ đề kháng vòng ngoài, các mũi thọc sâu nhanh chóng đột phá, đánh chiếm các mục tiêu quan trọng. Đến 19 giờ ngày 6/1/1975, toàn bộ thị xã Phước Long được giải phóng.

Trải qua 26 ngày chiến đấu liên tục, chiến dịch đường 14 - Phước Long kết thúc thắng lợi. Địch phản ứng một cách tuyệt vọng. Các cánh quân ngụy lên ứng cứu đều bị đánh lui. Nguyễn Văn Thiệu đành ôm hận kêu gọi “dành ba ngày truy điệu, cầu nguyện cho Phước Long”.

Tin chiến thắng Phước Long làm nức lòng người, báo hiệu một mùa khô đầy triển vọng. Hội nghị ngừng họp. Mọi người đi lại, vui vẻ bắt tay nhau. Trong niềm vui thấy ngày toàn thắng tới gần, mỗi cái bắt tay chứa đựng một quyết tâm, một lời hứa hẹn.

Chiến thắng Phước Long mang ý nghĩa một đòn trinh sát chiến lược rất quan trọng. Lần đầu tiên ở miền Nam, một tỉnh được hoàn toàn giải phóng. Tỉnh đó lại ở gần Sài Gòn. Vùng căn cứ quan trọng của ta ở miền Đông Nam Bộ được mở rộng. Thực tế này nói rõ hơn hết khả năng của ta. Nó cũng đánh dấu một bước suy sụp mới của quân ngụy. Đội quân này không còn khả năng giải tỏa với quy mô lớn để chiếm lại các vùng, các căn cứ và thị xã quan trọng bị ta đánh chiếm, ngay cả trên tuyến phòng thủ vành ngoài Sài Gòn - Gia Định. Nó còn chứng tỏ Mỹ không có khả năng trở lại can thiệp bằng quân sự ở miền Nam, khi người phát ngôn của Nhà Trắng tuyên bố: “Tổng thống Pho không có ý vi phạm những điều cấm chỉ (của Quốc hội) về việc sử dụng lực lượng quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam”.

Thực tiễn chiến trường đã chứng tỏ ý kiến của các anh ở B2 là đúng.

Sau này, trong tài liệu “Sự sụp đổ của Nam Việt Nam”, người Mỹ viết: “... Sự thất thủ thị trấn Phước Long đánh dấu Nam Việt Nam bắt đầu tan rã”. Phạm Bá Hoa, đại tá Tham mưu trưởng Tổng cục Tiếp vận quân đội ngụy còn nói rõ hơn: “Cái chính là thất bại Phước Long đã nói lên thế và lực của quân lực cộng hòa. Chỉ mới bị đánh một điểm mà đã không còn lực lượng đối phó, thử hỏi bị đánh mạnh nhiều nơi thì sẽ ra sao? Phước Long là sự kiện nói lên khá rõ hiệu quả chiến lược “Việt Nam hóa” thực hiện trong sáu năm qua... Có thể nói Phước Long là một đòn thử sức đôi bên và kết quả đã rõ ràng...”.

Cục 2 báo cáo: Trong những ngày thất thủ Phước Long, Nguyễn Văn Thiệu chủ tọa một cuộc họp khẩn cấp tại dinh Độc Lập. Trước các tướng tá, Thiệu tuyên bố không tăng viện cho Phước Long hay cố gắng lấy lại tỉnh này, vì phải trả giá quá cao, quân nguy không đủ máy bay và quân trừ bị. Nếu muốn tăng viện Phước Long, phải lấy quân từ nơi khác mà những nơi này, cũng đang bị Bắc Việt sửa soạn tiến công. Trong cuộc họp, Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn cay đắng nhận xét rằng việc để mất Phước Long là bước đầu quan trọng để cộng sản chinh phục hoàn toàn Nam Việt Nam bằng quân sự. Họ hiển nhiên không sợ bất cứ phản ứng nào của Mỹ. Không biết cộng sản còn được sự khuyến khích nào hơn?

Thái độ thờ ơ của Mỹ càng làm cho Sài Gòn thêm thất vọng, và đẩy nhanh đà suy sụp về tinh thần của quân đội nguy. Trong cuộc họp báo ngày 14/1/1975, Bộ trưởng Quốc phòng Solétxinhgiơ cố tình đánh giá thấp sự kiện Phước Long. Ông ta nói: “Bây giờ tình hình ở Nam Việt Nam cho thấy Bắc Việt không muốn tung ra một cuộc tiến công rộng khắp, quy mô. Cái mà họ đang chú tâm là làm suy yếu sự kiểm soát của chế độ Nam Việt Nam trên khắp nước, đặc biệt là làm đảo lộn chính sách bình định đang thành công. Do đó điều mà chúng tôi tiên đoán trong vài tháng tới chỉ là một số trận đánh lớn. Lúc này, tôi không tiên liệu sẽ có cuộc tiến công quy mô lớn như hồi năm 1972”.

Hơn nửa tháng sau, ngày 22/1, Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho lại dội thêm một gáo nước lạnh khi tuyên bố: “Không có hành động nào khác ngoài việc bổ sung viện trợ cho

Sài Gòn. Sẽ không can thiệp vào Nam Việt Nam nếu xét ra không phù hợp với hiến pháp và pháp luật”.

Trả lời bức thư kêu cứu của Nguyễn Văn Thiệu, ông ta cũng chỉ có những lời hứa hẹn chung chung: “... Tôi chia sẻ với ngài nỗi lo lắng về Bắc Việt không thực thi những điều khoản căn bản nhất của Hiệp định Pari và về những áp lực quân sự của Bắc Việt ở mức độ trầm trọng. Tôi muốn bảo đảm với ngài rằng chính quyền chúng tôi sẽ tiếp tục áp lực để việc thi hành Hiệp định được thật đầy đủ”. Thật chẳng khác nào một cọng rơm tung xuống nước trước một kẻ sắp chết chìm!

Chiến thắng Phước Long là một nhân tố mới rất quan trọng để hội nghị khẳng định quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với yêu cầu cao hơn. Tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị là giành thắng lợi nhanh hơn, lớn hơn. Bộ Tổng tham mưu căn cứ vào tình hình phát triển của chiến trường, đề đạt ý kiến với Bộ Chính trị bổ sung, điều chỉnh kế hoạch tác chiến cho phù hợp với tình hình mới.

Càng về cuối hội nghị, các vấn đề thảo luận càng tập trung, sáng rõ.

Hướng tiến công chiến lược chủ yếu được xác định là nam Tây Nguyên, với mục tiêu chính là Buôn Ma Thuột, mở đầu cuộc tiến công lớn của bộ đội chủ lực năm 1975.

Anh Lê Thanh Nghị phát biểu về kế hoạch chiến lược, và nhấn mạnh: “Đưa thêm lực lượng vào B2 là đúng, càng sớm càng tốt. Dự bị chiến lược chung và dự bị cho từng

chiến trường là phải có. Dự bị chiến lược chung là một quân đoàn, làm sao có thể cơ động được vào chiến trường chủ yếu, nếu để tận ngoài xa?”.

Anh Lê Đức Thọ đề cập vấn đề đấu tranh ngoại giao. Anh nói: “Năm 1975, ngoại giao chưa tạo ra vấn đề gì lớn cả. Bây giờ nếu có ngồi lại, chắc cũng là để kéo dài đàm phán, tranh thủ mở rộng mà thôi... Thế ta chưa mạnh, thì ngoại giao chẳng giải quyết được vấn đề gì... Phải chú ý đầy đủ phối hợp cả ba quả đấm (quân sự, chính trị, ngoại giao) với nhau thì mới có điều kiện hơn cho năm 1976”. Ngừng một lát, anh nói tiếp: “Tôi cho rằng tình hình bây giờ có khác hồi năm ngoái. Bây giờ đã đánh là phải đánh dồn dập, diệt địch nhiều nhất, thắng lợi lớn nhất, làm cho thế của ta mạnh lên rất nhanh... Còn về mặt tuyên truyền, ta cứ giữ mức độ bình thường, không cần rùm beng làm gì. “Có miếng mà không có tiếng””.

Anh Ba đồng tình với ý kiến của các anh vừa phát biểu, và nói: “Ta đánh theo cách đánh của ta là phải chính trị, quân sự kết hợp, phải là chiến lược tổng hợp với ba quả đấm, khác đó là không thắng được”.

Sáng ngày 8/1/1975, đồng chí Bí thư thứ nhất kết luận hội nghị.

Vui vẻ, linh hoạt, anh Ba nói:

Cuộc họp này có đông đủ các đồng chí ở Nam Bộ và Khu V ra dự. Trong cuộc họp lần trước, Bộ Chính trị đã nhất trí về phương hướng chiến lược nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến toàn thắng. Lần này, chúng ta hạ quyết tâm trong hai năm hoàn thành cách mạng dân

tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Chúng ta rất phấn khởi đạt được sự nhất trí cao, sau khi suy nghĩ bàn bạc nhiều lần, và nay lại càng nhất trí với các đồng chí chỉ huy lãnh đạo các chiến trường.

... Hiện nay, ta đã giữ chủ động, giành dân và giành quyền làm chủ. Ta đã tạo ra thế chiến lược liên hoàn từ Trị - Thiên đến đồng bằng sông Cửu Long. Ta đã xây dựng được những quả đấm chủ lực rất mạnh và cơ động. Ta đã tạo được một bàn đạp áp đảo xung quanh Sài Gòn, đó là một thế chiến lược lớn lắm. Những điều đó chứng tỏ chúng ta mạnh. Trên thế mạnh đó, ta chuẩn bị cho quyết tâm hai năm...

Rõ ràng là địch đang xuống dốc về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, do ta tiến công và do cả bản thân nó nữa. Rồi đây có thể nó còn xuống dốc rất nhanh. Do đó ta thấy rõ thời cơ, khả năng cách mạng có thể tiến lên tiến công, vừa chiến thắng quân sự, vừa chiến thắng chính trị theo những bước nhảy vọt. Lần trước cũng như lần này, Bộ Chính trị đã bàn, thấy chính xác và rất nhất trí.

Về cách đánh chiến lược, anh Ba nhắc lại cần nắm vững phương châm, phương pháp của ta là: Tiến công, nổi dậy, nổi dậy, tiến công, ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược, tiêu diệt, làm chủ, làm chủ, tiêu diệt, tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Về quyết tâm và nhiệt tình hiện rõ trên nét mặt, anh nói rất nhanh: Phải nắm vững chiến lược tổng hợp để tạo ra sức mạnh tổng hợp, luôn luôn tạo ra sức mạnh mới, thế mới, đánh liên tục và bất ngờ, tiến tới tổng phản công và

nổi dậy, thắng địch tại sào huyệt quan trọng nhất của chúng là Sài Gòn để kết thúc chiến tranh... Các đòn chiến lược quân sự sẽ diễn ra trong năm 1975-1976 như thế nào, chúng ta đồng tình với kế hoạch chiến lược năm 1975 Bộ Tổng tham mưu đã trình bày. Ở Nam Bộ, có ba nhiệm vụ quan trọng: vừa đánh đồng bằng, vừa đánh chủ lực, vừa ép đô thị... Ở Khu V, Tây Nguyên thì đồng tình đánh mạnh ở Tây Nguyên, mở đầu từ Buôn Ma Thuột.

Cuối cùng, anh căn dặn: “Còn nhiều vấn đề phải bàn nữa. Bộ Tổng tham mưu còn phải làm việc nhiều hơn nữa và có vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện nghị quyết này”.

Hội nghị hoàn toàn nhất trí với kết luận của đồng chí Bí thư thứ nhất. Bộ Chính trị ra Nghị quyết lịch sử:

“Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược lớn. Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, để tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc”.

Bộ Chính trị hạ quyết tâm: “Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở cả hai miền trong thời gian 1975-1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy

quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam”.

Nghị quyết nêu rõ: Cả năm 1975 là thời cơ, đòn tiến công quân sự mạnh tạo nên thời cơ, phong trào chính trị thúc đẩy thời cơ, tình hình thế giới và nội bộ nước Mỹ là thời cơ, từ bình thường đến vừa, đến cao, đến đột biến với tốc độ “một ngày bằng 20 năm”, do đó cần phải khẩn trương, phải đánh nhanh hơn, nếu đã có thời cơ mà không kịp thời phát hiện, bỏ lỡ thì có tội lớn đối với dân tộc.

Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976. Đây là một kế hoạch lớn được chuẩn bị công phu từ giữa năm 1973 qua tám lần dự thảo của Bộ Tổng tham mưu. Ngoài kế hoạch chiến lược 1975-1976, Bộ Chính trị còn dự kiến: *“Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”*.

Ngày hôm sau, ngày 9/1/1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp để quán triệt và triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị. Cùng tham dự có các đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Lê Trọng Tấn, và Hoàng Minh Thảo. Vấn đề trọng tâm là bàn về chiến dịch Tây Nguyên.

Từ khi chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi và nhiều đồng chí trong Bộ Tổng tư lệnh đã nêu vấn đề chọn Tây Nguyên làm chiến trường chủ yếu. Ý kiến này được nhiều người ủng hộ.

Qua trao đổi, thảo luận, mọi người đều thấy việc chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong đó

Buôn Ma Thuột là mục tiêu tiến công đầu tiên là một điều tất yếu, không thể khác. Tôi đề ra hai tình huống:

- Nếu Buôn Ma Thuột sơ hở thì đánh ngay.
- Nếu địch tăng cường lực lượng và đề phòng thì tổ chức đánh quân tiếp viện trước, cả hai phía Buôn Ma Thuột và Plâyku, sau đó tiến công vào Buôn Ma Thuột.

Chúng tôi đang họp thì anh Lê Đức Thọ đến. Biết hội nghị đang bàn về đánh Buôn Ma Thuột, anh Sáu cũng nhất trí như vậy.

Tây Nguyên là một chiến trường rừng núi hiểm trở. Lúc này ở đây địch có một sư đoàn chủ lực, bảy liên đoàn quân biệt động và bốn thiết đoàn xe tăng và xe thiết giáp. Do đánh giá sai, phán đoán sai ý đồ của ta, chúng cho rằng năm 1975 ta chưa đủ sức đánh thị xã và thành phố, và nếu có đánh, thì cũng đánh ở phía bắc. Vì vậy, địch tập trung lực lượng giữ Plâyku, Kon Tum, còn Đắk Lắk, Buôn Ma Thuột vẫn sơ hở. Lực lượng ở đây không mạnh, phần lớn là quân hậu cứ của sư đoàn và trung đoàn, càng sâu vào phía trong lực lượng địch càng mỏng. Khó khăn chính là thiếu đường cơ động. Phải tích cực khắc phục, mở đường để đưa binh khí, kỹ thuật vào.

Đánh Buôn Ma Thuột là một đòn bất ngờ đối với địch. Sẽ có nhiều khả năng phá vỡ hệ thống phòng ngự của chúng ở Vùng II chiến thuật, làm rung chuyển Tây Nguyên và toàn bộ thế trận của địch trên chiến trường, tạo ra thời cơ mới cho việc thực hiện kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976.

Kết luận cuộc họp, tôi nhắc lại quyết định của Bộ Chính trị chọn nam Tây Nguyên làm hướng tiến công

chiến lược chủ yếu, mục tiêu tiến công đầu tiên là Buôn Ma Thuột, hướng phát triển tiếp theo là phía đông. Sử dụng lực lượng cũng như cách đánh phải mạnh bạo, bí mật, bất ngờ, nghi binh tốt, hướng sự chú ý của địch vào bắc Tây Nguyên và Trị - Thiên.

Về công tác chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức trong chiến dịch, cần xây dựng quyết tâm giành thắng lợi lớn nhất, nắm vững tư tưởng đánh tiêu diệt, coi trọng công tác binh vận, đề cao tinh thần đoàn kết hiệp đồng, tôn trọng kỷ luật chiến trường, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách vùng giải phóng, chính sách tù, hàng binh, chính sách chiến lợi phẩm... Công tác cán bộ cần sắp xếp, dự trữ đủ cán bộ có phẩm chất và năng lực, bảo đảm chỉ huy lãnh đạo bộ đội chiến đấu liên tục, sẵn sàng bổ sung, phát triển lực lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của chiến dịch Tây Nguyên được xác định rõ:

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, loại khỏi vòng chiến đấu từ bốn đến năm vạn tên, diệt từ ba đến bốn trung đoàn, liên đoàn bộ binh, thiết giáp, đánh thiệt hại nặng từ một đến hai sư đoàn chủ lực địch, diệt nhiều tiểu đoàn bảo an, nhiều trung đội dân vệ, làm tụt nhanh quân số của địch. Mở rộng hành lang chiến lược từ đường 14 qua Gia Nghĩa xuống đường 20 nối với miền Đông Nam Bộ và từ Tây Nguyên xuống ba tỉnh Khu V.

- Giải phóng nhân dân và phần lớn vùng đất ở nam Plâyku và Cheo Reo, xung quanh Buôn Ma Thuột, đánh bại kế hoạch “bình định”, nống lán và giải tỏa của địch,

giữ vững, phát huy quyền làm chủ chiến trường, thực hiện chia cắt chiến lược. Tích cực phối hợp với mặt trận chống bình định ở đồng bằng. Diệt từ ba đến bốn tiểu khu, chi khu quân sự, từ một đến hai tỉnh lỵ...

- Đánh phá giao thông và hậu cứ, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm cho tiềm lực kinh tế của địch giảm sút trầm trọng. Khi có thời cơ, thực hiện chia cắt hẳn các đường 14, 19, 21, trọng điểm là đường 19.

- Phát triển đấu tranh chính trị trong các thị xã. Ra sức xây dựng cơ sở tự vệ mật và các tổ chức biệt động, diệt ác ôn đầu sỏ, tạo thế làm chủ ở cơ sở.

- Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng vùng giải phóng, xây dựng các đường chiến lược, chiến dịch, hoàn thành mọi công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp theo.

Quyết tâm chiến lược của Đảng đã được cụ thể hoá. Các cơ quan Tổng hành dinh theo chức trách của mình, hướng mọi nỗ lực vào chiến trường chính Tây Nguyên, hướng vào mục tiêu Buôn Ma Thuột, khẩn trương chuẩn bị ngày đêm.

Theo chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu, Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) được thành lập trên cơ sở Bộ Chỉ huy tiền phương B2 và các lực lượng Miền, Quân khu VIII và lực lượng của Bộ mới tăng cường.

Được Phiden và các bạn Cuba gửi cho một số xe chuyên dụng mua của Nhật và đài thọ cho cán bộ kỹ thuật của ta sang Nhật học cách sử dụng, các đoàn công binh, Thanh niên xung phong ra sức mở đường. Dưới sự lãnh

đạo, chỉ đạo trực tiếp, kiên quyết, kịp thời của các anh Đinh Đức Thiện, Phan Trọng Tuệ, Đồng Sĩ Nguyên, mạng đường chiến lược Đông và Tây Trường Sơn được xây dựng và củng cố, đã nối liền đến Lộc Ninh, hệ thống đường ống dẫn xăng dầu được hoàn chỉnh, qua Tây Nguyên, Khu V vào tới miền Đông Nam Bộ, sẵn sàng phục vụ đánh lớn.

Anh Lê Ngọc Hiền đi ngay vào Tây Nguyên, chuẩn bị kế hoạch tác chiến. Bộ lệnh cho anh Vũ Lăng, Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên đến ngay Buôn Ma Thuột trực tiếp nghiên cứu chiến trường. Ngày 24/1/1975, các anh Phạm Hùng, Trần Văn Trà và đoàn cán bộ B2 cũng cấp tốc lên đường trở về mặt trận đang nóng bỏng.

Để hướng sự suy nghĩ và hành động của tiên tuyến và hậu phương trong thời điểm quyết định, kiên quyết đẩy mạnh các mặt đấu tranh, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, tôi dành thời gian viết một bài báo nhan đề: Sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới.

Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21, các nghị quyết của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương năm 1973, 1974, bài báo phân tích toàn diện cuộc chiến đấu của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, được đánh dấu bằng những mốc thắng lợi nổi bật là Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, và thắng lợi “đánh cho Mỹ cút” với Hiệp định Pari tháng 1/1973:

“Thắng lợi của nhân dân ta trong 30 năm qua thật là vĩ đại...”. “Việc giải quyết thành công vấn đề chiến tranh chính nghĩa của dân tộc nhỏ đánh thắng kẻ thù đế quốc to trong sự phát triển đến đỉnh cao của khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân Việt Nam ngày nay là một vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nó nâng cao lòng tin tưởng sắt đá của quân và dân ta vào sự lãnh đạo của Đảng ta, vào tiền đồ tất thắng của dân tộc ta. Nó cho ta nhiều kinh nghiệm rất quý báu để tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cũng như chuẩn bị cho công cuộc bảo vệ đất nước về lâu dài đánh thắng chiến tranh xâm lược của mọi kẻ thù đế quốc, dù chúng mạnh đến đâu”.

Đi sâu vào nguyên nhân thắng lợi, bài báo nêu bật những yếu tố cơ bản như sự lãnh đạo đúng đắn, dũng cảm của Đảng ta, mục đích chính trị của chiến tranh nhân dân Việt Nam là độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, sức mạnh của toàn dân đánh giặc, của chế độ xã hội mới, lực lượng vũ trang kiểu mới, phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo của chiến tranh nhân dân, điều kiện quốc tế trong thời đại mới. Vận dụng tư tưởng chiến tranh nhân dân vào tình hình và nhiệm vụ trước mắt, bài báo chỉ rõ nhiệm vụ của quân và dân ta trên cả hai miền Nam Bắc, kiên quyết tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Các báo *Nhân dân*, *Quân đội nhân dân* đăng toàn văn bài báo trên một phần trang nhất và cả trang hai.

Đài Tiếng nói Việt Nam và *Đài Phát thanh Giải phóng* dành mấy buổi phát thanh đặc biệt truyền đi khắp mọi miền đất nước.

Thời gian là lực lượng. Ở thời điểm quan trọng này, ý niệm ấy sâu sắc hơn, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trong quân sự, tư tưởng “chắc thắng” và tư tưởng “thần tốc”, thận trọng và mạnh bạo bao giờ cũng đi đôi, hài hoà, biện chứng, tùy theo từng tình huống cụ thể. Căn cứ vào đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch, vào thực tiễn chiến trường, vào những điều kiện chủ quan, khách quan cả trong nước và quốc tế, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm chiến lược chính xác, kịp thời. Chính xác vì đã trải qua cân nhắc kỹ lưỡng, nắm bắt được trạng thái đi xuống của địch, khả năng phát triển mới của ta ngay khi trên chiến trường còn đang diễn ra giằng co quyết liệt. Từ đầu năm 1973, trải qua hai năm khẩn trương nghiên cứu, chuẩn bị, những suy nghĩ, gợi ý về một kế hoạch giải phóng miền Nam phát triển thành một quyết tâm chính thức động viên và tổ chức lực lượng của cả nước, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam trong hai năm 1975-1976. Bên cạnh quyết tâm chiến lược cơ bản ấy, còn có kế hoạch chiến lược tranh thủ thời cơ, giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975, không chờ đợi.

Không những chính xác, mà quyết tâm chiến lược của Đảng còn rất kịp thời, không thể chậm hơn, mà cũng không thể sớm hơn. Tình hình ở giai đoạn cuối cùng của

chiến tranh bao giờ cũng diễn ra rất nhanh, không loại trừ đột biến. Nỗ lực chủ quan của quân và dân ta với các mũi tiến công của chiến tranh nhân dân càng làm cho tình hình phát triển nhanh, nhiều khi nhanh hơn dự kiến. Thời cơ chiến lược thường xuất hiện trong thời gian ngắn và không bao giờ đứng lâu một chỗ. Phải kịp thời phát hiện thời cơ, nắm bắt thời cơ, “chớp” thời cơ để giành thắng lợi cao nhất. Vừa chậm lại vừa nhanh. Đó là nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, là nét tài tình và độc đáo của Đảng ta trong những ngày tháng cuối năm 1974 và đầu năm 1975.

Quyết tâm chiến lược của Đảng dựa vững chắc trên thành quả tổng hợp của cuộc đấu tranh cách mạng 45 năm qua. Một nước nhỏ đánh “đế quốc to” phải biết giành thắng lợi từng bước. Thắng lợi trước tạo tiền đề cho thắng lợi sau. Càng về sau, thắng lợi càng to lớn. Suy nghĩ về kết thúc chiến tranh đã được hình dung ngay từ lúc khởi đầu.

Quyết tâm chiến lược ấy còn là kết quả của sự chuẩn bị chiến lược hết sức chủ động, dũng cảm, sáng tạo, công phu, kiên trì bền bỉ cả về chính trị, quân sự, ngoại giao... về con người và vũ khí, phương tiện, cơ sở vật chất, kỹ thuật, về thể trận và lòng người, sản xuất và chiến đấu, kinh tế và quốc phòng, giao thông và vận chuyển... chuẩn bị bằng tiềm lực của cả hậu phương và tiền tuyến, âm thầm và sôi động suốt bao tháng, bao năm...

Lúc này, một khi đã có quyết tâm chiến lược chính xác, kịp thời thì việc tổ chức thực hiện lại hết sức khẩn

trương. Không thể đi bằng những bước bình thường, mà là bay, là chạy. Chạy đua với thời gian. Chạy đua với địch. Phải vượt qua những khó khăn, trở ngại trên đường tiến tới thắng lợi.

Đã “*đánh cho Mỹ cút*”, nay là lúc giáng đòn quyết định chiến lược “*đánh cho ngụy nhào*”, như tư tưởng quân sự của Bác Hồ.

Cả nước ra trận. Tất cả cho miền Nam ruột thịt.

Chương V

ĐOÀN ĐIỂM HUYỆT

Theo quyết định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, anh Văn Tiến Dũng được cử vào Tây Nguyên, cùng với các anh Đinh Đức Thiện, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Lê Ngọc Hiền, Phó Tổng tham mưu trưởng và một số cán bộ, tổ chức thành một bộ phận đại diện Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh ở chiến trường miền Nam, mang bí danh Đoàn A.75. Như vậy, cơ quan chỉ huy quân sự tối cao đã hình thành cả ở phía trước và phía sau, vừa sâu sát mặt trận vừa bao quát ở tầm chiến lược, vĩ mô, bảo đảm lãnh đạo chỉ huy đúng đắn, kịp thời. Quyết định này được giữ tuyệt đối bí mật.

Trước ngày đoàn lên đường, anh Văn Tiến Dũng và tôi gặp nhau trao đổi ý kiến về cách đánh trong chiến dịch Tây Nguyên. Anh Hoàng Văn Thái cùng tham dự. Vốn đã làm việc cùng nhau từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, cùng ở trong Quân ủy, chúng tôi bàn bạc rất kỹ và nhất trí về nhiều vấn đề, tìm ra phương án tác chiến tối ưu. Đoàn tiến công chiến lược đầu tiên phải tranh thủ bất ngờ cao độ, mạnh bạo giải quyết Buôn Ma Thuột trước,

bảo đảm chắc thắng ngay từ trận đầu. Tiếp đó, nhanh chóng phát huy thắng lợi, tiến công liên tục nhằm tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, giải phóng địa bàn chiến lược quan trọng ở Tây Nguyên.

Tôi nêu hai phương án đánh Buôn Ma Thuột mà có lần tôi đã phát biểu trong Thường trực Quân ủy Trung ương:

1. Nếu địch chưa tăng cường lực lượng thì đánh ngay.

2. Nếu địch tăng cường lực lượng ở Buôn Ma Thuột thì dụ địch ra ngoài, đánh viện tiêu diệt địch ở Cẩm Ga và Thuận Mẫn.

Trong cả hai trường hợp, trường hợp nào cũng phải thực hiện nghi binh thật tốt, gồm nghi binh ở hướng Trị - Thiên và ở hướng Kon Tum, Plâyku.

Chiến dịch Tây Nguyên là đòn tiến công đầu tiên trong kế hoạch chiến lược cơ bản đã được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương duyệt. Theo kế hoạch này, ta trù tính giải phóng Tây Nguyên trong năm 1975, tức là trong bước một của kế hoạch hai năm, đi đôi với việc bóc một loạt cứ điểm địch ở miền Đông Nam Bộ và mở mảng, mở vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, ở đồng bằng Khu V và Trị - Thiên.

Theo quy ước, anh Dũng lấy bí danh là Tuấn, tôi lấy bí danh là Chiến. Các đồng chí thủ trưởng Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần đều lấy các bí danh khác.

Ngày 5/2/1975. Đoàn A.75 lên đường vào thời điểm nhân dân ta từng bừng đón Xuân Ất Mão. Mọi biện pháp bảo mật, nghi binh được thực hiện để đánh lạc hướng địch. Ra trận giữa lúc năm hết Tết đến đã góp thêm yếu tố bất ngờ.

Đây cũng là một nét truyền thống của dân tộc Việt Nam, kể từ Tết Kỷ Dậu với trận Ngọc Hồi - Đống Đa (1789) và Tết Mậu Thân với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy 1968. Vui xuân không quên đánh địch. Đánh trước, rồi ăn Tết sau. Đánh địch cũng là nổ pháo mừng xuân. Cốt sao giành thế bất ngờ.

Anh Văn Tiến Dũng và Đoàn A.75 lên đường với khí thế và quyết tâm như vậy.

Hoạt động của các chiến trường trong đợt một mùa khô 1974-1975 phối hợp nhịp nhàng với những chiến thắng rực rỡ từ Trị - Thiên đến Nam Bộ, vượt mọi chỉ tiêu đã đề ra.

Cùng với chiến thắng Phước Long, từ tháng 12/1974 đến tháng 2/1975, quân và dân miền Đông Nam Bộ tiêu diệt 22 tiểu đoàn địch, đánh thiệt hại nặng 25 tiểu đoàn, diệt hơn 1.500 đồn bốt trong đó có 1 tiểu khu, 8 chi khu, 3 yếu khu và 88 phân chi khu quân sự.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, chỉ trong vòng hai tháng, ta đã tiêu diệt 15 tiểu đoàn địch, loại khỏi vòng chiến đấu 35.000 tên, diệt và phá 168 đồn bốt. Kết hợp với quân chúng nổi dậy, ta giải phóng hoàn toàn 51 xã, 414 ấp, giải phóng cơ bản 49 xã khác, giải phóng 5 vạn dân. Khu vực giành thắng lợi lớn nhất là Trà Vinh, Vĩnh Long, vùng trọng điểm số một của Quân khu IX.

Sài Gòn và vùng ven là nơi địch tập trung phòng thủ. Ngay ở đó, chỉ bằng lực lượng bộ đội địa phương, đặc công,

biệt động, du kích, ta cũng đã giải phóng hoàn toàn ba xã, 37 ấp, 17.000 dân, giải phóng cơ bản một số xã khác. Ách kìm kẹp của ngụy quyền ở cơ sở bị nổi lỏng, nhân dân tự do đi lại làm ăn...

Ở Trị - Thiên, Khu V và Tây Nguyên, tiếp theo thắng lợi của ta ở La Sơn - Mỏ Tàu, Thượng Đức, Minh Long, Nông Sơn, Trung Phước, Giá Vụt, Măng Đen, Măng Bút, quân ta ráo riết chuẩn bị cho các hoạt động Xuân - Hè 1975. Riêng với Trị - Thiên, ngay từ tháng 10/1974, Quân ủy Trung ương đã triệu tập Thường vụ Quân khu ủy Trị - Thiên ra Hà Nội báo cáo tình hình và nhận nhiệm vụ chiến đấu năm 1975. Quân ủy khen ngợi chủ lực của quân khu đã đánh thắng ở La Sơn - Mỏ Tàu, chỉ rõ nhược điểm chưa tận dụng tốt đòn chủ lực để đẩy mạnh phong trào quần chúng ở địa phương. Quân ủy cũng biểu dương quân và dân quân khu đã chấp hành nghiêm công tác tổ chức chiến trường, căn bản làm xong con đường 74 và đưa được hậu cần vào phía nam Thừa Thiên tạo ra sức mạnh mới để phát triển thắng lợi. Giao nhiệm vụ cho chiến trường Trị - Thiên trong năm 1975, tôi nhấn mạnh phải “đánh bại về cơ bản kế hoạch “bình định” của địch, tạo ra ở Trị - Thiên một tình thế mới có ý nghĩa quyết định để chuẩn bị cho năm 1976 giải phóng hoàn toàn Trị - Thiên - Huế”; phải tiến hành một chiến dịch tổng hợp cả quân sự và chính trị, bằng lực lượng của cả chủ lực của Bộ và của quân khu, phối hợp chặt chẽ ba thứ quân, ba mũi giáp công nhằm tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng sinh lực địch, diệt gọn từng trung đoàn, tiểu đoàn của chúng.

Bộ Tổng tham mưu cũng giao nhiệm vụ cho Quân đoàn II cùng với Quân khu Trị - Thiên mở một chiến dịch quy mô vừa trong mùa Xuân 1975 trên đường 12 và tây bắc Huế, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, tích cực hoạt động nghi binh kìm giữ, giam chân, thu hút lực lượng cơ động của chúng, phối hợp chiến trường với đòn tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu năm 1975 mà Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh đã giao cho toàn mặt trận.

Cuối tháng 1/1975, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh thông qua lần thứ nhất kế hoạch của Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn II, đồng thời chỉ định Đảng ủy Mặt trận bao gồm đại diện Đảng ủy Quân khu, đại diện Đảng ủy Quân đoàn II và đại diện Khu ủy do đồng chí Lê Tự Đồng làm Bí thư. Về chỉ huy, Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy chung cả quân khu và quân đoàn, không thành lập bộ chỉ huy thống nhất.

Lúc này, đoàn cán bộ quân sự đi học ở Liên Xô đã hoàn thành khoá học. Những cán bộ có kinh nghiệm đánh lớn vừa được trang bị thêm kiến thức tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng được phân về các đơn vị chủ lực. Anh Nguyễn Hữu An làm Tư lệnh Quân đoàn II. Anh Lê Hữu Đức được cử làm Cục trưởng Cục Tác chiến, thay anh Vũ Lăng được bổ nhiệm làm Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên.

Đầu tháng 2, Quân ủy Trung ương phê chuẩn kế hoạch tác chiến của Trị - Thiên. Các đồng chí trong Bộ Tư lệnh quân khu và Quân đoàn II ra Hà Nội chính thức nhận

mệnh lệnh. Ngày 28/2/1975, đồng chí Thanh Quảng, thay mặt Bộ Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên và đồng chí Hoàng Đan, thay mặt Bộ Tư lệnh Quân đoàn II ra Bộ báo cáo quyết tâm cuối cùng. Quân chủng Phòng không - Không quân được giao nhiệm vụ cho trực thăng đón các đồng chí ra Đồng Hới, từ đây đưa ra Thủ đô bằng máy bay YAK 40.

Các đồng chí có mặt rất đúng giờ tại Tổng hành dinh. Cùng dự nghe báo cáo với tôi, có các anh Lê Trọng Tấn, Lê Hữu Đức. Với tinh thần phấn chấn, các đồng chí trình bày kế hoạch tác chiến với những mục tiêu, nhiệm vụ còn cao hơn cả những mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Nghe báo cáo xong, tôi hỏi:

- Thế nếu thời cơ thuận lợi, các đồng chí đã có kế hoạch phát triển tiến công giải phóng Trị - Thiên - Huế chưa?

Đang có tâm trạng phấn khởi, hai đồng chí bỗng hóa ra lúng túng. Tôi hỏi thêm:

- Kế hoạch cơ bản như thế này là được. Nhưng các đồng chí phải làm ngay một kế hoạch phát triển tiến công khi thời cơ thuận lợi, mà mục tiêu của nó là giải phóng Trị - Thiên - Huế. Các đồng chí đã rõ chưa?

Sau giây phút ngỡ ngàng, nét mặt hai đồng chí tươi hẳn lên. Cả hai đồng chí đồng thanh trả lời: Rồi!

Về thời gian mở màn chiến dịch, các đồng chí đề nghị cho lui thời gian chuẩn bị thêm năm ngày, tức là đến hết ngày 9/3. Vừa nghe mấy tiếng “9/3”, anh Tấn đứng phát dậy nói ngay, giọng gay gắt:

- Trong chiến dịch lớn có ý nghĩa chiến lược, hiệp đồng nhiều chiến trường mà các đồng chí muốn bắt đầu tiến

công ngày nào cũng được hay sao? Các đồng chí lùi lại thì địch đưa sư dù dự bị chiến lược lên nam Tây Nguyên, hướng chính của ta sẽ bị vỡ, cuộc Tổng tiến công sẽ đi đến đâu? Đã bao nhiêu lần mời các đồng chí ra họp, bao nhiêu phái viên vào phổ biến kế hoạch, bao nhiêu điện nhắc nhở mà các đồng chí không hiểu sao?

Cứ thế, anh Tấn nói đi nói lại đến gần năm phút.

Hai đồng chí đỏ mặt.

Tôi hỏi:

- Ý Bộ Tổng tham mưu đã rõ, còn Cục Tác chiến thì sao?

Anh Đức phát biểu:

- Lúc này mà lùi lại thì nguy lắm. Nhưng đề nghị Bộ cũng thấy hết khó khăn, nhất là của Quân đoàn II, đồng chí Nguyễn Hữu An, Tư lệnh vừa đi học ở Liên Xô về. Đề nghị đúng ngày N và giờ G, các Trung đoàn chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương của Trị - Thiên đồng loạt nổ súng. Riêng Quân đoàn II, cho lùi lại hai ngày. Địch biết Quân đoàn II đang ở Trị - Thiên mà chưa có hoạt động thì cũng chưa dám điều sư dù đi...

Nghe đến đây, anh Tấn nói với hai đồng chí:

- Tôi cũng biết các đồng chí khó khăn. Nhưng các đồng chí phải biết chiến dịch của các đồng chí là nằm trong chiến cuộc chung của toàn quốc. Vậy thời gian phải hết sức chặt chẽ, không thể ai muốn bắt đầu tiến công ngày nào cũng được. Các đồng chí đã tham gia nhiều chiến dịch lớn, các đồng chí phải rõ vấn đề này chứ?

Quay sang tôi, anh Tấn đề nghị:

- Xin anh cho phép các lực lượng Quân khu Trị - Thiên và pháo binh Quân đoàn II nổ súng đúng thời gian quy định từ ngày 5/3, còn phần lớn lực lượng Quân đoàn II nổ súng sau hai ngày như đề nghị của Cục Tác chiến.

Tôi đồng ý và chỉ thị Bộ Tổng tham mưu theo dõi, kiểm tra thực hiện.

Khi hai đồng chí ra về, tôi bảo anh Tấn:

- Gớm, hôm nay anh chính quy quá!

- Thưa anh, nóng nảy là khuyết điểm lớn. Đề nghị Bộ trưởng biểu dương Cục trưởng Cục Tác chiến hôm nay sáng dạ lắm!

Tôi cười:

- Có vậy mới mở nắp nồi hơi được!

Chưa thật yên tâm. Sáng ngày 3/3, tôi cho đồng chí thư ký ra sân bay Bạch Mai gọi hai đồng chí quay lại gặp tôi, ngay khi máy bay sắp cất cánh. Rõ ràng, dứt khoát, tôi căn dặn:

- Nhớ rằng chiến dịch này không như các chiến dịch khác. Các đồng chí có thể phát huy sáng kiến đánh thật hay để hoàn thành vượt mức kế hoạch, nhưng cần chú ý những việc Bộ Tổng tư lệnh đã quy định cụ thể thì tuyệt đối không được linh hoạt, phải chấp hành thật nghiêm. Phải tích cực sáng tạo thời cơ và sẵn sàng chớp thời cơ tiến lên giành thắng lợi lớn, kể cả giải phóng Huế. Tiêu diệt sinh lực địch là rất quan trọng, nhưng làm đường cơ động cũng quan trọng không kém, các đồng chí phải huy động mọi lực lượng mở đường cơ động, vì có đường thì mới phát triển tiến công được thuận lợi khi có thời cơ.

Hai đồng chí hứa sẽ hoàn thành tất cả các nhiệm vụ Bộ giao, cả về thời gian, địa điểm và khối lượng.

Theo dõi hành trình của Đoàn A.75, Bộ Tổng tư lệnh biết toàn đoàn hành quân bí mật, an toàn, đón giao thừa ở Ia Đrăng, đến Tây Nguyên vào đầu năm mới âm lịch. Khi tới Sở Chỉ huy Đoàn 559, anh Đinh Đức Thiện quay trở lại Quảng Bình, đích thân đôn đốc việc vận chuyển đạn vào Tây Nguyên. Mọi yêu cầu của chiến dịch đều được anh Đồng Sĩ Nguyên và Bộ Tư lệnh Đoàn 559 bảo đảm rất tích cực: gạo, đạn, xăng, xe đều đủ. Đường ra mặt trận chật ních xe vận tải nghìn nghịt chạy suốt ngày đêm. Đã có thêm nhiều đoạn đường mới đang thi công, ở một số công đoạn xẻng cuốc đã được thay bằng máy móc do Cuba gửi giúp.

Như đã thống nhất từ trước lúc khởi hành, vừa đến Sở Chỉ huy của cơ quan đại diện Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh đặt ở tây thị xã Buôn Ma Thuột, anh Văn Tiến Dũng thay mặt Quân ủy Trung ương công bố quyết định thành lập Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên, gồm các đồng chí: Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh; Đặng Vũ Hiệp, Chính ủy; Vũ Lăng, Nguyễn Năng, Nguyễn Lang, Phan Hàm, Phó Tư lệnh; Phí Triệu Hàm, Phó Chính ủy. Thường vụ Khu ủy Khu V cử anh Bùi San, ủy viên Thường vụ Khu ủy, cùng một số cán bộ đại diện các ngành ở bên cạnh Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch để chỉ đạo trực tiếp ba tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, huy động mọi tiềm lực của địa phương phục vụ chiến dịch Tây Nguyên.

Lúc này, có một tình hình không thuận khiến cho kế hoạch đánh thẳng vào thị xã Buôn Ma Thuột ngay từ đầu chiến dịch không thực hiện được. Đó là việc bố trí lực lượng ta ở chiến trường Tây Nguyên có khác với dự kiến của cơ quan chiến lược. Sư đoàn 10 và nhiều đơn vị khác đã được các đồng chí chỉ huy tại chỗ bố trí từ Đức Lập đến Đắc Soong trên đường 14 theo ý đồ trước đây là đánh mở thông hành lang vận chuyển chiến lược vào Nam Bộ. Anh Dũng điện ra cho biết nếu điều chỉnh lại đội hình thì sẽ rất phức tạp, vừa mất thời gian, vừa dễ lộ bí mật. Vì vậy, các anh trong đó quyết định cứ thực hiện đánh Đức Lập, đồng thời cài thế bao vây, cô lập Buôn Ma Thuột. Đánh xong Đức Lập rồi, sẽ lập tức điều Sư đoàn 10 và một số đơn vị về ngay tham gia đánh Buôn Ma Thuột.

14 giờ ngày 25/2/1975, tôi điện cho anh Văn Tiến Dũng: “Tôi đã nhận được điện ngày 17/2 của anh... Chưa nắm được đầy đủ tình hình cụ thể, chỉ góp với anh một số ý kiến, sau khi đã trao đổi cụ thể với anh Sáu¹:

1. Anh cân nhắc tình hình cụ thể để quyết định theo tinh thần đã trao đổi trước khi anh đi. Nên làm ăn theo phương án Định² ra báo cáo hoặc theo một phương án khác, mạnh bạo giải quyết A2³ trước nếu địch ở đây tương đối sơ hở, ta có điều kiện giành bất ngờ, tiêu diệt địch, tiếp đó nhanh chóng phát triển thắng lợi.

1. Anh Lê Đức Anh.

2. Cán bộ tác chiến được cử vào theo dõi trận Buôn Ma Thuột.

3. Buôn Ma Thuột.

2. Dù theo phương án nào cũng cần tranh thủ bất ngờ cao độ, bảo đảm trận đầu thắng giòn giã, có dự kiến, có kế hoạch phát triển thắng lợi kịp thời, diệt được thật nhiều sinh lực địch đồng thời giải phóng được địa bàn quan trọng.

3. Cho kiểm tra kế hoạch chi viện hậu cần, bảo đảm cho được chi viện đầy đủ cả trong trường hợp địch tăng cường đánh hành lang. Ký tên: Chiến”.

Lúc này, có một tình tiết đáng nhớ:

Chấp hành ý định của Bộ, Quân khu V cử Phó Tư lệnh Võ Thứ vào Bình Định điều Sư đoàn 3 lên cắt đứt đường 19. Các đồng chí ở địa phương chưa thật thông, đề nghị chỉ đưa một trung đoàn đi làm nhiệm vụ ấy. Thấy vậy, anh Chu Huy Mân lập tức chống gậy vào can thiệp. Có lệnh của Tư lệnh kiêm Chính ủy quân khu, địa phương mới đồng ý điều Sư đoàn 3. Quân khu cũng điều luôn cả trung đoàn pháo của quân khu cùng với Sư đoàn 3 lên cắt đường 19, thực hiện nhiệm vụ chia cắt chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng trong diễn biến chiến sự sau này.

Các bước thực hiện chiến dịch Tây Nguyên phát triển thuận lợi. Qua nắm tình hình và khai thác tin của địch, cơ quan tác chiến báo cáo:

Ngày 25/2/1975, ta tăng cường hoạt động nghi binh. Sư đoàn 968 diệt hai cứ điểm địch trên đường 19 phía tây Pleiku và bắn vào sân bay Cù Hanh.

Ngày 4/3, Trung đoàn 95A và Sư đoàn 3 (Quân khu V) tiêu diệt một loạt vị trí, cắt đường 19 ở An Khê. Địch cho biệt động ra dò tìm và bắn pháo vào chỗ nghi có quân ta.

Đêm 5/3, Trung đoàn 25 cắt đường 21 ở phía đông Chư Cúc, diệt một đoàn xe 80 chiếc. Tây Nguyên bước đầu bị cô lập với đồng bằng.

Tin tức từ chiến trường báo về: Ngày 6/3, một tiểu đội trưởng thông tin của ta bị thương rơi vào tay địch, mang theo trong người cuốn sổ nhật ký. Mọi người lo lắng tuy được biết đồng chí ấy bị thương nặng, phải cưa chân, còn mê man bất tỉnh, địch chưa khai thác được gì.

Ngày 7/3, quân ta diệt cứ điểm Chư Xê (bắc Buôn Hồ) trên đường 14.

Ngày 8/3, Trung đoàn 48, Sư đoàn 320 đánh chiếm chi khu quân sự Thuận Mẫn.

Ngày 9/3, Sư đoàn 10 nổ súng đánh chiếm quận lỵ Đức Lập. Trên hướng bắc, ta tiêu diệt quận lỵ Thanh An, áp sát, uy hiếp thị xã Plâyku.

Thế chiến lược bao vây, chia cắt, cô lập Buôn Ma Thuột đã được cài xong.

Chiến trường Tây Nguyên chuyển mình, sôi động.

Trận tiến công Đức Lập và tuyến phòng thủ liên hoàn gồm năm cứ điểm trên đường 14 phía tây nam Buôn Ma Thuột của Sư đoàn 10 và Trung đoàn 40 pháo binh đẩy địch ở đây vào tình thế nguy ngập. Các căn cứ Núi Lửa, căn cứ 23 của địch lần lượt bị tiêu diệt. Địch dồn lực lượng vào quận lỵ ngoan cố chống cự. Sư đoàn 10 phải dừng lại củng cố lực lượng rồi tiếp tục tiến công, đến hôm sau mới dứt điểm.

Trước tình hình nguy khốn, Phạm Văn Phú, Tư lệnh Vùng II chiến thuật bay đến Buôn Ma Thuột hợp với Sư phó Sư đoàn 23 ngự và Tỉnh trưởng Đắc Lắc. Phú nhận định: Đức Lập không còn khả năng cứu vãn, không cần tăng viện nữa. Trước mắt, Trung đoàn 53 cố gắng giữ cho được ngã ba Đắc Sác. Nếu ngày hôm sau tình hình khá hơn, sẽ phản kích lấy lại Đức Lập. Trường hợp không trụ nổi thì được phép tự di tản về hậu cứ. “Cộng sản” đánh Quảng Đức, uy hiếp Buôn Ma Thuột chỉ để nghi binh tạo điều kiện cho vài ngày tới sẽ tập trung lực lượng đánh vào Kon Tum - Plâyku. Do vậy, việc chính hiện nay là tăng cường mọi khả năng đối phó với địch ở trọng điểm là Kon Tum và Plâyku.

Đến thời điểm này, quân ngự vẫn không biết ý định và hướng tiến công của quân ta. Chúng cho rằng ta uy hiếp Buôn Ma Thuột là nghi binh để đánh Plâyku và Kon Tum; đánh Đức Lập là để mở thông đường vào Nam Bộ. Từ đó, chúng lo đối phó với ta ở hướng bắc Tây Nguyên, rút bớt lực lượng ở nam Tây Nguyên lên tăng viện cho Plâyku. Phú vẫn cả quyết: Nhất định Plâyku là hướng chủ yếu, vì Sư đoàn 320 của “Việt cộng” vẫn ở đó, còn Sư đoàn 10 “Việt cộng” vẫn ở Đắc Tô - Tân Cảnh. Ở Buôn Ma Thuột cũng sẽ có hoạt động phối hợp bằng đặc công pháo kích, nhưng không phải là hướng chính.

Hoạt động của quân ta trên các hướng nhịp nhàng ăn khớp. Kế hoạch nghi binh chiến lược thực hiện rất thành công. Trong cuộc đấu trí đầu tiên, bộ tham mưu địch đã phạm sai lầm. Buôn Ma Thuột sơ hở lại càng thêm sơ hở.

Trong lúc Quân đoàn II ngự ra sức chuẩn bị đối phó với chủ lực ta ở bắc Tây Nguyên, thì vào lúc 1 giờ 55 phút

sáng ngày 10/3/1975, trận Buôn Ma Thuột bắt đầu. Trung đoàn đặc công 198 cùng một bộ phận pháo cối nổ súng tiến công, đánh chiếm sân bay lên thẳng Ngã Sáu, cụm kho Mai Hắc Đế, sân bay Hòa Bình. Pháo binh ta từ các trận địa xung quanh Buôn Ma Thuột bắn phá mãnh liệt hậu cứ Sư đoàn 23, Sở Chỉ huy tiểu khu Đắc Lắc, khu doanh trại pháo binh, thiết giáp của địch trong thị xã.

Buôn Ma Thuột, tỉnh lỵ tỉnh Đắc Lắc, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Tây Nguyên, có vị trí quan trọng về quân sự. Thị xã nằm trên ngã ba đường chiến lược số 21 nối với đường số 1 đi Nha Trang và đường số 14, phía bắc lên Plâyku, phía nam xuống miền Đông Nam Bộ. Dân số khoảng 96.000 người. Địch bố trí ở đây khoảng 8.400 tên, gồm một trung đoàn bộ binh, hai chi đoàn thiết giáp, hai tiểu đoàn pháo binh, Sở Chỉ huy Sư đoàn 23, Liên đoàn biệt động 21 cùng các lực lượng bảo an, cảnh sát và các căn cứ Trung đoàn 45 bộ binh, Trung đoàn 8 thiết giáp, Trung đoàn 222 pháo binh, với hai sân bay là sân bay thị xã và sân bay Hòa Bình. Chọn mục tiêu tiến công chủ yếu là Buôn Ma Thuột, Bộ thống soái tối cao dự kiến sẽ làm đảo lộn hoàn toàn thế phòng ngự của địch ở Tây Nguyên, rung chuyển toàn chiến trường miền Nam bằng một đòn điểm huyệt.

Mới tờ mờ sáng, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nhận được điện của anh Văn Tiến Dũng:

“... Ngày 10/3/1975, ta đã đánh Buôn Ma Thuột. Tình hình diễn biến thế nào, có nhận xét gì lớn, tôi sẽ điện tiếp.

Chúng tôi vẫn khỏe. Anh Thiện vào 559 trợ lực tích cực cho chiến dịch này. Mọi yêu cầu đều cố gắng bảo đảm. Quân no, lực lượng lớn, vũ khí trang bị đầy đủ, tinh thần phấn chấn, khí thế cao. Chưa bao giờ mạnh và đánh tập trung lớn ở đây như năm nay. Chúc các anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương mạnh khỏe. Ký tên: Tuấn”.

Chiến dịch Tây Nguyên đã mở màn. Tôi trực tiếp chủ trì các cuộc giao ban hằng ngày của Bộ Tổng tham mưu. Dự giao ban thường có các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Trần Quý Hai, Vương Thừa Vũ, Trần Sâm, Trần Văn Quang, Cao Văn Khánh, Phùng Thế Tài. Anh Phạm Ngọc Mậu, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và anh Vũ Xuân Chiêm, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần cũng thường có mặt.

Sáng ngày 10/3, trong cuộc giao ban thường lệ ở Sở Chỉ huy “Nhà con rồng”, mọi người phấn khởi đón tin chiến thắng đầu tiên: Ta đã giải quyết xong quận lỵ Đức Lập, Đắc Song, Núi Lửa, mở thông hành lang chiến lược Bắc Nam. Trận Buôn Ma Thuột đã bắt đầu từ rạng sáng hôm nay, đang phát triển thuận lợi.

Các cơ quan Tổng hành dinh hoạt động khẩn trương. Cán bộ tác chiến, thông tin, cơ yếu làm việc thâu đêm suốt sáng. Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Cục Quân báo, Cục Tuyên huấn khai thác kịp thời tin tức công khai của địch và của phương Tây... Tất cả đều nhằm giúp Bộ thống soái tối cao nhận định, phán đoán, đánh giá tình hình điều hành chiến tranh từng giây từng phút.

Tin từ nhiều nguồn tới tấp báo về. Tại sân bay Ngã Sáu, Trung đoàn 198 đặc công diệt các mục tiêu quan trọng

trong sân bay, phát triển đánh chiếm khu cảnh sát, bệnh viện dã chiến, tạo hành lang thông suốt ở cửa ngõ Đông Bắc thị xã Buôn Ma Thuột. Các chiến sĩ đặc công nhanh chóng diệt sở chỉ huy khu kho Mai Hắc Đế, mở cửa ở hướng tây bắc, chuẩn bị đường tiến đánh căn cứ Sư đoàn 23 ngụy.

Các đơn vị bộ binh, xe tăng, thiết giáp tranh thủ vượt sông Sêrêpôc, vào chiếm lĩnh các trận địa xuất phát tiến công, hình thành năm mũi nhất tề tiến công vào thị xã.

Cuộc chiến đấu ở khu vực Ngã Sáu diễn ra quyết liệt. Trung đoàn 95B đánh bại cuộc phản công của địch có xe tăng và không quân chi viện.

6 giờ 30 phút sáng ngày 10/3, dưới sự yểm hộ của pháo binh chiến dịch, các chiến sĩ Sư đoàn 316 đánh chiếm các mục tiêu trong thị xã Buôn Ma Thuột. Trên hướng tây bắc, quân ta tiến công khu thông tin, khu vận tải, áp sát hậu cứ Sư đoàn 23 ngụy.

Ở hướng đông bắc thị xã, bộ binh ta có xe tăng đi cùng tiến công tiểu khu Đắc Lắc, đến 15 giờ ta chiếm được tiểu khu.

Ở hướng nam, quân ta tiến công các mục tiêu quân sự và quận lỵ Hòa Bình.

Trong ngày 10/3, hầu hết các mục tiêu quan trọng trong thị xã, trừ Sở Chỉ huy Sư đoàn 23, đều bị quân ta đánh chiếm.

Tình hình phát triển thuận lợi. Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định tập trung lực lượng nhanh chóng tiêu diệt Sở Chỉ huy Sư đoàn 23 và các mục tiêu còn lại trong thị xã, đồng thời tiêu diệt các căn cứ Bản Đôn, Chư Nga, Buôn Hồ,

ngăn chặn quân tiếp viện từ bên ngoài, bố trí lực lượng sẵn sàng đánh quân địch phản kích.

Mãi đến lúc này, Nguyễn Văn Thiệu và bọn tướng tá ngụy mới tỉnh ra. Chúng kêu gào trên Đài Phát thanh Sài Gòn: “Tử thủ Buôn Ma Thuật bằng mọi giá”. Rõ ràng là đã quá muộn rồi!

Sáng hôm sau, 11/3, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp tại Sở Chỉ huy. Đây là cuộc họp đầu tiên của Bộ thống soái tối cao từ khi mở màn chiến dịch Tây Nguyên.

Rất vui trước thắng lợi những ngày đầu chiến dịch, các anh thảo luận sôi nổi về sự phát triển thế và lực của ta, sự suy sụp của địch. Về hoạt động của ta, mọi người đều nhất trí cần khẩn trương tiếp tục mở rộng tiến công, sẵn sàng đánh địch phản kích.

Điều đáng chú ý là tinh thần quân ngụy sụp xuống rất nhanh. Chúng không chịu nổi những đòn tiến công của quân ta vào các chi khu, quận lỵ. Ai cũng nghĩ đến khả năng giành thắng lợi lớn hơn dự kiến ban đầu.

Qua thảo luận, hội nghị đề cập cả đến khả năng địch rút chạy khỏi Tây Nguyên. Trong trường hợp này, cần có kế hoạch chốt chặt, bao vây, chia cắt, tiến công, không cho chúng chạy thoát.

Hội nghị cũng thấy rõ cục diện chiến trường đang chuyển biến mau lẹ, cần nắm bắt cho kịp thời cơ. Đã cần phải nghĩ ngay đến các hoạt động quân sự, chính trị ở Huế, Trị - Thiên, Đà Nẵng. Tình hình khách quan đòi hỏi cơ quan chiến lược và toàn quân chuẩn bị nhanh hơn về mọi mặt.

Tinh thần là vừa qua đã có Phước Long, nay lại có Buôn Ma Thuột. Vậy nên xem lại kế hoạch hai năm đã phù hợp hay chưa, ta có thể đẩy mạnh, đẩy nhanh hơn nữa được không?

Tôi phát biểu ý kiến, nêu lên những nhân tố mới đã và đang xuất hiện, sẽ đưa đến những bước nhảy vọt. Lực lượng của địch bị dần mỏng, căng kéo, rất dễ đứt tung bất cứ lúc nào và ở bất cứ đoạn nào. Không loại trừ khả năng địch rút bỏ Tây Nguyên. Quân ta còn sung sức tinh thần chiến đấu cao, hậu cần bảo đảm. Cần khẩn trương hành động, nắm bắt thời cơ và chớp lấy thời cơ.

Kết thúc hội nghị, anh Ba nói ngắn, gọn, nhấn mạnh đến các hoạt động quân sự của ta trong những ngày đầu chiến dịch, coi đó là một “nếp làm ăn” mới. Anh gợi ý có thể đẩy mạnh các hoạt động hơn nữa được không? Cần suy nghĩ xem Buôn Ma Thuột đã phải là trận mở đầu cuộc Tổng tiến công chiến lược hay chưa? Phải có những quả đấm chủ lực mạnh trong lúc này. Các quân đoàn ở miền Nam, miền Bắc phải sử dụng như thế nào cho thật linh hoạt, thật tập trung, không nên phân tán.

Sau cuộc họp, có điện của anh Văn Tiến Dũng:

“Kính gửi anh Chiến,

1. Ta đã hoàn toàn làm chủ thị xã Buôn Ma Thuột. Các mục tiêu lớn như Sư đoàn bộ 23, tiểu khu Đắc Lắc khu thiết giáp và pháo, sân bay thị xã đã chiếm giữ. Đang truy lùng tàn quân trốn trong thị xã. Sơ bộ mới biết bắt gần 1.000 tù binh (chưa phân loại) và một khối lượng rất lớn chiến lợi phẩm. Đúc Lập đến Đắc Song đã hoàn toàn xong. Thu 12 pháo và gần 100 tấn đạn pháo.

2. Đang tiếp tục phát triển để tiêu diệt các mục tiêu xung quanh như căn cứ Trung đoàn 45, căn cứ Trung đoàn 53, Buôn Hồ, Bản Đôn và tăng thêm lực lượng để chiếm giữ vững chắc sân bay Hòa Bình.

3. Ngày 11/3, Ủy ban quân quản Đắk Lắk sẽ triển khai công việc. Để thuận lợi cho công tác, đề nghị trao quân hàm đại tá cho đồng chí Y Blốc để làm Chủ tịch ủy ban”.

Căn cứ vào tình hình địch - ta trên chiến trường, vào khả năng bảo đảm hậu cần và thời tiết thuận lợi, anh Tuấn có ý định vừa củng cố vững chắc Buôn Ma Thuột, sẵn sàng đánh địch phản kích, vừa phát triển ra chung quanh để hoàn toàn làm chủ Đắk Lắk, phát triển về phía đông đến Cheo Reo (có thể tiêu diệt hoặc bao vây Cheo Reo) rồi từ đó ngược lên bao vây tiêu diệt Plâyku, cô lập Kon Tum.

Hướng phát triển về phía nam có thể để chậm lại sau.

Anh Tuấn đề nghị tôi trao đổi trong Quân ủy và báo cáo với Bộ Chính trị rồi cho anh biết sớm.

Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu thắng lợi giòn giã. Buôn Ma Thuột đã được giải phóng.

Như vậy tình hình chiến sự đã phát triển nhanh hơn so với kế hoạch chiến lược cơ bản, trừ tính giải phóng Tây Nguyên trong năm 1975, bước một của kế hoạch hai năm. Với chiến thắng Buôn Ma Thuột, ta có khả năng giải phóng Tây Nguyên sớm hơn nhiều. Đây là vấn đề quan trọng mới được đặt ra.

Rất yên tâm về Tây Nguyên, tôi nghĩ ngay đến các chiến trường phối hợp ở Trị - Thiên, Khu V, Nam Bộ, nhất là đồng bằng sông Cửu Long.

Bộ Tổng tham mưu báo cáo: Tình hình phát triển tốt. Ở Trị - Thiên, quân ta bí mật vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài dày đặc của địch, đột nhập xuống đồng bằng và xung quanh thành phố Huế, liên tiếp tiến công các vị trí và hệ thống kìm kẹp của địch. Quân và dân Khu V tiêu diệt quận lỵ Tiên Phước, uy hiếp Quảng Tín, Quảng Ngãi.

Ở chiến trường Nam Bộ, địch không còn bắt được thanh niên vào lính, nên lực lượng của chúng ở cơ sở bị hẫng hụt. Quân và dân vùng châu thổ sông Cửu Long phối hợp chặt chẽ ba mũi giáp công, diệt nhiều đồn bốt địch, giải phóng nhiều địa bàn rộng lớn. Phong trào đấu tranh cách mạng lên cao.

Phát huy chiến thắng Phước Long và chiến thắng núi Bà Đen, B2 đã có kế hoạch hoạt động của toàn Miền phối hợp với chiến trường chính, mở đầu đợt hai của kế hoạch mùa khô 1974-1975 vào ngày N (đêm 9 rạng ngày 10/3/1975), theo quy định của Bộ Tổng tư lệnh. Ngoài kế hoạch quân sự, các anh còn có kế hoạch đẩy mạnh nổi dậy của quần chúng, sử dụng lực lượng tổng hợp của chiến tranh nhân dân theo tinh thần Tổng tiến công và nổi dậy. Đồng thời, Bộ Tư lệnh Miền cũng đã thông qua kế hoạch và giao nhiệm vụ cho Quân đoàn IV, các quân khu, sư đoàn và các lực lượng đặc công, biệt động trong nội thành Sài Gòn.

Một điều cần suy nghĩ trong những ngày này là sắp xếp cán bộ chủ trì ở các “quả đấm chủ lực”. Chiến thắng Tây Nguyên càng cho thấy việc ấy quan trọng biết nhường nào.

Quân ủy Trung ương quyết định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, chỉ huy Quân đoàn IV và Đoàn 232. Đồng chí Hoàng Cầm, Tư lệnh, đồng chí Hoàng Thế Thiện, Chính ủy, đồng chí Bùi Cát Vũ, Phó Tư lệnh Quân đoàn IV. Đồng chí Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh, đồng chí Trần Văn Phác, Chính ủy, đồng chí Trần Văn Nghiêm, Phó Tư lệnh Đoàn 232.

19 giờ ngày 11/3, tôi điện cho anh Văn Tiến Dũng:

“Sáng nay, trước khi nhận điện của anh, Bộ Chính trị và Quân ủy đã họp nhận định tình hình có mấy điểm chính sau đây:

1. Kế hoạch chiến lược và chiến dịch do Bộ Chính trị và Quân ủy đề ra là chính xác, công tác chuẩn bị làm tương đối tốt, vì vậy ngay trong những ngày đầu vào đợt đã giành được thắng lợi lớn.

2. Thắng lợi ở Buôn Ma Thuột - Đức Lập trên đường 19 và ở các hướng khác chứng tỏ ta có khả năng giành thắng lợi to lớn với nhịp độ nhanh chóng hơn dự kiến. Đặc điểm nổi bật là tinh thần địch rất sa sút.

3. Trước tình hình đó, ngay trong đợt hoạt động này và kể cả trong kế hoạch tiếp theo, cần có tinh thần khẩn trương, mạnh bạo, kịp thời lợi dụng thời cơ mới giành thắng lợi lớn.

4. Ở B3, cần hết sức chú trọng đợt hoạt động này và kể cả trong kế hoạch tiếp theo, cần có tinh thần khẩn trương, mạnh bạo, kịp thời lợi dụng thời cơ mới giành thắng lợi lớn.

5. Điện của anh hoàn toàn phù hợp với ý kiến trao đổi sáng nay trong Bộ Chính trị và Quân ủy. Tôi vừa bàn với anh Ba, anh Sáu. Hoàn toàn đồng ý với chủ trương trong điện:

a) Ở Buôn Ma Thuật, tiêu diệt địch còn lại, phát triển xung quanh, sẵn sàng đánh viện.

b) Nhanh chóng phát triển về hướng Cheo Reo, bao vây ngay để tiêu diệt.

c) Hoàn thành ngay thế bao vây Plâyku, thực hiện chia cắt chiến lược, bao vây và chuẩn bị tiêu diệt An Khê để cô lập Plâyku.

Phát triển xuống phía nam sẽ làm sau một bước. Trong phát triển tiến công, chú ý nắm vững chủ lực, tránh phân tán.

... Thường vụ Quân ủy Trung ương quyết định phong quân hàm đại tá cho đồng chí Y Bốc. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên quốc phòng và nhân dân trên mặt trận Tây Nguyên đã giành thắng lợi lớn...

Chúc anh mạnh khỏe và gửi lời chúc anh em trong đó. Ký tên: Chiến”.

Không khí phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm bao trùm cơ quan Tổng hành dinh.

Lúc này, nắm tình hình địch là trọng tâm công tác của cơ quan chiến lược. Tôi chỉ thị mắc điện thoại ở nhà riêng cho đồng chí Trưởng phòng 70 Cục Quân báo và dặn đồng chí thư ký từ nay khi nào có tin kỹ thuật thì dù tôi ở đâu, làm gì, ngay cả khi đang họp Bộ Chính trị, cũng phải báo ngay. Hằng ngày, cứ 4 giờ 30 phút sáng, phải gọi điện cho đồng chí Thanh hỏi xem có tin tức gì mới trong đêm.

Từ chỗ phán đoán sai lầm, địch bắt đầu tỉnh ra và bị động đối phó.

Tin cho biết Nguyễn Văn Thiệu có ý định dựa vào các lực lượng còn lại và các điểm phụ cận Buôn Ma Thuột, điều thêm lực lượng bộ binh có không quân yểm trợ, tổ chức phản kích chiếm lại thị xã. Chiến đoàn 45 cùng sở chỉ huy cơ bản của Sư đoàn 23 ngày đã đổ bộ bằng trực thăng xuống Buôn Hồ trưa ngày 11/3. Không quân ngày đang được huy động ở mức độ cao.

12 giờ ngày 12/3, Quân ủy điện tiếp cho anh Dũng, đồng gửi anh Hoàng Minh Thảo và Thường vụ Đảng ủy B3... “Địch đang có ý định dựa vào các lực lượng chưa bị tiêu diệt của chúng và các điểm phụ cận, tăng thêm lực lượng phối hợp với không quân tiến hành phản kích hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột... Vì vậy, việc cấp thiết nhất là nhanh chóng tập trung lực lượng hơn nữa, nhanh chóng tiêu diệt các đơn vị và các căn cứ của địch ở chung quanh Buôn Ma Thuột, tiêu diệt viện binh của chúng. Tiêu diệt được bộ phận quan trọng sinh lực của địch chung quanh Buôn Ma Thuột sẽ có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chiến dịch. Đồng thời chỉ đạo mọi công tác hoạt động trên các hướng phát triển đã dự định: Cheo Reo, Plâyku và đường 19. Chú ý khai thác tù binh phục vụ cho tác chiến và binh vận. Chúc thắng to. Ký tên: Chiến”.

Đồng thời, tôi chỉ thị Bộ Tổng tham mưu điện cho Khu V, Trị - Thiên và Quân đoàn II thông báo nội dung cuộc họp của Bộ Chính trị ngày hôm qua (11/3), hướng dẫn phương hướng hoạt động tiếp theo của các chiến trường là cần khẩn trương, mạnh bạo, kịp thời tranh thủ điều kiện

thuận lợi giành thắng lợi to lớn hơn. Theo những hướng đã dự kiến, dựa vào quyết tâm cơ bản đã đề ra, kịp thời phát triển một cách kiên quyết. Hết sức coi trọng tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch trong khi chúng rút chạy hoặc trong khi chúng đưa quân đến tiếp viện.

Những ngày tháng ba sôi động.

Đã trở thành lệ thường, các anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thường đến Tổng hành dinh dự giao ban, nghe Bộ Tổng tham mưu báo cáo tình hình chiến sự, trao đổi ý kiến chỉ đạo kịp thời. Riêng tôi, ngoài những giờ làm việc ban ngày, thường là thông tầm không nghỉ trưa, tối nào cũng vào Sở Chỉ huy bằng lối cửa tây, làm việc và ngủ luôn tại đấy. Phấn khởi xua tan mỗi mệt. Tiết xuân nao nức lòng người. Quyền chủ động chiến lược giúp cho cơ quan lãnh đạo, chỉ huy thêm bình tĩnh, sáng suốt, linh hoạt, ngược lại với kẻ địch đang trong thế bị động, tuyệt vọng, rối mù...

Trong buổi giao ban sáng 13/3, Bộ Tổng tham mưu báo cáo: Có khả năng địch tập trung lực lượng của chúng còn lại ở Tây Nguyên và Plâyku, cũng có thể chúng buộc phải rút chạy khỏi Tây Nguyên. Dù trong tình huống nào, ta cũng phải thực hiện cho bằng được và thực hiện thật nhanh quyết tâm tiêu diệt địch, giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên.

Buổi giao ban tiến hành nhanh, gọn. Thời gian là lực lượng, không thể lãng phí. Tôi điện ngay cho anh Dũng:

“... Trường hợp địch bị tiêu diệt một bộ phận sinh lực lớn, mất thị xã Buôn Ma Thuột và nhiều quận lỵ, việc

chia cắt chiến lược đường số 19 thực hiện tốt thì có khả năng chúng tập trung các lực lượng còn lại ở B3 và Plâyku, cũng nên nghĩ đến khả năng chúng buộc phải thực hiện rút lui chiến lược. Vì vậy, cần bao vây ngay Plâyku bằng các thứ hỏa lực, kể cả các loại pháo cao xạ, triệt đường tiếp tế của địch, chuẩn bị tiêu diệt địch trong cả hai tình huống: địch co cụm ở Plâyku, hoặc rút chạy khỏi Tây Nguyên... Ký tên: Văn”.

Bức điện được chuyển lúc 9 giờ sáng.

Hôm sau, anh Lê Trọng Tấn gọi điện cho tôi báo cáo tin kỹ thuật mới nhất Cục 2 vừa nhận được: Tình hình Plâyku, Kon Tum rất hỗn loạn. Địch đốt các kho tàng. Dân hết hoảng. Thiệu bay ra Cam Ranh nghe Phú báo cáo tình hình, có Cao Văn Viên, Trần Thiện Khiêm và Đặng Văn Quang cùng dự. Nghe xong, Thiệu nói: Quân viện bị cúp. Dạn và tiền thiếu. Địch đánh mạnh. Kon Tum - Plâyku, ít người, kinh tế không có. Cho rút quân về giữ vững vùng duyên hải. Lộ trình rút được chấp thuận là liên tỉnh lộ 7.

Tôi trao đổi với anh Tấn:

- Địch rút bỏ Plâyku - Kon Tum đã rõ rệt. Chúng sẽ đưa lực lượng xuống co cụm giữa đồng bằng Khu V, Huế và Đà Nẵng. Tình hình sẽ phát triển nhanh. Anh điện ngay cho anh Dũng biết.

Nhận được các bức điện dồn dập gửi vào, anh Văn Tiến Dũng và Bộ Tư lệnh Tây Nguyên rất đồng tình. Các anh lập tức ra lệnh cho các hướng hình thành bao vây và tổ chức đánh địch. Tuy vậy, không phải ai cũng nhạy bén trước tình hình diễn biến quá nhanh. Sau này được biết

lúc bấy giờ, có một số cán bộ ở chiến trường nghĩ khác. Có đồng chí đã nói với anh Vũ Lăng, Phó Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên: “Làm gì có chuyện dịch rút Plâyku”(!).

Cả nước hướng về miền Nam.

Báo hằng ngày hết ngày từ sáng sớm. Trong các giờ phát thanh thời sự, hầu như mọi gia đình đều ngồi bên máy thu thanh. Các bản tin nhanh của Thông tấn xã Việt Nam, mặc dù đã tăng thêm mỗi ngày mấy bản, vẫn không đáp ứng kịp yêu cầu. Đài BBC được nhiều người đón nghe. Các phóng viên nước ngoài thường trú tại Hà Nội chạy ngược xuôi săn lùng tin, khẩn trương không kém...

Mặt trận dư luận phải ăn khớp với mặt trận quân sự. Không phải lúc nào công tác thông tin, tuyên truyền cũng cần triển khai rầm rộ. Tôi trao đổi với các anh trong Bộ Chính trị và điện ngay cho anh Dũng: “... Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, chúng tôi chủ trương về tuyên truyền công khai chỉ thực hiện từng bước. Lúc đầu đưa ra từng trận, đợi đến khi cuộc tiến công cơ bản hoàn thành mới đưa tin giải phóng Buôn Ma Thuột. Trong khi đưa tin, nêu bật sự vi phạm Hiệp định của địch, nói nhiều về phong trào nổi dậy của quần chúng, đồng thời nói nhiều đến hoạt động của Quân giải phóng... Anh có ý kiến gì, điện cho biết. Ký tên: Chiến”.

Đồng thời, tôi chỉ thị Tổng cục Chính trị thông báo chủ trương này cho các cơ quan thông tin đại chúng. Trong quân sự, nhất là ở thời điểm quyết định, cần phải nói ít, làm nhiều. “Cần miếng mà không cần tiếng”.

Tin về đồn dập. Cơ quan tác chiến phải lựa chọn, sàng lọc để báo cáo tình hình được chính xác, kịp thời.

Địch đã phát hiện được hướng tiến công chiến lược Tây Nguyên của ta. Chúng đang điều động lực lượng cơ động chiến lược gồm quân dù và một số thiết đoàn hùng phản kích chiếm lại Buôn Ma Thuột. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho Phạm Văn Phú phải củng cố lại lực lượng chiếm lại Buôn Ma Thuột bằng mọi giá. Chúng sử dụng Liên đoàn biệt động quân 21, hai trung đoàn 44 và 45 của Sư đoàn 23 với sự yểm trợ của Sư đoàn 3 không quân đóng ở sân bay Thành Sơn (Phan Rang). Đồng thời, chúng điều Liên đoàn biệt động quân 7 từ Sài Gòn ra thay Sư đoàn 23 ở Plâyku.

Địch chưa kịp hành động thì Liên đoàn 21 đã bị ta đánh thiệt hại nặng. Ngày 13/3, Trung đoàn 45 được 200 lần chiếc máy bay lên thẳng đổ xuống đông Buôn Ma Thuột, cũng bị quân ta vây đánh, diệt hai tiểu đoàn.

Từ chiến trường Khu V, ngày 15/3, anh Chu Huy Mân điện ra báo cáo: tình hình phát triển nhanh và thuận lợi. Ở vùng ven biển, Khu V sẽ đánh Tam Kỳ, Trà Bồng, Sơn Hà, phát triển xuống đường số 4 xung quanh Quảng Ngãi, Bình Định, tạo điều kiện cho đồng bằng mở mang, giành dân, đồng thời bao vây An Khê, tạo thời cơ dứt điểm.

Ngày hôm đó, tôi tranh thủ trao đổi với anh Ba và anh Sáu về những diễn biến mới trên chiến trường Tây Nguyên và các chiến trường khác, xác định phương hướng phát triển chiến dịch Tây Nguyên. Các anh hoàn toàn nhất trí. Tôi điện cho anh Văn Tiến Dũng:

“20 giờ ngày 15/3/1975.

Điện gửi anh Tuấn,

Chúng tôi đã trao đổi với anh Ba và anh Sáu, nhận định tình hình như sau:

1. Căn cứ các nguồn tin, hiện nay địch đã thấy rõ hướng chính của ta là nam Tây Nguyên, xác định được tương đối rõ lực lượng của ta ở đây, ở các hướng khác ta chỉ hoạt động có mức độ, vì vậy chúng đã có chủ trương tập trung cố gắng, điều động lực lượng cơ động chiến lược và một số liên đoàn biệt động và thiết đoàn có thể theo đường 21 mở cuộc hành quân tương đối lớn hòng giành lại Buôn Ma Thuột.

Tuy lực lượng có tăng, nhưng tinh thần chúng rất kém, các mặt bảo đảm có nhiều khó khăn. Ta có đầy đủ điều kiện để tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.

2. Vì vậy, cần tập trung lực lượng ở vùng A (Buôn Ma Thuột) và phụ cận, nắm chắc lực lượng dự bị trong tay, nhanh chóng tập trung binh hỏa lực tiêu diệt từng cánh quân của địch, trước hết là trên hướng Phước An, sẵn sàng tiêu diệt viện binh đường không, đường bộ của chúng.

Bước tiếp theo sẽ chuyển lực lượng lên tiêu diệt địch ở Cheo Reo.

Trận Buôn Ma Thuột đang phát triển thành một cuộc chiến đấu quy mô lớn nhằm tiêu diệt trên dưới hai sư đoàn địch. Việc tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở đây sẽ có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển thắng lợi của chiến dịch trên cả chiến trường Tây Nguyên. Cần động viên cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm thật lớn, nắm lấy cơ hội lớn, tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch, giải phóng nam Tây Nguyên.

3. Đối với B (Nam Bộ), hình thành từng bước thế bao vây tăng cường khống chế các sân bay và phá hủy các kho tàng của địch, tiến hành thật khẩn trương mọi công tác chuẩn bị cần thiết để không cho địch kịp trở tay.

Chúc thắng to.

Ký tên: Chiến”.

Trong khi các đồng chí cơ yếu đang khẩn trương dịch điện, tôi nhận được điện của anh Dũng cho biết bộ đội rất phấn khởi và hứa “sẽ nỗ lực tổ chức chỉ đạo thực hiện nhằm đạt các yêu cầu của trên, rút ngắn thời gian, vượt kế hoạch năm 1975... Trước tình hình chiến sự đang phát triển nhanh chóng, cung cách làm ăn “rì rọ” của cán bộ ta là một trở ngại, cần được nhanh chóng khắc phục”.

Đọc xong, tôi viết thêm một đoạn vào bức điện đang dịch dở:

“Viết xong điện này thì nhận được điện 05 của anh. Chúng tôi nhất trí ta sẽ hoàn thành vượt thời gian rất nhiều kế hoạch chung đã định, hiện đang nghiên cứu và gấp rút chuẩn bị theo phương hướng đó. Sau khi xin chỉ thị Bộ Chính trị, tôi sẽ có điện mới cho anh”.

Như vậy là phía trước và phía sau đều thống nhất, trên dưới đều quyết tâm: Phải thắng nhanh hơn, lớn hơn, không hoàn toàn phụ thuộc vào chỉ tiêu và thời gian định ra trong kế hoạch cơ bản.

Tình hình phát triển quá nhanh.

Mặc dù ta đã hạn chế mức độ tuyên truyền, cả nước ta và thế giới cũng bị cuốn hút vào cơn lốc cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

Ở các cơ quan chiến lược của Đảng và của quân đội, nơi nắm vững tình hình từng giờ, từng phút, không khí lại càng sôi động. Tất cả tâm trí dành hết cho miền Nam.

Từ đầu tháng 2, theo đề nghị của anh Lê Trọng Tấn, Quân ủy đồng ý để Bộ Tổng tham mưu triển khai nghiên cứu kế hoạch tác chiến các bước tiếp theo chiến dịch Tây Nguyên, là các chiến dịch Huế - Đà Nẵng và Sài Gòn, chủ động cùng các tổng cục trong Bộ Quốc phòng xác định các mục tiêu chiến lược, sử dụng lực lượng và bảo đảm hậu cần, kỹ thuật. Lúc này, cơ quan tác chiến không đủ cán bộ, một số trợ lý có năng lực và kinh nghiệm đã tham gia Đoàn A.75. Sau khi trao đổi với Tổng cục Chính trị, tôi gọi điện cho đồng chí Lê Hữu Đức, Cục trưởng Cục Tác chiến:

- Cậu sang ngay Cục Cán bộ bàn bạc chọn lấy một số cán bộ để về làm kế hoạch. Tôi đã gặp anh Song Hào, anh ấy rất nhất trí. Nhớ cho người ra Trạm 66 mời anh Trần Hải Phụng, Tư lệnh biệt động Sài Gòn - Gia Định vào tham gia tổ nghiên cứu chiến dịch Sài Gòn. Anh ấy thông thuộc thành phố Sài Gòn. Chú ý sử dụng biệt động, đặc công đánh vào các mục tiêu quan trọng.

Diễn biến của chiến trường đi trước mọi phán đoán và dự kiến. Riêng tôi trong những ngày này, diễn biến của chiến trường như một cuốn phim quay thường trực trong đầu. Tại Tổng hành dinh, tôi thường đứng rất lâu trước tấm bản đồ lớn, không những theo dõi sự phát triển của các mũi tiến công của quân ta, sự đối phó của địch mà còn suy nghĩ, tính toán, hình dung những bước phát triển tiếp theo trên tất cả các hướng chiến lược từ Trị - Thiên đến

đồng bằng sông Cửu Long. Tầm bản đồ chiến sự như rõ hơn, sáng hơn mọi ngày. Đất nước thân yêu trải dài bên bờ Thái Bình Dương đang chuyển mình, bỏ rơi lại phía sau mọi suy nghĩ, tác phong lề mề, lạc hậu. Câu thơ của Bác trong bài thơ *Học đánh cờ* lúc này nhắc nhở:

*“Lạc nước hai xe đành bỏ phí
Gặp thời một tốt cũng thành công”.*

Nhiều đêm, tôi sang phòng trực ban tác chiến ngồi cùng anh em đến tận khuya, muốn đón tin về sớm phút nào hay phút ấy.

Những lúc quá căng thẳng, thỉnh thoảng tôi ra Hồ Tây bơi thuyền để thư giãn tinh thần. Thường mỗi lần như thế, có một cán bộ cùng đi để tranh thủ làm việc nhẹ nhàng, nhất là ghi lại những ý nghĩ quan trọng bất chợt nảy ra. Có lần mãi suy nghĩ, đã bơi thuyền khá xa, ra tận đền thờ bà chúa Liễu Hạnh...

Ngày 16/3, được tin địch rút Kon Tum, tôi điện ngay cho Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên yêu cầu triển khai đánh quân địch rút chạy, đồng thời lệnh cho Quân khu V đưa bộ đội địa phương lên chốt đường số 7, cho Sư đoàn 968 và Sư đoàn 470 công binh tiến nhanh vào Plâyku, Kon Tum.

Ngày hôm sau, Cục Tác chiến báo cáo: Bộ đội ta đang thực hiện kế hoạch cắt đứt con đường này, tiêu diệt quân địch đang tháo chạy. Ở Trị - Thiên, phối hợp với chiến trường chính Tây Nguyên, quân ta đã tiến công phá vỡ một mảng lớn hệ thống phòng ngự của địch ở khu vực đường 14, diệt và bắt gần 1.000 tên địch, thu hút, giam chân quân địch ở tây nam Thừa Thiên, diệt cứ điểm Chúc Mao

và điểm cao 300, uy hiếp tây bắc Huế, tạo điều kiện cho các lực lượng địa phương tiêu hao sinh lực địch, vũ trang tuyên truyền gây cơ sở quần chúng suốt từ nam sông Thạch Hãn đến Vụng Lăng Cô.

Bộ Tổng tham mưu khẩn trương nắm tình hình các chiến trường Khu V, Nam Bộ. Trong buổi giao ban sáng 17/3, trước một bản đồ lớn phản ánh tình hình chiến sự mới nhất, tôi đi đến một nhận định: Sau khi quân ta đã cơ bản đánh bại cuộc phản kích của địch hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột, quân địch ở đây đang thực hiện cơ cụm chiến lược, tập trung về hướng Sài Gòn, Cam Ranh, có thể cả Đà Nẵng. Thời cơ lớn đã xuất hiện.

Qua trao đổi, tôi và các đồng chí chủ trì trong Bộ Tổng tham mưu nhất trí ngày mai sẽ đề nghị với Bộ Chính trị: Sau khi Tây Nguyên cơ bản đã được giải phóng, phát triển theo hai hướng: hướng chủ yếu, phần lớn lực lượng B3 sẽ phát triển vào miền Đông Nam Bộ. Hướng thứ hai, phát triển xuống đồng bằng Khu V với lực lượng hiện có, có thể tăng cường thêm một sư đoàn. Để đáp ứng kịp yêu cầu của các hướng tiến công chiến lược, lệnh cho Đoàn 559 chuyển cả tuyến từ đường Trường Sơn sang đường 14 (Plâyku - Kon Tum), tăng cường trang bị, vừa làm công tác vận chuyển vừa bảo vệ hành lang, củng cố vùng giải phóng.

Cuộc giao ban vừa xong, tôi tranh thủ điện cho anh Văn Tiến Dũng:

“Địch đang thực hiện cơ cụm chiến lược sớm hơn ta dự kiến. Trước sự phát triển tiến công của ta, sắp đến quá trình cơ cụm chiến lược sẽ tiếp tục. Phương hướng là tập trung ở Sài Gòn, Cam Ranh, có thể Đà Nẵng... Đây là thời

cơ lớn. Phát triển tiến công theo hướng nào là chủ yếu... Anh trả lời về hướng phát triển để kịp xin ý kiến Bộ Chính trị vào sáng mai. Chúc anh và anh em khỏe, thắng thật to. Ký tên: Chiến”.

Bức điện được chuyển ngay lúc 9 giờ sáng.

Vừa ngồi vào bàn làm việc, giở tờ báo *Nhân dân* với hàng tít đậm đưa tin chiến thắng trên trang nhất, thì đồng chí trực ban tác chiến chuyển đến một bức điện của anh Dũng đề ngày 16/3. Sau khi báo cáo bổ sung tình hình mới nhất ở Tây Nguyên, anh xin ý kiến Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về mấy việc lớn:

- Bảo vệ, củng cố vùng mới giải phóng.
- Diệt viện binh địch. Diệt hai quận còn lại của tỉnh Đắk Lắk và quận Đức Xuyên, giữ đường 21 không cho địch giải tỏa.
- Phát triển tiến công Cheo Reo, cắt rời Plâyku và Kon Tum.

Ngoài ra, anh đề nghị B2 phối hợp tiến công về hướng Quảng Đức, đánh chiếm Nhân Cơ, bao vây tiêu diệt Gia Nghĩa. Khu V tiến công tiêu diệt An Khê, cắt đường 19. B4 và B5 chia cắt Huế - Đà Nẵng, uy hiếp hai thành phố này.

Cục Tác chiến sao bức điện của anh Dũng gửi ngay đến các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Tôi tranh thủ điện tiếp vào bức điện vừa đánh đi: “*Phương án 1*: Sau khi Tây Nguyên đã được giải phóng hoặc cơ bản giải phóng thì phát triển theo hai hướng: hướng chủ yếu là cho đại bộ phận lực lượng ở B3 phát triển vào miền Đông; hướng thứ hai là mở rộng vùng giải phóng đồng bằng Khu V với lực lượng hiện có, có thể tăng

cường F.968 và binh khí kỹ thuật... Tôi, anh Sĩ¹, anh Ba Long² nhất trí nặng về Phương án 1. Ngày mai sẽ xin ý kiến Bộ Chính trị. Ký tên: Chiến”.

Tối hôm ấy, Bộ Tổng tham mưu điện cho Quân khu Trị - Thiên và Khu V đưa ngay lực lượng xuống đồng bằng với quy mô trung đoàn, phối hợp cùng các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân đánh chiếm các khu vực ở vùng sâu, đánh chiếm quận lỵ Phú Lộc, cắt đường số 1, chuẩn bị tiến công Đà Nẵng.

Ngày hôm sau, có tin báo Sư đoàn dù ở Đà Nẵng đang rút về Sài Gòn, địch đưa Sư đoàn lính thủy đánh bộ lên thay, có hiện tượng địch muốn bỏ đất từ bắc Huế đến đèo Hải Vân. Đó là những dấu hiệu địch co cụm chiến lược trên toàn miền Nam. Tôi hội ý với Bộ Tổng tham mưu điện cho B4 và B5 lập tức đánh ngay, cắt đường số 1, pháo kích sân bay Phú Bài, kiên quyết không cho địch rút quân, co cụm về Đà Nẵng.

Những tư liệu đáng tin cậy sau này tiết lộ:

Sáng 11/3, ngay sau khi được tin Buôn Ma Thuật đã bị đánh chiếm, Nguyễn Văn Thiệu họp với Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng, Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng và tướng Đặng Văn Quang. Thiệu trở lại với một suy nghĩ đã có từ sau ngày Hiệp định Pari được ký kết: Trong tình hình nguy khốn, có thể từng bước bỏ Vùng I và Vùng II

1. Đồng chí Hoàng Văn Thái.

2. Đồng chí Lê Trọng Tấn.

chiến thuật (Trị - Thiên, Tây Nguyên và các tỉnh phía bắc miền Trung), co về giữ Vùng III và IV chiến thuật, bao gồm cả đồng bằng sông Cửu Long. Thà mất đất còn hơn chung sống với “cộng sản”. Thiệu phác ra kế hoạch trên bản đồ và nói: “Với sức lực và khả năng của ta, chắc chắn ta không thể nào giữ được toàn bộ vùng đất theo ý muốn. Chúng ta phải triển khai lại lực lượng làm sao có thể giữ những vùng đông dân và trù phú này thôi. Chính những vùng này mới thật quan trọng”.

Chiến lược này của Thiệu còn được gọi nôm na là “đầu bé dít to”, thả lỏng phần trên, giữ chặt phần dưới. Vùng “trên” tiếp giáp với miền Bắc vốn là vùng bất lợi về quân sự cũng như về kinh tế; vùng “dưới”, chính là vùng đồng bằng sông Cửu Long trù phú, cung cấp lúa gạo, rau quả, cá tôm cho 75% dân số “Việt Nam cộng hoà”.

Không ai có ý kiến gì!

Cái phương án vạn bất đắc dĩ này, thực ra là một cơn ác mộng.

Trở lại vấn đề Buôn Ma Thuột, Thiệu yêu cầu “tử thủ”, chiếm lại bằng mọi giá.

Ngay chiều hôm ấy, Đài Phát thanh Sài Gòn và Đài “quân đội cộng hoà” kêu gào đến thất thanh: “Tử thủ Buôn Ma Thuột”.

Không may cho nhà báo Pháp Pôn Lêăngđrê (Paul Léandri) lại đưa tin: Buôn Ma Thuột đã bị thất thủ! Bản tin của hãng thông tấn AFP khác nào một gáo nước lạnh dội lên đầu Thiệu. Nhà báo Pháp đã phải trả giá đắt về một tin chiến sự kịp thời, chính xác, bằng tính mệnh của mình.

Phạm Văn Phú, Tư lệnh Vùng II chiến thuật, tìm cách cứu vãn tình thế. Phú từng là một lính ngự dưới thời Pháp, đã bị quân ta bắt tại Điện Biên Phủ năm 1954, nay là một viên tướng tồi, không được giới quân sự tín nhiệm. Tuy vậy, Thiệu lại nâng đỡ Phú, bởi vì cả hai cùng giúp nhau lên chức.

Cuộc họp tiến hành tại Cam Ranh trưa ngày 14/3, theo đề nghị của Phú, vì Plâyku không được an toàn, tại ngôi biệt thự xây cất trong dịp đón Tổng thống Mỹ L.B. Giônxon hồi năm 1966. Cùng họp có Trần Thiện Khiêm, Cao Văn Viên, Đặng Văn Quang, ba cố vấn thân cận nhất của Thiệu. Cuộc họp được giữ tuyệt đối bí mật, kể cả với cố vấn Mỹ.

Tình hình Quân đoàn II nguy rất đen tối. Hầu như toàn bộ Buôn Ma Thuột đã nằm dưới quyền kiểm soát của cộng sản. Các đường giao thông đều bị cắt đứt. Phú không dám trả lời dứt khoát khi Thiệu hỏi có thể chiếm lại Buôn Ma Thuột được hay không? Phú chỉ xin thêm quân và máy bay lên thẳng để chở quân, vì không thể tiếp viện bằng đường bộ.

Yêu cầu của Phú không được đáp ứng, vì không còn quân dự bị và 200 trong số 400 trực thăng của quân ngự hoặc đã bị cộng sản bắn rơi, hoặc không hoạt động được nữa do thiếu phụ tùng thay thế.

Kết thúc cuộc họp, Thiệu lệnh cho Phú rút bỏ Plâyku, Kon Tum, triển khai lực lượng tái chiếm Buôn Ma Thuột. Các đơn vị còn lại sẽ rút về Tuy Hòa. Ở đó, sẽ tập hợp, củng cố lực lượng tiến hành một chiến dịch chiếm lại Buôn Ma Thuột.

Phú chủ trương rút quân theo đường số 7 để tranh thủ bất ngờ. Đây là con đường liên tỉnh từ lâu hầu như đã bị

bỏ quên, nên hư hỏng nặng. Cầu cống trên đường bị sập. Rõ ràng, cuộc rút quân trên con đường mới lạ, xuyên qua rừng núi, đầy rủi ro, nguy hiểm này, không có một biện pháp trợ giúp tối thiểu nào của Bộ Tổng tham mưu, là một cuộc phiêu lưu lớn, nhưng đành phải chấp nhận vì không còn cách nào khác.

Phú chỉ đề nghị với Thiệu một “ân huệ” cuối cùng. Đó là việc thăng chức thiếu tướng cho Phan Văn Tấn, đại tá, Tư lệnh biệt động quân Vùng II chiến thuật. Thiệu đồng ý.

Thiệu có ngờ đâu, đây là “con bài chuẩn”, là một trò “thế mạng” của Phú, vì khi trở về Plâyku, Phú lập tức giao quyền cho “tân thiếu tướng” Phan Văn Tấn chỉ huy cuộc rút lui. Ngay sau đó, Phú rời Plâyku bằng trực thăng với lý do về trông coi sở chỉ huy mới ở Nha Trang, bỏ mặc Tấn cùng toàn bộ binh sĩ nguy ở Vùng II chiến thuật đi vào cõi chết!

Tin tức sau này còn cho biết:

Trong khi nguy quyền Sài Gòn đang ở bên bờ vực thảm, báo chí Mỹ và Sài Gòn đưa tin một phái đoàn của Quốc hội Mỹ bay sang Sài Gòn để xem xét tại chỗ, có nên viện trợ bổ sung cho Thiệu 800 triệu đôla nữa hay không? Phái đoàn do thượng nghị sĩ Diuây Báclít (Dewey F. Bartlett) và dân biểu Giôn Phlin (John J. Flynt) dẫn đầu, gồm tám người thuộc hai đảng Cộng hòa và Dân chủ cùng một tá nhân viên tham mưu và mật vụ.

Chính quyền Sài Gòn bố trí một chương trình lịch sự, chu đáo để các nghị sĩ Mỹ đi khắp nơi, kể cả đến xem các “chuồng cọp” ở Côn Sơn và gặp phái đoàn “Việt cộng” ở sân bay Tân Sơn Nhất.

Sau mấy ngày xem xét, tiếp xúc, thái độ của phái đoàn Quốc hội Mỹ không mấy thuận lợi đối với Thiệu. Trừ hai trưởng đoàn, các thành viên còn lại của phái đoàn dường như đứng đưng trước cảnh “thập tử nhất sinh” của chế độ Sài Gòn. Đứng đưng, ngạo mạn, không hề có một thái độ thân hữu nào đến mức Nguyễn Văn Thiệu không tự kìm chế được mình, buột mồm nói trong buổi dạ tiệc chiều ngày 1/3 tại dinh Độc Lập:

“... Vấn đề rút lại thành một câu hỏi đơn giản là liệu những lời hứa của Mỹ còn giá trị nữa hay không? Lời nói của Mỹ có nên tin nữa hay không? Đó là thông điệp tôi muốn các ngài chuyển tới Quốc hội Hoa Kỳ”.

Thất vọng và cay đắng, Thiệu nói thêm:

“... Tôi xin được phép khen ngợi những người bạn chân chính về quan điểm đúng đắn của họ và tôi cũng xin được phép nhắc lại ở đây câu nói đầy ý nghĩa: quà tặng là quan trọng nhưng cách trao tặng lại càng quan trọng hơn”.

Dạ tiệc ngày 1/3 là bữa tiệc lớn cuối cùng ở dinh Độc Lập. Cay đắng thay cho Nguyễn Văn Thiệu, đây không chỉ là cách tặng quà, mà ngay cả “món quà” ít ỏi chẳng thấm vào đâu, sau đó cũng không có nốt!

Chương VI

CHUYỂN CUỘC TIẾN CÔNG THÀNH TỔNG TIẾN CÔNG

Chiến dịch Tây Nguyên phát triển thắng lợi.

Đúng như phán đoán của Bộ Tổng tư lệnh, trong hai ngày 12 và 13/3, địch đổ quân xuống đông Buôn Ma Thuột, Phước An và phía tây sân bay Hòa Bình. Chúng sa ngay vào một cái bẫy đã giăng sẵn. Các trung đoàn 45, 44, Sở Chỉ huy Sư đoàn 23 ngay cùng với tàn quân của Liên đoàn biệt động số 21 lần lượt bị tiêu diệt. Số còn lại chạy tán loạn, bỏ lại nhiều vũ khí, xe cộ và quân trang, quân dụng. Cuộc phản kích của địch hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột bị đập tan.

Cũng đúng như dự đoán, ngày 16/3, địch bỏ Kon Tum, và 17/3, bỏ Plâyku, theo đường số 7 rút chạy về hướng ven biển. Theo tin trinh sát, đường số 7 bị bỏ từ lâu, cầu hỏng, phà qua sông không có. Được tin quân địch rút chạy theo con đường ấy, anh Văn Tiến Dũng kiên quyết ra lệnh cho Sư đoàn 320 chặn ngay đường rút lui của địch, lệnh cho Bộ Chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên huy động thêm xe bọc thép, xe vận tải, thêm pháo và vật chất để bảo đảm cho

Sư đoàn 320 khẩn trương truy kích địch. Giao nhiệm vụ cho đồng chí Kim Tuấn. Sư đoàn trưởng Sư đoàn 320, anh Dũng đã nghiêm khắc nhấn mạnh: “Lúc này do dự một chút, sơ hở một chút là hỏng việc. Nếu để địch chạy thoát là một tội lớn...”.

Sau khi nhận mệnh lệnh, Sư đoàn 320 tích cực, khẩn trương vượt mọi khó khăn, cấp tốc hành quân trong đêm 16/3. Mờ sáng hôm sau, một đơn vị đã nhanh chóng băng rừng ra cắt đường số 7, chặn địch ở đông Phú Bổn, tiêu diệt địch và đánh xuống Cửu Sơn. Trong lúc đó, hai tiểu đoàn bộ đội địa phương tiến ra cắt cầu Sơn Hoà và cùng Sư đoàn 320 tiến công giải phóng Cửu Sơn. Quân địch hoàn toàn tan rã. Ta tiêu diệt và bắt sống gần 6.000 tên, thu hàng trăm khẩu pháo các loại, xe tăng, xe công binh, xe vận tải...

Báo chí và đài phát thanh phương Tây đổ thêm chất xúc tác vào quá trình sụp đổ của ngụy quân, ngụy quyền. Đài BBC tường thuật chi tiết cuộc rút chạy, tô đậm hình ảnh thảm bại với những cảnh rừng rợn ở Plâyku, Kon Tum và trên đường số 7. Đài Tiếng nói Hoa Kỳ loan tin Quốc hội Mỹ bác bỏ viện trợ thêm về quân sự cho ngụy quyền Sài Gòn với đa số áp đảo: 49 phiếu thuận trên 189 phiếu chống tại Hạ nghị viện và 6 phiếu thuận trên 36 phiếu chống tại Thượng nghị viện.

Đã đến lúc phải chạy đua với thời gian.

Bộ Chính trị quyết định sẽ họp vào ngày 18/3. Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị tình hình và đề xuất ý kiến.

Đêm 15/3, Cục Quân báo phát hiện một hoạt động đáng chú ý của địch ở Trị - Thiên: Liên đoàn biệt động quân 14 chuyển ra Quang Trị thay thế Sư đoàn lính thủy đánh bộ chuyển phần lớn vào Đà Nẵng. Hiện tượng này giúp tôi khẳng định thêm một nhận xét đang hình thành trong suy nghĩ từ sau chiến thắng Buôn Ma Thuột: qua cuộc đổ sức lớn đầu tiên ở Tây Nguyên và những diễn biến tiếp theo, có thể thấy rõ quân ngụy còn yếu hơn nhiều so với sự đánh giá của ta trước lúc mở cuộc tiến công. Chúng không hy vọng giữ được Trị - Thiên. Có thể chúng sẽ tập trung lực lượng về giữ Đà Nẵng, nơi có vị trí chiến lược quân sự xung yếu. Như vậy, khả năng phát triển tiến công của ta rất lớn. Kế hoạch hai năm có thể rút ngắn. Giải phóng miền Nam có thể sớm hơn. Trước mắt, đã có thể mở cuộc tiến công giải phóng thành phố Huế và toàn bộ hai tỉnh Quảng Trị - Thừa Thiên.

Tôi đem những suy nghĩ của mình trao đổi với các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Cao Văn Khánh, Lê Hữu Đức và một số đồng chí khác trong Bộ Tổng tham mưu. Các anh rất đồng tình.

Tôi định đi ngay vào Vĩnh Linh, ở đó sẽ mời anh Lê Tự Đồng, Chính ủy kiêm Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên ra bàn chủ trương và kế hoạch tác chiến. Trục thăng đã sẵn sàng. Thế nhưng cân nhắc kỹ, thấy rằng trong lúc tình hình các chiến trường phát triển nhanh quá, tôi cần có mặt tại Tổng hành dinh; hơn nữa, mặc dù đi bằng máy bay, nhưng tính toán thời gian không kịp về họp Bộ Chính trị, lại vừa có tin địch rút Plâyku - Kon Tum, nên cuối

cùng tôi quyết định không đi nữa. Thay vào đó tôi điện ngay cho Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn II: "... Đã có khả năng chuyển sang kế hoạch thời cơ¹, tổ chức thực hiện giải phóng Huế. Tình hình phát triển nhanh và thời cơ lớn đang đến sớm hơn ta dự kiến. Địch đang phải đối phó với nam Tây Nguyên, Khu V, Nam Bộ và *bắt đầu có cụm chiến lược*. Trị - Thiên cần đẩy mạnh hoạt động về mọi mặt. Cụ thể là đẩy mạnh tiến công của chủ lực từ phía tây, thực hành chia cắt chiến lược giữa Huế - Đà Nẵng, mạnh dạn đưa lực lượng xuống đồng bằng phát động quần chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích, áp sát các tuyến ngăn chặn của địch, kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích ở đồng bằng với tiến công của chủ lực từ phía tây xuống".

Đồng thời, tôi chuẩn y kế hoạch của Bộ Tổng tham mưu ra chỉ thị tổ chức những trận địa pháo tầm xa khổng lồ chế đường số 1 từ Trị - Thiên trở vào, ngăn chặn địch chuyển quân. Để thực hiện nhiệm vụ này, một đoàn cán bộ pháo binh được cử vào Trị - Thiên tăng cường cho các đơn vị tại chỗ, đánh địch dọc đường số 1 từ Quảng Trị đến Thừa Thiên.

Hạ tuần tháng 3/1975, chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng. Hơn 10 vạn quân địch bị loại khỏi vòng chiến đấu. Hơn 60 vạn dân thuộc các dân tộc Tây Nguyên được giải

1. Kế hoạch tiến công giải phóng toàn bộ Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế.

phóng. Hệ thống bố trí chiến lược của Mỹ - nguy ở miền Nam đứng trước nguy cơ bị chia cắt hẳn làm đôi. Tuyến phòng ngự của địch dọc ven biển miền Trung bị uy hiếp trực tiếp. Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và bước phát triển của nó đánh dấu một bước suy sụp mới của Mỹ - nguy, một bước ngoặt trong quá trình phát triển của cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam.

Ngày 18/3/1975, tại “Nhà con rồng”, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp. Đồng chí Cục trưởng Tác chiến báo cáo tổng hợp tình hình chiến sự từ khi chiến dịch mở màn. Mọi người vui mừng thấy cuộc tiến công phát triển nhanh hơn dự kiến.

Trên cơ sở những suy nghĩ về khả năng phát triển của cách mạng miền Nam từ sau trận Buôn Ma Thuật, tổng hợp những ý kiến đã trao đổi tập thể, tôi phát biểu: Tình hình đang chuyển biến rất nhanh. Mở đầu tiến công mới 10 ngày, đã tiêu diệt đại bộ phận Quân đoàn II nguy, giải phóng Tây Nguyên. Đã xuất hiện hành động cơ cụm lớn của địch. Quân nguy suy yếu rõ rệt. Lực lượng so sánh đã thay đổi. Do nguy suy sụp nhanh, Mỹ cũng không dám liều lĩnh, ít khả năng can thiệp trở lại. Ta đang sung sức, lực lượng tập trung, khí thế mạnh mẽ. Quân ủy Trung ương *đề nghị Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975, không chờ đến năm 1976.*

Để thực hiện quyết tâm ấy, kiến nghị của Quân ủy Trung ương là: Hướng chiến lược chủ yếu là Sài Gòn. Trước mắt, Trị - Thiên - Đà Nẵng là hướng chiến lược quan trọng. Khẩn trương tiến công giải phóng Huế - Đà Nẵng,

giải phóng đồng bằng Khu V. Tạo cho được bất ngờ về hướng tiến công, về thời gian, về lực lượng. Cần nhanh chóng đưa các sư đoàn ở mặt trận Tây Nguyên vào hướng Sài Gòn, tăng cường cho B2 thêm hai trung đoàn xe tăng, hai trung đoàn pháo và ba trung đoàn cao xạ. Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn II khẩn trương thực hiện kế hoạch thời cơ như Bộ đã chỉ thị. Cho ngay Quân đoàn I lên đường. Hoạt động của các hướng tiến công đồng thời hay trước, sau đều phải rất linh hoạt, nhằm bao vây, chia cắt, tiêu diệt địch. Trước mắt, phải đập tan âm mưu co cụm lớn của địch, tạo biến động trong cục diện chiến lược. Phương châm tác chiến chiến lược là: *“táo bạo, bất ngờ, kịp thời, chắc thắng”*. Đồng bằng sông Cửu Long đánh mạnh, tích cực phá “bình định”, giành đất, giành dân. Thành lập thêm các tiểu đoàn của huyện, tỉnh, khẩn trương huấn luyện để tác chiến và bổ sung cho các chiến trường...

Hội nghị thảo luận sôi nổi.

Đánh giá khả năng can thiệp trở lại của Mỹ, anh Lê Đức Thọ phân tích những khó khăn Mỹ đang gặp phải, sự suy sụp nhanh chóng của ngụy, đi đến khẳng định Mỹ không còn khả năng trở lại can thiệp. Anh tán thành đề nghị của Quân ủy Trung ương: “Như anh Văn nói, ta có cơ sở để dứt điểm trong năm 1975. Vấn đề là tổ chức, là hậu cần, là cán bộ...”.

Anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng và các anh khác trong Bộ Chính trị lần lượt phát biểu ý kiến, phân tích thêm về thế đi xuống của địch, về cách đánh chiến lược

của ta. Tất cả đều thống nhất: ta đang đứng trước thời cơ chưa từng có và đồng ý với kiến nghị của Quân ủy Trung ương cần giành thắng lợi hoàn toàn trong năm 1975, kiên quyết nắm bắt thời cơ, thắng càng nhanh càng tốt.

Hội nghị cũng quan tâm đến tình hình Nam Bộ. Theo báo cáo của B2, bắt đầu từ ngày N (10/3/1975) tích cực phối hợp với Tây Nguyên, toàn chiến trường đồng loạt tiến công và nổi dậy. Từ Khu VI đến Cà Mau, kể cả vùng ven các đô thị, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích phối hợp với phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân, giành thắng lợi giòn giã. Ở khu vực Sài Gòn - Gia Định, lực lượng của thành đội và các đội đặc công, biệt động bắt đầu hoạt động mạnh. Ở đồng bằng sông Cửu Long, quân và dân ta sôi nổi đánh phá kế hoạch “bình định” của địch, đạt nhiều kết quả.

Hội nghị làm việc khẩn trương, hào hứng, phấn khởi, kể cả trong giờ nghỉ. Đồng chí Bí thư thứ nhất khẳng định địch đã bị mấy cái bất ngờ: bất ngờ vì không phá được Hiệp định Pari mà còn bị ta kiên quyết đánh lại; bất ngờ về kế hoạch và quy mô tác chiến của ta; bất ngờ về hướng tiến công chiến lược; bất ngờ trước sự suy yếu của chúng. Về bước phát triển tiếp theo, đồng chí nêu ý kiến phải đánh cho địch suy yếu ngay trong quá trình co cụm, ngay khi chúng còn bị phân tán trên các hướng Khu V, miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Phải tạo được ba quả đấm: chủ lực, nông thôn và đô thị. Đánh Sài Gòn là khó, phải tạo được bất ngờ, phải sử dụng nhiều sư đoàn chủ lực để tiêu diệt quân chủ lực địch. Đồng chí không

quên nhắc đến mũi tiến công binh vận, phải tạo cho được binh biến.

Bộ Chính trị hạ quyết tâm chuyển cuộc tiến công chiến lược thành cuộc Tổng tiến công chiến lược, hoàn thành kế hoạch hai năm (1975-1976) ngay trong năm 1975. Phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu được xác định là Sài Gòn. Trước mắt, nhanh chóng tiến công tiêu diệt bằng được toàn bộ lực lượng địch trong Vùng I chiến thuật, từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, giải phóng Huế - Đà Nẵng. Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết tâm chiến lược ấy.

Một lần nữa, tư duy quân sự khoa học của Bộ thống soái tối cao đưa đến một quyết định chiến lược dũng cảm và chính xác. Trong tình hình quân ta đánh mạnh, đẩy địch vào thế bị động, thất bại, liên tiếp phạm sai lầm về chiến lược và suy sụp nhanh chóng, thế chiến tranh nhân dân của ta mạnh lên toàn diện từng giờ, từng phút, thì thời gian ấn định trong kế hoạch hai năm không còn phù hợp nữa. Lợi dụng thời cơ, đẩy mạnh tiến công trong khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng là một vấn đề đã trở thành truyền thống của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Hội nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ngày 18/3 đã quyết định rất kịp thời, *khẩn trương chuyển hẳn sang phương án thời cơ.*

Ngay chiều hôm ấy, tôi vào Ninh Bình trực tiếp giao nhiệm vụ cho Quân đoàn I. Cùng đi có đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó Tổng tham mưu trưởng và đồng chí Lê Quang Hòa,

Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Hai bên đường số 1, cảnh lao động sản xuất rộn rã, tấp nập. Nông dân chăm bón ruộng đồng, góp sức cùng tiền tuyến đánh giặc, hứa hẹn một vụ Xuân - Hè thắng lợi. Công nhân ra sức sửa chữa cầu đường, khôi phục các nhà máy bị tàn phá trong chiến tranh phá hoại. Bức tranh lao động trong khí thế tổng tiến công phản ánh đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam, như hai câu thơ đã trở thành quen thuộc:

“... Rộn ràng thay cảnh quê hương

Nửa công trường, nửa chiến trường xông xáo...”¹

Các đồng chí Nguyễn Hòa, Tư lệnh và Hoàng Minh Thi, Chính ủy Quân đoàn I đón đoàn tại Sở Chỉ huy. Tôi ngạc nhiên khi nghe báo cáo một số đơn vị trong quân đoàn đang bận đi đắp đê. Việc sử dụng lực lượng dự bị chiến lược của Bộ trong lúc này như vậy là không đúng.

Hơn nữa, qua việc này, có thể thấy không phải mọi người, mọi cấp đều đã quán triệt tinh thần các nghị quyết và quyết tâm của lãnh đạo tối cao.

Tôi ra lệnh cho quân đoàn kiểm tra mọi mặt chuẩn bị lên đường chiến đấu, để lại Sư đoàn 308 sẵn sàng ứng phó với tình huống địch phản ứng quân sự đối với miền Bắc, điều ngay các đơn vị đang đắp đê về. Bộ sẽ tăng cường hỏa lực cho quân đoàn. Quân đoàn I là quả đấm chủ lực mạnh, gồm những đơn vị có bề dày truyền thống, sẽ góp phần

1. Thơ Tố Hữu.

cùng các đơn vị chủ lực khác của Bộ và các quân khu, quyết định chiến trường trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh.

Về kế hoạch hành quân, phải bảo đảm tuyệt đối bí mật, tổ chức kiểm tra đôn đốc, bảo đảm bộ đội đi nhanh đến đủ, có lệnh là tác chiến được ngay.

Sau đó, tôi và anh Tấn đến các đơn vị trực tiếp động viên cán bộ, chiến sĩ trước giờ xuất trận. Cảnh quan hùng vĩ của vùng Tam Điệp lịch sử, nơi quân đoàn đóng quân gợi nhớ cuộc hành quân thần tốc của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ 200 năm trước. Tôi truyền đạt quyết tâm của Đảng, nêu rõ vinh dự và trách nhiệm của mỗi người, mỗi đơn vị trong thời điểm lịch sử này.

Toàn quân đoàn sôi nổi chuẩn bị ra quân trong khí thế quyết chiến quyết thắng. Hầu như không có biểu hiện tiêu cực. Chỉ có một thắc mắc phổ biến trong cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 308 là phải ở lại bảo vệ hậu phương, không được sát cánh cùng quân và dân miền Nam trực tiếp lập công trong thời cơ nghìn năm có một.

Sau khi trao đổi với anh Tấn, tôi điện cho Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn II truyền đạt quyết tâm của Bộ Chính trị, ra lệnh khẩn trương chuyển sang kế hoạch thời cơ.

Cũng trong chuyến đi này, tôi điện triệu tập đồng chí Đàm Quang Trung, Tư lệnh Quân khu IV, ra tại Sở Chỉ huy Quân đoàn I để làm việc. Trong khi nghe báo cáo tình hình, tôi hỏi kỹ và kiểm tra mức độ quán triệt quyết tâm

của Đảng trong bộ đội và nhân dân ở Quân khu IV, và giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Quân khu IV chuyển các lực lượng vũ trang và nhân dân từ Thanh Hoá đến Quảng Trị vào tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, ra sức chi viện sức người, sức của cho miền Nam trong cuộc Tổng tiến công chiến lược. Vốn là một trong những trung đội trưởng rồi đại đội trưởng của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân từ những ngày đầu gian khổ, đồng chí Tư lệnh Quân khu IV phấn khởi đón nhận nhiệm vụ mới, hứa quyết tâm hoàn thành vượt mức, xứng đáng là quân khu hậu phương tiếp giáp trực tiếp với miền Nam. Đồng chí Đàm Quang Trung nay không còn nữa, nhưng thái độ sôi nổi, nhiệt tình của đồng chí còn đọng mãi trong tôi.

Vừa về tới Tổng hành dinh, tôi gửi ngay cho anh Văn Tiến Dũng một bức điện mà nội dung đã hình thành sẵn trong đầu từ trên đường đi, thông báo nhận định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của ta, về ý đồ co cụm chiến lược của địch, âm mưu của chúng tập trung lực lượng tạo thế bố trí phòng ngự ở vùng Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, trước mắt có thể ở Đà Nẵng và Cam Ranh, hy vọng nấn ná chờ một giải pháp chính trị hoặc giải pháp chia cắt một phần lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Vì vậy, ta cần tranh thủ thời gian cao độ, khẩn trương hành động hết sức bất ngờ, hết sức táo bạo, đồng thời bảo đảm chắc thắng. Theo tinh thần đó,

Bộ Chính trị đã cân nhắc mọi mặt và hạ quyết tâm thực hiện *Phương án 1*. Đây là phương án đã dự kiến từ trước, đưa phần lớn lực lượng ở Tây Nguyên phát triển vào hướng chủ yếu là miền Đông Nam Bộ, đồng thời mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng Khu V với lực lượng hiện có của Quân khu V, có thể tăng cường Sư đoàn 968 và binh khí kỹ thuật. Bức điện cũng thông báo: anh Tấn sẽ gặp anh Dũng, anh Năm Công và các anh ở B2 ra để báo cáo cụ thể quyết tâm mới của Bộ Chính trị và góp thêm ý kiến để xây dựng kế hoạch thực hiện¹.

Sáng 20/3 có tin do Trung đoàn kỹ thuật 75, vừa thu được: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 19/3, Thiệu gửi cho Ngô Quang Trưởng bức điện nội dung như sau: “Vì eo hẹp về phương tiện không - hải quân, chỉ cho phép yểm trợ được một enclave². Vậy hãy mener³ trì hoãn chiến về tuyến Hải Vân”. Thế là địch đã quyết định bỏ Trị - Thiên - Huế để về giữ Đà Nẵng.

Cục Tác chiến báo cáo: ngày 19/3, quân ta tiến công giải phóng thị xã và toàn bộ tỉnh Quảng Trị. Tuyến phòng thủ phía bắc của địch bị phá vỡ một mảng lớn. Địch co về giữ phòng tuyến sông Mỹ Chánh. Sau khi trao đổi với các anh Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn, tôi hạ quyết tâm

1. Do tình hình khẩn trương, sau này anh Tấn không đi.

2. Chốt.

3. Tiến hành.

mở trận tiến công lớn, tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên - Huế. Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu đôn đốc Quân khu Trị - Thiên gấp rút đưa lực lượng xuống đồng bằng, lệnh cho Quân đoàn II nhanh chóng cắt đứt đường số 1, không cho địch rút về co cụm ở Đà Nẵng. Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn II phải khẩn trương đánh chặn, chia cắt, tiêu diệt cho được toàn bộ Sư đoàn 1 ngụy và các lực lượng khác, thu toàn bộ trang bị của chúng, giải phóng hoàn toàn Trị - Thiên - Huế, chiếm lĩnh đèo Hải Vân. Tiểu đoàn 5 hải quân rải mìn và đưa lực lượng xuống bịt cửa Thuận An. Phải bao vây đánh mạnh trên tất cả các hướng, không cho địch rút chạy.

Chiến trường Trị - Thiên - Huế tương đối gần, nên việc liên lạc với Tổng hành dinh có nhiều thuận lợi. Một đường điện thoại hữu tuyến nối liền Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh với Quân đoàn II và Quân khu IV. Tôi và các đồng chí Tổng Tham mưu phó, Cục trưởng Tác chiến thường trực tiếp nói chuyện với các anh ở chiến trường mỗi ngày ít nhất hai lần. Nhiều trường hợp, Bộ ra lệnh bằng điện thoại.

Ngày 22/3, anh Lê Tự Đồng, Chính ủy kiêm Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên và anh Nguyễn Hữu An, Tư lệnh Quân đoàn II báo cáo đã đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 1, bao vây Huế. Đường số 1 đã bị cắt đứt giữa Huế và Đà Nẵng. Hàng trăm xe cơ giới đang trên đường rút chạy về Đà Nẵng bị ùn lại. Pháo tầm xa của ta bắt đầu bắn phá sân bay Phú Bài. Quân địch không còn con đường nào khác là rút chạy ra biển theo hướng cửa Thuận An và cửa Tư Hiền.

Quân ủy Trung ương điện tối khẩn cho anh Nguyễn Hữu An: “Quân đoàn điều ngay lực lượng ra bịt cửa Thuận. Ký tên: Văn”.

Mệnh lệnh được thi hành tức khắc. Trung đoàn 1 thuộc Sư đoàn 324 cấp tốc hành quân ra chặn địch. Sự xuất hiện của quân chủ lực ở đây có tác dụng rất lớn về chiến thuật cũng như về tâm lý. Hàng chục ngàn quân ngụy cùng với hàng trăm xe tăng, xe bọc thép nhanh chóng bị tiêu diệt và tan rã. Cảnh thảm bại trên đường số 7 ở Tây Nguyên, một lần nữa lại diễn ra trên đường từ Huế xuống cửa Thuận An. Thành phố Huế trở nên hỗn loạn. Đã xảy ra nhiều vụ cướp phá do tàn quân ngụy chạy loạn gây ra. Triệu chứng tan rã lớn trong lực lượng địch ở Thừa Thiên - Huế xuất hiện.

Trước tình hình ấy, Quân ủy điện cho anh Văn Tiến Dũng về hướng phát triển của chiến dịch Tây Nguyên: ... “Địch bộc lộ ý định rút lui chiến lược lớn về giữ Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long. Đang rút bỏ Huế, khả năng rút Đà Nẵng. Bộ Chính trị quyết định hành động táo bạo, bất ngờ, nhanh chóng thực hiện quyết tâm chiến lược ở hướng trọng điểm. Tôi đã bàn với anh Lê Đức Thọ, đã hỏi ý kiến anh Ba, rất nhất trí với kế hoạch phát triển và sử dụng lực lượng trong điện của anh. ... Động viên cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm thật lớn, truy kích tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng các tỉnh ven biển, kể cả Nha Trang và Cam Ranh. Cần tăng cường cán bộ và trang bị, nhanh chóng phát triển các lực lượng tại chỗ, tập trung lực lượng lại càng sớm càng tốt, khẩn trương triển khai tiến công ở hướng trọng điểm. Ký tên: Chiến”.

Ngày 15/3/1975, theo đề nghị của Tổng cục Chính trị, Bộ Chính trị điện gửi Trung ương Cục, Khu ủy Trị Thiên và Khu V: “Kết hợp chặt chẽ binh, địch vận với tác chiến tiêu diệt và làm tan rã lớn quân nguy, tạo ra những vụ đầu hàng tập thể lớn, khoét sâu mâu thuẫn, phân hóa cao độ hàng ngũ địch, tập trung mũi nhọn đánh đổ Thiệu. Nắm và khai thác những nhóm, cá nhân sĩ quan tiến bộ phục vụ cho yêu cầu quân sự, chính trị, binh địch vận”.

Theo lời khai của tù binh và các tư liệu được công bố sau này, tình hình nội bộ nguy lúc này thực sự là một màn kịch mang tính bi hài.

Trước thảm họa ở Tây Nguyên và nguy cơ Huế, Đà Nẵng bị uy hiếp, ngày 18/3, Nguyễn Văn Thiệu triệu tập các cố vấn thân cận ra Đà Nẵng họp cấp tốc, nói là để bàn giải quyết vấn đề người tị nạn. Thực ra, cuộc họp đã chuyển sang đối phó với vấn đề khủng khiếp hơn: nên bỏ hay nên giữ Quân khu I.

Nghe Ngô Quang Trưởng báo cáo cuộc tiến công của “Việt cộng” vào Huế và Đà Nẵng sắp nổ ra, cử tọa đều sờn tóc gáy! Đất đã nóng bỏng dưới chân. Thế là sau những lời hứa hẹn chung chung, Thiệu cùng “êkíp” vội vã chuẩn ngay, nói là vào Sài Gòn để bàn bạc cho được an toàn.

Cuộc họp lại tiếp tục tại dinh Độc Lập. Trần Thiện Khiêm nêu ý kiến: khó có thể giữ Huế và Đà Nẵng cùng một lúc. Tốt hơn hết là bỏ một trong hai. Trần Văn Hương cho rằng không thể giữ cả Huế và Đà Nẵng vì quá tốn kém.

Còn Ngô Quang Trưởng thì đề nghị: vì đường số 1 đã bị cắt, không thể khai thông được, cần tổ chức ba điểm phòng thủ để cầm cự với “Việt cộng” là Huế, Đà Nẵng và Chu Lai.

Kế hoạch của Trưởng được Thiệu chấp nhận, vì không có cách nào khác. Trưởng bay về Sở Chỉ huy Quân khu I.

Hôm sau, 20/3, Trưởng ra Huế. Đài Phát thanh Huế đưa tin: “Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh phòng thủ thành phố Huế bằng mọi giá”. Trưởng cũng thề thốt: “Tôi sẽ chết với cố đô xưa. Việt cộng phải bước qua xác tôi mới vào được Huế”. Y không quên họp các nhân sĩ để trấn an dư luận. Và y điện xin Bộ Tổng tham mưu ngụy triển khai Lữ đoàn không quân số 1...

Mọi việc hoàn tất đúng theo bài bản.

Thế nhưng, khi vừa đặt chân xuống Đà Nẵng, Trưởng không tin ở mắt mình nữa khi đọc bức điện của Cao Văn Viên chuyển lệnh của tổng thống: “Quân đoàn I triển khai lực lượng để phòng thủ Đà Nẵng mà thôi. Lữ đoàn không quân số 1 đã được lệnh chuyển vào Sài Gòn!”.

Choáng váng và thất vọng, Trưởng gọi điện cho Viên đề nghị giải thích, thì được trả lời vắn tắt: “Hỏi Tổng thống Thiệu”. Hoang mang cực độ, Trưởng mở đài. Sài Gòn vẫn ra rả phát đi tin tổng thống kêu gọi “giữ Huế bằng mọi giá”! Lúc này, các viên chức ngụy quyền không ai còn bụng dạ nào chạy đến đài Sài Gòn để thay đổi nội dung!

Những ngày này, tôi ở luôn tại Tổng hành dinh, không về nhà riêng, dù hai nơi chỉ cách nhau vài trăm mét.

Trong phòng làm việc, các đồng chí công vụ đã kê thêm một chiếc giường con. Ngoài các tấm bản đồ treo trên tường, tôi đặt thêm một tấm bản đồ quân sự miền Nam ngay dưới tấm kính rộng trên mặt bàn để tiện theo dõi, suy nghĩ.

Các buổi sáng, nhất là lúc tình hình chiến sự khẩn trương, các đồng chí trong Bộ Chính trị thường vào Tổng hành dinh nghe tình hình và trao đổi ý kiến. Lúc này, tin tức báo về dồn dập. Chỉ sau vài tiếng đồng hồ, tình hình đã thay đổi. Cục Tác chiến phải tăng thêm một bản thông báo hằng ngày nữa để Bộ Chính trị nắm tình hình chiến sự được kịp thời và suy nghĩ về những bước tiếp theo. Báo cáo từ Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn II đẩy các mũi tên đỏ trên bản đồ áp sát Huế. Pháo tầm xa của quân ta đã rót đạn vào sân bay Phú Bài và cửa Thuận An. Ở Quân khu V, Sư đoàn 2 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt các quận lỵ Tiên Phước, Trà My, mở rộng căn cứ ở miền tây Quảng Đà. Theo kế hoạch, sư đoàn sẽ tiến về giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi, hoặc nếu có thời cơ sẽ đánh xuống Tam Kỳ, phối hợp với chủ lực của Bộ tiến công thẳng vào Đà Nẵng từ phía nam lên.

Ngày 24/3/1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp. Điểm lại tình hình từ cuộc họp ngày 18/3, hội nghị mừng thấy tình hình các mặt trận đang phát triển tốt. Thay mặt Bộ Tổng tham mưu, anh Lê Trọng Tấn báo cáo: ở chiến trường Trị - Thiên ta sẽ dứt điểm nhanh. Quân địch đang rút chạy về co cụm ở Đà Nẵng. Trong tháng 4, ta cần nhanh chóng tiến công Đà Nẵng, diệt từ

hai đến ba sư đoàn địch, không cho chúng thực hiện ý đồ rút về tăng cường cho Sài Gòn.

Anh Tấn báo cáo xong, tôi phát biểu về tình hình Đà Nẵng và nêu ra các bước tiếp theo. Tôi nói: Theo tin nhận được, địch kêu gọi “tử thủ” Đà Nẵng, chúng có ý định thực hiện co cụm lớn, tăng cường căn cứ quân sự liên hợp này hòng ngăn chặn, làm chậm bước tiến của quân ta, tranh thủ thời gian củng cố các tuyến phía nam của chúng, trông chờ sự can thiệp của Mỹ. Thế nhưng ngay từ bây giờ, ta cần dự kiến trước những chuyển biến mới, địch có thể rút chạy khỏi Đà Nẵng. Nếu chúng thoát được vào phía nam thì cuộc Tổng tiến công của ta ở chiến trường trọng điểm sẽ gặp khó khăn. Vậy ta cần nhanh chóng đánh chiếm Đà Nẵng, tiêu diệt sinh lực của địch ở đây, tạo thuận lợi phát triển tiến công trong các bước sau. Chúng có thể “tử thủ”, cũng có thể rút, rút nhanh hay rút chậm, nhưng ta thì phải chuẩn bị đánh trong tình huống địch rút nhanh, nhất thiết phải đánh nhanh. Không chờ giải phóng xong Huế, mà ngay từ bây giờ, phải bắt đầu mở cuộc tiến công vào Đà Nẵng. Nhanh chóng đánh chiếm các điểm cao, cho xe tăng thọc sâu ngay, tận dụng tối đa khả năng của pháo binh để tiến công Đà Nẵng.

Hướng Sài Gòn, trước đây ta dự tính dùng bảy sư đoàn, vậy mà nay đã có chín sư đoàn. Sau Đà Nẵng, có thể lên tới 15 sư đoàn. Nếu ta chiếm được Đà Nẵng trong tháng 4, tinh thần quân nguy sẽ suy sụp lớn. Như vậy, ta phải đặt yêu cầu cao hơn, *giải phóng Sài Gòn trong tháng 5*, trước mùa mưa. Để chuẩn bị cho trận quyết chiến cuối cùng, di dời với việc tập trung cao độ lực lượng từ phía bắc

đánh xuống, B2 phải cắt đường số 4, cô lập Sài Gòn và gây sức ép mạnh từ phía tây nam. Ở hướng tây bắc, cần tập trung lực lượng mạnh hơn, hết sức tranh thủ thời gian, hành động khẩn trương hơn, tốc độ phát triển nhanh hơn.

Sau giờ nghỉ, mọi người đều thấy phải đánh nhanh, thắng nhanh. Mới có một tuần lễ mà thế và lực của ta và của địch đã khác hẳn. Phải nghĩ đến tiến công Sài Gòn từ bây giờ, kết hợp chặt chẽ tiến công và nổi dậy, thực hiện một bước nhảy vọt về chiến lược.

Không khí phấn khởi bao trùm phòng họp. Bộ Chính trị khẳng định thời cơ chiến lược lớn đã tới. Chưa bao giờ thuận lợi bằng lúc này, kể từ 20 năm qua. Cách mạng miền Nam đã có những bước nhảy vọt, nhưng đây là bước nhảy vọt lớn có ý nghĩa quyết định. Hội nghị dự kiến có thể giành toàn thắng sớm hơn nhiều so với kế hoạch trước. Kéo dài sẽ không có lợi, mùa mưa đã tới gần.

Bộ Chính trị khẳng định: “Cuộc Tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu với chiến dịch Tây Nguyên. *Thời cơ chiến lược mới đã đến*”. Một quyết tâm được quyết nghị: Nắm vững thời cơ chiến lược, tranh thủ thời gian cao độ, tập trung nỗ lực của cả nước, tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật và vật chất vào phương hướng chủ yếu, *hành động nhanh chóng, táo bạo, bất ngờ* đánh cho địch không kịp trở tay, *giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa*. Trước mắt kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Huế, Đà Nẵng và tiếp theo là trận quyết chiến chiến lược giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Quyết tâm đã hạ. Phương hướng đã rõ.

Trong không khí phấn khởi, quyết tâm, thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi đứng lên bảo đảm bộ đội ta nhất định tiêu diệt căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng, và *đề nghị mở mặt trận Quảng Đà*, cử Bộ Tư lệnh mặt trận do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân làm Chính ủy. Đề nghị trên được Hội nghị nhất trí tán thành. Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Quân đoàn III gồm các đơn vị vừa tác chiến ở Tây Nguyên; Tư lệnh là đồng chí Vũ Lăng, Chính ủy là đồng chí Đặng Vũ Hiệp.

Hội nghị kết thúc. Vừa lúc đó, có tin quân ta đã tiến vào thành phố Huế hồi 10 giờ 30 phút ngày 25/3/1975. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, các lực lượng vũ trang Quân khu Trị - Thiên và bộ đội Quân đoàn II từ ba hướng đồng loạt tiến công, vượt qua các tuyến phòng thủ của địch, hình thành nhiều mũi bao vây Huế. Ở hướng nam, Quân đoàn II kịp thời chuyển hướng tiến công, nhanh chóng thọc sâu cắt đường số 1, đánh chiếm quận lỵ Phú Lộc, triệt đường rút lui của địch về Đà Nẵng. Sư đoàn 1, sư đoàn mạnh nhất của quân ngụy, bị đánh thiệt hại nặng. Từ hướng bắc, quân ta tiến về cửa Thuận An. Một lực lượng địa phương tiến ra chặn cửa Tư Hiền. Những cánh quân khác của ta, từ hướng tây qua đường số 1, vượt sông Tả Trạch, nhanh chóng bao vây địch. Đêm 24/3, pháo binh ta bắn mạnh vào Sở Chỉ huy tiền phương Quân đoàn I ngụy ở Mang Cá, bắn chặn mãnh liệt cửa Thuận An và cửa Tư Hiền. Sáng 25/3, quân ta tiến công

khu cảng Tân Mỹ - Thuận An, tiêu diệt và đánh tan rã toàn bộ các lực lượng địch rút chạy đang đồn tắc ở đây. Các mũi tiến công khác của quân chủ lực, quân địa phương tiến vào thành phố. Phối hợp với quần chúng nổi dậy, ngày 26/3, quân ta giải phóng hoàn toàn cố đô Huế. Lá cờ cách mạng nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh tung bay trên đỉnh cột cờ trước Ngọ Môn.

Thắng lợi nhanh, gọn của trận Trị - Thiên - Huế, trận then chốt tiêu diệt và làm tan rã Sư đoàn 1 từng được coi là sư đoàn thiện chiến của quân ngụy, giải phóng cố đô, là một chiến thắng vang dội, giáng một đòn nặng vào âm mưu co cụm chiến lược của địch ở vùng ven biển miền Trung, uy hiếp nghiêm trọng Đà Nẵng, đẩy quân ngụy vào thế nguy khốn, suy sụp không gì cứu vãn nổi.

Quân ủy Trung ương gửi điện khen bộ đội Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn II:

... “Việc đánh chiếm và giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược và chính trị rất lớn. Chiến công đó làm cho nhân dân cả nước nức lòng phấn khởi, làm cho địch suy yếu thêm một bước mới hết sức nghiêm trọng. Các đồng chí đã góp phần làm rạng rỡ truyền thống đấu tranh anh dũng của quân và dân cả nước ta...”.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, ngày 26/3, Bộ Tổng tư lệnh cử anh Giáp Văn Cương làm phái viên của Bộ vào hướng Đà Nẵng trước để chuẩn bị. Tới triệu tập

các đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh mặt trận Quảng Đà vừa được chỉ định, Nguyễn Bá Phát, Tư lệnh Hải quân, Cao Văn Khánh, Phó Tổng tham mưu trưởng, Phan Bình, Cục trưởng Quân báo, Lê Hữu Đức, Cục trưởng Tác chiến và một số đồng chí khác bàn kế hoạch tiến công Đà Nẵng.

Vốn là một cán bộ chỉ huy giàu kinh nghiệm, anh Tấn đã chuẩn bị sẵn một phương án tác chiến.

Vào cuộc họp, tôi hỏi:

- Đánh Đà Nẵng, có thể diễn ra một trong hai tình huống: một là địch rút chạy, hai là chúng co cụm, “tử thủ”. Vậy ta nên đánh như thế nào?

Anh Tấn trả lời:

- Hiện nay, địch bố trí phòng ngự chuẩn bị “tử thủ” ở đây. Ta phải tổ chức hiệp đồng binh chủng để tiến công, bảo đảm chắc thắng. Cần có năm ngày để họp đảng ủy, tập kết bộ đội và tổ chức hiệp đồng binh chủng, chuẩn bị chiến đấu.

Anh Tấn trải lên bàn một tấm bản đồ lớn, trên đó đã lên kế hoạch tiến công theo phương án chuẩn bị năm ngày, với những mũi tên rất to màu đỏ thể hiện các hướng tiến công, những trận địa hỏa lực được khoanh từng cụm hướng vào các mục tiêu quân sự trong thành phố và vùng lân cận.

Trong khi mọi người đứng quanh bản đồ sôi nổi mạn đàm, trao đổi, tôi lại suy nghĩ khác hẳn. Địch kêu gọi “tử thủ”, nhưng tình hình có thể diễn biến đột ngột, khả năng địch rút vẫn tồn tại. Vậy phải có phương án đánh thật

nhANH, thực hiện đúng phương châm: “*khẩn trương, táo bạo, bất ngờ*”.

Tôi quay sang anh Tống Trần Thuật, Cục phó Cục Quân báo.

- Nếu địch rút Đà Nẵng thì nhanh nhất có thể rút trong mấy ngày? Các đồng chí nghiên cứu kỹ đêm nay, sáng mai báo cáo sớm.

6 giờ sáng ngày 27/3, mọi người đã có mặt tại Sở Chỉ huy.

Anh Thuật báo cáo:

- Địch có thể rút nhanh nhất là trong ba ngày.

Còn anh Nguyễn Thanh, Trưởng phòng nghiên cứu địch tình, lại nói:

- Độ bốn, năm ngày ạ?

Không thể đồng ý với đề nghị của anh Tấn chuẩn bị chiến đấu năm ngày cũng như cách tính toán của anh Thanh, tôi phân tích ngắn, gọn, nêu rõ trong tình huống địch “tử thủ”, ta có thể chuẩn bị năm ngày, bảy ngày hoặc hơn nữa. Nhưng phải dự kiến tình hình đột biến, cần có kế hoạch đánh thật nhanh. Tôi chỉ thị làm kế hoạch đánh địch theo tình huống chúng rút trong ba ngày.

Anh Tấn vẫn giữ ý kiến, và trình bày:

- Đánh như vậy không thể chuẩn bị kịp.

Tôi nói, giọng có phần gay gắt:

- Tư lệnh mặt trận là anh nên tôi để anh ra lệnh. Nếu là người khác, thì tôi ra lệnh: Đánh Đà Nẵng theo phương án chuẩn bị ba ngày. Nếu chuẩn bị năm ngày, địch rút mất cả thì sao? Huế đã giải phóng rồi. Mặc dầu pháo binh

và hải quân địch có thể bắn phá, cứ cho bộ đội hành quân theo đường số 1 tiến công thẳng vào Đà Nẵng. Từ phía nam cũng theo đường số 1 tiến công lên. Không họp đảng ủy, chỉ trao đổi bằng điện.

Đây là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất tôi tỏ ra không bằng lòng với anh Lê Trọng Tấn, một trong những tư lệnh xuất sắc nhất của quân đội ta mà tôi luôn quý mến.

Anh Tấn không phát biểu thêm, nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh. Sau này, anh đã đến gặp tôi, thân tình, cởi mở nhắc lại cuộc tranh cãi về phương án năm ngày và phương án ba ngày, rồi vui vẻ nhận khuyết điểm. Đúng là một con người trung thực, thẳng thắn, cương trực, đáng quý biết bao!

Tiếp đó, Thường trực Quân ủy Trung ương gặp và giao nhiệm vụ cho Tư lệnh mặt trận Quảng Đà. Nhân danh Bí thư Quân ủy, tôi chỉ thị: chiến tranh đã chuyển sang giai đoạn phát triển nhảy vọt. Bố trí của địch ở Đà Nẵng tuy chưa đảo lộn, mặc dù chúng kêu gọi “tử thủ”, nhưng tinh thần quân lính đang suy sụp, cần nắm vững phương châm: *“táo bạo, bất ngờ, kịp thời, chắc thắng”*, khẩn trương tiến công, bao vây tiêu diệt địch, khống chế sân bay, hải cảng, chú ý làm tốt việc tiếp quản thành phố một triệu dân này, thực hiện tốt chính sách tù, hàng binh và chính sách chiến lợi phẩm. Nhanh chóng tổ chức tăng cường lực lượng phát triển vào phía nam. Tôi nhắc anh Tấn báo cáo đều đặn về Bộ, và chúc anh giành thắng lợi lớn.

Ngay lập tức, anh Tấn cấp tốc lên đường. Đi bằng máy bay lên thẳng vào Gio Linh, từ đó đi ô tô theo đường Trường Sơn đến Sở Chỉ huy Quân đoàn II, anh và các đồng chí cùng đi vào đặt sở chỉ huy ở phía tây Đà Nẵng.

Anh Chu Huy Mân lúc này đang ở Quảng Ngãi. Tôi điện cho anh Mân (đồng điện anh Võ Chí Công) thông báo quyết định của Bộ Chính trị thành lập mặt trận Quảng Đà, cử Bộ Tư lệnh mặt trận. Anh Mân, Chính ủy của mặt trận, giao lại nhiệm vụ đánh các mục tiêu ở Quân khu V cho bộ đội địa phương giải quyết, nhanh chóng tập trung bộ đội chủ lực theo đường số 1 đánh thẳng vào Đà Nẵng nhanh nhất, kịp thời nhất, táo bạo nhất, tôi đã có điện từ sau ngày địch rút Plâyku.

Tư lệnh và chính ủy Mặt trận Quảng Đà làm việc với nhau bằng điện đài. Bộ Tổng tham mưu được lệnh triển khai phương tiện thông tin liên lạc bám sát từng bước các lực lượng đã được điều động về mặt trận giúp Bộ Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà lãnh đạo, chỉ huy các hướng.

Trong bức điện số 1 ĐBTK đánh đi hồi 8 giờ 30 phút ngày 26/3 gửi anh Chu Huy Mân, anh Lê Trọng Tấn viết: “... Đánh Đà Nẵng nên:

- Hướng An¹ sẽ tiến công phía bắc và tây bắc theo đường số 1 qua đường 14.
- 711² từ tây nam lên, trước mắt diệt Lữ 369.

1. Hướng Quân đoàn II (Tư lệnh Nguyễn Hữu An).

2. Phiên hiệu mật của Sư đoàn 304.

Đề nghị anh chuẩn bị cho Sư 2 và Lữ 52 đánh theo đường số 1 về Mỹ Khê (đông Đà Nẵng) bịt đường rút lui bằng đường thủy của địch”.

Điện trả lời của anh Mân viết:

“1. Nhất trí với ý định của “cậu Vũ”¹.

2. Chúng tôi đã chuẩn bị cho Sư 2 và Lữ 52 tiến công từ hướng nam ra, đánh chủ yếu theo hướng núi Quế ra Vĩnh Điện, cánh thứ yếu theo đường Đèo Le qua núi Mạc ra đường 100 để phối hợp với lực lượng “cậu Vũ” từ ngoài đánh vào tiêu diệt địch ở Đà Nẵng.

3. Đang tích cực chuẩn bị, chậm nhất là 29/3 có một trận địa pháo có thể bắn vào núi Quế”.

Ngày hôm sau, 27/3, anh Tấn điện cho anh Mân:

“Phúc điện số 320 hồi 16 giờ của anh.

1. Hoàn toàn đồng ý về hướng tiến công, mục tiêu tiến công của Sư 2 và Lữ 52.

2. Lực lượng của An và một số sư của Hoà² tiến công theo hai trục:

- Mũi thứ nhất theo đường 14, Mũi Trâu, Lệ Mỹ vào sân bay chính.

- Mũi thứ hai từ Lăng Cô đến Hải Vân, Liên Chiểu, Nam Ô. Đồng thời có đánh từ Lộc Mỹ lên đỉnh đèo Hải Vân diệt Lữ 258.

3. Lực lượng của 711 tiến công Trung đoàn 57 ở Đại Lộc và vòng đằng sau Lữ 369.

1. Mật danh của Bộ Tổng tư lệnh.

2. Quân đoàn I (Tư lệnh Nguyễn Hòa).

4. Pháo binh triển khai được một trận địa ở Mũi Trâu bắn vào sân bay chính, cảng Sơn Trà và tàu biển. Đề nghị cho triển khai nhanh một trận địa pháo nòng dài bắn vào sân bay Nước Mặn, nếu có pháo 85 càng tốt để đánh tàu biển bốc quân ở Mỹ Khê”.

Trong thời gian này, Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu V họp mở rộng dưới sự chủ tọa của anh Võ Chí Công, quyết định phấn đấu trong thời gian ngắn giải phóng hoàn toàn địa bàn quân khu.

Nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là tập trung toàn bộ lực lượng đẩy mạnh tốc độ tiến công tiêu diệt Sư đoàn 2 ngụy, giải phóng thị xã Tam Kỳ và tỉnh Quảng Ngãi, tạo thế chia cắt và cô lập hoàn toàn quân địch, tạo bàn đạp vững chắc cho trận tiến công quyết định tiêu diệt tập đoàn phòng ngự cuối cùng của Quân đoàn I ngụy ở Đà Nẵng.

Sau hội nghị ngày 25/3/1975, anh Lê Đức Thọ đề nghị và được Bộ Chính trị đồng ý vào chiến trường B2 cùng các anh Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng trực tiếp chỉ đạo chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Anh Thọ lên đường vào ngày 28/3. Bằng mọi phương tiện máy bay, ô tô, kể cả xe ôm, anh khẩn trương vào chiến trường càng nhanh càng tốt. Trước lúc anh lên đường, tôi tranh thủ trao đổi về phương án thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị giải phóng hoàn toàn miền Nam trước khi mùa mưa tới.

Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Hội đồng chỉ viện miền Nam do anh Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch.

Hơn hai mươi năm trước đây, anh Đồng cũng đã chủ trì một hội đồng như vậy, huy động lực lượng cả nước chi viện chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi lịch sử. Sự kiện ấy nay được lặp lại ở một trình độ cao hơn: động viên và tổ chức sức mạnh to lớn của toàn dân, dốc sức của, sức người của hậu phương lớn miền Bắc khẩn trương chi viện tiền tuyến lớn miền Nam trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh, giành thắng lợi trọn vẹn.

18 giờ ngày 25/3/1975, Quân ủy Trung ương gửi điện cho anh Trần Văn Trà và Quân ủy miền Nam, đồng gửi anh Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục:

... “Trên thực tế, cuộc Tổng tiến công chiến lược của ta bắt đầu với chiến thắng Tây Nguyên và các chiến trường khác. Cuộc chiến đấu đã vào giai đoạn phát triển nhảy vọt như đã thông báo. Chiến thắng trên chiến trường Huế - Đà Nẵng và Nam Bộ làm cho địch suy sụp nhanh, tạo bước phát triển mới về quân sự, chính trị, đặc biệt trên chiến trường trọng điểm sẽ sớm hơn nhiều so với dự kiến của ta. Thời cơ lớn về chiến lược đã đến. Cần tranh thủ thời gian cao độ, tập trung lực lượng vào hướng trọng điểm, hành động táo bạo, bất ngờ, hoàn thành càng sớm càng tốt quyết tâm chiến lược lớn mà Bộ Chính trị đã đề ra.

Đã có chỉ thị cho anh Tuấn. Tình hình rất mới, trong cán bộ ta, nhiều khi nhận thức chưa chuyển biến kịp yêu cầu. Cần làm cho các cấp thông suốt hơn, tập trung lực lượng vào các mục tiêu chủ yếu. Thực hiện chiến lược ba quả đấm. Ký tên: Văn”.

19 giờ, Quân ủy điện gửi anh Văn Tiến Dũng: “Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương vừa họp đánh giá tình hình, nhận định: chiến dịch B3 đại thắng, cuộc Tổng tiến công chiến lược đã bắt đầu. Đây là bước ngoặt trong cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam. Chiến tranh cách mạng đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Tình hình ở trọng điểm sẽ có bước phát triển mới nhanh hơn dự kiến nhiều, nhất là trong trường hợp ta tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở Huế và Đà Nẵng, đồng bằng sông Cửu Long... Thời cơ chiến lược lớn đã đến. Cần nhanh chóng tập trung lực lượng vào phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ... hoàn thành nhiệm vụ ở trọng điểm càng sớm càng tốt, có thể sớm hơn rất nhiều so với kế hoạch. Thời tiết đang tốt, kéo dài không có lợi. Bộ Chính trị quyết định:

a) Nhanh chóng tập trung ba sư đoàn chủ lực, các đơn vị binh khí, kỹ thuật chủ yếu về địa bàn Buôn Ma Thuột, sẵn sàng cơ động vào hướng trọng điểm.

b) Giải phóng Bình Định (hướng đường 19), phát triển xuống Phú Yên, Khánh Hoà, Nha Trang, Cam Ranh. Hướng đường số 7 chỉ dùng lực lượng địa phương phát triển xuống Tuy Hoà. Hướng đường 21, phát triển ra phía đông, tùy theo khả năng, nếu có thuận lợi mới thì xuống Nha Trang, Cam Ranh.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở mặt trận Đà Nẵng, thành lập Bộ Tư lệnh Quảng Đà.

Đã thành lập Hội đồng chi viện miền Nam do anh Tô¹ làm Chủ tịch. Chúc anh Đình² chóng hồi phục. Ký tên: Văn”.

Trở lại với chiến trường Đà Nẵng.

Trong buổi giao ban tối hôm ấy, tôi thấy cần tận dụng mọi lực lượng tiến công địch. Sư đoàn 304 sau khi đánh xong Thượng Đức, lực lượng bị tiêu hao, đang củng cố ở đây. Tôi điện trực tiếp cho sư đoàn: “Sư đoàn 304 phải bằng mọi cách tiến vào giải phóng Đà Nẵng. Lúc này mọi sự chậm trễ đều có tội”.

Bức điện vừa chuyển xong, tôi gọi dây nói chỉ thị cho anh Cao Văn Khánh điện ngay cho Quân đoàn II sau khi tiêu diệt các bộ phận địch còn chống cự, nhanh chóng tập trung lực lượng vào tiến công Đà Nẵng. Tôi cũng yêu cầu theo dõi, kiểm tra cuộc hành quân của Quân đoàn I (trừ Sư đoàn 308). Việc sử dụng Sư đoàn 308 ở lại miền Bắc làm nhiệm vụ dự bị chiến lược có gây thắc mắc trong các chiến sĩ Quân tiên phong. Ngày 26/3, đồng chí Hoàng Kim, Chính ủy sư đoàn lên Bộ đề đạt nguyện vọng của sư đoàn xin được đi chiến đấu. Hiểu rõ tâm trạng của anh em 308, tôi thân mật căn dặn:

- Sư đoàn đang làm một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Hãy giải thích cho anh em hiểu thế nào là một sư đoàn

1. Đồng chí Phạm Văn Đồng.

2. Đồng chí Đình Đức Thiện.

cận vệ của cách mạng trong lúc này. Hãy chuẩn bị thật tốt để sẵn sàng hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì khi Tổ quốc cần đến. Sư đoàn 308 đang phụ trách một hướng trọng yếu của trận quyết chiến chiến lược đó!

Tiếp theo Buôn Ma Thuật, Tây Nguyên, trận Huế - Đà Nẵng là đòn tiến công chiến lược lớn thứ hai của ta đánh vào quân ngụy. Huế đã giải phóng xong. Còn lại mục tiêu chủ yếu: Đà Nẵng.

Đà Nẵng là thành phố lớn thứ hai ở miền Nam Việt Nam. Đây là một căn cứ quân sự liên hợp rất mạnh, nơi đặt Sở Chỉ huy của Vùng I chiến thuật, của Quân đoàn I ngụy. Sân bay Đà Nẵng là một căn cứ không quân lớn. Đà Nẵng còn là một hải cảng có ý nghĩa quân sự và kinh tế quan trọng. Tháng 3/1965, những đơn vị đầu tiên của Mỹ đã đổ bộ vào Đà Nẵng, mở đầu thời kỳ Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” xâm lược miền Nam.

Tại đây, địch hiện có khoảng 10 vạn tên, trong đó có 15 tiểu đoàn chủ lực thuộc Sư đoàn 3 bộ binh, Sư đoàn Thủy quân lục chiến và tàn quân của các sư đoàn 1, 2 của Liên đoàn biệt động quân, cùng với hàng chục tiểu đoàn bảo an, hàng trăm trung đội dân vệ, phòng vệ dân sự và 5.000 cảnh sát; Sư đoàn 1 không quân với 373 máy bay các loại, 7 tiểu đoàn pháo binh, Thiết đoàn 11 kỵ binh, một lực lượng hải quân ngụy đóng ở quân cảng Đà Nẵng và vùng biển phụ cận.

Sau khi mất Huế, Nguyễn Văn Thiệu lệnh cho Ngô Quang Trưởng cố thủ Đà Nẵng bằng mọi giá, hòng chặn

bước tiến của quân ta, hy vọng biến nơi đây thành bãi đỗ bộ khi quân Mỹ quay lại ứng cứu. Tất nhiên, đối với Trưởng, mệnh lệnh “tử thủ” của Thiệu lần này không còn thiêng như trước nữa!

Từ đầu tháng 3/1975, trên chiến trường Khu V, quân ta bắt đầu hoạt động có tác dụng kiềm chế, nghi binh: tiến công kho đạn Sủng Mây, đánh bãi xe Xuân Thiều, phá cầu Trắng ở gần Đà Nẵng. Sang trung tuần tháng 3, chấp hành lệnh của Bộ, Thường vụ Khu ủy và Đảng ủy Quân khu V chủ trương tập trung lực lượng tiêu diệt Sư đoàn 2 nguy, giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi, giải phóng đại bộ phận nông thôn tỉnh Quảng Đà. Các lực lượng vũ trang và nhân dân Quân khu V dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của các anh Võ Chí Công, Chu Huy Mân đẩy mạnh tiến công và nổi dậy ở phía bắc quân khu, nhanh chóng tiến xuống đường số 1, khẩn trương chuẩn bị phát triển theo hướng từ Quảng Ngãi đến Đà Nẵng. Trước sức uy hiếp của quân ta, địch rút khỏi Sơn Hà, Trà Bồng. Vùng giáp ranh của tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn giải phóng. Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, phối hợp với bộ đội giải phóng thị xã Quảng Ngãi, thị xã Tam Kỳ, căn cứ Tuần Dường, đánh chiếm căn cứ Chu Lai, tiêu diệt Sư đoàn 2 nguy, mở rộng vùng giải phóng ở tỉnh Quảng Đà, tạo điều kiện thuận lợi uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

Ngày 27/3, ở phía bắc Đà Nẵng, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, Quân đoàn II và một sư của Quân

đoàn I phát triển tiến công trên hai hướng: từ đèo Mũi Trâu theo đường 14 tiến xuống phía tây bắc; từ Phú Lộc, theo đường số 1 đánh chiếm Thừa Lưu, Cầu Hai, Lăng Cô, đèo Hải Vân, áp sát thành phố từ phía bắc. Riêng Sư đoàn 304 được lệnh trực tiếp của Bộ Tổng tư lệnh và của quân đoàn khẩn trương chuyển sang tiến công Đà Nẵng từ hướng tây nam.

Cùng thời gian này, theo lệnh của Bộ, Sư đoàn 2, các lực lượng pháo binh, cao xạ, tăng, thiết giáp của Quân khu V dưới sự chỉ huy trực tiếp của anh Chu Huy Mân, bỏ qua các mục tiêu dọc đường, tiến thẳng về Đà Nẵng. Pháo binh của quân ta bắt đầu nã đạn, khống chế hai cảng và sân bay.

Trước tình hình nguy khốn, Ngô Quang Trưởng hủy bỏ kế hoạch rút Sư đoàn Thủy quân lục chiến về Sài Gòn, thu thập binh lính cố thủ Đà Nẵng. Nhưng quá muộn! Đà Nẵng đã rơi vào tình trạng hỗn loạn. Tuy quân số địch còn đông, nhưng binh lính đã mất tinh thần. Tân binh đào ngũ từng mảng. Bọn chỉ huy hốt hoảng, chỉ lo đưa vợ con tìm đường trốn chạy. Hàng vạn dân từ Huế ào vào càng làm cho thành phố hỗn loạn thêm.

Sau khi nghe Cục Quân báo báo cáo tình hình mới nhất, tôi điện tiếp cho Quân đoàn II: “Địch ở Đà Nẵng đang rối loạn. Cảnh sát thôi làm việc. Chúng đã ra lệnh rút trung đoàn ở núi Quế và phá công sự. Cần nhanh chóng tiến đánh Đà Nẵng. Nếu có hiện tượng địch rút thì

phải lập tức đánh tràn tới. Nếu chúng co cụm và cố thủ thì bao vây thật chặt, đánh ghìm chân không cho rút. Đồng thời tập trung lực lượng theo hướng đường 14 và đường 1, tiêu diệt địch, chiếm khu vực tây và tây bắc thành phố, thọc sâu vào cầu Trịnh Minh Thế, chặn đường rút của địch qua bán đảo Sơn Trà. Ký tên: Văn”.

Cũng trong ngày 27/3, đồng chí Bí thư thứ nhất điện cho các anh Võ Chí Công và Chu Huy Mân: “... Chiến thắng oanh liệt ở Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên đã tạo ra thời cơ giải phóng Đà Nẵng. Ta phải tập trung lực lượng từ hai phía, từ Thừa Thiên - Huế đánh vào và từ Nam - Ngãi đánh ra, nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch ở Đà Nẵng, không cho chúng rút chạy để co cụm về giữ Sài Gòn.

Trong lúc này, thời gian là lực lượng. Phải hành động hết sức táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay. Các anh cần sử dụng ngay lực lượng của quân khu và của tỉnh đánh thẳng vào Đà Nẵng. Phải có biện pháp đặc biệt để hành quân nhanh nhất, kịp thời khống chế, chiếm lĩnh các sân bay, bến cảng, bao vây, chia cắt để tiêu diệt địch.

Phải nhanh chóng phát động quần chúng vũ trang nổi dậy, đập tan các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, chiếm lĩnh các công sở, kho tàng, nhà máy, thành lập chính quyền cách mạng và sáp vào vận động binh sĩ địch bỏ súng đầu hàng, làm tan rã các đơn vị quân nguy.

Các binh đoàn chủ lực phía Bắc đã có kế hoạch hành quân nhanh nhất để kịp thời hiệp đồng với cánh quân

phía nam. Các anh hành động ngay, không chậm trễ... Ký tên: Ba”¹.

Các chỉ thị, mệnh lệnh trên đây đều được chấp hành triệt để và nhanh chóng.

Tại Tổng hành dinh, các cán bộ tác chiến, quân báo, thông tin, cơ yếu... làm việc suốt ngày đêm. Tin chiến thắng dồn dập báo về cổ vũ mọi người làm việc hăng say, quên ăn, quên ngủ.

Sáng ngày 28/3, tôi triệu tập đồng chí Doãn Tuế, Tư lệnh pháo binh, lúc này là phái viên của Bộ Tổng tham mưu, kiểm tra tình hình triển khai sử dụng hỏa lực.

Tôi hỏi:

- Pháo của ta đã đến đâu rồi?

Đồng chí Tuế báo cáo:

- Mới có một tiểu đoàn của Quân khu V bắn vào sân bay Đà Nẵng. Pháo của Quân đoàn II mới có hai đại đội vào đến đèo Mũi Trâu.

Việc triển khai pháo binh chiến dịch như vậy là chậm.

Tôi chỉ thị bố trí ngay pháo ở đèo Mũi Trâu để chế áp sân bay Đà Nẵng, đưa tiếp pháo của Quân đoàn II lên đèo Hải Vân để bắn sang Sơn Trà. Điều ngay toàn bộ lực lượng pháo binh mặt trận lên tham gia tiến công.

Kết quả là đến 17 giờ ngày hôm ấy, tất cả các đơn vị pháo của Quân đoàn II và Quân khu V, sau khi tổ chức

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, *Sđd*, tr.381-382.

xong trận địa, bắt đầu nã đạn vào Đà Nẵng. Trận pháo kích lớn diễn ra vào sáng hôm sau, ngày 29/3: 30 khẩu pháo cỡ lớn của ta dồn dập bắn vào Sở Chỉ huy Quân đoàn I nguy, sân bay Đà Nẵng, cảng Mỹ Khê, bán đảo Sơn Trà, sân bay Nước Mặn, từ 5 giờ đến 10 giờ sáng. Sau đó, pháo chuyển làn bắn ra mép nước, ngăn chặn không cho tàu địch vào bóc lột tàn quân.

Bộ Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà báo cáo: ngày 29/3/1975 quân ta tiến công vào Đà Nẵng từ nhiều hướng: Quân đoàn II trên các hướng bắc, tây bắc và tây nam. Sư đoàn 2 Quân khu V trên các hướng nam và đông nam. Được các lực lượng biệt động, tự vệ, du kích bí mật và quần chúng hỗ trợ, cả hai cánh quân cùng tiến công vào thành phố. Một số cán bộ, đảng viên, chiến sĩ ta bị địch bắt giam ở Non Nước phá nhà lao thoát ra ngoài, tham gia đánh địch. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Đà và Thành ủy Đà Nẵng, quần chúng nổi dậy. Đồng bào tự động đưa xe đồ, xe lam, xe máy chở bộ đội ta tiến nhanh vào thành phố, mang cơm nước, quà bánh tiếp tế cho bộ đội. Bộ đội chủ lực không quen thuộc địa hình thì đã có các chiến sĩ tự vệ dẫn đường. Nơi nào mà chủ lực chưa tới kịp, thì các lực lượng biệt động, tự vệ và du kích kết hợp với cơ sở bí mật đã kịp thời đánh chiếm. Công nhân bảo vệ sân bay, bến cảng, nhà máy, nhân dân phối hợp cùng bộ đội kêu gọi binh sĩ địch ra hàng.

Có tin Tổng thống Mỹ tuyên bố đưa hải quân đến cứu viện Đà Nẵng. Qua phân tích tình hình, tôi điện cho anh

Tấn, anh Mân, anh Phạm Hùng và Quân đoàn II: “Pho tuyên bố dùng tàu LST vào Đà Nẵng là để trấn an dư luận, cũng có thể để cứu bọn ngụy ở bán đảo Sơn Trà. Khả năng hành động của không quân ngụy ít. Khả năng không quân Mỹ can thiệp càng ít hơn. Nhưng ta vẫn phải đề phòng”.

Thực tế đã diễn ra đúng như vậy. Tàu Mỹ đến cứu bọn ngụy chạy trốn, nhưng đậu cách xa bờ, gây cảnh chen chúc hỗn loạn, nhiều người rơi xuống biển. Máy bay trực thăng Mỹ đến đón cố vấn Mỹ và những tên đầu sỏ, bị hàng ngàn binh lính và dân di tản ủa lên, phải cất cánh bay đi, nhiều người bám ở bên ngoài máy bay rơi từ trên không xuống.

Chỉ trong vòng 32 giờ, quân ta lần lượt đánh chiếm các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế trong căn cứ liên hợp, giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng và thị xã Hội An, tiêu diệt và làm tan rã hơn 10 vạn tên trong bộ máy quân sự và hành chính của ngụy ở đây.

Trưa ngày 29/3, anh Nguyễn Thanh vào báo cáo tình hình địch. Nhớ lại buổi giao nhiệm vụ cho anh Lê Trọng Tấn, tôi nói vui:

- Đáng lẽ tôi cho cậu 5 điểm¹ nhưng chỉ cho 3 điểm thôi, vì đánh Đà Nẵng chỉ mất có ba ngày!

Đòn tiến công chiến lược thứ hai đã được hoàn thành xuất sắc.

1. Theo cách cho điểm của Liên Xô.

Lại một bước nhảy vọt mới của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong mùa Xuân lịch sử.

Cuộc tiến công giải phóng Huế - Đà Nẵng do Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy được hình thành trong quá trình thực hiện cuộc Tổng tiến công chiến lược, nhanh chóng phát triển thành một chiến dịch quy mô lớn có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng. Tiếp theo chiến thắng Tây Nguyên, chiến thắng vang dội Huế - Đà Nẵng đã đập tan ý định co cụm chiến lược của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực chủ yếu của chúng, làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng hoàn toàn có lợi cho ta, đẩy quân nguy sụp đổ nhanh chóng, mở ra triển vọng rất thuận lợi cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Qua chiến đấu, bộ đội ta trưởng thành vượt bậc. Rất nhiều tấm gương tích cực chấp hành mệnh lệnh, chiến đấu anh dũng, mưu trí, táo bạo xuất hiện trong cán bộ, chiến sĩ nhất là ở cánh quân phía bắc của các đồng chí Nguyễn Hữu An, Lê Linh, Hoàng Đan và cánh quân phía nam của đồng chí Nguyễn Chơn.

Ngày 1/4, Quân ủy gửi điện khen bộ đội Mặt trận Quảng Đà: “Quân ủy Trung ương nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên các lực lượng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, bộ đội đặc biệt tinh nhuệ, tự vệ Mặt trận Quảng Đà đã triệt để chấp hành mệnh lệnh, hành động táo bạo và kịp thời, phối hợp với nhân dân, trong một thời gian rất ngắn, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, giải phóng toàn tỉnh Quảng Đà, đặc

biệt thành phố Đà Nẵng là một căn cứ quân sự quan trọng bậc nhất của địch ở miền Nam Việt Nam.

Quân ủy Trung ương tuyên dương công trạng các đồng chí trong toàn quân về chiến công chói lọi đã lập được... Ký tên: Văn”.

Chiến thắng Huế - Đà Nẵng cổ vũ mạnh mẽ hậu phương lớn và tiền tuyến lớn. Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ nhiệt liệt khen ngợi và tặng thưởng bộ đội và nhân dân vừa lập chiến công lớn nhiều huân chương cao quý.

Khí thế tiến công trào dâng từ Bắc chí Nam.

Bao giờ cũng vậy, như đã thành thói quen, mỗi lần thắng lớn, tôi lại nhớ tới lời dạy của Bác Hồ: *“Thắng lợi tuy lớn, nhưng mới chỉ là bước đầu. Các chú không được chủ quan, khinh địch”*.

Cuộc chiến đấu giải phóng hoàn toàn miền Nam đang còn ở phía trước. Càng đến gần sào huyệt, quân địch tất sẽ càng phản ứng quyết liệt hơn. Ngay ngày hôm sau, 30/3, một đoàn cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, được cử ngay vào Đà Nẵng nghiên cứu rút kinh nghiệm tại chỗ về cách đánh của bộ đội chủ lực kết hợp với quần chúng nổi dậy ở một thành phố lớn, chuẩn bị cho trận đánh quyết định sắp diễn ra.

Khí thế tiến công, nổi dậy của quân và dân ta trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh càng sôi động bao nhiêu, thì các tư liệu được công bố sau này cho thấy cảnh tượng của phía đối phương lúc này càng ảm đạm bấy nhiêu.

Vào đúng thời điểm nguy kịch nhất, Nguyễn Văn Thiệu nhận được bức thư đề ngày 22/3/1975 của người đứng đầu Nhà Trắng ở Hoa Thịnh Đốn:

“Ngài Tổng thống Thiệu thân mến,

Cuộc tiến công của quân Bắc Việt hiện nay đối với đất nước ngài là một điều vô cùng phiền phức và là nỗi đau khổ của mọi người.

Đối với Hoa Kỳ, vấn đề cũng không kém phần nguy ngập... Người Mỹ cũng bị thử thách khi họ quyết tâm giúp đỡ một người bạn đang bị các lực lượng vũ trang hiện đại tấn công... Riêng tôi, tôi quyết định rằng người Mỹ sẽ bảo vệ Việt Nam trong giờ phút quyết định này với ý định thực hiện đúng trách nhiệm của Hoa Kỳ trong hoàn cảnh này. Tôi vẫn theo dõi những diễn biến một cách sát sao và bàn bạc khẩn cấp với các cố vấn của tôi về những việc làm mà hoàn cảnh đòi hỏi và pháp luật cho phép... Ký tên: Giêrôn Pho”¹.

Cũng vẫn cái giọng chung chung, mơ hồ, không có gì cụ thể! Giữa lúc dầu sôi lửa bỏng, mà lá thư đánh đi bằng điện mật, sau khi giải mã, vẫn lạnh như tiền! Hơn nữa, cụm từ “pháp luật cho phép” dội thêm một gáo nước lạnh vào chính quyền Thiệu, vì ai cũng biết, ngay từ hồi Níchxơn còn ngồi tại Nhà Trắng, mối quan hệ giữa Tổng thống và Quốc hội về cuộc chiến tranh Việt Nam không lấy gì làm suôn sẻ! Ngày 30/11/1974, đạo luật về *Quyền hạn của tổng thống*

1. Nguyễn Tiến Hưng và Jérôld L.Schechter: *Từ tòa Bạch ốc đến dinh Độc Lập*, Sđd, tr.381.

trong thời gian chiến tranh (viết tắt là WPA) đã ra đời, quy định rõ tổng thống phải thảo luận trước với Quốc hội về bất cứ hành động quân sự nào sắp tiến hành và trong vòng 48 giờ phải tường trình chi tiết về hành động quân sự ấy.

Lúc này, rõ ràng Tổng thống Pho không thể hành động mà không được sự chấp nhận của Quốc hội. Mà Quốc hội thì đang chuẩn bị nghỉ lễ phục sinh, mọi công việc đều gác lại!

Mặc dù chán nản và tuyệt vọng, Thiệu vẫn gửi đi vào tối hôm sau một lời kêu cứu:

“... Thưa ngài tổng thống,

Vào giờ phút quyết định này, khi Nam Việt Nam đang lâm nguy và hòa bình đang bị đe dọa nghiêm trọng, vì lẽ đó tôi trân trọng khẩn cầu Chính phủ Hoa Kỳ hãy thực hiện lời hứa... Một là, hạ lệnh tiến hành một cuộc oanh tạc ngắn hạn bằng máy bay B52 tập trung vào những điểm đóng quân và căn cứ hậu cần của kẻ thù trong khu vực thuộc Nam Việt Nam. Hai là, khẩn cấp viện trợ những phương tiện cần thiết để ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tấn công...

Kính thưa ngài tổng thống,

Một lần nữa, tôi xin khẩn cầu ngài, khẩn cầu chủ Tín trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ, và đặc biệt khẩn cầu lương tâm của nước Mỹ... Tôi xin đa tạ quyết tâm thực hiện trọn vẹn lời hứa đó bằng hành động cụ thể của ngài.

Trân trọng kính chào,

Nguyễn Văn Thiệu”¹.

1. Nguyễn Tiến Hưng và Jérôld L.Schecter: *Từ tòa Bạch ốc đến dinh Độc Lập, Sđd*, tr.391.

Tất nhiên, lời van xin của Thiệu rơi vào im lặng. Bức thư ngày 22/3 là bức thư cuối cùng của Pho gửi cho Thiệu. Tác dụng của nó cũng giống như một liều thuốc an thần đã quá hạn, không còn giúp gì được bệnh nhân đang thập tử nhất sinh.

Mặc dù, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Solétxinhgiơ nêu lên giải pháp duy nhất còn lại lúc này là ném bom nguyên tử, vị tổng thống được đưa lên sau vụ bê bối Oatoghết ở vào một tình thế khó xử: Ném bom bằng B52 thì bị Quốc hội cấm. Dùng bom nguyên tử thì lại càng không dám nghĩ tới. Pho không thể làm gì hơn là bỏ đi đánh “gôn” suốt cả tuần.

Đà Nẵng thất thủ đúng vào dịp lễ phục sinh.

Đối với Mỹ, Đà Nẵng không còn là vị trí chiến lược quan trọng nữa. Tuy nhiên, cũng đã có một “hạm đội” được gửi tới Đà Nẵng. Đó là một mớ hỗn tạp gồm 20 chiếc tàu vận tải và tàu kéo của Nhật cùng ba tàu chiến nhỏ của Mỹ đến để di tản cố vấn Mỹ, viên chức ngụy và những người hoảng loạn đang tháo chạy lấy thân, trong đó có tướng Ngô Quang Trưởng.

Chương VII

TRẬN SÀI GÒN BẮT ĐẦU

Những tấm lá chắn của địch ở phía Bắc đã bị phá toang. Con đường chiến thắng dẫn tới sào huyệt cuối cùng của chế độ Sài Gòn đang mở rộng.

Ngay trước khi giải phóng hoàn toàn Đà Nẵng, chiều 29/3/1975, đồng chí Bí thư thứ nhất gửi điện cho Trung ương Cục miền Nam: “Tình hình biến chuyển mau lẹ. Cuộc cách mạng miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt... Trên thực tế, có thể coi chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu từ đây”¹.

Chiến thắng lớn, dồn dập, như một phản ứng dây chuyền, nhanh chóng lan ra, càng làm suy yếu bộ máy ngụy quân, ngụy quyền từ trung ương đến cơ sở. Bài toán thời gian lúc này không dừng lại ở đáp số tính bằng tháng, mà phải tính bằng ngày. Thế trận chiến tranh nhân dân, với lực lượng bố trí sẵn tại chỗ trên từng chiến trường, từng khu vực, tỏ rõ khả năng chủ động tiến công của quân ta, còn nhanh hơn cả “trục thẳng vận” và “cầu hàng không”

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, *Sđd*, tr.383.

của Mỹ. Địch ở đâu cũng bị đánh, bị bao vây chia cắt. Chiến lược tổng hợp của ta kết hợp đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và binh vận, căng địch ra mà tiêu diệt và đánh rã.

Sáng 31/3, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp mở rộng. Đây là cuộc họp lịch sử bàn về đòn chiến lược thứ ba, đòn cuối cùng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy.

Không khí phấn khởi tràn ngập “Nhà con rồng”. Những nét mặt rạng rỡ, những ánh mắt sáng ngời, những cái bắt tay hứa hẹn...

Bắt đầu cuộc họp, anh Ba nêu những vấn đề cần bàn. Thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi báo cáo tổng quát tình hình chiến trường một tháng qua, đặc biệt nêu rõ diễn biến chiến sự trong hạ tuần tháng 3. Từ Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng đến cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ, quân và dân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn chủ lực mạnh của quân ngụy và khoảng 40% các binh chủng kỹ thuật hiện đại, thu và phá hủy trên 40% cơ sở vật chất và hậu cần của chúng; giải phóng địa bàn hai quân khu gồm 12 tỉnh và gần một nửa số dân ở miền Nam. Âm mưu cơ bản chiến lược của địch đã bị phá sản. Chúng đang lâm vào tình trạng hoang mang, bế tắc. Tuy vậy, địch vẫn ngoan cố lập tuyến phòng ngự từ xa, từ Phan Rang trở vào. Chúng hy vọng ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tiến công của ta, giữ thế cầm cự cho tới mùa mưa, sau đó sẽ củng cố những lực lượng còn lại, phản công tái chiếm các vùng đã mất.

Địch tập trung ở Phan Rang một lực lượng khoảng hai sư đoàn gồm Sư đoàn 2 bộ binh vừa được khôi phục,

Lữ đoàn 2 dù, Liên đoàn 31 biệt động quân, có Sư đoàn 6 không quân đóng ở sân bay Thành Sơn yểm trợ. Đồng thời, chúng tập trung mọi cố gắng thu thập tàn quân, chấn chỉnh các đơn vị còn lại, điều chỉnh thể bố trí nhằm tăng cường phòng thủ khu vực Sài Gòn - Gia Định và đồng bằng sông Cửu Long.

Về phía ta, với trận Huế - Đà Nẵng, ta đã bắt đầu chuyển sang Tổng tiến công chiến lược. Quân ta đang trong thế thừa thắng xông lên. Ta hoàn toàn có khả năng tập trung lực lượng cả nước đến mức cao nhất, áp đảo địch trên chiến trường trọng điểm là Sài Gòn. *Thời cơ lớn đã xuất hiện*. Chắc chắn ta sẽ giành toàn thắng trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này. Tôi đề nghị cần khẩn trương xây dựng kế hoạch tác chiến, thực hiện bao vây chiến lược ở phía đông và phía tây Sài Gòn - Gia Định, sử dụng nắm đấm chủ lực, bất ngờ thọc sâu tiêu diệt địch. Đánh một trận là thắng. Phương châm là “*thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*”.

Các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị phát biểu ý kiến, đồng ý với đề nghị của Quân ủy Trung ương. Anh Trường Chinh tâm đắc với phương án thọc sâu mà anh gọi là “*percée stratégique*” (thọc sâu chiến lược).

Hội nghị nhất trí nhận định những nhân tố mới đã xuất hiện rõ nét trong trận Đà Nẵng. Ta hơn hẳn địch cả về thể chiến lược lẫn lực lượng quân sự, chính trị. Dù Mỹ có tăng viện cũng không thể cứu vãn nguy sụp đổ. Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm *thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất*.

Phương thức tác chiến chiến lược của ta là phát huy sức mạnh của ba đòn chiến lược (chủ lực, nông thôn và thành thị), từ ngoài đánh vào, kết hợp với lực lượng tại chỗ từ trong đánh ra, lấy chủ lực từ ngoài đánh vào là quyết định, tập trung lực lượng tiến công địch, nhanh chóng lợi dụng thời cơ, dồn dập phát triển thắng lợi.

Về bố trí lực lượng chiến lược, Bộ Chính trị chủ trương gấp rút tăng thêm lực lượng ở hướng tây Sài Gòn, chia cắt và bao vây chiến lược ở hướng tây nam, triệt đường số 4, cô lập Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long. Các lực lượng phía đông đánh chiếm các mục tiêu quan trọng, bao vây Sài Gòn từ hướng Bà Rịa - Vũng Tàu. Quả đấm chủ lực phải thật mạnh, kể cả binh khí kỹ thuật, sẵn sàng đánh thẳng vào các mục tiêu hiểm yếu và quan trọng nhất của địch ở trung tâm Sài Gòn khi thời cơ xuất hiện. Ở đồng bằng sông Cửu Long, các lực lượng quân sự, chính trị hoạt động mạnh, giải phóng các địa phương, phối hợp với mặt trận trọng điểm.

Ngay từ bây giờ, cần có kế hoạch hành động với lực lượng sẵn có trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Các lực lượng của ta ở Tây Nguyên cần nhanh chóng tiến vào chiến trường trọng điểm. Bộ Tổng tham mưu đôn đốc cho Quân đoàn I khẩn trương vào kịp thời gian.

Cuộc họp kết thúc.

Đồng chí Bí thư thứ nhất điện ngay vào chiến trường:

“... Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ “một ngày bằng hai mươi năm”. Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược,

quyết tâm thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất.

Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động “*thần tốc, táo bạo, bất ngờ*”. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc”¹.

Từ cuộc họp ngày 31/3/1975, số phận của chế độ Sài Gòn đã được định đoạt. Quyết tâm của Bộ Chính trị cổ vũ mạnh mẽ nhiệt tình cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Tất cả cho ngày toàn thắng.

Chiến trường Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, chuẩn bị đón thời cơ lịch sử. Trên các trục đường chiến lược, các cánh quân lớn thần tốc đổ vào chiến trường trọng điểm. Từ núi rừng Tây Nguyên vừa giải phóng, Quân đoàn III cùng các binh khí kỹ thuật tiến về hướng Sài Gòn với khí thế chiến thắng. Từ hậu phương lớn miền Bắc, Quân đoàn I tiến vào miền Nam không kể ngày đêm. Cánh quân phía đông mới được thành lập, ngoài dự kiến ban đầu, khẩn trương tiến dọc miền duyên hải theo đường số 1. Hậu phương lớn huy động tối đa sức người, sức của, chi viện tiên tuyến. Các cơ quan Tổng hành dinh luôn mất luôn tay, khẩn trương, phấn khởi. Lúc này, ai cũng thấm thía về giá trị của thời

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam, Sđd*, tr.387.

gian. Kim đồng hồ như chạy nhanh hơn. Ngày tháng như ngừng lại.

Ngay sau Hội nghị Bộ Chính trị, tôi suy nghĩ nhiều về trận chiến đấu sẽ diễn ra trên chiến trường trọng điểm là Sài Gòn - Gia Định. Sau khi nghiên cứu, trao đổi với Tổng tham mưu phó Cao Văn Khánh và Cục trưởng Tác chiến Lê Hữu Đức, ngày 1/4, tôi điện vào B2: "... Đúng như Bộ Chính trị đã nhận định, chiến tranh cách mạng ở miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Hiện nay ta đã có đầy đủ lực lượng và khả năng để giành thắng lợi hoàn toàn trong một thời gian ngắn hơn dự kiến rất nhiều.

Vấn đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ,... tranh thủ vào trung tuần tháng 4 thì bắt đầu cuộc tiến công quy mô lớn vào Sài Gòn. Làm được như vậy thì thuận lợi nhất, bảo đảm thắng lợi giòn giã nhất. Bất ngờ hiện nay không còn ở phương hướng lớn nữa. Định biết nhất định ta sẽ đánh Sài Gòn nhưng chúng cho rằng ta cần chuẩn bị một - hai tháng. Vì vậy, bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở khâu thời gian. Một mặt cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc, mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng đông đủ mới làm ăn. Chính theo ý nghĩa đó mà Bộ Chính trị đã khẳng định từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược Sài Gòn đã bắt đầu.

... Giữa hai phương án cơ bản, một là bao vây dài ngày tạo điều kiện rồi dứt điểm, hai là tiến công táo bạo từ đầu, đánh nhanh, dứt điểm nhanh, thì nay nên chọn phương án 2,

tức là làm thật nhanh, thật táo bạo; đồng thời có sự chuẩn bị trong điều kiện nào đó nếu cần thì chủ động chuyển sang phương án 1 cũng nhằm giành thắng lợi cuối cùng trong một thời gian ngắn... Với lực lượng sẵn có, cần hành động kịp thời để lợi dụng mọi thời cơ cụ thể do địch hoang mang và lúng túng đưa lại, tiến công liên tiếp, giành thắng lợi liên tiếp, làm đảo lộn mọi mưu đồ chấn chỉnh lực lượng hoặc tăng cường viện trợ của Mỹ.

Thời gian hiện nay phải tính từng ngày. Phải “*thần tốc, thần tốc, toàn thắng, nhất định toàn thắng*”.

Ngày 2/4, trong buổi giao ban, trên cơ sở phân tích tình hình các mặt trận, Quân ủy Trung ương điện khẩn cho Quân ủy Miền và Bộ Tư lệnh B2: “... Trong lúc chuẩn bị kế hoạch lớn, ta cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh nhân lúc địch hoang mang diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận F18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Khống chế được sân bay Biên Hòa thì không quân mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to...”.

Ngoài các nguồn tin kỹ thuật của Cục Quân báo, tin tức công khai do các phóng viên nước ngoài ở miền Nam đánh đi từ Sài Gòn mà Thông tấn xã Việt Nam thu được cung cấp thêm nhiều tình hình sốt dẻo.

Quân ủy Trung ương điện tiếp cho anh Phạm Hùng, đồng điện cho anh Văn Tiến Dũng và anh Trần Văn Trà:

“... 2. Sài Gòn hiện bắt đầu hoảng loạn, có thể xảy ra biến động chính trị trong nội bộ địch. Mặt trận Cam Ranh - Phan Rang vỡ, bọn tàn quân chạy về sẽ gây rối lớn.

3. Theo tinh thần hành động táo bạo, kịp thời của Bộ Chính trị, chúng tôi có ý kiến Trung ương Cục và Quân ủy Miền cần có một kế hoạch hành động ngay với lực lượng sẵn có, dựa vào kế hoạch bước 1 của anh Tư¹, nhưng nay làm nhanh và mạnh, không điều động xáo trộn.

4. Cụ thể:

a) Phía đông tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay bọn F18, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hoà, triển khai ngay pháo nặng khống chế sân bay Biên Hoà, có điều kiện tốt hay lực lượng mới sẽ đánh chiếm Ô Cấp², cắt sông Lòng Tàu.

b) Phía tây, với lực lượng hiện có, nên giao bộ đội địa phương bao vây Mộc Hoá, còn chủ lực Miền và khu thì tập trung đánh xuống đường số 4 nhanh hơn, thực hiện nhanh chia cắt và bao vây chiến lược. Nghiên cứu kế hoạch tăng lực lượng tiếp.

c) Hiện nay, tình hình có thể chuyển biến mau lẹ. F9 cần nằm trong tay Trung ương Cục, sẵn sàng hành động khi có thời cơ, chưa nên điều đi hướng khác trong khi lực lượng mới chưa vào.

5. Trong lúc đó, tiếp tục nghiên cứu kế hoạch hành động tiếp với lực lượng và binh khí kỹ thuật được tăng thêm”.

Biết các anh ở Miền đang rất cần thêm lực lượng cho chiến trường trọng điểm, tôi thông báo cho anh Trà biết Quân ủy Trung ương đã điện cho anh Văn Tiến Dũng tranh thủ thời gian đưa lực lượng từ Tây Nguyên xuống

1. Đồng chí Trần Văn Trà.

2. Vũng Tàu.

càng nhanh càng tốt; Quân đoàn I và các đơn vị kỹ thuật cũng đang khẩn trương tiến vào tăng cường cho B2.

Các nguồn tin cho biết:

Trong khi quân ta thần tốc từ các hướng tiến về Sài Gòn, thì Bộ Tổng tham mưu nguy tính toán: đối phương chỉ có khả năng tăng cường cho miền Đông Nam Bộ nhiều nhất là một quân đoàn, và muốn đưa lực lượng ấy vào tới chiến trường, phải mất ít nhất là hai tháng! Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Solétxinhgiơ thì coi việc mất Đà Nẵng là “một trận chiến chính, nhưng tương đối nhỏ”. Còn Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho sau này đã viết hồi ký về thời đó: “Mọi người đều biết rằng những vấn đề ở Nam Việt Nam rất nghiêm trọng, nhưng dường như không ai biết được nguy kịch đến mức nào!”.

Kiểm lại lực lượng, Thiệu chủ trương giữ toàn bộ Quân khu III và Quân khu IV, lập tuyến phòng thủ từ Phan Rang trở vào, giữ chặt Tây Ninh, lấy Tây Ninh làm hướng phòng thủ chính ngăn chặn quân ta thọc vào Sài Gòn, giữ trục đường 13, giữ thị trấn Xuân Lộc, ngăn không để “Việt cộng” áp sát đường 15, Nhơn Trạch để pháo kích vào Sài Gòn.

Ngày 2/4, Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân nguy hò hét: “Cố thủ từ Phan Rang trở lại”. Viên tướng phụ trách hậu cần Đồng Văn Khuyên hùng hổ tuyên bố: “Bằng bất cứ giá nào, phải cố thủ từ Ninh Thuận trở vào, nếu cần sẽ đem hết lực lượng đánh xả láng tại đó!”.

Thiệu cử Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn III ra trấn giữ Phan Rang, đồng thời ra lệnh gấp rút khôi phục một số tàn quân từ phía bắc chạy vào, củng cố tuyến phòng ngự chung quanh Sài Gòn. Trong khi đó, Thiệu bí mật chở vàng bạc, đá quý sang Đài Loan và Canada. Toàn lại chỉ thị cho Nguyễn Vĩnh Nghi thành lập sở chỉ huy tiền phương ở Phan Rang, còn mình lui về phía sau, nói là “để tăng cường cho Xuân Lộc”!

Tổng thống Mỹ cử Tham mưu trưởng lục quân Hoa Kỳ đến Sài Gòn để nắm tình hình, mang theo một liều thuốc an thần cuối cùng gồm một số súng cỡ lớn được bốc dỡ ở sân bay Tân Sơn Nhất trước ống kính camera giữa thanh thiên bạch nhật, và chiếu ngay lên màn ảnh truyền hình.

Thế nhưng lần này, trò lừa mị vụng về xem ra không còn tác dụng, vì con bệnh đang hấp hối đã quen thuốc mất rồi! Thật ra, quân nguy lúc này cần đạn hơn cần súng. Và các khẩu pháo đầu có thể thay được việc ném bom bằng B52 như Thiệu đã van xin? Phrêđêrich Uâyên, viên tướng bốn sao đã phải cuốn cờ rút khỏi miền Nam Việt Nam tháng 3/1973, không thể làm gì hơn trước sự thất vọng của Thiệu. Ông ta chỉ có nhiệm vụ “xem xét những khả năng mà Mỹ có thể làm để ủng hộ Nam Việt Nam”, và sẽ trở về Mỹ tường trình với Tổng thống Pho lúc này đang còn đi nghỉ mát!

Trở lại với chiến trường Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ.

Từ khi mở màn chiến dịch Tây Nguyên, nhất là sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, tình hình phát triển rất nhanh.

Báo cáo của Quân ủy Miền và Bộ Tư lệnh B2 cho biết: Thực hiện kế hoạch đợt hai mùa khô 1974-1975 của Bộ Tư lệnh Miền đã được Trung ương Cục thông qua, từ đêm 9 rạng ngày 10/3/1975, phối hợp với các chiến trường toàn miền Nam, quân và dân ta từ núi rừng Khu VI đến đồng bằng sông Cửu Long tiến công và nổi dậy, đồng loạt xông lên diệt địch, giành thắng lợi giòn giã.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, quân và dân Quân khu IX tiêu diệt phân chi khu Hựu Thành, vây lấn yếu khu Thầy Phó, diệt gọn hai tiểu đoàn địch đến tăng viện, giải phóng chi khu Thuận Thới, đồn Cầu Sắt. Trước sức tiến công của ta, quân địch ở yếu khu Thầy Phó tháo chạy. Ta tiếp tục tiến công lên hướng Tam Bình, diệt phân chi khu Ba Kè, làm chủ đoạn sông Mang Thít, tiếp đó phát triển tiến công diệt 50 đồn địch, làm chủ đường 16, uy hiếp đường 4, áp sát Vĩnh Long. Được quân chủ lực hỗ trợ, bộ đội và du kích Vĩnh Trà tiến công giải phóng Càng Long, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải, Cầu Kè. Tỉnh ủy và tỉnh đội Trà Vinh lập thêm được ba tiểu đoàn tập trung, tổ chức lực lượng chính trị, binh vận, đưa vũ khí và cán bộ vào thị xã phát động quần chúng chuẩn bị nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12/3, quân ta đánh chiếm chi khu Bình Minh, diệt phân chi khu Mỹ Thuận, giải phóng vùng bắc sông Hậu, đặt pháo 105mm ở bắc Cái Vồn bắn vào sở chỉ huy Quân đoàn IV ngự và sân bay Trà Nóc. Sư đoàn 4 diệt đồn Ông Tháp, đánh chiếm căn cứ Bà Đàm, vây ép Ô Nai, Ô Môn, chuẩn bị tiến công Cần Thơ. Ở Quân khu VIII, quân ta diệt hai tiểu đoàn địch ở căn cứ Ngã Sáu, phá vỡ hệ thống đồn

bốt địch ở khu vực kênh mới và kênh Nguyễn Văn Tiếp B, mở vùng giải phóng rộng lớn từ huyện Cái Bè (Mỹ Tho) đến Mỹ An, Kiên Văn (Sa Đéc), diệt địch ở bắc Cai Lậy, cắt đường 12, vây ép Mỹ Tho. Trên hướng Kiến Tường - Long An, quân ta tiến công đánh thông hành lang Tây Ninh xuống Đồng Tháp Mười, làm chủ một vùng rộng lớn ở bờ tây sông Vàm Cỏ Đông, cắt đứt đường 4, tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn từ hướng tây. Đoàn 232 được anh Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh Miền trực tiếp chỉ huy, chuẩn bị tiến công Sài Gòn từ hướng tây và hướng nam.

Ở miền Đông Nam Bộ, các đội biệt động, đội công tác bí mật và bộ đội đặc công áp sát các vị trí xung yếu xung quanh thành phố Sài Gòn, diệt địch ở Phú Hoà Đông, bắt đường 8, Tân Thạnh Tây, Tổng Thôn, Thới Mỹ, sở chỉ huy tiểu đoàn địch ở Tân Túc, bức hàng, bức rút hàng loạt đồn bốt dọc hành lang vào nội đô, tiêu hủy kho chứa chất độc hóa học ở Thủ Đức, kho xăng Vũng Bèo. Sư đoàn 9 tăng cường tiến công chi khu quân sự Tri Tâm, giải phóng quận Dầu Tiếng, Bến Củi, diệt cứ điểm Suối Ông Hùng, đánh chiếm Cầu Khởi, diệt và làm bị thương trên 3.000 tên địch, phá hủy và thu 61 xe quân sự, 6 khẩu pháo, 1.000 súng các loại..., giải phóng Dầu Tiếng, thị xã An Lộc và toàn tỉnh Bình Long, tạo địa bàn đứng chân cho quân ta tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch từ hướng tây bắc. Miền Đông Nam Bộ đã mở được một vùng giải phóng kéo dài từ bắc Tây Ninh qua Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Chơn Thành, từ Mỏ Vẹt đến La Ngà qua Hoài Đức, Tánh Linh, từ đường số 1 đến nam đường số 2, Bà Rịa.

Như vậy là trong vòng một tháng, quân và dân Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ tích cực phối hợp với chiến trường Tây Nguyên và chiến trường Trị - Thiên - Huế, Quảng Đà đã tiêu diệt và làm tan rã nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Quân khu VI, hình thành bao vây, tạo thế cho các cánh quân trên các hướng tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Các hoạt động chống phá “bình định” của đồng bào và chiến sĩ phát triển nhanh chóng. Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận lên mạnh. Khắp miền sông Tiền, sông Hậu, liên tiếp nổ ra hàng nghìn cuộc đấu tranh trực diện với địch. Đồng bào nổi dậy tố cáo tội ác của địch, trừng trị bọn ác ôn có nhiều nợ máu... Nhân dân đắp cản, ngăn sông, chặn tàu chiến địch, cắt đứt những con đường thủy huyết mạch như kênh Mang Thít ở Vĩnh Long, kênh Xáng Xẻo Rô ở nam Rạch Giá. Thanh niên hăng hái tòng quân, lực lượng vũ trang ở đồng bằng phát triển rất nhanh. Đồng đảo quần chúng phục vụ bộ đội, tham gia các tổ chức cách mạng ở địa phương.

Trên cơ sở tình hình chung do Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông báo, căn cứ vào các bức điện chỉ đạo của đồng chí Bí thư thứ nhất, của Quân ủy Trung ương và tình hình thực tế của chiến trường trọng điểm, ngày 29/3/1975, Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết 15-TWC nêu rõ: “... Cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam không những đã bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt mà thời cơ chuẩn bị để tiến hành cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa vào

sào huyết của địch cũng đã chín muồi. *Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu*, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà”. Nghị quyết nêu rõ cần tăng cường lãnh đạo đòn nổi dậy của quần chúng làm hậu thuẫn cho đòn tiến công quân sự và nhấn mạnh: “Phải thật tập trung từng giờ, từng ngày, từng tháng, từ đầu tháng 4/1975 này”. Đây là một Nghị quyết phù hợp với tinh thần các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, chứng tỏ sự sáng suốt, nhạy bén của các đồng chí lãnh đạo B2, được các địa phương chấp hành tích cực và có hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền vạch kế hoạch tiến công Sài Gòn với lực lượng bản thân hiện có. Kế hoạch dự kiến tiến công vào nội đô trên năm hướng: hướng đông do Quân đoàn IV đảm nhiệm; hướng tây bắc do Sư đoàn 9 và các Trung đoàn 16, 271B; hướng tây do Đoàn 232 gồm Sư đoàn 5, Sư đoàn 3/B2 và các lữ đoàn binh chủng; hướng nam do Trung đoàn 88 và 21 của Quân khu VIII phụ trách; hướng bắc được giao cho Trung đoàn Gia Định, sẽ được tăng cường thêm lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng của Trung ương điều vào, nếu có. Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền chủ trương tiến công diệt địch ở Xuân Lộc, áp sát Biên Hoà, Đoàn 232 chuẩn bị chiếm Mộc Hóa, đưa lực lượng xuống cắt đường số 4 kết hợp với chủ lực Quân khu VIII diệt Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 ngụy. Thực hiện thắng lợi bước này, sẽ gây biến động lớn về quân sự, chính trị trong

ngụy quân, ngụy quyền. Nắm lấy thời cơ ấy, sẽ phát động nhân dân nổi dậy, kết hợp công kích quân sự với khởi nghĩa của quần chúng, trong đánh ra ngoài đánh vào, nhằm năm mục tiêu chủ yếu là sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu ngụy, Biệt khu Thủ đô, Tổng Nha cảnh sát và dinh Độc Lập. Kế hoạch được Trung ương Cục nhất trí và báo cáo ra Trung ương.

Hạ tuần tháng 3/1975.

Ngay sau chiến thắng Tây Nguyên, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh cho các đơn vị chủ lực thừa thắng phát triển tiến công về hướng đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ theo các trục đường số 19, số 7 và số 21. Sư đoàn 10 tiến theo đường 21, tiêu diệt lữ đoàn dù trên đèo Phượng Hoàng, giải phóng quận lỵ Khánh Dương. Sư đoàn 320 sau khi giải phóng Củng Sơn, theo đường số 7 tiến xuống Tuy Hoà. Sư đoàn 3 Quân khu V tiêu diệt căn cứ địch ở An Khê, sau đó phối hợp với Sư đoàn 968 tiêu diệt phần lớn Sư đoàn 22 ngụy trong một trận từ Phú Phong đến sân bay Gò Quánh. Bọn tàn quân của Sư đoàn 22 bị quân và dân Bình Định tiến công làm tan rã hoàn toàn.

Ngày 27/3, tại cuộc họp với Bộ Tư lệnh Tây Nguyên, trong không khí phấn khởi, quyết tâm, anh Văn Tiến Dũng công bố thành lập Quân đoàn III gồm các Sư đoàn 10, 320 và 316 theo quyết định của Bộ Tổng tư lệnh. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới, càng đánh càng mạnh của quân đội ta trong quá trình cuộc tiến công chiến lược.

Với khí thế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, quân và dân ta đã tích cực đánh địch trên khắp các tỉnh ven biển miền Trung, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch còn lại, liên tiếp giải phóng các tỉnh, thành phố thuộc vùng Quân khu II nguy. Ngày 1/4, hai tỉnh Bình Định, Phú Yên với thành phố Quy Nhơn và thị xã Tuy Hòa được giải phóng. Từ ngày 2 đến ngày 3/4, tỉnh Khánh Hòa với thành phố Nha Trang và quân cảng Cam Ranh được giải phóng. Trước đó, ngày 24/3, tỉnh Quảng Đức với thị xã Gia Nghĩa được giải phóng.

Lúc này có một sự kiện đáng ghi nhớ. Đó là việc điều động sử dụng Sư đoàn 10 của Quân đoàn III. Như trên đã nói, sau ngày giải phóng Đà Nẵng, chủ trương của Quân ủy Trung ương được sự nhất trí của Bộ Chính trị là tập trung toàn bộ lực lượng ở nam Tây Nguyên nhanh chóng tiến thẳng xuống miền Đông Nam Bộ. Trên đường vào B2, anh Lê Đức Thọ cũng đã phổ biến cho Bộ Tư lệnh Tây Nguyên về chủ trương này. Nhưng trước đó, trong tình hình bộ đội ta đang truy kích tiêu diệt địch, anh Văn Tiến Dũng và Bộ Tư lệnh Tây Nguyên đã lệnh cho Sư đoàn 10 tiến ra hướng biển, xuống Nha Trang, Cam Ranh. Khi biết chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, các anh băn khoăn đến mất ngủ, lo lắng, như vậy có trái với ý định của cấp trên hay không. Cuối cùng các anh xác định là báo cáo lên Trung ương và chịu trách nhiệm. Ngay sau đó, anh Văn Tiến Dũng điện ngay cho tôi trình bày về vấn đề này, nói rõ cuộc tiến quân đang phát triển thuận lợi, Nha Trang, Cam Ranh là hai mục tiêu chiến lược quan

trọng, tính toán thời gian sư đoàn có thể hoàn thành nhiệm vụ giải phóng hai nơi này, sau đó quay lên đường 11 rồi theo đường 20 tiến xuống vị trí tập kết ở miền Đông, thời gian cũng không chậm là bao.

Nhận điện của anh Dũng, lại có tin ta đã giải phóng Quy Nhơn, địch đang rút khỏi Tuy Hoà, chuẩn bị bỏ Nha Trang, Cam Ranh, tôi lập tức trả lời bằng bức điện số 940 ngày 20/3/1975: “Chúng tôi bàn với anh Ba nhất trí cho rằng ta cần có chủ trương thật linh hoạt để lợi dụng thời cơ cụ thể này, tức là tập trung Sư đoàn 10 nhanh chóng tiêu diệt quân dù và bọn địch còn lại, đánh chiếm Nha Trang, Cam Ranh rồi tiến về phía nam...”.

Bức điện làm cho các anh rất yên lòng. 8 giờ sáng ngày 31/3, anh Dũng điện ngay cho tôi: “... Tôi mừng quá. Thật là tâm đầu ý hợp giữa lãnh đạo và người ở chiến trường...”.

Thực tế đã cho thấy việc điều động và sử dụng Sư đoàn 10 như vậy là đúng. Sau khi giải phóng Nha Trang, Cam Ranh, sư đoàn đã từ Ba Ngòi nhanh chóng xuyên qua căn cứ Bác ái sang đường 11, lên Tuyên Đức rồi theo đường 20 tiến về vị trí tập kết của Quân đoàn III trên hướng Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong khi Quân đoàn III tiến công địch trong hành tiến, ào ạt tiến quân vào chiến trường trọng điểm, thì Quân đoàn I từ miền Bắc theo đường số 1 rồi theo tuyến Đông Trường Sơn, Tây Trường Sơn và đường 14, khắc phục mọi khó khăn về cầu đường, thời tiết, thần tốc tiến như một dòng thác mạnh đổ xuống phía nam. Trên đường tiến quân, quân đoàn tổ chức thành từng khối, hành quân

bằng cơ giới, có pháo cao xạ bảo vệ. Núi rừng Trường Sơn sôi động. Các đoàn xe, pháo nối đuôi nhau chạy suốt ngày đêm, quyết tâm đến vị trí tập kết ở Đồng Xoài đúng thời gian vào trung tuần tháng 4, kịp tham gia chiến đấu. Binh đoàn dự bị chiến lược ra quân với khí thế hào hùng, phấn khởi mang theo cả niềm tin quyết thắng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, tăng cường thêm một “quả đấm thép” cho chiến trường trọng điểm trong trận quyết chiến cuối cùng.

Trong thời gian này, Sư đoàn 7 cùng một bộ phận Sư đoàn 341 và lực lượng địa phương đánh chiếm chi khu quân sự Định Quán, diệt yếu khu Gia Ray, khống chế đường 20. Ngày 28/3, sư đoàn dùng xe cơ giới theo đường 20, phối hợp với các lực lượng ém sẵn, tiến công giải phóng thị xã Lâm Đồng, sau đó cùng bộ đội Khu 6 đánh chiếm cao nguyên Di Linh, ngày 4/4 phát triển lên đánh chiếm thành phố Đà Lạt. Trung đoàn 812 truy kích địch từ Đà Lạt đến sân bay Thành Sơn, tạo điều kiện cho Sư đoàn 10 từ Cam Ranh xuyên qua Bác ái theo đường 11 và đường 20 tiến vào miền Đông Nam Bộ. Ở hướng Bình Tuy, Long Khánh, Sư đoàn 6 cùng bộ đội địa phương và du kích tiến công giải phóng đường số 4, phát triển tiến công địch trên đường số 1 từ Suối Cát đến Rừng Lá (Bình Tuy).

Đến lúc này, quân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn, hai quân khu mạnh của địch, giải phóng các tỉnh đồng bằng miền Trung, Tây Nguyên, nhiều vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, hình thành thế bao vây Sài Gòn - Gia Định.

Ngày 3/4, anh Văn Tiến Dũng cùng Đoàn A.75 vào đến Sở Chỉ huy Miền. Anh Đinh Đức Thiện đến liền sau đó. Mấy hôm sau, anh Lê Đức Thọ cũng vào đến nơi. Với tinh thần tích cực, khẩn trương, ngày 7/4/1975, Trung ương Cục duyệt kế hoạch tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Tư liệu sau này cho biết: anh Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục chủ trì cuộc họp. Kế hoạch tác chiến chiến dịch do anh Lê Ngọc Hiền trình bày gồm hai bước: trước mắt, từ ngày 8/4 tiến công chia cắt chiến lược và bao vây, đánh trận “rúng động”, đánh vùng ven và 8 mục tiêu trong nội thành, chuẩn bị cho tổng tiến công. Nếu thuận lợi, địch tan rã, thì phát triển thọc sâu ngay, phối hợp với quần chúng nổi dậy đánh chiếm thành phố.

Bước hai dự kiến từ ngày 15 đến ngày 20/4, thực hiện đột kích Sài Gòn trên năm hướng. Lực lượng sử dụng từ ba đến năm sư đoàn chủ lực, bảy đoàn đặc công, 60 tổ biệt động, cùng với lực lượng du kích và khoảng 50 ngàn quần chúng nổi dậy tại chỗ. Anh Trần Văn Trà báo cáo thêm về địa hình vùng phụ cận Sài Gòn, về bố trí của địch trong nội thành, lực lượng không quân và hải quân ngụy, và nêu rõ tiêu diệt được Sư đoàn 18 ngụy, thực hành bao vây cô lập Sài Gòn, sẽ làm “rúng động” toàn bộ và nảy ra thời cơ mới. Nếu địch co cụm thì chuẩn bị thêm lực lượng, nhưng phải giải quyết xong trong tháng 4. Các anh Ba Trần¹, Trần Lương, Hai Xô², Hai Văn³, Đồng Văn Cống, Lê Văn Tưởng,

1. Đồng chí Trần Văn Danh.

2. Đồng chí Nguyễn Văn Xô.

3. Đồng chí Phan Văn Đáng.

Đinh Đức Thiện biểu thị nhất trí với kế hoạch, đề nghị cần tranh thủ bất ngờ, bảo đảm hậu cần, đẩy mạnh binh vận, chú trọng tổ chức quân quản thành phố. Anh Võ Văn Kiệt tin tưởng nhất định thắng, nhấn mạnh cần đưa ngay chủ lực vào sâu trong thành phố, vận động quần chúng bung ra, giành thắng lợi thật nhanh, thật kịp thời, đỡ vất vả. Anh Nguyễn Văn Linh thấy cần tiến công liên tục, không nên có khoảng cách, làm cho địch không kịp trở tay. Hào hứng, phấn khởi, đầy trách nhiệm, các anh phân tích sâu sắc tình hình, đề ra nhiều ý kiến đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể.

Kết luận hội nghị, anh Phạm Hùng nêu rõ sự nhất trí, phấn khởi đối với kế hoạch tiến công. Nếu cắt được đường số 4 và diệt được Sư đoàn 18 thì đột kích ngay, không chờ lực lượng vào đủ. Cần tổ chức hiệp đồng, tập trung lãnh đạo bảo đảm các mặt để giành chiến thắng. Về tổ chức chỉ huy, sẽ bàn thêm với anh Lê Đức Thọ.

Anh Văn Tiến Dũng thay mặt cơ quan tiền phương Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh phát biểu ý kiến. Rất mừng trước việc Trung ương Cục, Quân ủy Miền biểu thị sự nhất trí về kế hoạch tiến công Sài Gòn, anh nhấn mạnh ta có ưu thế về lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, cần dứt điểm càng nhanh càng tốt. Anh nói đã điện ra đề nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đốc thúc tăng cường lực lượng vào chiến trường trọng điểm.

Ngày hôm sau, trong buổi làm việc với Trung ương Cục và Quân ủy Miền, anh Lê Đức Thọ phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình chiến sự, âm mưu của địch, chủ trương của ta, công bố quyết định ngày 6/4 của Bộ Chính trị

thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch Sài Gòn - Gia Định: Anh Văn Tiến Dũng là Tư lệnh; anh Phạm Hùng, Chính ủy; các anh Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiện, Phó Tư lệnh; anh Lê Quang Hòa, Phó Chính ủy kiêm Chủ nhiệm Chính trị; anh Lê Ngọc Hiền, quyền Tham mưu trưởng. Anh Lê Đức Thọ tham gia Trung ương Cục và Đảng ủy mặt trận. Trong dịp này, Trung ương Cục phân công anh Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục, đặc trách phong trào nổi dậy của quần chúng, nhất là ở Sài Gòn. Anh Võ Văn Kiệt, ủy viên Thường vụ Trung ương Cục, chỉ đạo việc tiếp quản thành phố.

Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch khẩn trương bắt tay vào việc. Đầu tiên, các anh nhất trí điện ra Trung ương đề nghị đặt tên của Bác Hồ kính yêu cho chiến dịch quyết định sắp diễn ra.

Ngày 14/4/1975, thể theo đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch và nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước, trong bức điện số 37 TK, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị đã đáp ứng kịp thời ý nguyện thiết tha và thiêng liêng ấy: *“Đồng ý chiến dịch Sài Gòn lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh”*.

Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm được vinh dự mang tên vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Theo kế hoạch đã định, ngày 9/4, những trận đánh cắt đường số 4 ở phía tây Sài Gòn và trận tiến công Xuân Lộc bắt đầu.

Sư đoàn 5 tiến công địch ở thị trấn Thủ Thừa và thị xã Tân An không thành công. Tuy vậy, sư đoàn đã đánh thiệt hại nặng một trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 7 ngụy và một trung đoàn thiết giáp, diệt 80 đồn bốt lớn nhỏ, giải phóng một vùng rộng, uy hiếp đường số 4. Lực lượng vũ trang Quân khu VIII tiến công làm chủ từng thời gian đường Tân Hiệp - Cái Bè (Mỹ Tho). Các lực lượng vũ trang Quân khu IX tiến công địch ở Cái Vồn, Ba Càng (Vĩnh Long).

Trên hướng đông, Quân đoàn IV dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của các anh Hoàng Cầm, Tư lệnh và Hoàng Thế Thiện, Chính ủy, mở cuộc tiến công vào Xuân Lộc, “cánh cửa thép” trên tuyến phòng ngự Sài Gòn và Vùng III chiến thuật. Nơi đây, địch bố trí một lực lượng khá mạnh gồm Sư đoàn 18 và một số tiểu đoàn bảo an, cảnh sát phòng ngự trong công sự kiên cố. Tham mưu trưởng lực lượng Mỹ, tướng Phrêđêrich Uâylen cho rằng: “Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 18 hò hét “tử thủ” bằng mọi giá.

Trận đánh diễn ra quyết liệt và phức tạp.

Theo báo cáo, trong đêm 9 rạng ngày 10/4, bằng nhiều mũi tiến công, quân ta chọc thủng tuyến phòng ngự thị xã, chiếm được nhiều mục tiêu, cấm cớ cách mạng lên dinh tỉnh trưởng ngụy. Tuy bị thiệt hại nặng, địch vẫn cố thủ. Ngày 10/4, chúng dùng trực thăng đổ bộ một lữ đoàn dù xuống ven thị xã, tiếp đó, tăng viện thêm hai lữ đoàn thủy quân lục chiến, một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 5, tám tiểu đoàn pháo binh và hai chiến đoàn xe tăng, thiết giáp. Dựa vào quân tăng viện và sự chi

viện của không quân, địch điên cuồng phản kích, gây cho ta nhiều tổn thất. Nhiều vị trí ta đã chiếm được phải lần lượt rút bỏ, hoặc thay đổi chủ nhiều lần. Chúng đã dùng đến các loại bom có sức sát thương và hủy diệt lớn.

Trận đánh chưa dứt điểm.

Tình hình hết sức khẩn trương.

Sau ngày Đà Nẵng giải phóng, theo lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, anh Lê Trọng Tấn, Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà, bay ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới.

Trong buổi giao ban sáng ngày 2/4, Bộ Tổng tham mưu báo cáo: Địch hoang mang cực độ. Chiến sự ở ven biển Nam Trung Bộ diễn biến rất nhanh, rất có lợi cho ta.

Anh Tấn nêu ý kiến cần hình thành cánh quân ven biển, gồm các lực lượng vừa giải phóng Đà Nẵng, nhanh chóng tiến quân đánh địch trong hành tiến, tiêu diệt địch và làm chủ các địa bàn chiến lược từ Nha Trang trở vào, không cho địch co cụm về Sài Gòn. Đây cũng là ý kiến đề nghị của Thường vụ và Bộ Tư lệnh Quân khu V và của Thường vụ và Bộ Tư lệnh Quân đoàn II vừa lập chiến công ở Đà Nẵng.

Tôi tán thành đề nghị này và cử ngay anh Tấn sang trình bày với anh Ba. Sau khi trao đổi thêm với tôi, anh Ba hoàn toàn đồng ý.

Ngay lập tức, Thường trực Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh lập cánh quân phía đông, gồm Quân đoàn II (thiếu Sư đoàn 324 ở lại Huế), Sư đoàn 3 (Quân khu V) và các đơn vị pháo binh, cao xạ, xe tăng, công binh. Nhiệm vụ

là vừa đánh địch, vừa mở đường với tốc độ thật nhanh, khẩn trương đến kịp thời gian cùng các đơn vị bạn tham gia giải phóng Sài Gòn. Anh Lê Trọng Tấn được cử làm Tư lệnh. Ban cán sự Đảng lâm thời do anh Lê Quang Hoà làm Bí thư. Khi vào đến miền Đông Nam Bộ, cánh quân này sẽ thuộc quyền lãnh đạo, chỉ huy của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh mặt trận Sài Gòn; đồng thời thường xuyên báo cáo với Bộ Tổng tư lệnh.

Trước khi anh Tấn lên đường, thay mặt Thường trực Quân ủy Trung ương, tôi giao nhiệm vụ cho cánh quân phía đông nhanh chóng tiến theo đường số 1 chọc thủng phòng tuyến địch ở Phan Rang, tiếp đó cùng với các lực lượng B2 đánh chiếm Bà Rịa, Ô Cáp, khống chế sông Lòng Tàu, đặt pháo tầm xa ở Nhơn Trạch hoặc Thành Tuy Hạ chế áp các mục tiêu quan trọng ở Sài Gòn, có phương án vượt sông thọc sâu vào trung tâm thành phố. Vì đường dài, cần tổ chức hành quân tốt, cho đơn vị nhẹ đi trước, bảo đảm đi thật nhanh, dọc đường chú ý phòng tránh pháo trên tàu chiến của địch. Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, lãnh đạo bộ đội giữ kỷ luật dân vận, đối xử nhân đạo với tù, hàng binh. Vào đến nơi bắt liên lạc ngay với anh Dũng.

Cuộc tiến quân lịch sử của Quang Trung - Nguyễn Huệ lại hiện về trong ký ức. Ngày 4/4, tôi gửi điện cho cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn II đang hành quân: “... Các đồng chí lên đường làm nhiệm vụ rất vẻ vang. Cần hành động *thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*”.

Ngày 6/4, điện của Quân ủy Trung ương gửi Bộ Tư lệnh Đoàn 559 nêu rõ: “... Cần chú trọng coi công tác bảo

đảm chi viện và bảo đảm cơ động lực lượng ta vào B2 là công tác trung tâm số 1. Vì vậy, cần có kế hoạch tổ chức thật tốt công tác này, nhất là bảo đảm việc hành quân của các đơn vị, binh khí kỹ thuật và các nhu cầu đạn dược theo đúng thời gian đã định”. Tôi chỉ thị cho anh Đồng Sĩ Nguyên bố trí sở chỉ huy ở Quy Nhơn và anh Hoàng Minh Thảo ở Nha Trang, tổ chức bảo đảm, đôn đốc các đơn vị hành quân theo đường số 1, tuyệt đối không để ảnh hưởng đến việc bảo đảm hậu cần cho các đơn vị đang tiến quân.

Bức điện của Quân ủy Trung ương gửi anh Đồng Sĩ Nguyên và Thường vụ Đảng ủy 559, đánh đi hồi 22 giờ ngày hôm ấy lại nhấn mạnh: “... Yêu cầu của mặt trận hết sức gấp, từng ngày, từng giờ. *Thời gian lúc này là lực lượng, là sức mạnh*. Các đồng chí dùng mọi biện pháp tổ chức và đôn đốc các đơn vị hành quân hết sức nhanh, chi viện hết sức gấp, hoàn thành xuất sắc chiến dịch chi viện thần tốc này”.

Trên hai trục chính là đường số 1 và đường Trường Sơn, với sự tổ chức khẩn trương của Đoàn 559, sự hỗ trợ tích cực của Quân khu V, bằng đôi chân vạn dặm và mọi phương tiện có thể có được, các đơn vị khắc phục khó khăn đánh địch mà đi, mở đường mà tiến. Đường sạt lở thì nhân dân quanh vùng ra góp công sửa chữa. Cầu bị địch phá thì ngoài cầu, phà tự hành của công binh, còn có thuyền bè lớn nhỏ của dân. Xe hỏng thì tìm mọi cách sửa chữa, cứu kéo.

Ngày 7/4, tôi ra lệnh cho các đơn vị đang đổ vào chiến trường:

“Mệnh lệnh: 1. *Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa.* Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng.

2. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sĩ”.

Tốc độ hành quân nâng lên không ngừng. Tuy vậy, vẫn còn thấy chậm! Công tác bảo đảm hậu cần hầu như không gặp khó khăn. Đoàn 559 có kế hoạch chu đáo, lại có thêm gạo, đạn, xăng, dầu chiếm được của địch. Quân no, xe pháo đủ nhiên liệu, đạn dược, bộ đội được nhân dân ven đường động viên, giúp đỡ, tốc độ hành quân lại càng tăng.

Ngày 10/4, điện của cánh quân phía đông báo cáo: Các anh Lê Trọng Tấn và Lê Quang Hòa đã đến Nha Trang, đang chuẩn bị đánh Phan Rang.

Phan Rang, nơi cất rốn chôn rau của Nguyễn Văn Thiệu, là thị xã của tỉnh Ninh Thuận, cách Sài Gòn 315km về phía bắc. Ở đây có hai hải cảng Tân Thành và Ninh Chữ, có sân bay Thành Sơn với lực lượng một sư đoàn không quân. Đường số 1 và đường sắt chạy qua thị xã, nối liền Sài Gòn với các tỉnh miền Trung vừa được giải phóng. Theo sự đạo diễn của Uâyên, Tham mưu trưởng lực quân Mỹ, địch điều lực lượng dự bị chiến lược ra lập ở đây tuyến phòng thủ từ xa: Phan Rang - Xuân Lộc - Tây Ninh. Với hơn một vạn quân tổ chức phòng ngự trên địa hình có lợi, được sự chi viện của cả hải quân và không quân, chúng hy vọng ngăn chặn, cầm chân các binh đoàn chủ lực của ta ở đây cho đến mùa mưa; lúc đó, thời tiết sẽ khó khăn, ta không thể tổ chức đánh lớn ở Sài Gòn và Nam Bộ ít nhất là trong sáu tháng nữa.

Ngày 11/4, có tin địch tăng cường lực lượng cho Phan Rang. Bộ Tổng tham mưu điện cho anh Tấn hết sức chú ý đến tốc độ tiến quân, nếu thấy đánh Phan Rang không thuận lợi, lại mất thời gian, thì chỉ để một lực lượng bao vây thị xã, còn đại bộ phận tìm cách vòng qua, khắc phục khó khăn về hậu cần và đường sá, tiến nhanh vào miền Đông Nam Bộ.

Ngày 13/4, anh Tấn điện ra báo cáo về hướng phát triển và kế hoạch tác chiến của cánh quân phía đông, về tình hình hậu cần của bộ đội đang tiến quân. Dự kiến giải quyết xong Phan Rang thì phát triển đánh chiếm Bà Rịa, Vũng Tàu, cắt đường Biên Hòa - Vũng Tàu, khống chế sông Lòng Tàu, nhanh chóng đưa pháo 130mm vào Nhơn Trạch bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Nếu địch co cụm về phòng thủ Biên Hòa thì tùy tình hình cụ thể, có thể tiến công vòng về đông và đông nam Sài Gòn, vượt sông đột phá vào trọng điểm.

Sáng 14/4, quân ta nổ súng đánh Phan Rang. Trận tiến công diễn ra quyết liệt. Với ý thức sâu sắc về giá trị của thời gian, bộ đội ta nêu cao tinh thần quyết thắng, dũng mãnh xung phong đánh chiếm các mục tiêu trong thị xã. Quân địch được phi pháo yểm hộ, dựa vào hệ thống công sự và địa hình có lợi, ngoan cố chống cự.

Hai ngày đầu, ta chỉ mới chiếm được một số mục tiêu ở ngoại vi Phan Rang. Sáng ngày 16/4, Tư lệnh Quân đoàn II Nguyễn Hữu An đưa Sư đoàn 325 bước vào chiến đấu. Phương án tác chiến là tổ chức một đội hình thọc sâu mạnh,

dùng xe bánh hơi kết hợp với xe tăng vận chuyển lực lượng, đánh thẳng theo đường số 1 vào chiếm thị xã Phan Rang rồi tỏa ra tiến sang phía đông chiếm cảng Tân Thành và cảng Ninh Chữ, vít chặt đường biển; đồng thời theo đường số 11 đánh ngược lên phía tây bắc, vu hồi vào sườn phía tây của địch, chiếm sân bay Thành Sơn, khóa nốt đường bộ, phối hợp cùng quân và dân địa phương nhanh chóng bao vây, tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân địch.

Kết quả, ta đã đập tan tuyến phòng ngự từ xa của địch ở Phan Rang, tiêu diệt Bộ Tư lệnh tiền phương Quân khu III nguy, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 6 không quân, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 bộ binh, Lữ đoàn 2 dù, Liên đoàn biệt động 31, một trung đoàn của sư đoàn mới khôi phục, toàn bộ lực lượng của tiểu khu Ninh Thuận, làm chủ cảng Tân Thành và cảng Ninh Chữ, chiếm sân bay Thành Sơn, thu gần 40 máy bay còn nguyên vẹn. Bọn chỉ huy đầu sỏ và hàng nghìn sĩ quan, binh lính bị bắt sống trong đó có viên Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi và viên Chuẩn tướng không quân Phạm Ngọc Sang. Quân ta giải phóng hoàn toàn thị xã Phan Rang và tỉnh Ninh Thuận.

Được tin chiến thắng, Quân ủy Trung ương điện gửi lời chào quyết thắng đến toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên Quân đoàn II, Quân khu V, thăm hỏi đồng bào vùng mới giải phóng, kêu gọi tiếp tục anh dũng tiến lên giành toàn thắng cho chiến dịch lịch sử. Bộ chỉ thị dùng máy bay đưa ngay Nguyễn Vĩnh Nghi và Phạm Ngọc Sang ra Hà Nội.

Tin chiến thắng từ mặt trận dồn dập báo về: Các đơn vị thuộc Quân đoàn II đánh chiếm quận lỵ Tuy Phong, vừa đánh chiếm tàu địch, bắn rơi máy bay địch, vừa tác chiến tiêu diệt bộ binh địch, giải phóng các vùng đất trên đường tiến quân, trong đó có các quận lỵ Phan Rí, Hòa Đa và Sông Mao. Thừa thắng, bộ binh và xe tăng của quân đoàn chia thành nhiều mũi xông thẳng vào trung tâm thị xã Phan Thiết, đánh chiếm Sở Chỉ huy tiểu khu Bình Thuận, giải phóng quận lỵ Hàm Tân.

Sáng ngày 20/4, bộ phận đầu tiên của cánh quân phía đông gồm Sư đoàn 325 và binh khí, kỹ thuật vào đến Rừng Lá, gần Xuân Lộc. Anh Tấn và anh Hòa cũng đến liền sau đó, và nhanh chóng bắt liên lạc với Bộ Chỉ huy mặt trận Sài Gòn. Với tư cách Phó Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, anh Tấn quyết định tăng cường cho Quân đoàn IV Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325) và pháo, đạn thu được của địch để tiến công dứt điểm Xuân Lộc.

Cuộc tiến quân thần tốc của cánh quân phía đông với hơn 32.000 quân và 2.276 xe, pháo, tăng, thiết giáp qua gần một nghìn kilômét, vượt lên mọi khó khăn, trở ngại, đánh địch trong hành tiến, là một đòn chiến lược sáng tạo, kịp thời, tạo bất ngờ lớn cho quân địch, đập tan ý định cùm lớn của chúng trên dọc miền duyên hải, đánh thông tuyến đường số 1 từ miền Bắc vào tận cửa ngõ phía đông và đông bắc Sài Gòn, mở thêm một đường tiếp tế hậu cần chiến lược, góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, tạo điều kiện hết sức quan

trọng và một thế chiến lược rất thuận lợi cho cuộc tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Trước tình hình quân địch ở Xuân Lộc còn ngoan cố chống cự, Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Miền chỉ thị cho Quân đoàn IV rút kinh nghiệm. Anh Trần Văn Trà đến trực tiếp chỉ đạo tác chiến. Xuất phát từ nhận định Xuân Lộc chỉ có thể cố thủ khi được nối liền với Biên Hòa, Bộ Chỉ huy Miền quyết định thay đổi cách đánh: từ tiến công thẳng vào thị xã chuyển sang đánh các lực lượng tiếp viện của địch mới được điều đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, thực hành chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích.

Thực hiện quyết tâm mới, Quân đoàn IV vừa được tăng cường lực lượng bộ binh và pháo cỡ lớn, tiến công tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngụy và một chi đoàn thiết giáp, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đường số 1 từ Xuân Lộc đến Bàu Cá, làm chủ đoạn cuối cùng của đường 20 từ Túc Trưng đến Dầu Giây, chiếm Núi Thị, Túc Trưng, Kiềm Tân, tiêu diệt quân địch phản kích từ Trảng Bom ra. Hai chiến đoàn 43 và 48 của Sư đoàn 18 ngụy cùng với Lữ đoàn 3 thiết giáp bị đánh thiệt hại nặng. Bộ đội địa phương và du kích diệt và bức rút một số đồn địch trên các trục đường giao thông và ven thị xã.

Không chiếm lại được ngã ba Dầu Giây, lực lượng bị tổn thất nặng, trước nguy cơ bị bao vây, bị tiêu diệt và sức uy hiếp của cánh quân lớn từ phía đông mới tới, ngày 20/4, địch phải rút chạy khỏi Xuân Lộc.

Chiến thắng Xuân Lộc làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần của quân ngụy càng thêm suy sụp.

Tin chiến thắng làm nức lòng nhân dân cả nước.

Ngày 6/4, trong khí thế chiến thắng, 98,26% trong số mấy chục triệu cử tri trên hậu phương lớn phần khởi đi bỏ phiếu bầu Quốc hội khoá V, củng cố thêm vững chắc chế độ dân chủ cộng hoà. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta trúng cử với tỷ lệ phiếu cao nhất.

Tất cả cho tiền tuyến.

Cả nước vào trận cuối cùng với niềm tin tất thắng.

Hậu phương lớn tổng động viên nhân, tài, vật lực chi viện cho tiền tuyến lớn. Hầu như toàn bộ lực lượng vận tải trên miền Bắc đều được huy động trong một chiến dịch chi viện lớn nhất từ trước đến nay. Anh Phan Trọng Tuệ, Bộ trưởng Giao thông vận tải, Phó Chủ tịch Hội đồng chi viện miền Nam ngày đêm lo lắng cùng các ngành, các địa phương điều động hàng chục ngàn xe vận tải, hàng trăm toa xe lửa, hơn 30 tàu biển, hàng trăm lần chiếc máy bay vận tải đưa cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kỹ thuật cùng hàng vạn tấn vũ khí, phương tiện vào chiến trường.

Từ Hà Nội, Nam Định, từng đoàn xe lửa chở đầy bộ đội và vũ khí, đạn dược, hối hả chạy thẳng vào Vinh. Từ đây, bằng các phương tiện ô tô, tàu thủy, người và súng đạn được chuyển tiếp vào miền Đông Nam Bộ.

Các cảng sông, cảng biển ở miền Bắc khẩn trương nhộn nhịp. Tàu thuyền của hải quân, của ngành giao thông vận

tải liên tục chở xe tăng, pháo lớn và bộ đội vào Đà Nẵng, từ đó cơ động bằng đường bộ theo đường số 1 vào địa điểm tập kết của hậu cần Miền ở khu vực Dầu Giây.

Các loại máy bay vận tải, máy bay lên thẳng cũng được huy động để chở quân, chở đạn vào chiến trường trọng điểm.

Tại Tổng hành dinh, anh Hoàng Văn Thái, Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất, theo dõi lực lượng ở chiến trường, nắm chắc đến từng kho đạn, kho xăng dầu, kho lương thực, chỉ đạo chặt chẽ và ráo riết việc tổ chức hành quân và bảo đảm hậu cần.

Trên các trục đường vào Nam, các anh Đồng Sĩ Nguyên, Hoàng Minh Thảo đêm ngày lo đủ đạn dược, nhiên liệu, lương thực, thuốc men cho bộ đội hành quân. Anh Phùng Thế Tài, Phó Tổng tham mưu trưởng, luôn có mặt trên các đỉnh đèo Tây Nguyên, đôn đốc bộ đội đi nhanh, đến đủ.

Từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1975, Đoàn vận tải Trường Sơn vận chuyển vào Nam Bộ 11 vạn 5 nghìn quân và 9 vạn tấn hàng (trong đó có 37.000 tấn vũ khí, 9.000 tấn xăng dầu). Riêng trong những ngày “chuẩn bị nước rút” từ ngày 5 đến 26/4, vừa khai thác vừa vận chuyển, ta đã đưa vào chiến trường 10.100 tấn đạn, 2.300 tấn lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, 2.600 tấn xăng dầu... Nhiều trạm sửa chữa ô tô, sửa chữa pháo và tăng được bố trí dọc đường, phục vụ cơ động của chiến dịch.

Ở Khu V, Khu ủy và Bộ Tư lệnh quân khu dưới sự lãnh đạo của anh Võ Chí Công và anh Chu Huy Mân, mặc dù đang phải tiếp quản các tỉnh, thành phố, ổn định đời sống cho hàng triệu nhân dân vùng mới giải phóng, vẫn đặt lên hàng đầu nhiệm vụ vận chuyển chi viện cho phía

trước. Một đoàn xe vận tải hơn một trăm chiếc do anh Võ Thứ, Phó Tư lệnh quân khu trực tiếp chỉ huy, mang đạn pháo 130mm hành quân không nghỉ vào tới B2.

Bảo đảm hậu cần để thực hiện phương châm “thần tốc” trong điều kiện của ta lúc này không phải là chuyện dễ. Đường sá sứt lở, cầu cống bị phá hỏng, địch ở dọc đường, địch ngoài biển ra sức ngăn chặn, thời tiết khắc nghiệt, mưa gió đầu mùa... Phải vượt qua tất cả, bằng sức mạnh của chiến tranh toàn dân, của lòng dũng cảm và trí thông minh, sáng tạo. Nhân dân vùng mới giải phóng ủng hộ hết mình. Chỉ cần một mảnh giấy có chữ ký và con dấu đỏ của ủy ban quân quản là có thể huy động được hàng chục, hàng trăm xe tải và cả lái xe chuyển bộ đội, vũ khí, đạn dược ra phía trước.

Trên đường hành quân, có đơn vị do không nắm được tình hình, đã báo cáo về Bộ Tổng tư lệnh là bộ đội thiếu gạo. Lo lắng tốc độ hành quân có thể bị ảnh hưởng, Thường trực Quân ủy Trung ương dành gần một ngày bàn cách giải quyết. Sau khi kiểm tra lại, anh Hoàng Văn Thái báo cáo gạo không thiếu, các kho đã được bố trí ở dọc đường và điện ngay cho các đơn vị hành quân, nói rõ ở Cam Ranh đã có từ hai đến ba nghìn tấn gạo, xăng dầu cũng đã có ở Quy Nhơn, Nha Trang và Cam Ranh.

Trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh, nổi lên tác dụng to lớn của hậu cần tại chỗ. Ở miền Nam, được sự hỗ trợ tích cực của anh Đinh Đức Thiện, hậu cần Miền do anh Bùi Phùng chỉ huy đã huy động mọi lực lượng vận chuyển vũ khí vào các kho, trạm của chiến dịch, tập trung sửa

chữa xe máy, mở đường, bắc cầu. Trục đường 14 từ Đồng Xoài đi Cây Gáo, Bến Bầu được gấp rút thi công. Các đoàn quân hậu cần ở các hướng củng cố và mở rộng tuyến đường chiến dịch với tổng chiều dài hơn 3.000 km. Đặc biệt, trong những ngày hạ tuần tháng 4, hậu cần Miền đã đưa 10.000 cán bộ, chiến sĩ từ tuyến sau lên thành lập 8 tiểu đoàn cơ động, huy động gần 4.000 xe vận tải, hơn 600 thuyền máy, ca nô, hàng nghìn xe đạp thồ và hơn 60 nghìn dân công hỏa tuyến, lập 15 bệnh viện dã chiến, 17 đội điều trị với tổng số 10 nghìn giường, phục vụ bộ đội tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Lúc này, việc vận chuyển đạn dược và xăng dầu đến ngay các cửa ngõ vào Sài Gòn còn là một vấn đề lớn. Ngày 20/4, Quân ủy Trung ương điện khẩn cho Bộ Tư lệnh 559:

“... Ưu tiên vận chuyển đạn dược: đạn 130mm, 100mm, Đ74, ĐKZ 75 và ĐKZ 82, đạn cối 120mm; pháo 85mm, lựu 122mm. Ưu tiên về xăng dầu thì trước hết là madút và dầu mỡ phụ. Chậm nhất 29/4 có ở Đồng Xoài”.

Mệnh lệnh được truyền đạt ngay đến từng kho tàng, binh trạm. Một khối lượng lớn đạn dược, nhiên liệu khẩn trương chuyển vào chiến trường đúng kỳ hạn.

Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng được bảo đảm hậu cần, kỹ thuật mạnh mẽ và hết sức khẩn trương.

Chương VIII

GIẢI PHÓNG TRƯỜNG SA

Trong những ngày này, một sự kiện đặc biệt đã diễn ra ngoài kế hoạch chiến lược ban đầu. Đó là sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa do quân ngụy Sài Gòn đóng giữ, một vùng lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế và quân sự.

Ngay sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, Quân ủy Trung ương kiến nghị với Bộ Chính trị Trung ương Đảng: *“... Vừa chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, vừa tiến hành giải phóng các đảo và quần đảo quân ngụy đang chiếm giữ”*. Kiến nghị này đã được ghi vào Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 25/3/1975.

Cũng từ ngày ấy, Quân ủy điều anh Hoàng Trà, Chính ủy Hải quân về làm việc cạnh Bộ Tổng tham mưu, giúp theo dõi tình hình địch trên biển, kiến nghị về nhiệm vụ của Hải quân trong trận tổng giao chiến cuối cùng. Tôi cũng yêu cầu Bộ Tổng tham mưu, Bộ Ngoại

giao cung cấp tài liệu về các đảo, quần đảo thuộc vùng biển của Việt Nam, đồng thời chỉ thị cho Cục Quân báo nắm tình hình địch ở Biển Đông.

Nhìn vào bản đồ quân sự và hải đồ Việt Nam, Biển Đông là một vùng biển có độ sâu từ 2.000 đến 4.000m, nổi lên hai quần đảo lớn: Hoàng Sa ở phía bắc và Trường Sa ở phía nam.

Từ thế kỷ XVII, Nhà nước phong kiến Việt Nam đã thực hiện chủ quyền một cách liên tục và hòa bình đối với hai quần đảo này, hồi đó được gọi là Đại Trường Sa, không gặp sự tranh chấp của quốc gia nào. Trong *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (bản đồ nước Đại Nam thống nhất) được biên vẽ vào thời Nguyễn sau 1838 là năm quốc hiệu Việt Nam đổi thành Đại Nam, hai quần đảo ở Biển Đông được vẽ thành một dải song song với bờ biển miền Trung Việt Nam, ngang với tỉnh Quảng Nam ở phía bắc và tỉnh Khánh Hòa ở phía nam với tên gọi “Hoàng Sa” và “Vạn lý Trường Sa”.

Từ năm 1920, chính quyền Pháp ở Đông Dương đã tuyên bố khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa, Trường Sa và tổ chức quản lý về mặt nhà nước trên hai quần đảo.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc tranh chấp chủ quyền diễn ra đối với cả hai quần đảo ở Biển Đông. Tháng 4/1946, Pháp cho quân ra kiểm soát cụm phía tây quần đảo Hoàng Sa. Tháng 11/1946, quân Tưởng đổ bộ lên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa, và tháng 12 năm ấy đổ bộ lên Itu Aba thuộc quần đảo Trường Sa. Năm 1950,

quân Tưởng rút khỏi hai quần đảo. Song năm 1951, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra tuyên bố bảo lưu chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này. Từ 1956, tranh chấp diễn ra giữa Trung Quốc với chính quyền Nam Việt Nam. Năm 1961, chính quyền Sài Gòn sáp nhập các đảo thuộc quần đảo Trường Sa vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.

Trong khi điều trị tại Liên Xô, tôi được ở nhà điện sang cho biết: Ngày 19 và 20/1/1974, nhân lúc quân ngụy Sài Gòn đang gặp khó khăn, Trung Quốc dùng hàng chục tàu chiến và một phi đội máy bay tiêm kích tiến công chiếm cụm đảo phía tây quần đảo Hoàng Sa (còn gọi là Nguyệt Thiềm) do quân Nam Việt Nam đồn trú, bắt các binh sĩ quân đội Sài Gòn làm tù binh.

Nhớ lại đầu những năm 60, khi Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 khẳng định cách mạng miền Nam phải tiến lên bằng con đường bạo lực, cùng với sự ra đời của Đoàn vận tải Trường Sơn (559), Quân ủy Trung ương đã tổ chức một bộ phận đặc biệt chi viện miền Nam bằng đường biển. Từ năm 1964 trở về trước, ta dùng các tàu nhỏ xuất phát từ Đồ Sơn dọc theo ven biển đi vào Nam. Từ năm 1965, ta mở đường đi trong hải phận quốc tế, qua Hải Nam, Lô Châu, Đông Hoàng Sa đến Song Tử Tây rồi qua Na Tu Na vào đến Cà Mau. Ta đã sử dụng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa làm nơi tạm dừng trên “đường mòn Hồ Chí Minh trên biển”, dựa vào chướng ngại thiên nhiên là các bãi san hô ngầm dưới nước.

Tuy gian nan, vất vả, nhưng kết quả vận chuyển vẫn khả quan. Tổng cộng đã đi được 169 chuyến, đến nơi 100 chuyến, 50 chuyến phải quay về, tổn thất 19 chuyến, vận chuyển được 5.677 tấn hàng, mất gần 700 tấn. Ta hy sinh 76 đồng chí, 51 đồng chí bị thương.

Cũng như đối với Đoàn Trường Sơn, công việc vận chuyển trên biển cho miền Nam chiến đấu được Bác Hồ đặc biệt quan tâm khích lệ. Nhớ mãi câu nói vui của Người khen ngợi chiến công độc đáo của thuyền trưởng Bông Văn Dĩa, người thủy thủ đi từ Nam ra Bắc bằng thuyền gỗ thô sơ: “Đi biển kiểu ấy thì xưa nay chỉ có Crixtop Côlong và chú!”. Ôi, ký ức còn tươi rói về những ngày đầu gian khổ ấy! Trong khốc mật long lanh ướt của Bác, tôi thấy cả miền Nam đau thương, anh dũng đang vẫy gọi, hậu phương đâu tiếc sức mình.

Sự kiện Trung Quốc tiến công quân ngụy, đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa ở phía bắc ngày 20/1/1974, càng cho thấy tầm chiến lược của những mảnh đất xa xôi, chập chờn trên sóng gió Biển Đông. Nhân quan chiến lược quân sự của Bộ thống soái tối cao đã nhìn rõ vấn đề. Cần tổ chức giải phóng kịp thời phần đất này. Nếu chậm, để quân đội nước khác xâm chiếm nơi đây, tình hình sẽ rất phức tạp. Khó khăn lớn nhất là phải đánh chiếm các đảo với lực lượng hải quân nhỏ bé lúc bấy giờ. Trên mặt trận Biển Đông, hành động cũng phải “*thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*”.

Ngày 2/4, tại Tổng hành dinh, sau khi nghe báo cáo về trận Đà Nẵng, tôi trực tiếp chỉ thị cho anh Lê Trọng Tấn: Ngoài nhiệm vụ truyền đạt mệnh lệnh cho Quân khu V và Bộ Tư lệnh Hải quân, *tổ chức tiến công giải phóng các đảo, đặc biệt là quần đảo Trường Sa*. Vùng này có thể có tàu chiến của Hạm đội 7 và hải quân các nước khác hoạt động. Hải quân ngụy cũng được trang bị các loại tàu lớn. Do đó, nghệ thuật tác chiến phải kiên quyết, táo bạo, đồng thời phải hết sức mưu trí, sáng tạo, bất ngờ. Các đơn vị có nhiệm vụ sẵn sàng, có thời cơ là đánh được ngay, bảo đảm chắc thắng. Đánh phải đúng lúc. Nếu có hiện tượng chúng rút, phải tranh thủ đánh chiếm ngay. Nếu tình hình chung địch bị nguy khốn, nhất là ở Sài Gòn, Bộ sẽ thông báo để kịp thời đánh chiếm. Nếu quân nước ngoài đã chiếm đảo thì ta kiên quyết chiếm lại. Nếu có khó khăn thì xin chỉ thị của Bộ.

Tôi cũng chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu điều ngay Sở Chỉ huy tiền phương của Bộ Tư lệnh Hải quân vào Đà Nẵng, vừa tiếp quản căn cứ hải quân của địch ở đây, vừa chuẩn bị sẵn sàng phát triển chiến đấu trên mặt biển.

Trước đó, ngày 30/3, Quân ủy Trung ương điện cho các anh Võ Chí Công và Chu Huy Mân: “Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Thường vụ giao cho Khu ủy và Bộ Tư lệnh B1* nhiệm vụ nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện gấp rút, nhằm thời cơ thuận lợi nhất đánh chiếm các đảo hiện do quân

* Quân khu V.

ngụy miền Nam chiếm đóng thuộc quần đảo Nam Sa¹. Trong việc này, anh Nguyễn Bá Phát, phái viên của Bộ Tổng tham mưu và các cán bộ Hải quân cùng đi sẽ do Khu ủy và Quân khu ủy chỉ đạo để thực hiện kế hoạch”.

Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng vì vùng quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Theo thăm dò, triển vọng ở đây có dự trữ dầu lửa lớn. Với tầm nhìn chiến lược, có thể thấy biển và đại dương sẽ là nguồn tài nguyên chủ yếu của nhân loại kể từ thế kỷ XXI.

Chiều 4/4, Quân ủy Trung ương điện tiếp cho Quân khu V:

“... Thực hiện kịp thời đánh chiếm các hòn đảo ở vùng Nam Hải, đặc biệt là các đảo Nam Sa. Việc này *phải chuẩn bị gấp và bí mật*, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết”.

Mệnh lệnh được thi hành tức khắc. Quân khu V cùng Bộ Tư lệnh Hải quân triển khai kế hoạch tác chiến. Các lực lượng của Quân khu V cùng một biên đội tàu và lực lượng đổ bộ của Hải quân được tổ chức lại gồm: Các tàu vận tải của Đoàn 125 vừa từ Hải Phòng vào tiếp quản Đà Nẵng; những con tàu không số này vốn từng quen với “đường mòn Hồ Chí Minh trên biển”, nhiều lần qua lại khu vực quần đảo Trường Sa nên đã quen nhận dạng, phân biệt các đảo, và cũng có kinh nghiệm tránh đá ngầm; Đội 1 Đoàn 126

1. Trung Quốc và chính quyền Sài Gòn gọi Trường Sa là Nam Sa.

đặc công là đơn vị có bề dày thành tích với cách đánh bí mật, bất ngờ, đã đánh chìm nhiều tàu địch ở chiến trường Cửa Việt. Chỉ huy trưởng là đồng chí Mai Năng.

Ngày 9/4, Cục Quân báo phát hiện địch rút quân khỏi các đảo ở biển Nam Hải. Quân ủy Trung ương điện “tối khẩn” cho các anh Võ Chí Công, Chu Huy Mân, đồng điện cho anh Hoàng Hữu Thái, Phó tư lệnh Hải quân ở Đà Nẵng:

“Có tin quân nguy chuẩn bị rút khỏi đảo Nam Sa. Các anh cho kiểm tra lại ngay và chỉ thị cho lực lượng ta hành động kịp thời theo phương án đã định. Nếu để chậm, có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước ngoài đang có ý đồ xâm chiếm”.

Ngày 13/4, Quân khu V điện về Bộ Tổng tham mưu báo cáo kế hoạch đánh chiếm các đảo. Tôi điện ngay cho anh Mân:

“... Các anh đã tích cực tổ chức thực hiện quyết định của Quân ủy Trung ương về việc đánh chiếm các đảo. Ý kiến của tôi:

1. *Việc đánh chiếm các đảo cần làm đúng thời cơ.* Nếu có thời cơ cụ thể mà không kịp đánh chiếm thì các nước ngoài có thể chiếm trước. Nếu địch chưa rút mà ta đã chiếm trước thì tình hình có thể trở nên phức tạp, vì lực lượng ta có hạn và việc tăng viện có gặp khó khăn.

2. Do đó, *thời cơ cụ thể đánh chiếm là:*

a) Nếu địch đã rút toàn bộ hoặc rút đại bộ phận thì đánh chiếm ngay. Nếu quân nước ngoài đánh chiếm trước thì đánh chiếm lại.

b) Nếu địch mới có triệu chứng rút hoặc bắt đầu rút thì theo dõi, kịp thời đánh chiếm khi địch rút đại bộ phận.

c) Khi tình hình chung của địch nguy khốn, nhất là tình hình địch ở trọng điểm, thì đánh chiếm ngay.

Hai thời cơ cụ thể trên do anh theo dõi và quyết định. Thời cơ cụ thể thứ ba, tôi sẽ kịp thời báo anh khi xuất hiện...”.

Thời cơ đánh chiếm là như vậy, nhưng cách đánh chiếm thì sao, trong tình hình vũ khí, phương tiện của ta còn kém hơn địch cả về số lượng và trình độ hiện đại?

Nhớ lại dịp kỷ niệm 15 năm thành lập Hải quân nhân dân Việt Nam, phát biểu về chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông, biển, tôi đã nhấn mạnh việc đánh địch ở ven biển, ở biển gần và ở các quần đảo của Việt Nam cần được hết sức coi trọng, và căn dặn cán bộ, chiến sĩ cần vận dụng tư tưởng lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều trong tác chiến của Hải quân. Biểu dương các “con tàu không số” và các đơn vị “đặc công nước”, tôi khái quát nghệ thuật đánh giặc của Hải quân ta là biết lấy số lượng trang bị ít hơn, kém hiện đại hơn địch mà vẫn đánh thắng được địch. Muốn vậy, *phải tích cực, chủ động, kiên quyết, linh hoạt, mưu trí, sáng tạo, bí mật, bất ngờ*.

Ngày hôm sau, một nguồn đáng tin cậy báo về: Có triệu chứng quân nguy chuẩn bị rút khỏi quần đảo Trường Sa. Sau khi kiểm tra lại nguồn tin, tôi điện tiếp cho Quân khu V: “... *Thời cơ đánh các đảo thuộc khu vực Nam Sa lúc này rất thuận lợi*. Chỉ đánh các đảo quân

ngụy miền Nam chiếm đóng. Các anh ra lệnh đánh chiếm ngay. Theo dõi, đồn đốc kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên báo cáo về Bộ”.

Nhận các chỉ thị, mệnh lệnh của Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh, anh Hoàng Hữu Thái ra lệnh cho các tàu hải quân ngụy trang giả dạng tàu đánh cá, xuất phát vào lúc trời chưa sáng.

Bằng phương tiện nhỏ và ít, đối mặt với tàu chiến lớn của địch và đại dương mênh mông, quân ta đánh theo kiểu của mình: bí mật tiếp cận, nhanh chóng đổ bộ, bất ngờ đánh chiếm mục tiêu. Đúng 4 giờ 30 phút sáng ngày 14/4, sau hơn 1 giờ tổ chức đổ bộ, ta nổ súng tiến công, nhanh chóng tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, giải phóng đảo Song Tử Tây, kéo lá cờ Tổ quốc lên đỉnh cột cờ trên đảo. Tiếp đó, ngày 25/4, quân ta tiến công đánh chiếm đảo Sơn Ca. Ngày 27/4, ta giải phóng đảo Nam Yết và đảo Sinh Tồn. Ngày 28/4, quân ta giải phóng đảo Trường Sa, đảo An Bang, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong vòng nửa tháng với những cố gắng lớn nhất.

Ngay trong ngày 28/4, quân ta trên các đảo, trên các tàu chiến nhận được điện khen: “... Quân ủy Trung ương rất phấn khởi được tin quân ta đã chiếm các đảo thuộc Trường Sa. Nhiệt liệt khen ngợi các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược”.

Sức mạnh tiến công và nổi dậy của chiến trường trọng điểm cùng với sự chi viện to lớn của hậu phương

làm cho thế và lực của quân và dân ta lớn mạnh vượt bậc. Tuyến phòng ngự từ xa của địch đã bị phá vỡ. Một vùng biển rộng lớn giàu tài nguyên với những đảo và quần đảo có vị trí chiến lược hết sức quan trọng đã thuộc chủ quyền của Tổ quốc. Các cánh quân lớn dày dạn kinh nghiệm chiến đấu sẵn sàng đi vào trận tiến công hang ổ cuối cùng của địch.

Chương IX

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Thời cơ giành toàn thắng đã đến.

Tại Tổng hành dinh, tám bản đồ toàn miền Nam nhanh chóng trở thành cũ so với tốc độ phát triển của chiến sự. Các đồng chí cán bộ tham mưu đã thay vào đó một bản đồ Nam Bộ tỷ lệ 1/200.000 chỉ chít những ký hiệu xanh, đỏ, thể hiện tình hình ta, địch mới nhất trên chiến trường trọng điểm, và một bản đồ Sài Gòn - Gia Định tỷ lệ 1/50.000.

Hàng mấy tháng liên tục chỉ đạo tác chiến kể từ chiến dịch Tây Nguyên, địa hình và thế trận của ta và địch, tôi gần như đã thuộc lòng. Các bản đồ Nam Bộ và thành phố Sài Gòn - Gia Định trải ra trước mắt, ngày đêm gợi lên những suy nghĩ về cách đánh chiến lược trong trận quyết định cuối cùng.

Đi quanh bàn làm việc, nhìn vào tám bản đồ từ mọi phía, tôi nhớ lại năm xưa đứng trước sa bàn Điện Biên Phủ, suy nghĩ về cách đánh tập đoàn cứ điểm. Hai sự kiện lịch sử có khoảng cách hơn 20 năm, nhưng giống nhau ở sự động não cao độ trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, góp sức tìm ra cách đánh tối ưu nhằm giành thắng lợi lớn nhất với tổn thất ít nhất.

Đã thành thói quen, mỗi lần gặp một bài toán khó và quan trọng trong lãnh đạo, chỉ huy ở tầm vĩ mô, tôi thường tham khảo ý kiến của nhiều cán bộ, nhất là những đồng chí có kinh nghiệm công tác tham mưu và các cán bộ chỉ huy từng trải trong chiến tranh. Dân chủ quân sự bao giờ cũng mang lại những gợi ý tốt, những ý kiến hay. Lúc này, anh Hoàng Văn Thái, Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất phụ trách tác chiến và hậu cần phải dành hầu hết thời gian động viên, tổ chức chi viện chiến trường, tình hình lại phát triển rất nhanh, tôi quyết định lập một tổ thường trực giúp tôi chỉ đạo tác chiến. Mỗi ngày bốn lần, sau buổi giao ban, tôi trực tiếp nghe tổ báo cáo, đề đạt ý kiến. Đồng chí Cao Văn Khánh, Phó Tổng tham mưu trưởng, ở trong tổ này. Là một trí thức yêu nước, tham gia cách mạng từ những ngày Tháng Tám năm 1945, anh Khánh là một cán bộ quân sự chỉ huy Đại đoàn 308 đánh những trận lớn trong kháng chiến chống thực dân Pháp, từng là Tư lệnh Mặt trận B70 (Trị - Thiên) trong kháng chiến chống Mỹ, một con người hăng hái, trung thực, có nhiều kinh nghiệm chỉ huy tác chiến hiệp đồng binh chủng, được bộ đội tin yêu.

Sau khi phổ biến quyết tâm của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh tập trung tất cả cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, tôi yêu cầu các đồng chí trong tổ khẩn trương nghiên cứu đề đạt ý kiến về phương án tác chiến chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định trong tình huống chiến dịch diễn ra nhanh và cả trong tình huống chiến dịch phải kéo dài đến hết mùa mưa.

Tôi gợi ý một số điểm để tổ đi sâu nghiên cứu như phương án hình thành thế bao vây, chia cắt địch về chiến lược, chiến dịch; khả năng tiêu diệt địch ở vòng ngoài không cho chúng co cụm vào nội đô; trận then chốt là ở đâu? thọc sâu vào thành phố từ hướng nào? biện pháp khống chế sông Lòng Tàu, kênh Chợ Gạo, sân bay Biên Hòa, sân bay Tân Sơn Nhất; sử dụng máy bay của địch đánh các mục tiêu trong thành phố và chặn đường địch chạy ra biển...

Phòng họp của tổ thường trực được bố trí ngay tại Sở Chỉ huy. Tôi thường xuyên chủ trì các cuộc thảo luận, ghi lại những ý kiến tốt.

Lời khai của Nguyễn Vĩnh Nghi cũng mang lại nhiều thông tin quan trọng. Sau khi bị bắt ngày 16/4 tại Phan Rang, viên trung tướng này được đưa ngay ra miền Bắc. Trước thái độ đối xử khoan hồng, nhân đạo của cách mạng, Nguyễn Vĩnh Nghi đã tiết lộ nhiều điều, cho thấy lực lượng phòng thủ của địch đã bị căng ra rất mỏng, lực lượng dự bị còn rất ít. Trong nội đô, địch chỉ dựa vào lực lượng cảnh sát và phòng vệ dân sự. Hướng hiểm yếu nhất, theo y, là tiến công từ Gò Dầu Hạ - Trảng Bàng. Trên hướng đông, địch có thể phá các cầu để chặn bước tiến của quân ta. Địch bố trí các kho đạn chính ở Nhà Bè và Cát Lái. Long Bình chỉ là kho tiếp liệu. Do địch dựa chủ yếu vào lực lượng không quân, nên các sân bay Tân Sơn Nhất, Biên Hòa và Cần Thơ giữ vai trò quan trọng, đặc biệt là sân bay Biên Hòa, nơi đậu các máy bay cường kích F5 và A37...

Khi được hỏi về thất bại của y tại Phan Rang, Nghi đổ lỗi cho binh lính tinh thần sa sút, không chịu chiến

đấu. Như còn nuôi tiếc một hy vọng đã trở thành ảo tưởng, y nói:

- “Chúng tôi thiếu tiếp liệu và thiếu thời gian. Nếu các ông đánh chậm một tháng nữa thì chưa biết sẽ ra sao!”.

Các thành viên hai phái đoàn quân sự Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở trại Đavít trong sân bay Tân Sơn Nhất cũng cung cấp nhiều tình hình đáng chú ý. Thái độ ngoan cố, ngang ngược của địch giảm dần, tỷ lệ nghịch với đà tiến công và nổi dậy của quân và dân ta. Không còn những lời nói cục cằn, thô lỗ, những hành động cắt điện, cắt nước. Thay vào đó, đối phương đã hạ giọng, tỏ ra biết điều trong giao tiếp, tìm cách thăm dò thái độ ta, thậm chí ngỏ ý muốn có cuộc nói chuyện để hoãn binh, cố tránh một cuộc tiến công lớn vào Sài Gòn, cứu nguy quyền khỏi nguy cơ sụp đổ. Cũng có thể coi đây là một hàn thủ biểu báo thời tiết chính trị - quân sự lúc này, đặt ngay trong lòng địch.

Ngày 16/4, sau khi nghe báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận, tôi gợi ý thêm: Hướng tiến công nào có lợi nhất, bất ngờ nhất? Làm sao có thể bao vây chặt, tiến công tiêu diệt nhanh các sư đoàn địch ở vòng ngoài? Làm sao tổ chức thọc sâu nhanh vào thành phố? Trong trận này, khả năng tan rã của địch có diễn ra như ở Tây Nguyên và Đà Nẵng không? Địch sẽ đối phó như thế nào khi chúng phát hiện lực lượng ta xung quanh Sài Gòn, nhất là trên hướng đông? Nếu căn cứ Biên Hoà và Tân Sơn Nhất bị khống chế, không quân địch còn khả năng hoạt động nữa không? Nếu Mỹ bỏ cuộc hoặc thay Thiệu, ta cần chớp thời cơ giành toàn thắng ra

sao? Nếu không dứt điểm được trong tháng 4, thì ta đánh trong mùa mưa như thế nào?

Tổ thường trực khẩn trương hoàn chỉnh phương án tác chiến vào ngày hôm sau.

Về thế bố trí của địch trên từng hướng, tổ kết luận: Hướng đông và tây - tây bắc là nơi địch có lực lượng mạnh. Ở các hướng tây và tây nam, địch bố trí phòng thủ yếu hơn. Địch đang dồn lực lượng ra đối phó với ta ở vòng ngoài, nên trong nội đô rất yếu. Riêng ở Sài Gòn - Gia Định, ta có thế mạnh của chiến lược tổng hợp, trong và ngoài cùng đánh, quần chúng bên trong nổi dậy, địch rất khó chống đỡ. Nếu ta đánh cho chúng thiệt hại nặng ở vòng ngoài, thì ở bên trong rất có thể có tình hình đột biến.

Tổ thường trực đề nghị chọn hướng tây bắc là hướng tiến công chủ yếu. Hướng đông là hướng quan trọng. Hướng đông nam là hướng thọc sâu. Hướng nam là hướng hiểm yếu, cũng cần được tận dụng. Về cách đánh, cần bao vây, chia cắt, tiêu diệt các cụm phòng thủ vòng ngoài, kết hợp tiến công, đột kích thật mạnh từ bên ngoài với tác chiến, phá hoại và nổi dậy từ bên trong, không cho địch co cụm vào nội đô, nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế chủ yếu, làm chủ tình hình.

Để thực hiện cách đánh trên, cần dồn đốc các cánh quân vào vị trí tập kết sớm, khoảng từ ngày 20 đến ngày 30/4, nhất là ở những hướng chủ yếu. Cánh quân phía đông phải nhanh chóng đánh chiếm Bà Rịa, phát triển xuống Vũng Tàu, Nhơn Trạch, từ Nhơn Trạch đặt pháo bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Quân đoàn IV đón đánh quân địch

ở Xuân Lộc. Đoàn 232 cắt đường số 4 theo kế hoạch. Trên các hướng, bộ đội phải nhanh chóng áp sát pháo kích các mục tiêu quân sự. Ở hướng Khu IX, cần khống chế sân bay Trà Nóc (Cần Thơ), không cho địch sử dụng để chi viện cho Sài Gòn. Bộ đội đặc công phải chiếm giữ các cầu dẫn vào thành phố, tạo điều kiện cho các lực lượng thọc sâu.

Tổ cũng chuẩn bị một phương án tác chiến trong mùa mưa. Trong trường hợp này, cần động viên bộ đội giữ vững quyết tâm, liên tục chiến đấu, tạo điều kiện để dứt điểm trong mùa khô sắp tới. Cần có thêm lực lượng bổ sung, thay thế, chuẩn bị thêm phương án tác chiến và cách đánh trong mùa mưa ở địa hình vùng ven Sài Gòn và miền Tây Nam Bộ. Đẩy mạnh phong trào tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long, phối hợp chặt chẽ với mặt trận Sài Gòn...

Anh Khánh báo cáo xong. Tôi nhất trí về cơ bản với kết quả nghiên cứu của Tổ, và chỉ thị mấy điểm:

1. Tình hình phát triển rất nhanh. Địch đang ở thế thất bại, thế đi xuống và đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Các tình huống có thể thay đổi. Phải dự kiến hết những tình hình đột biến khi thời cơ xuất hiện. Phải nhanh chóng bao vây, chia cắt, tập trung lực lượng thật mạnh đánh đòn quyết định, tiêu diệt các sư đoàn của địch ở vòng ngoài, không cho chúng co cụm vào Sài Gòn, đồng thời tổ chức những binh đoàn mạnh nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong nội đô.

2. Chú trọng công tác binh vận. Cần kịp thời khai thác tù binh, hàng binh để nắm được tình hình mới nhất. Cần nắm thêm tình hình chính trị, xã hội ở Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long.

3. Cần nắm vững chủ trương của Bộ Chính trị là Tổng tiến công và nổi dậy, kết hợp tiến công với nổi dậy. Dự kiến cho hết sức mạnh nổi dậy của quần chúng và sự tham gia của nhân dân trong tác chiến và cơ động của bộ đội.

4. Tranh thủ giành thắng lợi hoàn toàn trước khi những cơn mưa đầu mùa trút xuống. Đồng thời tính toán thêm về sử dụng lực lượng, về hậu cần chiến lược, chiến dịch nếu phải đánh kéo dài. Trong mọi tình huống đều phải bảo đảm chắc thắng.

5. Dù sao cũng chỉ là những ý kiến nghiên cứu bước đầu. Cần tiếp tục suy nghĩ thêm. Nhược điểm là chưa có được tình hình toàn diện mới nhất của chiến trường, nên ý kiến của tổ là để tham khảo. Quyết định là ở các cấp lãnh đạo, chỉ huy tại chỗ. Bộ Tổng tham mưu cử ngay cán bộ vào trao đổi với các anh ở mặt trận.

Buổi làm việc kết thúc, nhưng ai cũng thấy công việc chỉ mới bắt đầu. Mọi ý nghĩ đều quay về một hướng: Đánh vào sào huyệt của địch, một nơi đông dân, được phòng thủ vòng trong vòng ngoài. Làm sao giành thắng lợi nhanh nhất, không cho địch co cụm, tiết kiệm được xương máu của bộ đội, tránh thiệt hại cho dân... Những bộ óc tham mưu động não đến cao độ để tìm ra đáp số.

Từ sau Hội nghị Bộ Chính trị ngày 31/3/1975, quyết tâm chiến lược của Đảng nhanh chóng biến thành hành động thực tiễn, từ tiền tuyến đến hậu phương.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tập trung chỉ đạo chiến trường trọng điểm. Vấn đề đầu tiên là bảo đảm

cho các lực lượng của ta từ phía Bắc đến chiến trường nhanh nhất, đủ nhất, sung sức nhất. Một chiến dịch chi viện chiến trường đã mở màn.

Các đoàn cán bộ tham mưu, hậu cần được lệnh vào ngay đường Trường Sơn đôn đốc bộ đội hành quân và theo dõi việc vận chuyển đạn lớn cho pháo và xe tăng, đẩy nhanh tốc độ chi viện cho B2, bất luận trong tình huống nào cũng không được vì điều động lực lượng chậm - mà để lỡ thời cơ chiến lược.

Điện vào điện ra tới tấp.

Những câu hỏi hầu như không thay đổi. Tất cả xoay quanh bước chân hành quân của bộ đội: Cánh quân ven biển đã tiến đến đâu? Bao giờ thì Quân đoàn I vào tới nơi? Các sư đoàn 341, 316, các sư đoàn của Tây Nguyên đang ở nơi nào? Đoàn xe chở đạn khi nào đến? Trong khi đó những câu trả lời lại mỗi ngày, mỗi giờ một khác, không câu nào giống câu nào, đẩy nhanh các mũi tên đỏ trên bản đồ tiến dần xuống phía Nam.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương rất mừng được biết lực lượng quân chúng đã và đang được phát động. Thành ủy Sài Gòn - Gia Định lập các đội tuyên truyền xung phong rải hàng vạn tờ truyền đơn. Các cơ sở của ta trong thành phố đã chuẩn bị hàng trăm xe ô tô, loa phóng thanh, may nhiều cờ và biểu ngữ... Các anh Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt trực tiếp lãnh đạo việc tổ chức, chỉ đạo quần chúng nổi dậy. Lực lượng lãnh đạo của Đảng và chính quyền cách mạng đã về ở ngoại thành, nhiều thành ủy viên và cán bộ cấp tương đương đã vào hẳn nội đô. Dự

kiến ta có khả năng huy động hàng vạn người xuống đường khi cần thiết... Lực lượng vũ trang Sài Gòn - Gia Định với hai trung đoàn Gia Định I, Gia Định II, các đơn vị biệt động thành... được Bộ Chỉ huy chiến dịch bổ sung nhiều trung đoàn và một lữ đoàn đặc công thiện chiến.

Đoàn cán bộ Bộ Tổng tham mưu và các tổng cục có nhiệm vụ giúp Bộ Tư lệnh chiến dịch trên các mặt tổ chức chỉ huy, công tác chính trị, công tác hậu cần, kỹ thuật đã vào đến chiến trường. Các anh điện ra báo cáo đang khẩn trương triển khai công tác. Nhớ lại hôm nào, trước lúc lên đường, thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi giao nhiệm vụ cho đoàn với tất cả sự tin cậy. Tôi yêu cầu các đồng chí nhận rõ tầm quan trọng của chiến dịch sắp tới, một chiến dịch quy mô lớn với lực lượng 4-5 quân đoàn tham chiến, có nhiều binh khí kỹ thuật, tiến công địch trong một thành phố lớn, kết hợp với quần chúng nổi dậy từ bên trong, cần có sự phối hợp hiệp đồng rất cao, trên một không gian rất rộng... Nhiều vấn đề mới được đặt ra, phải giải quyết thật tốt trong một thời gian ngắn, không để lỡ thời cơ, giành thắng lợi lớn nhất về chiến lược, chiến dịch. Phải nắm thật vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nắm vững tư tưởng và nghệ thuật quân sự Việt Nam, vận dụng trong từng tình huống, nhiệm vụ cụ thể, từ việc cơ động bộ đội, cơ động vũ khí, khí tài trên địa hình đồng bằng phức tạp, việc chi viện hỏa lực pháo binh có hiệu quả mà không gây tổn thất cho dân, đến việc tiếp quản một thành phố mấy triệu dân, quản lý, giáo dục hàng triệu tù binh và nhân viên ngục quyền.

Tôi bắt tay từng người, gửi cả niềm tin vào trong ánh mắt các anh Nam Long, người chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân năm xưa, lúc này là Phó Giám đốc Học viện Quân sự, Doãn Tuế, Tư lệnh pháo binh, Nguyễn Chí Diễm, Tư lệnh đặc công, Lê Xuân Kiện, Phó Tư lệnh thiết giáp, Hoàng Niệm, Phó Tư lệnh thông tin, Phan Khắc Hy, Phó Tư lệnh Đoàn 559... Là những cán bộ chỉ huy đầu ngành, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, các anh hăng hái ra đi, hứa sẽ cố gắng hoàn thành nhiệm vụ ở mức cao nhất.

Với sự có mặt đầy đủ các đồng chí trong Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận Sài Gòn - Gia Định, trên cơ sở các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, B2 được tăng cường các cán bộ của Đoàn A.75 và đoàn cán bộ của Bộ Tổng tư lệnh, Sở Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh nhanh chóng hình thành.

Thời cơ lúc này đối với ta thuận lợi về nhiều mặt, cho phép nhanh chóng bắt đầu cuộc tổng công kích vào Sài Gòn. Tuy vậy, trong tình hình các đơn vị chủ lực lớn chưa vào hết chiến trường, Bộ Chính trị điện chỉ thị cho Bộ Tư lệnh chiến dịch chuẩn bị thêm trong ít ngày, chờ các quân đoàn vào đủ để có ưu thế tuyệt đối về lực lượng so với địch, bảo đảm đánh chắc thắng. Bức điện do đồng chí Bí thư thứ nhất ký tên, nói rõ: “Tôi đã bàn với anh Văn, nhận thấy cần chuẩn bị thêm mấy ngày nữa, đến khi phần lớn lực lượng của Quân đoàn III và Quân đoàn I (cả bộ binh và

binh khí kỹ thuật) đến nơi sẽ bắt đầu cuộc tiến công lớn, chưa nên làm ngay bây giờ.

Dù sao, thời gian mở màn chiến dịch chậm nhất là vào hạ tuần tháng 4/1975. Từ nay đến đó, cần đẩy mạnh hoạt động của các cánh quân, đặc biệt là cánh quân phía tây và tây nam, cắt đường số 4, bao vây chia cắt địch, làm cho chúng hoang mang, rối loạn, tạo điều kiện cho trận quyết định cuối cùng”.

Báo cáo của Bộ Tổng tham mưu cho biết các anh ở chiến trường đồng ý với những ý kiến đề xuất của tổ thường trực về phương án tác chiến giải phóng Sài Gòn. Sự nhất trí giữa phía trước và phía sau về vận dụng nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời điểm quyết định của chiến tranh làm tăng thêm niềm tin tất thắng. Trên tinh thần đó, bức điện của Bộ Chính trị nhấn mạnh: “Kế hoạch tiến công toàn diện cần bảo đảm một khi đã phát động thì phải tiến công thật mạnh và liên tục, dồn dập đến toàn thắng, vừa phát động tiến công ở ngoại vi, vừa có lực lượng sẵn sàng nắm thời cơ thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn từ nhiều hướng, thực hiện từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào, tạo điều kiện cho đồng bào nổi dậy. Trong tình hình hiện nay, thần tốc, táo bạo, bất ngờ là ở chỗ đó. Cần có dự kiến và chuẩn bị đối phó với tình huống cuộc chiến đấu có thể kéo dài một thời gian”.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh khẩn trương hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến trên cơ sở phương án cũ đã được Trung ương Cục thông qua. Tinh thần là tránh những xáo trộn không cần

thiết, các lực lượng B2 vốn quen thuộc chiến trường đảm nhiệm các hướng có địa hình phức tạp, dành những hướng gần nhất ở phía bắc và phía đông cho các lực lượng từ xa đến. Mặt khác, lệnh cho các đơn vị của Quân khu VIII, Quân khu IX, các đơn vị đặc công, biệt động vùng ven và trong nội thành liên tiếp đánh địch, áp sát thành phố Cần Thơ và các con đường huyết mạch, nhất là đường số 4 từ Sài Gòn xuống đồng bằng sông Cửu Long. Quân và dân Nam Bộ hừng hực khí thế tiến công, phát huy sức mạnh tổng hợp của ba mũi quân sự, chính trị và binh vận cùng giáp công, giải phóng một số khu vực quan trọng, nối liền các căn cứ “lõm” ở Long An, Gò Công, Bến Tre, Mỹ Tho, mở ra những hành lang từ Đông Nam Bộ sang Tây Nam Bộ, làm chủ các đường giao thông quan trọng. Vừa tác chiến vừa xây dựng lực lượng, một số tỉnh và huyện thành lập được thêm nhiều tiểu đoàn, đại đội địa phương, nhiều xã đã có đội du kích. Đặc biệt ở phía tây nam Sài Gòn, nơi có địa hình sinh lầy, trống trải, bộ đội và nhân dân đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn, đánh thông hành lang Tây Ninh - Kiến Tường, làm chủ một phần sông Vàm Cỏ Tây, mở ra một vùng giải phóng, lót sẵn lương thực, đạn dược, tạo thế rất thuận lợi cho một bộ phận của Đoàn 232 tiến công vào Sài Gòn. Ở hướng tây nam, Bộ Tư lệnh quyết định tiến công vào thị trấn Thủ Thừa và thị xã Tân An, không đánh chiếm Mộc Hoá như trong kế hoạch cũ. Trận đánh không thành công vì quân địch đã phòng bị sẵn. Quân ta chuyển sang đánh quân địch phản ứng, quét hệ thống đồn bốt của địch ở bắc đường số 4, gây cho địch

hiều thiệt hại. Ở phía tây bắc, Sư đoàn 25 ngụy bị đánh mạnh, buộc phải phân tán đối phó, không co được về giữ ven đô.

Thế trận tại chỗ đã bày xong.

Ngày 22/4, lần cuối cùng, kế hoạch tiến công Sài Gòn - Gia Định được Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh thông qua và phê duyệt.

Tuyển phòng ngự Xuân Lộc sụp đổ. Tia hy vọng sau chót của ngụy quân, ngụy quyền cũng tắt ngấm.

Theo “gợi ý” của Mỹ, Nguyễn Văn Thiệu từ chức tổng thống. Mỹ hy vọng “thay ngựa” để đội cho tay sai một lót mới, hòng trì hoãn cuộc tiến công của ta vào Sài Gòn. Đài Sài Gòn trưa ngày 22/4 phát đi tiếng nói buồn bã, rời rạc và cay đắng của Thiệu trách móc quan thầy Mỹ đã bỏ rơi mình: “... Mỹ đã yêu cầu chúng ta thực hiện điều không thể làm được. Vì vậy, tôi đã bảo họ: Các ông đòi hỏi chúng tôi làm điều mà các ông đã thất bại với nửa triệu binh lính tinh nhuệ và sĩ quan có tài với gần 300 tỷ đôla chi phí trong sáu năm trời. Nếu tôi không nói rằng các ông bị cộng sản Việt Nam đánh bại, thì tôi cũng phải nói một cách khiêm tốn là các ông cũng không thể chiến thắng. Nhưng các ông đã tìm đường rút lui trong danh dự. Hiện nay, khi quân đội chúng tôi thiếu vũ khí, đạn dược, máy bay trực thăng, máy bay B52, các ông lại đòi hỏi chúng tôi làm một điều không thể làm được giống như việc dùng đá lấp đầy đại dương, giống như các ông đưa cho tôi chỉ có 3 đôla mà thúc giục tôi đi bằng máy bay ghế hạng nhất, muốn

phòng 30 đôla một ngày ở khách sạn, ăn 3-4 miếng bít tết và uống 7-8 ly rượu một ngày. Đó là điều kỳ quặc...”.

Thói quen ăn chơi ảm thực của viên tổng thống ngoại xen cả vào khẩu khí, ngay cả trong tuyên bố cuối cùng.

Hạ tuần tháng 4/1975, các lực lượng lớn của quân ta lần lượt vào vị trí triển khai.

Ở hướng bắc, Quân đoàn I đã có mặt ở khu vực nam sông Bé.

Ở hướng tây bắc, Quân đoàn III tiến đến Dầu Tiếng.

Ở hướng tây, đoàn 232 áp sát tuyến sông Vàm Cỏ Đông và Hậu Nghĩa.

Ở hướng nam, Trung đoàn 88 và Trung đoàn 24 được tăng cường Trung đoàn 271B đứng chặn ở Cần Giuộc. Sư đoàn 5, Sư đoàn 8 áp sát đường số 4 từ Tân An đến Cai Lậy, áp sát Mỹ Tho. Đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh Miền, Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy chiến dịch, trực tiếp chỉ huy hướng tây và hướng nam.

Ở hướng đông, Quân đoàn IV sau khi giải phóng Xuân Lộc, áp sát Trảng Bom. Quân đoàn II, Sư đoàn 3 và Lữ đoàn 52 (Quân khu V) tiến sát Long Thành, Vũng Tàu, Nước Trong, Bà Rịa. Đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh cánh quân phía đông, nay là Phó Tư lệnh chiến dịch chỉ huy hướng này.

Tất cả sáu trung đoàn đặc công và hàng chục đội biệt động đã sẵn sàng từ vùng ven đến nội thành.

Các phi đội của không quân ta ở sân bay Thành Sơn đã sẵn sàng cất cánh.

Tại Tổng hành dinh, trên tám bản đồ chiến dịch Hồ Chí Minh, các mũi tên lớn màu đỏ vít chặt lấy hang ổ cuối cùng của địch.

Lúc này, quân và dân Campuchia đã từng bước phá vỡ sức đề kháng của quân đội Lon Non ở ngoại vi thủ đô Phnôm Pênh. Được ta trợ giúp đạn súng lớn, bạn đã nã pháo vào trung tâm thành phố. Ngày 12/4, Mỹ tổ chức cuộc hành quân mang tên “Điều hâu”, di tản cố vấn và binh lính Mỹ ra khỏi thủ đô bằng đường không. Ngày 17/4, Phnôm Pênh được giải phóng.

Các cơ quan Bộ Tổng tư lệnh làm việc ngày đêm. Đặc biệt Phòng 70 thuộc Cục Quân báo, chuyên theo dõi tin địch bằng phương tiện kỹ thuật, bấm máy từng phút từng giờ.

Tin về cho biết: Sài Gòn hỗn loạn. Binh lính và nhân viên nguy quyền từ các tỉnh phía bắc, nhất là từ Phan Rang, Xuân Lộc chạy về, mang theo tâm trạng hốt hoảng và những điều mắt thấy tai nghe, càng làm cho tình hình thêm bi đát. Dân chúng bắt đầu di tản. Các sứ quán phương Tây ra đi. Trần Văn Hương, một ông già bị bệnh thấp khớp và mù lòa, lên thay Thiệu, kêu gào “tử thủ”, nhưng chẳng mấy ai nghe! Ngày 23/4, tại Trường đại học Tulan (Tulane) ở Niu Óoclêan (New Orléans), Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho tuyên bố: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ”.

Thời cơ đã đến. Tôi điện cho các cánh quân đôn đốc khẩn trương chuẩn bị tiến công, đặc biệt là cánh quân phía đông phải cố gắng bảo đảm đánh Biên Hòa theo đúng kế hoạch.

Sáng ngày 22/4, Bộ Chính trị hội ý. Có tin Mỹ sẽ loại bỏ Trần Văn Hương bất lực, thay vào đó bằng một người “dễ tiếp xúc” hơn với Mặt trận dân tộc giải phóng, định dùng thủ đoạn ngoại giao để ngăn chặn cuộc Tổng tiến công của ta. Cũng có tin Pháp muốn đứng ra làm trung gian liên lạc với Mặt trận dân tộc giải phóng và Hà Nội hòng cứu vãn tình thế.

Sau khi xem xét tình hình, anh Ba điện khẩn vào chiến trường: “Mỹ ngụy tìm cách trì hoãn cuộc tiến công của ta vào Sài Gòn, lập chính phủ mới, đưa ra đề nghị ngừng bắn đi đến giải pháp chính trị cứu vãn tình thế khỏi thất bại hoàn toàn. Thời cơ quân sự, chính trị để mở cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi... Ra chỉ thị ngay cho các hướng hành động kịp thời, kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng”.

Quân ủy Trung ương cũng điện gấp cho anh Văn Tiến Dũng, truyền đạt ý kiến của Thường trực Quân ủy Trung ương: “... Địch không có quyết tâm cố thủ Sài Gòn khi bị tiến công mạnh... Chúng trì hoãn để tìm cách đề nghị ngừng bắn, kéo dài sang mùa mưa... Sài Gòn không giữ nổi thì chúng rút về đồng bằng sông Cửu Long, lấy Cần Thơ làm trọng tâm... Hướng tây nam và đường số 4 sẵn sàng ngăn chặn, tiêu diệt địch trong tình huống chúng rút từ Sài Gòn về Cần Thơ”.

Ngày 23/4, hãng thông tấn Pháp AFP đưa tin Mỹ - ngụy dùng máy bay C130 ném bom Đêxi Cútlor (Daisy Cutler) và bom CBU xuống các mục tiêu giữa Biên Hòa và Xuân Lộc, có hàng trăm xác chết. Bom Đêxi Cútlor chuyên

dùng để phá từng mảng cây rừng, dọn mục tiêu làm bãi đậu cho máy bay lên thẳng. CBU (Cluster Bomb Units) là loại bom khi nổ gây ra một đám cháy với nhiệt độ lớn, tạo ra một khoảng chân không thiêu hủy mọi thứ và làm chết ngạt mọi sinh vật trong vùng. Tôi điện ngay vào mặt trận, hồi 19 giờ hôm ấy: “Có thể đây là loại bom ngạt CB 455 mà Ủy ban đã đề nghị sử dụng. Cũng có thể địch tung tin để uy hiếp tinh thần... Phải thực sự đề phòng. Anh Ba và Thường trực Quân ủy có ý kiến: Phát động sớm Tổng tiến công làm cho hình thái ta và địch xen kẽ. Đơn vị ở xa nguy trang cho tốt. Chú ý phòng độc... Pháo 130mm và Đ74 đánh mạnh vào Tân Sơn Nhất và căn cứ không quân Biên Hòa, gây tổn thất nặng cho không quân địch. Các sân bay Cần Thơ, Vũng Tàu, dùng pháo cối và đặc công đánh mạnh”.

Ngày 26/4, Bộ Chính trị họp, giữa lúc công việc chuẩn bị mọi mặt từ Bộ thống soái tối cao đến Bộ Tư lệnh và các đơn vị ở chiến trường trọng điểm cơ bản đã hoàn thành. Anh Trường Chinh, vốn rất quan tâm cách đánh chiến lược, theo dõi chặt chẽ trận tổng công kích và nổi dậy cuối cùng mà anh gọi là “coup décisif”¹.

Bộ Tổng tham mưu báo cáo: Các binh đoàn chủ lực của ta đã triển khai trên các hướng. Các đơn vị chủ lực tại chỗ của B2 cũng đã vào vị trí, sau khi tác chiến tạo thế ở phía nam và tây nam Sài Gòn. Các lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng của Thành đội Sài Gòn đã đứng sẵn ở ven đô, áp sát các mục tiêu được phân công. Hàng trăm

1. Đòn quyết định.

cán bộ và đội viên vũ trang vào đứng chân tại các “lỗm” ở vùng ven và nội đô, chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy khi chủ lực tiến công. Quân ta đang ở thế áp đảo. Lực lượng lãnh đạo ở cơ sở và lực lượng chính trị quần chúng đều đã sẵn sàng.

Năm mục tiêu quan trọng đã được Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh xác định là: sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu ngụy, dinh Tổng thống ngụy quyền, Biệt khu thủ đô và Tổng nha Cảnh sát.

Về cách đánh, Bộ Tư lệnh chiến dịch chủ trương hình thành thế bao vây, cô lập địch trong thành phố, sử dụng lực lượng thích hợp trên từng hướng chia cắt, tiêu diệt địch ở bên ngoài, đồng thời sử dụng một bộ phận quan trọng lực lượng tổ chức thành những mũi đột kích mạnh, thọc sâu đánh thẳng vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm năm mục tiêu đã được xác định. Từ đó, toả ra phối hợp với các đơn vị đặc công, biệt động, tự vệ thành phố và quần chúng nổi dậy, đánh chiếm tất cả các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế trong thành phố. Một số lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng vũ trang tại chỗ được giao nhiệm vụ đánh chiếm và làm chủ các cầu, tham gia cùng các đơn vị hỏa lực khống chế sân bay và các trận địa pháo của địch.

Phương châm là hiệp đồng chặt chẽ, tiến công nhanh, hạn chế đến mức thấp nhất thương vong của bộ đội và tổn thất về tính mạng, tài sản của nhân dân.

Bộ Chính trị nghe đọc bức điện dài của anh Lê Đức Thọ đề ngày 24/4, nói rõ tình hình ta và địch từ khi đánh Xuân Lộc đến lúc này. Mười sư đoàn đưa vào chiến trường

vừa mới tới nơi. Chiến trường có một số khó khăn về hậu cần, nhưng quyết tâm của mặt trận là vừa đánh vừa bổ sung, hết sức cố gắng bảo đảm những điều kiện tối thiểu để mở màn chiến dịch. Địch chưa phán đoán được cách đánh của ta. Chúng bố trí ngăn chặn từ xa, có kế hoạch phá cầu nếu không giữ nổi. Ta đang chuẩn bị khẩn trương cho kế hoạch tiến công và nổi dậy. Dự kiến, trong tình huống xấu, như địch phá cầu, quân ta có kế hoạch khắc phục, làm cầu, hoặc tác chiến trong điều kiện không có xe tăng và pháo binh...

Sau khi kiểm tra lại lần cuối việc chuẩn bị cho trận đánh quyết định, cuộc họp kết thúc trong không khí náo nức, phấn khởi, quyết tâm, sẵn sàng đón tin chiến thắng.

Giờ phút quyết định đã đến.

Chiến trường Nam Bộ bùng lên như một cơn lốc.

Các hãng thông tấn trong nước và nước ngoài hoạt động hết tốc lực. Tin tức dồn dập bay về, dồn hầu hết sự chú ý của dư luận thế giới vào một điểm nóng: Sài Gòn.

Thông tấn xã Việt Nam, Thông tấn xã Giải phóng, các cơ quan thông tin đại chúng của cả hai miền liên tục loan tin chiến thắng. Trên báo và đài, hầu như không còn chỗ cho các vấn đề nào khác ngoài tình hình cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Các cuộc thông báo thời sự lan đến trong từng nhà, từng thôn xóm. Tiễn tuyến càng sôi động, hậu phương càng náo nức, đợi chờ.

Ở Hà Nội, các cơ quan Bộ Tổng tư lệnh thường trực 24 trên 24 giờ. Đối với các cơ quan thông tin, báo chí, Tổng

hành dinh ở khu vực “Nhà con rồng” là nơi cung cấp tin chiến sự sốt dẻo nhất, nhanh chóng nhất, chính xác nhất. Cục Tác chiến phải dành riêng một số thời gian hiểm hoi để cùng Cục Tuyên huấn phát tin cho báo và đài.

Các đồng chí Tổng tham mưu phó Hoàng Văn Thái và Cao Văn Khánh cùng tôi thường trực ở Sở Chỉ huy. Anh chị em thông tin, cơ yếu thay phiên nhau làm việc suốt đêm ngày. Cơm nước được mang đến tận nơi.

Tối 27/4, Cục Tác chiến báo cáo tình hình chiến sự vùng ven Sài Gòn. Quân ta cơ bản thực hiện kế hoạch tác chiến chiến dịch trên các hướng.

Hướng bắc, Sư đoàn 312 (Quân đoàn I) chuẩn bị tiến công Bình Cơ, Bình Mỹ, tạo thế cho quân đoàn triển khai lực lượng ở vùng ven.

Hướng tây bắc, anh Vũ Lăng, Tư lệnh Quân đoàn III sử dụng pháo cối diệt các trận địa của địch. Sư đoàn 316 chặn địch ở Phú Mỹ và đông Trảng Bàng.

Hướng tây nam, anh Lê Đức Anh cho quân áp sát đường số 10, chuẩn bị tiến công địch trên đường số 4, chia cắt Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long, mở đầu cầu vượt sông Vàm Cỏ Đông, chiếm lĩnh vùng ven.

Hướng đông, cánh quân của anh Lê Trọng Tấn tiến công căn cứ Nước Trong, chi khu quân sự Long Thành và thị xã Bà Rịa. Ở Nước Trong, địch chống cự, dùng máy bay bắn phá bờ bãi, phản kích liên tục suốt cả ngày. Sư đoàn 304 mở nhiều đợt tiến công mà vẫn chưa dứt điểm. Quyết tâm của quân ta là phải thực hiện bằng được nhiệm vụ đánh chiếm căn cứ Nước Trong, nhất là việc triển khai trận địa

pháo ở Nhơn Trạch để bắn vào căn cứ không quân Tân Sơn Nhất đúng thời điểm đã định.

Qua tình hình diễn biến chiến sự, Bộ Tổng tham mưu nhận xét: hướng đông, tuy địch chống cự ngoan cố, nhưng nhìn chung có nhiều thuận lợi. Hướng bắc và hướng tây bắc chậm hơn một chút. Hướng tây nam có thể tiến kịp các mũi khác. Hoạt động của quân ta trên đường số 4 đạt hiệu quả tốt, nếu phát triển mạnh hơn, sẽ tạo thêm điều kiện cho hướng bắc và tây bắc phát triển tiến công.

Tôi điện ngay cho anh Tấn: “Cho biết ngay dự kiến thời cơ phát triển vào nội đô, cả trong trường hợp đến mục tiêu sớm hơn thời gian quy định. Khi có thời cơ cụ thể thuận lợi, bảo đảm chắc thắng thì tranh thủ phát triển. Nếu trận địa pháo 130 đặt xong ở Nhơn Trạch và bắn được vào Tân Sơn Nhất thì Sài Gòn sẽ rung động lớn”.

Tối 28/4, các đài phương Tây đưa tin: Hồi 16 giờ 40 phút, 5 chiếc máy bay A37 do Mỹ chế tạo đã dội bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất ở độ cao 5.000 bộ. Một số máy bay của “không lực Việt Nam Cộng hòa” và của Hoa Kỳ bị phá hủy, trong đó có 3 chiếc AC119 và nhiều chiếc C47. Trận ném bom đã thúc giục Mỹ phải “thực hiện tối đa” việc di tản nhân viên quân sự và dân sự của họ. Hồi 20 giờ cùng ngày, 2 chiếc C130, mỗi chiếc chở 180 người, đã mạo hiểm cất cánh ngay trên đường băng vừa bị ném bom...

Sự kiện này nằm trong ý định của Bộ Tổng tư lệnh trong việc dùng không quân chiến đấu trước và trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn, đã được trao đổi nhiều lần với các anh ở B2. Thượng tuần tháng 4, anh Lê Ngọc Hiền điện ra báo cáo: ta thu được một số máy bay chiến đấu, và

đề nghị cho người vào nghiên cứu sử dụng. Ngay sau đó, lại nhận được tin Nguyễn Thành Trung, cơ sở binh vận của ta hoạt động bí mật trong hàng ngũ địch, sau khi ném bom dinh Tổng thống ngụy, đã hạ cánh an toàn xuống sân bay Phước Long. Bộ Tổng tham mưu nhất trí đề đạt với Quân ủy Trung ương cần sử dụng số phi công được Mỹ đào tạo, huấn luyện các sĩ quan lái máy bay chiến đấu của ta, sử dụng số máy bay vừa thu được tham gia chiến dịch, gây cho địch một bất ngờ lớn.

Anh Văn Tiến Dũng cũng điện ra đề nghị cho không quân ta dùng máy bay vừa thu được của địch ném bom vào sào huyệt quân ngụy ở Sài Gòn đúng vào ngày 28/4.

Tôi cầm máy trực tiếp báo cáo với đồng chí Bí thư thứ nhất. Anh Ba vui vẻ đồng ý.

Bộ triệu tập ngay anh Lê Văn Tri, Tư lệnh Phòng không - Không quân lên “Nhà con rồng”.

Tôi hỏi:

- Hiện đã thu được bao nhiêu máy bay A37 có thể dùng được?

- Báo cáo: ở Đà Nẵng 1 chiếc, phi công ta đang dùng để học chuyển loại. Ở sân bay Phù Cát, ta thu được 5 chiếc còn nguyên, nhưng chưa bay thử.

- Thế là tốt. Bộ Chính trị đã đồng ý cho không quân ta ném bom Sài Gòn. Giao nhiệm vụ cho đồng chí trực tiếp tổ chức thực hiện trận đánh này thắng lợi. Thời gian đúng vào ngày 28/4 như anh Dũng đã điện ra. Việc chọn thời cơ và mục tiêu cho máy bay tiến công sẽ do anh Dũng chỉ thị trực tiếp. Về cách đánh, sẽ do Bộ Tổng tham mưu và tiền phương Phòng không - Không quân quyết định.

Chiều 26/4, anh Tri vào tới Phù Cát. Anh Hoàng Ngọc Diêu, Phó Tư lệnh quân chủng cũng đã có mặt. Việc huấn luyện chuẩn bị người và máy bay được tiến hành rất khẩn trương. Chỉ trong mấy ngày, ta đã có một phi đội A37 sẵn sàng hoạt động. 17 giờ ngày 28/4, phi đội mang tên Quyết Thắng do Nguyễn Thành Trung chỉ huy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phá hủy 20 máy bay địch trên sân bay Tân Sơn Nhất.

Cuộc công kích bất ngờ của ta bằng máy bay của Mỹ đạt hiệu quả chiến đấu lớn, nhưng hiệu quả về tinh thần, tâm lý lại còn lớn hơn nhiều.

Sau hai ngày mở màn cuộc tổng công kích, tối 28/4, Bộ Tổng tham mưu tổng hợp và báo cáo tình hình chiến trường trọng điểm:

Bộ đội ta trên các hướng về cơ bản đã thực hiện được kế hoạch tiến công, bao vây cô lập Sài Gòn, chia cắt tuyến ngoài thành phố. Ta đã cắt đường số 15 (Sài Gòn - Vũng Tàu) và đường số 4 (Sài Gòn - đồng bằng sông Cửu Long), chiếm được một số mục tiêu quan trọng như Trảng Bom, Long Thành, Đức Thạnh, thị xã Bà Rịa, làm chủ căn cứ Nước Trong. Các sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất bị tê liệt. Lực lượng vũ trang và nhân dân vùng ven Sài Gòn phối hợp với bộ đội chủ lực, tiến công và nổi dậy, giải phóng các căn cứ của địch ở xung quanh thành phố. Ở hướng đồng bằng sông Cửu Long, bộ đội Quân khu VIII và Quân khu IX áp sát các thị xã Cần Thơ, Mỹ Tho, khống chế sân bay Bình Thủy...

Hệ thống chỉ huy của quân nguy, từ Bộ Tổng tham mưu đến các quân đoàn đều rối loạn. Trần Văn Hương phải từ chức để Dương Văn Minh lên thay. Nhiều nhân vật tai to mặt lớn trong nguy quyền, nguy quân đã chuồn ra nước ngoài. Dương Văn Minh là con bài cuối cùng Mỹ - nguy đưa ra dàn xếp với ta để hòng đạt tới “ngừng bắn”.

Như vậy là qua hai ngày chiến đấu, tình hình diễn biến tốt. Ngày hôm sau, 29/4, bộ đội ta trên năm hướng có thể nổ súng tiến công vào nội thành Sài Gòn, theo đúng kế hoạch đã đề ra.

22 giờ đêm hôm ấy, tôi điện gửi các anh Lê Đức Thọ và Phạm Hùng: “... Chiến dịch đã bắt đầu thắng lợi giòn giã. Chúng tôi tất cả đều phấn khởi, gửi lời chúc các anh khỏe và toàn thắng. Nhắc các cơ quan tham mưu, chính trị: đi đôi với mệnh lệnh tác chiến, cần có chỉ thị cụ thể về nhiệm vụ, phạm vi quản lý thành phố của từng đơn vị, xúc tiến kế hoạch phát triển thắng lợi, tiêu diệt và làm tan rã quân địch ở đồng bằng sông Cửu Long. Có dự kiến điều chỉnh lực lượng sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng nhất là những việc cần làm trước mùa mưa...”.

22 giờ 30 phút, tôi lại điện tiếp, gửi anh Tuấn, anh Tư Nguyễn, đồng điện anh Sáu, anh Bảy: “... Chuyển lời Bộ Chính trị và Bộ Tổng tư lệnh gửi lời chào quyết thắng đến toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên. Các đồng chí hãy anh dũng tiến lên giành thắng lợi cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại”.

Đêm 28/4/1975, một đêm thức trắng của cơ quan Tổng hành dinh. Các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy

Trung ương cũng không ai ngủ được. Những người nắm được kế hoạch cụ thể của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đều cùng thức với chiến trường, đón giờ “G” của trận Tổng công kích vào Sài Gòn như đón phút giao thừa của lịch sử.

Sáng sớm hôm sau, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp tại Sở Chỉ huy.

Một tấm bản đồ Sài Gòn - Gia Định trải rộng trên bàn. Các đồng chí lãnh đạo ngồi và đứng xung quanh, theo dõi tình hình chiến sự đang diễn biến.

Cơ quan tham mưu chiến lược phát huy hết mọi năng lực của bộ máy chỉ huy, theo dõi sự phát triển của cuộc Tổng công kích và nổi dậy từng phút, từng giờ. Anh Lê Hữu Đức kịp thời báo cáo những tin mới nhận được từ các nguồn khác nhau, không chậm hơn thực tiễn đang diễn ra ở chiến trường là mấy.

Các mũi tên đỏ được tô đậm thêm, kéo dài thêm, tiến về hướng nội đô. Những nét gạch chéo lần lượt đánh dấu các mục tiêu đã bị đánh chiếm. Hầu như mỗi giờ, mỗi khắc đều có tin mới đưa về. Nhiều chức sắc ngụy quân, ngụy quyền bỏ chạy ra nước ngoài, gồm nghị sĩ, cựu thủ tướng, tổng tham mưu trưởng. Sài Gòn hỗn loạn. Quân địch như rấn mất đầu. Các nhân viên quân sự và dân sự Mỹ tháo chạy bằng máy bay lên thẳng từ sân thượng một số nhà cao tầng trong cuộc hành quân *Cơn lốc*. Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn, cử đại diện đến trại Đavít ở Tân Sơn Nhất xin gặp phái đoàn ta trong Ban liên hiệp đình chiến để “thương lượng”!

Không khí phấn khởi, sôi nổi, hào hùng bao trùm cuộc họp. Vừa nghe báo cáo vừa trao đổi ý kiến. Mỗi tin tức là một sự kiện, một tình huống, cần được xử trí kịp thời.

10 giờ, đồng chí Bí thư thứ nhất gửi một điện khẩn vào chiến trường:

“1. Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng.

2. Công bố đặt thành phố Sài Gòn/Gia Định dưới quyền của ủy ban quân quản do tướng Trần Văn Trà làm Chủ tịch... Ký tên: Ba”.

Tin về dồn dập. Các cán bộ tác chiến, quân báo, thông tin, cơ yếu... quên nghỉ, quên ăn. Đang làm việc cách Sài Gòn gần 2.000km mà ai cũng thấy mình như đang ở ngay mặt trận, cùng đồng đội, đồng bào tiến công và nổi dậy, góp sức giành toàn thắng.

Tối 29/4.

Tôi chủ trì buổi giao ban, nghe đồng chí Cục trưởng Cục Tác chiến báo cáo tổng hợp tình hình. Các cánh quân của ta trên năm hướng đã đồng loạt nổ súng, hiệp đồng chiến đấu, đánh chiếm các mục tiêu quan trọng chủ yếu, mở cửa thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn.

Hướng tây bắc, Quân đoàn III tiêu diệt căn cứ Đồng Dù, bắt sống viên tư lệnh sư đoàn Lý Tòng Bá. Nhân dân vùng đất thép Củ Chi nổi dậy chiếm quận lỵ.

Ở hướng bắc, Quân đoàn I đánh chiếm thị trấn Tân Uyên, bao vây Phú Lộc và tiến xuống Lái Thiêu.

Hướng tây nam, Đoàn 232 chiếm thị xã Hậu Nghĩa, chi khu quân sự Đức Hòa, thị xã Tân An, thị trấn Bến Lức. Nhân dân vùng Hóc Môn, Bà Điểm và xã Phú Thọ Hòa nổi dậy.

Hướng đông, địch ngoan cố chống cự. Quân đoàn IV tiến chậm. Quân đoàn II phát triển thuận lợi hơn. Đơn vị thọc sâu của Quân đoàn II đã vòng qua căn cứ Long Bình, đang phát triển theo xa lộ.

Ở ven đô, các lực lượng vũ trang địa phương và quân chúng nổi dậy, phối hợp với các binh đoàn chủ lực. Bộ đội phát triển đến đâu, vùng giải phóng mở rộng đến đó. Nhìn chung, địch đối phó yếu ớt, tan rã nhanh, phần lớn rút chạy hoặc đầu hàng khi bị tiến công.

Theo kế hoạch, 5 giờ 30 phút sáng 30/4/1975, các hướng đồng loạt đánh vào Sài Gòn.

Riêng cánh quân phía đông, anh Lê Trọng Tấn đề nghị cho nổ súng trước từ 18 giờ ngày 29/4. Lý do là các lực lượng ta còn cách vùng ven từ 15 đến 20km, phải vừa đánh địch vừa tiến quân, lại phải vượt sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, nếu cùng nổ súng sẽ không đến kịp.

Điện của anh Tấn đến vào lúc nửa đêm. Cục Tác chiến đánh thức tôi dậy. Nửa giờ sau, tôi và anh Lê Hữu Đức tới nhà anh Ba.

Sau khi anh Đức đọc bức điện, tôi đề nghị chuẩn y cho cánh quân phía đông đánh vào 18 giờ chiều ngày 29/4, sớm hơn giờ G mười hai tiếng.

Anh Ba đồng ý và nói:

- Đánh, đánh, đánh thôi anh ạ! Lúc này, cánh quân nào phát triển thắng lợi là tạo thắng lợi chung cho toàn chiến dịch.

Tôi hỏi: - Điện ký tên anh chứ?

- Không! Anh là Tổng Tư lệnh, ký tên anh.

Một thoáng sau, anh Ba nói thêm:

- Ký thêm tên tôi cũng được, hoặc nói rõ đã trao đổi với anh Ba và anh Ba nhất trí.

Về tới Tổng hành dinh, tôi viết ngay điện trả lời anh Tấn, đồng điện cho anh Dũng. Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh cũng đồng ý để cánh quân phía đông nổ súng sớm hơn kế hoạch.

Như vậy, trên thực tế từ 18 giờ ngày 29/4/1975, trận tiến công Sài Gòn - Gia Định đã bắt đầu.

Trời đã về khuya. Cục Quân báo vừa nắm được tình hình địch mới nhất. Anh Cao Văn Khánh điện gấp cho các chiến trường: “Có tin địch ra lệnh cho các tàu hải quân ở Cần Thơ, Đồng Tâm và Phú Quốc tập trung ở một địa điểm, và một số tàu đổ bộ chuẩn bị đi sang đảo Guam. 78 máy bay của ngụy đã chuyển đến Utapao... Theo dõi xem tàu hải quân có chở bộ binh theo không và có kế hoạch đánh cho kịp”.

Lại một đêm nữa, cả Tổng hành dinh cùng thức với chiến trường, vì miền Nam, vì cả nước.

Ngày 30/4/1975.

Gần ba mươi năm qua, mà ngày lịch sử ấy vẫn hiện lên đậm nét trong ký ức, như mới hôm nào.

“Nhà con rồng” hôm nay hình như rạng rỡ hơn trong gió xuân ấm áp. Ngôi nhà cũ, thêm sân rộng và cả bốn con rồng đá châu ở bậc lên xuống như tươi tắn hơn mọi ngày. Những cây ngọc lan tán lá sum suê, tỏa hương thơm ngát.

Sớm hơn thường lệ, tôi ngồi vào bàn làm việc ở Sở Chỉ huy. Trên tấm bản đồ ở mặt bàn, các mũi tên đỏ đã tiến vào trung tâm thành phố. Tôi phác họa trong đầu một chương trình cho ngày hôm ấy, với bao nhiêu công việc phải làm: hội ý Bộ Chính trị, nắm thêm phản ứng của Mỹ, dự kiến các hoạt động quân sự, chính trị trong trường hợp chưa dứt điểm được ngay, chỉ đạo tác chiến và nổi dậy ở phần đất còn lại sau khi Sài Gòn giải phóng, điện động viên bộ đội, nhắc nhở chấp hành nghiêm các chính sách vào thành...

Bất giác, tôi nhớ lại ngày toàn thắng ở Điện Biên Phủ, ngày 7/5/1954. Lễ tất nhiên ở đây có rất nhiều điểm khác. Thế nhưng, cũng cái không khí phấn khởi sôi nổi ở Sở Chỉ huy, cũng những giờ phút nao nức đón tin vui từ phía trước điện về, những suy nghĩ về công việc ở cuối và sau chiến dịch. Và nhất là cũng cái cảm giác lâng lâng khó tả, vừa khẩn trương, sôi nổi, vừa lâng lâng, chủ động, vừa lo lắng chờ đợi, vừa vui sướng, tự hào, lúc này không còn là của riêng ai trong ngày toàn thắng của dân tộc.

Anh Ba, anh Trường Chinh, anh Đồng cũng đến đây sớm hơn thường lệ. Các anh khác trong Bộ Chính trị lần lượt đến sau, đông đủ. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp theo dõi tình hình chiến trường Sài Gòn - Gia Định, thảo luận công việc và đón tin toàn thắng. Anh Cao Văn Khánh,

trực ban ngày hôm ấy, túc trực tại phòng tác chiến, chốt chốt lại sang báo cáo tình hình mới nhất. Các mũi tiến công của quân ta phát triển rất nhanh về hướng trung tâm thành phố. Mục tiêu cuối cùng của chiến dịch đã tới gần, chỉ còn tính từng giờ. Tin đến thường cắt ngang cuộc họp, đang phát biểu phải dừng lại giữa chừng, nhưng mọi người đều vui vẻ chấp nhận.

Anh Khánh báo cáo: Đại sứ Mỹ Martin chuẩn khỏi Sài Gòn lúc 4 giờ 15 phút sáng. Hy vọng của ông ta thỏa hiệp, đàm phán với “Việt cộng” tan vỡ như bọt xà phòng.

Binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn II trong cánh quân phía đông của anh Lê Trọng Tấn đang vượt cầu xa lộ trên sông Đồng Nai, diệt ổ đề kháng của địch ở Thủ Đức, phía bắc cầu Rạch Chiếc. Trận địa pháo của ta ở Nhơn Trạch đã bắn hơn 300 viên đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Các đơn vị đầu tiên đang tiến từ cầu Tân Cảng vào Sài Gòn. Quân đoàn IV tiến về Hồ Nai. Địch liều mạng chống giữ. Ta tiêu diệt Hồ Nai, đang tiến công sở chỉ huy Quân đoàn III ngụy, chuẩn bị tiến vào nội đô.

Sư đoàn 10 Quân đoàn III đang tiến vào ngã tư Bảy Hiền.

Quân đoàn I đánh vào Lai Khê, Phú Lộc, Lái Thiêu, đang tiến vào Gò Vấp; một cánh quân khác đánh địch từ cầu Bình Phước đến cầu Bình Triệu.

Đoàn 232 đang tiến về hướng Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát ngụy.

Trên đường số 4, quân ta đã chiếm Thủ Thừa, thị xã Tân An.

Trung đoàn 1 và Trung đoàn 2 Gia Định áp sát bắc sân bay Tân Sơn Nhất, mở hành lang vào ngã tư Bảy Hiền.

Bộ đội đặc công chiếm giữ cầu Rạch Chiếc, cầu xa lộ Biên Hòa.

Lực lượng vũ trang Biên Hoà phối hợp với bộ đội chủ lực giải phóng Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ.

Ở vùng ven đô và nội đô, nhân dân nổi dậy phối hợp với bộ đội tiến công địch. Ở nhiều quận, nhiều phường xóm, đồng bào vùng lên chiếm đồn bốt địch, trụ sở ngục quyền. Cờ cách mạng đã tung bay ở phường Tây Nhì, quận Phú Nhuận từ trưa ngày 29/4.

Một cảnh tượng điển hình của chiến tranh nhân dân Việt Nam diễn ra hết sức hào hùng. Tiến công kết hợp với nổi dậy. Quân sự, chính trị, binh vận giáp công. Sức mạnh tổng hợp của cách mạng áp đảo ngục quân, ngục quyền đang tan rã.

Trên hướng đồng bằng sông Cửu Long, các lực lượng vũ trang ta đã ém sẵn quanh các mục tiêu quan trọng. Ở Bạc Liêu, quân ta đã vào thị xã. Ở Sóc Trăng, ta đang tiến công thị xã và sân bay.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương trao đổi về những công việc cấp thiết. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi điện vào chiến trường: "... ủy ban quân quản công bố ngay trên đài phát thanh mệnh lệnh đầu tiên. Nội dung:

a) Quân giải phóng tiến vào để giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam.

b) Quân đội ngục quyền Sài Gòn phải lập tức hạ vũ khí đầu hàng.

c) Tuyên bố giải tán chính quyền các cấp.

d) Kêu gọi đồng bào đứng dậy, cùng Quân giải phóng đập tan mọi sự chống cự của địch, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, hoàn thành công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam thân yêu”.

Vừa theo dõi tin kỹ thuật của Cục 2, tôi vừa liên lạc bằng vô tuyến điện thoại tiếp sức với Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh. Các cánh quân của ta đang tiến rất nhanh. Địch đang trong tình trạng vô cùng nguy khốn.

10 giờ sáng. Đồng chí Nguyễn Thanh, trưởng phòng 70 vào báo cáo tin vừa nhận được: Theo Đài phát thanh Nhật Bản, Quân giải phóng miền Nam có xe tăng dẫn đầu đang tiến vào Sài Gòn. Mấy phút sau, có tin thêm: Dương Văn Minh đề nghị ngừng bắn để thương lượng.

Mọi người cùng nói: “Chỉ có đầu hàng vô điều kiện. Còn gì đâu mà thương lượng?”.

Tôi viết ngay một bức điện, lệnh cho các cánh quân tiếp tục tiến công. Nội dung bức điện được đọc lên, tất cả đều nhất trí. Cùng lúc đó, Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh cũng điện cho các quân đoàn và Đoàn 232 không vì có tin ấy mà dừng lại.

10 giờ 50 phút. Cục 2 báo cáo quân ta đã vào dinh Tổng thống ngự. Ngay sau đó, các đài phát thanh phương Tây cũng đưa tin này.

11 giờ 30 phút. Đồng chí Nguyễn Duy Phê, Cục phó Cục cơ yếu mang vào phòng họp một bức điện của anh

Lê Trọng Tấn báo cáo: một đơn vị thuộc cánh quân phía đông đã cắm cờ lên dinh Độc Lập.

Mọi người vây quanh tám bản đồ chiến sự. Tin từ các hướng tới tập điện về. Năm cánh quân của ta hợp điểm giữa Sài Gòn. Quân đoàn II chiếm dinh Tổng thống; Quân đoàn IV chiếm Bộ Quốc phòng, cảng Bạch Đằng và Đài phát thanh; Quân đoàn I chiếm Bộ Tổng tham mưu và khu vực các bộ tư lệnh các binh chủng; Quân đoàn III chiếm sân bay Tân Sơn Nhất; Đoàn 232 chiếm Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát. Kế hoạch tác chiến chiến dịch Hồ Chí Minh đã hoàn thành thắng lợi.

Trong không khí hân hoan, hội nghị sôi nổi trao đổi về những biện pháp cuối cùng. Tới điện ngay vào chiến trường thông báo ý kiến của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương: "... Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí, nhưng không phải với tư cách Tổng thống mà với tư cách một người đã sang hàng ngũ nhân dân. Đã nhận tin ta cắm cờ lên dinh Độc Lập lúc 11 giờ. Các anh trong Bộ Chính trị rất vui, rất vui".

Bức điện gửi đi lúc 12 giờ 25 phút.

Hội nghị ngừng họp.

Các đồng chí lãnh đạo ra cả ngoài hành lang. Tiếng cười nói rộn ràng, vui vẻ. Phấn khởi, nghẹn ngào, xúc động đến trào nước mắt.

Anh Ba, các anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, ai nấy đều nhớ đến Bác Hồ. Ước mơ nước nhà độc lập, thống nhất mà Bác hằng mong đã thành sự thật,

nhưng Người đã đi xa! Đồng bào, chiến sĩ miền Nam không còn được đón Bác vào thăm. Mọi người nghĩ đến biết bao đồng chí, đồng đội, đồng bào đã ngã xuống, không được thấy giờ phút khải hoàn. Ngay trong chiến dịch cuối cùng, bao nhiêu cán bộ, chiến sĩ đã vĩnh viễn ra đi trước ngày toàn thắng.

Tôi chỉ thị cho Cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục Chính trị điện ngay cho Việt Nam Thông tấn xã và Đài Tiếng nói Việt Nam kịp thời truyền tin thắng lợi, và chuẩn bị viết thông cáo chiến thắng. Chỉ mười lăm phút sau, đài đã ngừng buổi phát thanh thường lệ, phát đi phát lại những dòng tin phấn khởi mà muôn vạn con tim Việt Nam đón đợi: chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Lẫn vào tiếng loa phóng thanh, tiếng reo hò, hoan hô chiến thắng vang dậy khắp phố phường.

12 giờ 50 phút.

Tại Sở Chỉ huy, có mặt Thiếu tướng Cao Văn Khánh, Phó Tổng tham mưu trưởng, Đại tá Lê Hữu Đức, Cục trưởng Cục Tác chiến, Đại tá Nguyễn Trọng Yên và Thượng tá Phạm Chí Nhân, Cục trưởng và Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn. Không ai chú ý đến nghỉ ngơi, cơm nước. Được sống trong giờ phút lịch sử của dân tộc, ai cũng muốn được ghi lại hình ảnh kỷ niệm vô giá này. Trước tấm bản đồ thành phố Sài Gòn - Gia Định, mọi người đứng dậy, chăm chú nhìn theo hướng tay tôi chỉ. Thượng úy Nguyễn Tiến Trỗi, cán bộ bảo vệ thường xuyên đi với tôi, nhà nhiếp ảnh nghiệp dư với chiếc

máy ảnh hiệu Kiép, đã bấm liên ba kiểu ở góc độ thích hợp nhất.

Buổi chiều, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tiếp tục họp.

Mở đầu, Hội nghị nghe qua dây ghi âm tiếng nói đầu hàng của Tổng thống ngụy Dương Văn Minh: “Tôi là Dương Văn Minh, Tổng thống của chính quyền Sài Gòn. Tôi kêu gọi bỏ vũ khí đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng, giải tán cơ cấu chính quyền từ trung ương đến địa phương và giao quyền cho Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam”.

Tiếp đó là đại biểu Quân giải phóng chấp nhận sự đầu hàng của Dương Văn Minh.

Hội nghị tiếp tục thảo luận về công việc sắp tới và nêu lên những vấn đề sẽ bàn trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 3/5, chuẩn bị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị toàn thể.

Gần cuối buổi họp, mọi người nghe đọc hai bức điện của các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng vừa nhận được, trong đó các anh nói rõ: Dương Văn Minh đã đầu hàng, các cánh quân của ta tiếp tục phát triển theo kế hoạch. Ta kêu gọi quân địch nộp vũ khí... Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long sôi sục nổi dậy, lật đổ ngụy quyền, lập chính quyền cách mạng...

Hội nghị nhất trí gửi ra phía trước bức điện khen: “... Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhiệt liệt khen ngợi quân và

dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội đặc biệt tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc nguy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, đưa chiến dịch mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng.

Toàn thể các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng, cùng đồng bào tiếp tục tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc”¹.

Các anh trong Bộ Chính trị ra về. Các đồng chí trong Thường trực Quân ủy ngồi lại trao đổi, chuẩn bị cho cuộc họp của Quân ủy Trung ương dự định tiến hành vào ngày 2/5. Tôi nhắc thêm một số công tác cần chú ý làm thật tốt, nhất là việc quản lý vùng mới giải phóng, đặc biệt các thành phố lớn, vừa xây dựng chính quyền cách mạng vừa truy quét tàn binh, bắt giữ bọn phản động đầu sỏ, giữ vững trật tự trị an, bảo vệ tài sản, tính mạng của dân và tài sản công cộng, ổn định đời sống. Mỗi cán bộ, chiến sĩ phải là một cán bộ dân vận, biết phát động nhân dân cùng với bộ đội và các lực lượng cách mạng làm chủ địa bàn... Tôi cũng lưu ý Bộ Tổng tham mưu giải quyết số quân địch ở đồng bằng sông Cửu Long và các đảo Côn Sơn, Phú Quốc, đón anh chị em tù chính trị trở về. Việc xây dựng và

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, *Sđd*, tr.395.

điều chỉnh lực lượng trong điều kiện đất nước thống nhất và số lượng rất lớn trang bị kỹ thuật của địch vừa thu được cũng phải khẩn trương nghiên cứu đề xuất với Bộ Chính trị và Quân ủy.

Mặt trời đã khuất bóng sau rừng cây xà cừ trên đường Hoàng Diệu. Hà Nội đã lên đèn.

Còn lại một mình trong phòng làm việc với niềm vui náo nức, mà sao nước mắt tôi cứ trào ra.

“Giá như còn Bác...”.

Tư tưởng cách mạng và tư tưởng quân sự của Bác đã mang về thắng lợi trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Câu thơ xuân “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” đã vạch đường đi nước bước để có thắng lợi hôm nay.

Tôi lên xe đi một vòng quanh Hà Nội. Cả một rừng cờ hoa dậy lên tự lúc nào. Người đi chật phố, chật đường, vui như trẻ hội. Đêm nay, Thủ đô đốt pháo hoa mừng toàn thắng. Đêm nay, Hà Nội, cả nước vui với Sài Gòn, vui với miền Nam.

Trở lại của tây, tôi vào Sở Chỉ huy tiếp tục làm việc. Hình ảnh các anh lãnh đạo, chỉ huy bộ đội ở chiến trường lúc này hiện về rõ nét. Chắc các anh đã nhiều đêm không ngủ. Chắc các anh cũng hân hoan, xúc động như chúng tôi ở ngoài này. Dưới sự chỉ huy của các anh, quân ta đã “tiến vào Sài Gòn” ca vang câu hát: “Đồng bào ơi, ta đã về đây” của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, như ngày nào bộ đội ta từ

năm cửa ô tiến về giải phóng Thủ đô Hà Nội, ca vang bài hát của nhạc sĩ Văn Cao.

Trong điện gửi anh Văn Tiến Dũng và các đồng chí trong Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi tuyên dương công trạng các lực lượng vũ trang ta đã cùng đồng bào Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giành thắng lợi vang dội, làm nức lòng quân và dân cả nước và bè bạn năm châu.

Một khuôn mặt trù mẩn, thân quen chợt hiện lên trong tôi: Trung tướng Lê Trọng Tấn, người chỉ huy cánh quân đầu tiên tiến vào dinh Tổng thống ngụy quyền. Tôi viết ngay một bức điện vượt ra ngoài khuôn phép thông thường về quân sự: “18 giờ 30 phút. Anh Tấn ơi! Làm ăn tốt quá! Phấn khởi quá! Chúc các anh rất khỏe và chuyển lời mừng chiến thắng của mình cho các tướng trong đó. Ký tên: Văn”.

Sau này được biết: Khi nghe báo cáo quân ta đã chiếm dinh Độc Lập, Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng, cả Sở Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh reo mừng trong niềm vui chiến thắng. Không còn là chuyện bất ngờ mà ai nấy đều giàn giụa nước mắt, siết chặt tay nhau, phấn khởi, tự hào. Các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng xúc động ôm hôn mọi người. Anh Đinh Đức Thiện, vui tính là thế, mà giờ lại là người khóc ra tiếng to nhất. Anh Trần Văn Trà, đôi mắt đỏ hoe, ghen ngào sung sướng. Riêng anh Phạm Hùng, mở phanh chiếc áo bà ba,

vừa cười to, vừa bình luận sảng khoái, vừa ra lệnh chuẩn bị tiếp quản Sài Gòn.

Sáng ngày 1/5/1975.

Ngày Quốc tế Lao động mang thêm ý nghĩa ngày chiến thắng. Tình giai cấp hòa quyện trong tình dân tộc, làm nổi bật một nét đẹp trong tư tưởng cách mạng của Bác Hồ.

Tại Sở Chỉ huy, Bộ Tổng tham mưu báo cáo tình hình đồng bằng sông Cửu Long và các đảo còn lại. Khi biết tin Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, ở phần lớn các tỉnh, lực lượng vũ trang ta đã kết hợp với quần chúng nổi dậy, số lượng có nơi ước tới hàng vạn người như ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau... tiến công mạnh vào ngục quân, ngục quyền ở cơ sở, buộc chúng phải đầu hàng. Ở Cần Thơ, đêm 29/4, Sư đoàn 4 tiến công hai sân bay Bình Thủy và Trà Nóc, Tiểu đoàn Tây Đô, Tiểu đoàn 303 kết hợp tác chiến với binh vận tiến công Sở Chỉ huy địch trong thành phố. Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Vùng IV chiến thuật tự sát. Chiều 30/4, tỉnh Cần Thơ được giải phóng.

Ở Vĩnh Long, Trà Vinh, mặc dù bị quân và dân ta tiến công, uy hiếp, đêm 29 và sáng 30/4, một bộ phận quân địch ở đây còn chống trả quyết liệt. Đến 17 giờ chiều 30/4, Tỉnh trưởng Vĩnh Long và Sư đoàn trưởng Sư đoàn 9 ngục phải đầu hàng. Với hai tiểu đoàn và lực lượng quần chúng có các sư sãi tham gia rất đông đảo, ta đã giải phóng Trà Vinh trong ngày 30/4.

Sau khi chiếm được các thành phố, thị xã quan trọng, ta đã kịp thời đưa lực lượng tiến sâu vào các vùng đồng bào các tôn giáo như Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc, bức hàng nhiều đồn bốt địch. Ở các vùng nông thôn Nam Bộ, hàng trăm chi khu, phân chi khu quân sự, hàng ngàn đồn bốt của địch tan rã, đầu hàng trước làn sóng tiến công và nổi dậy của quân và dân các địa phương... Cả vùng châu thổ sông Tiền, sông Hậu được giải phóng.

Tại Côn Sơn, ngày 30/4 và 1/5/1975, những người cách mạng bị địch giam cầm ở đây đã nổi dậy phá nhà lao, giải phóng đảo. Các lực lượng tại chỗ ở Phú Quốc kết hợp với anh chị em tù chính trị trong các trại giam tiến công và nổi dậy giải phóng đảo trước khi lực lượng ta từ đất liền ra tới nơi. Cho đến ngày 2/5/1975, trên toàn miền Nam đã sạch bóng quân thù.

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta toàn thắng.

Đại thắng mùa Xuân 1975 là kết quả rực rỡ của việc thực hiện ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh, kết hợp với các mũi tiến công quân sự, chính trị, binh vận sôi nổi của quân và dân miền Nam ngay từ đầu và trong cả quá trình Tổng tiến công và nổi dậy. Còn phải kể đến hai mũi tiến công ngoài kế hoạch: Đó là sự hình thành và

chiến đấu dũng mãnh, thần tốc của cánh quân phía đông, thúc đẩy tình hình chiến trường phát triển mau lẹ, kịp thời tăng cường lực lượng cho trận chiến đấu quyết định diệt địch ở sào huyệt cuối cùng. Đó là mũi tiến công sắc bén trên vùng lãnh hải, nhanh chóng giải phóng quần đảo Trường Sa và các đảo ven biển, hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Ở đây, các đòn tiến công quân sự mạnh mang ý nghĩa quyết định. Các cuộc nổi dậy của nhân dân sôi nổi, rộng khắp, muôn hình muôn vẻ là đòn chiến lược hết sức lợi hại, tiến công địch khắp nơi, làm cho thắng lợi đến nhanh.

Một sự trùng hợp lịch sử thú vị đã diễn ra: Hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc trong thế kỷ XX cùng kết thúc bằng cuộc chiến đấu 55 ngày đêm. Nếu như ở Điện Biên Phủ, 56 ngày đêm là thời gian cần thiết cho một trận tiến công dài ngày vào một tập đoàn cứ điểm kiên cố theo phương châm “đánh chắc tiến chắc”, thì 55 ngày đêm Tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam lại là bước kết thúc chiến tranh không ngừng rút ngắn, khẩn trương, “thần tốc”, nhanh đến không ngờ! Dù ngắn hay dài, thời gian vẫn là lực lượng.

Chiều 1/5, tôi tranh thủ thăm Cục Tác chiến, cơ quan trực tiếp phục vụ chỉ huy quân sự, trong không khí từng bừng, phấn khởi. Hầu như tất cả mọi người trong cơ quan đều có mặt. Một tràng pháo dài nổ vang chào mừng tin toàn thắng. Tôi hỏi thăm anh Hoàng Văn Thái, vì bận không đến dự, ôm hôn anh Cao Văn Khánh, các cán bộ tham mưu,

các nhân viên mật mã, đánh máy, thông tin... Tôi nói: Qua 30 năm lãnh đạo, chỉ huy quân đội, lần này tôi thấy công tác tham mưu có tiến bộ vượt bậc. Từ kế hoạch tác chiến đến nắm địch, nắm ta, truyền đạt mệnh lệnh... đều chính xác, kịp thời. Xin cảm ơn tất cả các đồng chí. Tiếp đó, tôi sang thăm Cục Tuyên huấn, cơ quan giúp Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh trong công tác lãnh đạo, động viên, giáo dục tư tưởng cho bộ đội và tuyên truyền, báo chí. Anh Lê Quang Đạo, thay mặt Tổng cục Chính trị và toàn cơ quan tuyên huấn đón tiếp rất nồng nhiệt. Ở đây, sau khi khen ngợi những kết quả thu được trên mặt trận tư tưởng và dư luận, tôi nhắc lại tinh thần lời dạy của Bác Hồ: Thắng lợi tuy lớn nhưng mới chỉ là một bước trên con đường vạn dặm của cách mạng, tuyệt đối không được tự mãn, chủ quan.

Vì thời gian có hạn, tôi chỉ thăm được hai cơ quan giúp việc thường xuyên cho Bộ Tổng tư lệnh và Quân ủy Trung ương. Công việc chuẩn bị cho cuộc họp Quân ủy và cuộc họp của Bộ Chính trị trong các ngày tiếp theo không cho phép đi nhiều. Trong thâm tâm, tôi muốn đến thăm tất cả các cơ quan Tổng hành dinh, vì trong chiến công tập thể vĩ đại này, tổ chức nào, cá nhân nào cũng có phần đóng góp. Tôi muốn ôm tất cả các đồng chí vào lòng.

Mấy ngày sau, tôi cùng anh Ba vào thăm miền Nam hoàn toàn giải phóng. Quên sao được niềm vui mừng phấn khởi khi đặt chân trở lại trên thành phố mang tên Bác,

xúc cảm trước cảnh hân hoan mừng chiến thắng của đồng bào, đồng chí trên phố phường còn nguyên vẹn, tưởng như được đón Bác trở về từ nơi Người đã ra đi.

Chúng tôi về thăm các cơ sở cách mạng ở Sài Gòn, Biên Hoà, Cần Thơ, Rạch Giá..., những chiếc nôi đã nuôi dưỡng, chở che cho bao cán bộ kiên trung đi làm cách mạng không hèn có ngày về. Vui mừng, xúc động, anh Ba giới thiệu các Ba, các Má đã nuôi anh những ngày hoạt động bí mật trong lòng địch. Trước cảnh cũ người xưa, tôi bồi hồi nhớ lại những lần vào Nam thực hiện các nhiệm vụ cách mạng được giao. Năm 1929, với tư cách phái viên của Tổng bộ Tân Việt và nhóm cộng sản trong Tân Việt, tôi đến Sài Gòn với nhiệm vụ chuyển kỳ bộ Tân Việt sang hàng ngũ cộng sản. Sau đó, năm 1935, tôi lại vào gặp nhóm đảng viên hoạt động nửa công khai, nhận tài liệu của Đông Dương Đại hội mang ra Hà Nội. Tìm đến các cơ sở cũ thì hầu hết đã không còn nữa. Nhiều ân nhân của cách mạng không còn được thấy ngày khải hoàn của dân tộc.

Tiếp đó, tôi đến thăm các binh đoàn chủ lực, các đơn vị đặc công, biệt động, các đơn vị bộ đội địa phương. Những “anh Bộ đội Cụ Hồ” vừa làm nên kỳ tích, nhưng hết sức giản dị, thân tình. Tôi khen ngợi chiến công của cán bộ, chiến sĩ, lòng bồi ngùi thương tiếc bao đồng chí, đồng đội vừa ngã xuống để Tổ quốc trường tồn.

Tôi cũng đã đến quan sát Bộ Tổng tham mưu quân đội nguy. Tại phòng làm việc của Tổng tham mưu trưởng, tôi chú ý đến tờ lịch ngày 28 tháng 4 còn bóc dở. Trong phòng triển lãm vũ khí, nhiều loại vũ khí trang bị hiện đại đều

được trưng bày. Trên một tấm bản đồ Đông Dương chi chít những dấu chấm xanh, đỏ, đánh dấu những nơi mà vũ khí, trang bị điện tử phát hiện các căn cứ của ta, nhất là trên đường vận chuyển chiến lược Trường Sơn. Cảm tưởng sâu sắc nhất của tôi là: vũ khí kỹ thuật Mỹ dù hiện đại đến đâu cũng không thể cứu kẻ thù khỏi thất bại. Quyết định thắng lợi là con người Việt Nam yêu nước, dũng cảm, thông minh.

Chương X

ĐÔI DÒNG SUY NGẪM

Tôi muốn dành những trang cuối của tập hồi ức này để suy ngẫm về cuộc trường chinh 30 năm giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng. Càng nhìn sâu về quá khứ càng thấy rõ tương lai.

Ngày toàn thắng 30/4/1975 đã đi vào lịch sử.

Trong quá trình cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng, ba “cái mốc chói lọi bằng vàng”: Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Điện Biên Phủ và mùa Xuân 1975 đại thắng mãi mãi sáng ngời trong sử sách. Nhân dân Việt Nam đã làm nên câu chuyện thần kỳ tưởng chừng như không thể làm được giữa thế kỷ XX. Lần đầu tiên trong lịch sử, một dân tộc vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế kém phát triển, đánh thắng những cường quốc đế quốc chủ nghĩa chủ yếu bằng sức của chính mình, nêu một tấm gương anh dũng, bất khuất, trí tuệ, tài năng trước toàn thế giới.

Thiên anh hùng ca thắng Pháp, thắng Mỹ vang vọng mãi trên non sông đất nước ta, trên khắp các châu lục.

Vinh quang đời đời thuộc về nhân dân Việt Nam anh hùng, thuộc về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, bộ tham mưu cách mạng dũng cảm, sáng suốt, dạn dày kinh nghiệm đã lãnh đạo chiến tranh đến ngày toàn thắng.

Tổ quốc Việt Nam ghi công các Anh hùng liệt sĩ, những người con yêu quý xả thân vì dân, vì nước, “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

Lịch sử ghi nhận công đầu thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà chiến lược thiên tài, nhà văn hóa kiệt xuất, người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Thắng lợi của nhân dân ta cũng là thắng lợi của nhân dân các nước anh em, của loài người tiến bộ trên toàn thế giới đã nhiệt tình ủng hộ, hết lòng giúp đỡ cuộc chiến đấu chính nghĩa của Việt Nam chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Từ chiến thắng vĩ đại mùa Xuân 1975 đến nay, ba mươi năm đã trôi qua. Nhân loại đã bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới. Ở vào thời điểm quan trọng này, cần nhìn lại quá khứ hào hùng của dân tộc với nền văn hiến Việt Nam và những võ công oanh liệt, ôn lại chặng đường chiến đấu 30 năm dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và của Bác Hồ để rút ra những bài học dựng nước và giữ nước cho ngày nay và mai sau.

Một câu hỏi lâu nay không ít người đã đặt ra: *Vì đâu nhân dân Việt Nam, từ không một tấc sắt trong tay, vùng lên bẻ gãy gông xiềng nô lệ, lại đánh thắng “hai đế quốc to” trong một cuộc chiến tranh không cân sức, giành*

lại non sông đất nước, tiến lên giải phóng xã hội, giải phóng con người?

Sẽ không tìm được câu trả lời cho câu hỏi này nếu không nhìn sâu vào chiều dày lịch sử xa xưa, vào nền văn hóa dân tộc, vào truyền thống và di sản quân sự của tổ tiên, vào đường lối cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thật vậy, một sự kiện hiếm thấy trong lịch sử thế giới là các bộ tộc người Việt cổ sinh sống trên mảnh đất này đã sớm có một triết lý sống, hình thành và phát triển một nền văn hóa dân tộc mà hạt nhân là *chủ nghĩa yêu nước*, tinh thần đấu tranh bất khuất để làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, cố kết với nhau, tương thân tương ái, vừa dũng cảm vừa thông minh. Chính nhờ sức mạnh khôn lường của nền văn hóa ấy mà dưới ách đô hộ hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc, dân tộc ta không hề bị đồng hóa và cuối cùng đã vùng lên giành lại nền độc lập. Cho đến khi vị tổ Trung hưng đầu tiên là Anh hùng dân tộc Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, thì kỷ nguyên một nghìn năm độc lập tự chủ đã được mở ra, chỉ gián đoạn bằng 20 năm đô hộ của quân Minh. Suốt trong một nghìn năm ấy, dân tộc ta dưới triều đại của các vị vua yêu nước đã đánh thắng mọi kẻ địch xâm lược lớn mạnh hơn nhiều lần, từ Tống, Nguyên đến Minh, Thanh. Đặc biệt trong thế kỷ XIII, dân tộc ta đã ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông là đội quân xâm lược khét tiếng đã từng chinh phục nhiều

dân tộc từ Âu sang Á, đã chiếm lĩnh cả lục địa Trung Hoa. “Nam quốc sơn hà nam đế cư”. Hễ kẻ thù đụng đến nước ta thì “vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh”, giữ vững quê hương bảo vệ xã tắc. Từ *Hịch tướng sĩ* đến *Bình Ngô đại cáo*, một học thuyết quân sự Việt Nam đã hình thành và phát triển: “*lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo*”, “*lấy ít địch nhiều*”, “*lấy nhỏ thắng lớn*”. Học thuyết ấy đã biết vận dụng phép biện chứng đổi yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế, thời, mưu, cuối cùng đạt tới nguyện vọng sâu xa là giành lại và giữ vững chủ quyền dân tộc với những tư tưởng vượt thời đại: “*dập tắt muôn đời chiến tranh*”, “*đem lại thái bình muôn thuở*”.

Đến đây, một câu hỏi mới lại được đặt ra: *Vậy thì vì sao một dân tộc anh hùng như dân tộc Việt Nam lại phải sống kiếp ngựa trâu hơn 100 năm dưới ách thống trị của thực dân đế quốc phương Tây?*

Rõ ràng là có không ít nguyên nhân đưa đến một thời kỳ đen tối trong lịch sử đất nước, trong đó phải kể đến các chính sách sai lầm đi ngược lại lợi ích dân tộc của triều đình nhà Nguyễn. Nhưng suy cho cùng, nguyên nhân chủ yếu là *sự khủng hoảng về đường lối* vào thời điểm mà tương quan lực lượng giữa ta và địch đã có những thay đổi cơ bản: nước ta đang ở phương thức sản xuất phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, quân đội trang bị thô sơ, còn kẻ địch là một nước đã đi vào phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với nền công nghiệp hiện đại và quân đội được

trang bị hiện đại. Trước thực tiễn mới của cuộc đấu tranh, những người yêu nước Việt Nam hồi bấy giờ chưa tìm được kế sách cứu nước. Các phong trào yêu nước từ Nguyễn Trung Trực đến Hoàng Hoa Thám, từ Cần Vương đến Đông Kinh Nghĩa Thục, từ Đông Du đến Duy Tân đều bế tắc, không tìm ra lối thoát. Chính vì thế mà tinh thần anh dũng có thừa, nhưng các phong trào khởi nghĩa và nổi dậy từ Nam chí Bắc đều bị đàn áp dã man. Các lãnh tụ yêu nước chỉ “thành nhân” mà sự nghiệp cứu nước chưa “thành công” được.

Cho đến năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi *tìm đường cứu nước*. Mang trong mình hành trang tư tưởng truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam cùng với tinh hoa văn hóa phương Đông, Người đi khắp bốn biển năm châu với chí lớn giải phóng những “người cùng khổ”. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc - nhà yêu nước vĩ đại - đã đến với chủ nghĩa Lênin và Quốc tế thứ ba, tìm ra con đường cứu nước: con đường cách mạng vô sản, và trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Từ đó dân tộc đã gắn liền với giai cấp, quốc gia gắn liền với quốc tế, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Từ chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc tiếp thu thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng, tiếp thu và phát triển phương pháp luận Mác - Lênin, phương pháp duy vật lịch sử và duy vật biện chứng.

Với mục tiêu cách mạng mới, cuộc đấu tranh yêu nước không những mang lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc

mà còn mang lại tự do và hạnh phúc cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho toàn dân. Cuộc chiến tranh giải phóng đã trở thành cuộc chiến tranh toàn dân, một cuộc chiến tranh chính nghĩa “vì dân” và “do dân” có sức mạnh vô cùng to lớn quật ngã mọi kẻ thù. Với “*Chánh cương vắn tắt*”, “*Sách lược vắn tắt*” và “*Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng*”, đường lối cứu nước phải là “*Đường Kách mệnh*”, Đảng tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Trải qua những năm tháng đấu tranh, đường lối cách mạng đã được hoàn chỉnh vào năm 1941, khi Đảng đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên trên hết, đoàn kết mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận Việt Minh, phát động vũ trang khởi nghĩa, đưa Cách mạng Tháng Tám đến thắng lợi.

Trên cơ sở đường lối cách mạng của Đảng, học thuyết quân sự Việt Nam đã phát triển vượt bậc, giải quyết thành công trong điều kiện của thời đại mới vấn đề cốt lõi hầu như một nghịch lý: “*lấy nhỏ thắng lớn*”, “*lấy ít địch nhiều*”. Học thuyết quân sự Việt Nam luôn nắm vững mục tiêu cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn, phân tích tình hình thực tiễn, tìm ra quy luật và hành động theo quy luật, đánh thắng mọi kẻ địch hung bạo. Học thuyết ấy luôn theo dõi diễn biến mau lẹ và so sánh lực lượng giữa địch và ta trên chiến trường, tìm ra và tạo thời cơ có lợi nhất cho ta, tạo thế mạnh của ta, khoét sâu thế yếu của địch, tập trung lực lượng tiêu diệt địch. Khi tình hình thay đổi thì

kip thời thay đổi quyết sách về chiến lược, chiến thuật, tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, bí mật, bất ngờ, giành được thắng lợi lớn nhất, thường là trong những điều kiện khó khăn nhất.

Phát huy đến mức cao nhất tinh thần “*quyết chiến quyết thắng*”, “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”, khơi dậy nghị lực sáng tạo và tài thao lược của mỗi người và của toàn dân tộc, phát triển đến đỉnh cao trí tuệ Việt Nam, quân và dân ta đã làm nên những chiến công hiển hách tưởng chừng như huyền thoại.

Kiên định mục tiêu cách mạng, vận dụng thế giới quan, quan điểm thực tiễn, phương pháp luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là bài học mang tính cách mạng và khoa học, có ý nghĩa to lớn của học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Làm đúng theo bài học đó thì thành công. Không làm theo bài học đó thì sai lầm, thất bại.

Còn nhớ những ngày đầu tháng 8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ thời cơ lớn đã đến. Người quyết định nhất thiết phải họp Quốc dân Đại hội vào trung tuần tháng 8, dù các đại biểu chưa về đủ. Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng ra lệnh Tổng khởi nghĩa, đưa *Cách mạng Tháng Tám* đến thành công ở Thủ đô Hà Nội và trong cả nước chỉ trong vòng một tuần lễ. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Trải qua chín năm kháng chiến lâu dài, gian khổ chống đế quốc Pháp xâm lược, tại mặt trận *Điện Biên Phủ*, khi

thực tiễn chiến trường thay đổi, chúng ta đã hạ quyết tâm chuyển từ phương châm “đánh nhanh thắng nhanh” sang phương châm “đánh chắc tiến chắc”. Từ kế hoạch tiêu diệt địch trong ba đêm hai ngày sang kế hoạch chiến đấu liên tục trong 56 ngày đêm. Quyết tâm thay đổi phương châm ấy đã được Bác Hồ và Bộ Chính trị phê chuẩn. Cuối cùng, quân và dân ta đã tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của đế quốc Pháp được Mỹ giúp sức, một pháo đài mà Pháp và Mỹ đều cho là “bất khả xâm phạm”.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ kéo dài 21 năm trời, *cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975* là một điển hình thành công của học thuyết quân sự Việt Nam. Theo dõi sự phát triển cực kỳ mau lẹ của tình hình địch, ta trên chiến trường, Bộ thống soái tối cao đã có những quyết định kịp thời khi thời cơ mới xuất hiện, chuyển kế hoạch cơ bản giải phóng miền Nam từ hai đến ba năm lúc đầu sang kế hoạch thời cơ, rút xuống một năm rồi quyết định kết thúc trước mùa mưa, chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng, giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn.

Độc lập và tự chủ, thông minh và sáng tạo, đó là nét nổi bật của học thuyết quân sự Việt Nam.

Trong lịch sử ông cha ta đánh giặc, nhất là từ thời Lý, Trần về sau, các bậc tiền nhân đọc nhiều sách của các nhà chiến lược quân sự Trung Hoa cổ, nhưng không phải lúc nào cũng chủ trương “đánh mau giải quyết mau” hoặc phải có lực lượng gấp địch mười lần mới tiến công. Trong những năm kháng chiến vừa qua, các tướng lĩnh Việt Nam

tiếp thu tinh hoa quân sự thế giới, nhưng đánh thì theo cách đánh Việt Nam. Chính vì thế mà chúng ta đã thắng.

Năm 1971, tôi sang Liên Xô khẳng định quyết tâm đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn và đề nghị bạn có sự giúp đỡ đặc biệt. Tại cuộc họp với các đồng chí trong Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng chí Côxưghin hỏi: “Tôi xin hỏi đồng chí Giáp. Đồng chí nói Việt Nam đánh thắng Mỹ. Tôi muốn biết các đồng chí có bao nhiêu sư đoàn bộ binh cơ giới và Mỹ có bao nhiêu? Xe tăng, pháo hạng nặng, máy bay chiến đấu..., các đồng chí có bao nhiêu và Mỹ có bao nhiêu? Khả năng về phòng không, về tên lửa, về thông tin, radar của các đồng chí như thế nào? Xin đồng chí nói qua cho tôi biết”. Tôi trả lời: “Tôi hiểu câu hỏi của đồng chí. Đồng chí muốn biết về vấn đề so sánh lực lượng giữa chúng tôi với Mỹ. Theo học thuyết quân sự Xôviết là như vậy. Học thuyết quân sự Xôviết là hết sức ưu việt, đã chiến thắng phát xít Đức. Điều đó rất rõ ràng. Nhưng, tôi xin nói nếu chúng tôi đánh theo cách đánh của các đồng chí thì chúng tôi không đứng nổi được hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi đánh theo cách đánh khác, cách đánh của Việt Nam, và chúng tôi sẽ thắng”. Sau ngày toàn thắng, có dịp trở lại Liên Xô, gặp lại đồng chí Côxưghin, tôi cảm ơn Liên Xô đã nhiệt tình giúp đỡ Việt Nam đánh Mỹ. Đồng chí vui vẻ nói: “Việt Nam thắng to quá, như thế tốt quá! Xin chúc mừng các đồng chí!”.

Một vấn đề có tính quy luật của chiến tranh nhân dân Việt Nam là: *Toàn dân đánh giặc. Cả nước đánh Pháp, đánh Mỹ*, không phân biệt tiền tuyến, hậu phương. Ý chí

thống nhất Tổ quốc là thế và lực mạnh trong chiến tranh. Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một. Chiến trường Việt Nam là một. Cả dân tộc kết thành một khối trong tình đồng bào cùng chung giống nòi Hồng Lạc, không thể cắt chia. Thù nhà nợ nước là chung của cả dân tộc. Cả nước vùng lên đập tan xích xiềng, làm nên Cách mạng Tháng Tám. Giặc Pháp quay lại xâm lược Nam Bộ, miền Bắc, miền Trung xung phong Nam tiến. Bắc Bộ là chiến trường chính, Trung Bộ và Nam Bộ phối hợp hết mình. Miền Nam là tiền tuyến lớn, nơi “trực tiếp quyết định” thắng lợi, miền Bắc là hậu phương lớn, có vai trò “quyết định nhất”. Dưới mưa bom Mỹ, miền Bắc kiên cường đánh trả, chi viện sức người, sức của, tất cả vì miền Nam ruột thịt. Cả nước vì miền Nam, miền Nam vì cả nước. Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời. Kẻ thù đụng đến miền Bắc một, miền Nam đánh cho chúng gấp năm, gấp mười lần. Con số hơn một triệu cán bộ, chiến sĩ quê miền Bắc “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, trong đó hàng chục vạn người đã vĩnh viễn nằm lại trên chiến trường là một biểu trưng chói lọi.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cũng đã có lúc, do không nắm vững đường lối quân sự của Đảng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, không đi sát thực tiễn và không làm theo quy luật, chủ quan, duy ý chí, nên đã hạn chế không ít thắng lợi và chịu nhiều tổn thất.

Đã có một thời gian, mối quan hệ giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy là đề tài tranh luận kéo

dài trong các cán bộ quân sự ở chiến trường. Một số đồng chí nhận thức không đúng, chỉ chú trọng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, chiến tranh du kích, chỉ chăm lo xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích, coi nhẹ xây dựng bộ đội chủ lực. Một số nhà chiến lược nước ngoài nghiên cứu về Việt Nam cũng thường cho rằng chiến tranh nhân dân đồng nghĩa với chiến tranh du kích. Đó là những nhận thức hoàn toàn sai trái. Đảng ta không bao giờ có một chiến lược quân sự thuần túy, và cũng chưa bao giờ hạn chế chiến tranh ở mức độ chiến tranh du kích. Chiến lược chiến tranh cách mạng của Đảng là một chiến lược tổng hợp, kết hợp đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn. Trong khi đẩy mạnh đấu tranh chính trị, phát triển chiến tranh du kích, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng bộ đội chủ lực thành những binh đoàn mạnh từ tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn đến quân đoàn, trở thành những “quả đấm thép” đủ sức giáng cho địch những đòn tiêu diệt lớn, quyết định chiến trường.

Lại như do không nắm vững quy luật của khởi nghĩa và chiến tranh nên đã có chủ trương kết hợp với tổng công kích, tiến hành tổng khởi nghĩa trong chiến tranh ngay khi trên chiến trường còn hơn nửa triệu quân Mỹ và hơn một triệu quân ngụy và quân các nước phụ thuộc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) để lại

một bài học sâu sắc về khuyết điểm này. Trận tổng tiến công bất ngờ và đồng loạt đánh vào các đô thị và hầu hết các căn cứ hậu cần lớn của địch giành thắng lợi vang dội, đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ”, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Lẽ ra phải chuyển hướng hoạt động về nông thôn, nhưng chúng ta lại chủ trương tiếp tục tiến công vào các đô thị nhằm đẩy lên tổng khởi nghĩa, cuối cùng tổng khởi nghĩa vẫn không diễn ra, cách mạng phải chịu nhiều tổn thất.

Một ví dụ khác do làm sai quy luật nên phải trả giá bằng xương máu. Cách mạng là tiến công. Tư tưởng chiến lược của chiến tranh cách mạng bao giờ cũng là tư tưởng tiến công. Còn hình thức tác chiến thì có tác chiến tiến công, tác chiến phòng ngự kể cả về chiến lược chiến dịch và chiến đấu. Tuy nhiên, do nhận thức không đúng nên trong một thời gian dài, một số cán bộ cho rằng trong chiến tranh chỉ có đường lối tiến công, phủ nhận phòng ngự, thậm chí coi phòng ngự là điều cấm kỵ. Vì vậy mà trong một số trận đánh, bộ đội bị thương vong.

Trong những năm gần đây, Mỹ và một số cường quốc phát triển vũ khí và trang bị hiện đại. Cuộc chạy đua vũ trang vẫn đang tiếp tục. Đi đôi với sự xuất hiện của một chiến lược mới, đặt “nhân quyền” lên trên “chủ quyền”, một số thế lực hiếu chiến tự cho phép xâm lược một quốc gia độc lập và có chủ quyền, bất chấp luật pháp quốc tế. Sau chiến tranh vùng Vịnh (1991), vừa qua lại diễn ra cuộc chiến tranh xâm lược Xôxôvô. Một điều mới đặt ra:

Trong điều kiện chiến tranh xâm lược với vũ khí công nghệ cao, thì học thuyết quân sự Việt Nam còn có giá trị hay không?

Chúng ta không bao giờ chủ quan khinh địch, luôn coi trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, quân sự, phát triển học thuyết quân sự lên những bước mới. Và chúng ta có thể khẳng định ngay rằng: Học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh hoàn toàn có khả năng giữ vững nền độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược bất kể từ đâu tới.

Nền văn hóa Việt Nam, đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, học thuyết quân sự Việt Nam độc đáo, sáng tạo không ngừng phát triển là sức mạnh của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Hiểu được điều cơ bản ấy, sẽ giải đáp được các câu hỏi đã đặt ra.

Sau ngày quân và dân ta đập tan cuộc tập kích bằng không quân chiến lược B52 của Mỹ, nhà sử học Pháp Pie Risa Phêray đã nói rất đúng: “Những tên lửa SAM được sử dụng bởi tư tưởng lấy nhỏ thắng lớn, bởi nền văn hóa Việt Nam, bởi “tư chất Việt Nam” (la Vietnamité) theo chúng tôi chính là chìa khoá mở cửa thắng lợi của Việt Nam”¹.

1. Pie Risa Phêray: *Nước Việt Nam từ nguồn gốc xa xưa đến ngày nay*, Nxb. Báo chí Đại học Pháp, 1990, tr.87.

Không hiểu được điều đó, kẻ thù chuốc lấy thất bại cũng là lẽ tất nhiên.

Kennơđi con (J.F.K Junior) khi còn sống đã sang thăm Việt Nam với thiện chí tìm hiểu sâu về sai lầm của cha mình đối với đất nước hòa bình và hữu nghị này. Sau khi thăm Pắc Bó về, anh ta băn khoăn không hiểu vì sao trong những ngày gian khổ ấy, sống nơi hang đá hoang sơ mà những người Việt Nam lại có thể tin sẽ có thắng lợi hôm nay? Hơn nữa lại thắng ngay khi Pháp và Mỹ có những cố gắng chiến tranh cao nhất. Khi nghe tôi nói qua về nền văn hóa và lịch sử Việt Nam, anh ta vui mừng thật sự như được vỡ lẽ ra, điều mà Kennơđi cha và con trước đây không hề hay biết.

Tháng 11/1995, theo đề nghị của phía Mỹ, tôi đã tiếp ông Rôbôt Mắc Namara, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng dưới thời hai tổng thống Kennơđi và Giônxon, một trong những kiến trúc sư của chiến tranh xâm lược Việt Nam. Trong câu chuyện, tôi nhận xét:

- Trong cuốn hồi tưởng của ngài¹ có một điều mà tôi cho là đúng. Đó là Mỹ đánh Việt Nam mà không hiểu gì về lịch sử, địa lý, văn hóa, phong tục, tập quán, về con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam nói chung và những người lãnh đạo Việt Nam nói riêng. Chúng tôi có một nền văn hóa vững bền, có một học thuyết quân sự độc đáo đã được thử thách trong lịch sử. Vì vậy mà chúng tôi đã thắng.

1. R. S. Mắc Namara: *Nhìn lại quá khứ. Tấn thăm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

Ông Mắc Namara đáp: - Vâng, đúng như vậy.

Cuối cùng thì ông cũng đã nhận ra được một chân lý, rất tiếc là đã quá muộn màng.

Trận quyết chiến chiến lược mùa Xuân 1975 đánh dấu bước phát triển mới hết sức rực rỡ của nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong điều kiện hiện đại, đặc biệt là nghệ thuật điều hành chiến tranh ở giai đoạn kết thúc, nghệ thuật tổ chức và chỉ đạo thực hành những trận then chốt quyết định, đưa kháng chiến đến toàn thắng.

Trong những nhân tố chủ quan đưa đến thắng lợi, phải kể đến các cơ quan quân sự chiến lược của Tổng hành dinh. Suốt 56 ngày đêm, từ thủ trưởng đến cán bộ, nhân viên, mọi người làm việc không tiếc sức mình, phục vụ Bộ thống soái tối cao lãnh đạo, chỉ đạo các chiến trường và hậu phương chiến đấu và chiến thắng.

Thắng lợi của chiến tranh là kết quả của sự hy sinh, nỗ lực to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu trí, đấu lực quyết liệt, lâu dài giữa ta và địch, của sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chỉ huy ở tầm vĩ mô kết hợp với hoạt động chiến đấu và đấu tranh cụ thể của từng chiến trường, từng đơn vị, không phải chỉ riêng một chiến trường nào, một bộ phận nào, trong đó Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và các cơ quan tham mưu chiến lược giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Mùa Xuân 1975, Bộ thống soái tối cao đã tỏ rõ tài năng mưu lược, hiểu địch, hiểu mình, điều hành

toàn diện cuộc chiến tranh trên phạm vi cả nước, khẩn trương, linh hoạt, thận trọng, chắc thắng, giành toàn thắng trong tình hình quốc tế vô cùng phức tạp giữa những năm 70 của thế kỷ XX. Các chiến dịch đều diễn ra theo một kế hoạch thống nhất của Bộ Tổng tư lệnh, có sự phối hợp với nhau cả về kế hoạch và tình huống chiến dịch, tạo tiền đề cho nhau và cùng tạo ra điều kiện hình thành đòn quyết định chiến lược cuối cùng.

Suy nghĩ về vai trò của cơ quan chiến lược quân sự, tôi xúc động nhớ tới các Anh, những người bạn chiến đấu thân thiết từng làm việc trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, trong Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh suốt những năm dài kháng chiến, đến nay người mất, người còn. Các Anh đã cùng lo cái lo chung của dân, của Đảng, từng vui cái vui hoàn thành nhiệm vụ mà nhân dân và Đảng đã tin cậy giao cho. Mỗi gương mặt là một tình cảm thân thương, một chuỗi dài kỷ niệm đẹp trong cuộc đời chiến đấu vì dân vì nước, mãi mãi in đậm giữa lòng tôi.

Từ khi nước nhà giành được độc lập và thống nhất hoàn toàn, toàn dân ta Nam Bắc sum họp một nhà, luôn nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Trong công cuộc xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa nay đã trở thành nhiệm vụ trung tâm, sau một thời gian mắc sai lầm chủ quan, rập khuôn và duy ý chí, Đảng

ta đã sớm trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn, tìm ra quy luật, đề ra *đường lối đổi mới* đúng đắn và sáng tạo. Đường lối ấy đã cổ vũ mạnh mẽ giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn trên các mặt trận kinh tế, văn hóa và đối ngoại. Đảng ta đã đi đến một kết luận lịch sử: *Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động...* Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng và tiếp tục đi lên trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, dù thắng lợi của đường lối đổi mới to lớn như thế nào, chúng ta cũng đừng cảm nhìn vào sự thật, không chút phạm sai lầm “kiêu ngạo cộng sản”. Phải nói rằng hiện nay nước ta đang còn là *một trong những nước nghèo trên thế giới*, cơ cấu kinh tế phần lớn còn là nông nghiệp, *năng suất lao động* thấp kém hàng trăm lần, *trình độ công nghệ* lạc hậu hàng thế kỷ so với các nước phát triển. Như vậy, để thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, mâu thuẫn chủ yếu nhất trong hình thái kinh tế - xã hội nước ta chính là mâu thuẫn giữa yêu cầu rất cao của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, giữa yêu cầu cải thiện không ngừng đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân với tình trạng nghèo nàn và lạc hậu hiện đang được khắc phục từng bước; đó là chưa nói đến những sự

suy thoái về đạo đức và sự nảy sinh những tệ nạn xã hội mà cơ chế thị trường mang lại.

Trong lúc đó thì cục diện thế giới đang có những biến đổi to lớn. Một số nước phát triển đang đi vào một thời đại kinh tế - xã hội mới - thời đại kinh tế tri thức của nền văn minh trí tuệ. Ở đó, dịch vụ và trí tuệ đã trở nên lực lượng sản xuất hàng đầu. Trên cơ sở ấy, một trật tự thế giới mới đã xuất hiện với xu thế toàn cầu hóa, lôi cuốn cả hành tinh vào một cơn lốc lớn do Mỹ, một số ít siêu cường và các tập đoàn siêu quốc gia chi phối. Đi đôi với nguyện vọng hòa hoãn và hòa bình của phần lớn loài người tiến bộ, thì các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc tôn giáo vẫn tiếp diễn với cuộc chạy đua vũ trang chưa từng có về vũ khí công nghệ cao.

Rõ ràng, khi bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ thứ III, Đảng ta, giai cấp công nhân và toàn dân ta đang đứng trước những vận hội lớn, đồng thời phải đối mặt với những thách thức mới chưa từng có. Cũng như trước đây trong những bước ngoặt lớn của đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng ta đã xuất phát từ thực tiễn và đề ra những quyết sách đột phá phù hợp với quy luật vận động của chiến tranh cách mạng, ngày nay, Đảng đã có những quyết sách chiến lược “đổi mới” và sáng tạo.

Đó là quyết sách *ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất*, bởi vì như Mác đã khẳng định “lực lượng sản xuất là tiền đề của mọi tiền đề” của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đương nhiên với quan hệ sản xuất thích hợp.

Đó là quyết sách coi *giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ* là quốc sách số một, bởi vì khoa học và trí tuệ đã trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu, công nghệ tiên tiến là nội dung và động lực của công cuộc hiện đại hóa.

Đó là *phát huy đến đỉnh cao nội lực của đất nước*, chủ yếu là con người, trên cơ sở đó mà chủ động hội nhập vào khu vực và thế giới: tranh thủ các nguồn vốn, công nghệ và tri thức quản lý của nước ngoài.

Đó là chủ trương *xây dựng và chỉnh đốn Đảng*, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, luôn nắm vững lý luận tiên phong, nâng cao đạo đức cách mạng, diệt trừ các tệ nạn xã hội, xứng đáng là lương tâm, danh dự và trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc, trên cơ sở đó mà chỉnh đốn Nhà nước của dân, vì dân, do dân, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Đó là luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ vững độc lập chủ quyền, coi trọng việc *xây dựng sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân*, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ ở mức cao nhất của các phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Toàn dân ta đoàn kết một lòng, khắc phục mọi tư tưởng chủ quan, bảo thủ, giáo điều máy móc, thực hiện bằng được các quyết sách mà Đảng đề ra.

Dưới ngọn cờ tất thắng của Đảng và của Bác Hồ vĩ đại, với *hoài bão* lớn, kiên định trong mọi tình huống với nghị lực sáng tạo và *trí tuệ* Việt Nam trong thời đại mới, nhân dân ta đoàn kết, đại đoàn kết, sẽ biến những ước

mơ trở thành hiện thực, tiến lên tiếp tục đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giành những thắng lợi mới, phát triển với nhịp độ nhanh và bền vững, sánh vai với các nước trung bình, rồi từng bước với các nước tiên tiến trên thế giới, như trước đây đã từ một nước thuộc địa trở thành một trong những nước đi tiên phong trong trào lưu giải phóng dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông, biển*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1972.
3. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Đường lối quân sự của Đảng*, Viện Khoa học quân sự, Hà Nội, 1974.
4. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.
5. Đại tướng Lê Trọng Tấn: *Trước những ngày lịch sử Xuân 1975*, Tạp chí *Văn nghệ quân đội*, tháng 4/1985.
6. Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1984.
7. Thượng tướng Hoàng Minh Thảo: *Chiến dịch Tây Nguyên đại thắng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977.
8. Thượng tướng Trần Văn Trà: *Cảm nhận về Xuân Mậu Thân 1968*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
9. Thượng tướng Trần Văn Trà: *Kết thúc 30 năm chiến tranh*, tập V.
10. Thượng tướng Nguyễn Hữu An: *Chiến trường mới*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
11. Đồng Sĩ Nguyên: *Đường Hồ Chí Minh, một sáng tạo chiến lược độc đáo của Đảng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.

12. Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp: *Ký ức Tây Nguyên*, báo Quân đội nhân dân từ ngày 8/3/2000 - 16/3/2000.
13. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Nxb. Hà Nội, 1991.
14. Bộ Tổng tham mưu: *Một số tư liệu nhân dịp 10 năm giải phóng miền Nam*, tháng 3/1985.
15. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, (2 tập), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
16. Bộ Quốc phòng - Viện Chiến lược quân sự: *Tìm hiểu học thuyết quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
17. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Trận quyết chiến lịch sử Xuân 1975*, 1990.
18. Bộ Tổng tham mưu - Ban Tổng kết lịch sử: *Tổng kết công tác Bộ Tổng tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giai đoạn V*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
19. Bộ Tổng tham mưu: *50 năm, một chặng đường*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998.
20. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
21. Học viện Quân sự cao cấp: *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980.
22. Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu): *Biệt động Sài Gòn*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
23. George C. Herring: *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

24. Hoàng Văn Khánh: *Đánh thắng B52*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993.
25. Hứa Mạnh Tài: *Đêm 18 tháng 12 năm ấy*, Báo *Quân đội nhân dân*, số 12791, ngày 23/12/1999.
26. Trần Nhân: *Hà Nội, Điện Biên Phủ trên không*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1992.
27. R.S. Mác Namara: *Nhìn lại quá khứ. Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
28. Philip B. Davignon: *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
29. Peter A. Puler: *Nước Mỹ và Đông Dương - Từ Rudoven đến Níchxơn*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986.
30. Hứa Mạnh Tài: *Thầy Vũ*, Báo *Cựu Chiến binh Thủ đô*, 11/1999.
31. Nguyễn Tiến Hưng và Jérôld L.Schechter: *Từ tòa Bạch ốc đến dinh Độc Lập*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.
32. Alan Dawson: *55 ngày chế độ Sài Gòn sụp đổ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990.
33. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
34. *Lịch sử bộ đội Trường Sơn trên đường Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.
35. *Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985.
36. *Lịch sử Quân khu V*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
37. Báo *Nhân dân*, quý I, quý II năm 1975. Lưu tại Thư viện quân đội.

38. Báo *Quân đội nhân dân*, quý I, quý II năm 1975. Lưu tại Thư viện quân đội.
39. Các sổ tay công tác của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, từ năm 1973 đến tháng 5/1975.
 - Và các tư liệu khác.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- <i>Lời nói đầu</i>	9
<i>Chương I:</i> Trận “Điện Biên Phủ trên không”	11
<i>Chương II:</i> Hội nghị lịch sử	39
<i>Chương III:</i> Kế hoạch cơ bản và kế hoạch thời cơ	89
<i>Chương IV:</i> Hạ quyết tâm chiến lược	141
<i>Chương V:</i> Đòn điểm huyết	175
<i>Chương VI:</i> Chuyển cuộc tiến công thành tổng tiến công	213
<i>Chương VII:</i> Trận Sài Gòn bắt đầu	255
<i>Chương VIII:</i> Giải phóng Trường Sa	289
<i>Chương IX:</i> Chiến dịch Hồ Chí Minh	299
<i>Chương X:</i> Đồi dòng suy ngẫm	343
- <i>Tài liệu tham khảo</i>	363

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BẾ

Biên tập nội dung: TS. HOÀNG MINH THƯỜNG
NGUYỄN THỊ MINH HƯỜNG
PHẠM THỊ NGỌC AN
TRẦN PHAN BÍCH LIÊU
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO
Biên tập kỹ thuật: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: MINH HƯỜNG - NGỌC AN
VIỆT HÀ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 8/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 090.49221, Fax: 090.49222, Email: suthat@nxbclog.vn, Website: www.nxbctlog.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**VÕ NGUYỄN GIÁP
DANH TƯỚNG THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH**



DIỄN BIÊN PHÚC



NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ



Cloth: 96.000đ